

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 1

2 * CUNG TRÀM TƯỜNG

**MỘT
HÀNH TRÌNH
THƠ
1948 - 2018**

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 3

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ

1948 - 2018

• CUNG TRÂM TƯỜNG

TIẾNG QUÊ HƯƠNG

xuất bản

Mẫu bìa và trình bày : TÙ PHONG

*

In lần thứ nhất tại Virginia 2012

Tái bản 2019

Tác giả giữ bản quyền

4 * CUNG TRÂM TƯỜNG

CUNG
TRẦM
TUỞNG

MỘT HÀNH TRÌNH

THEO

1948 - 2018



VIRGINIA 2019

6 * CUNG TRÀM TƯỜNG



Vài Nét Về CUNG TRÂM TƯỜNG

- Tên khai sinh : Cung Thức Cần
- Ngày sinh : 28-02-1932
- Nơi sinh : Hà Nội
- Nguyên quán: Làng Kim Lũ, Thanh Trì, Hà Đông.
- Du học tại Pháp và Hoa Kỳ. Tốt nghiệp kỹ sư trường Võ Bị Không Quân Pháp, Cao Học Khí Tượng tại Saint Louis University, Hoa Kỳ và Quản Trị An Ninh Quốc Gia Và Tài Nguyên Quốc Phòng Hoa Kỳ — hậu đại học.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 7

- Phục vụ trong Quân Chung Không Quân VNCH.
- Đi tù cộng sản (1975-1985) và bị quản chế ba năm (1985-1988).
- Định cư tại Hoa Kỳ cùng với gia đình kể từ 1993.

HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA

— Hợp tác với các tạp chí Phổ Thông (Đại Học Luật Khoa), Sáng Tạo, Nghệ Thuật, Văn, Khởi Hành, Thời Tập, Đất Đứng (tuyển tập), The American Dialogue, The Journal of Asian American Renaissance, Frogtown Times ...

— Hội viên liên kết của Văn Bút Pháp; thành viên phái đoàn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại dự Đại Hội Văn Bút Quốc Tế tại Prague, Tiệp Khắc, năm 1993.

— Phát biểu về văn hoá, văn học và thơ tại các buổi sinh hoạt cộng đồng Việt Nam ở Chicago, Oklahoma City, Houston, Saint Louis, San Jose, Washington D.C., và trên các đài phát thanh VOA (Mỹ), RFI (Pháp) và các đài phát thanh Việt Nam hải ngoại như Quê Hương, Việt Nam Tự Do, VOV Houston, Little Sài Gòn Radio ở Houston, San Jose và Orange County.

— Đọc thơ tại Berlin, Paris, Prague, Saint Louis, Chicago, San Jose và Saint Paul.

ĐÃ XUẤT BẢN

- *Tình Ca* — thơ.
- *Lục Bát Cung Trầm Tưởng* — Con Đuông.
- *Thám Hiểm Không Gian* — dịch, Dziên Hồng.
- *Lời Viết Hai Tay* — thơ 1993, tái bản 1999.
- *Bài Ca Niu Quan Tài* — thơ 2001.
- *Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Phiếm Định* — thơ 2002.



LỜI TRI ÂN

Tác giả xin tỏ lòng biết ơn sâu xa đối với các bạn Uyên Thao, Trần Phong Vũ, Tâm Vô Lệ, Lâm Nga Hoàng, Phan Bắc Hà và Trương Lê Lan đã dành nhiều công sức và thời gian để chăm lo việc đánh máy vi tính, trình bày mỹ thuật và xuất bản cho tác phẩm này được đến với người đọc ở dạng hoàn chỉnh nhất.

Sự ra đời “mẹ tròn con vuông” của nó là nhờ công đóng góp thật chu đáo và chí tình của các bạn.

Tác giả cũng xin gửi lời cảm tạ đặc biệt đến nhà văn cố tri Võ Ý đã luôn ở bên cạnh tác giả từ lúc dự định xuất bản tác phẩm này mới manh nha cho đến lúc nó được hoàn tất mỹ mãn. Sự chăm chú mặn mà của cố tri là một nguồn khích lệ tuyệt vời khiến tác giả thấy có cảm hứng và lý do để tiếp tục hành trình thơ của mình, biết rằng ở cuối nó có một tâm hồn đồng điệu đang mở rộng vòng tay ân cần chờ đón.

Tác giả trân quý và ghi tâm sự hỗ trợ tinh thần và những góp ý tích cực của các văn, thi, thân hữu khi nghe tác giả bày tỏ ý định tập hợp toàn bộ sáng tác của mình thành một hành trình thơ như một tặng phẩm cuối đời gửi biểu những ai nặng tình với thi ca.

Việc quý bạn tự nguyện, sốt sắng và kiên trì sưu tập hộ cho tác giả một số bài thơ cũ của tác giả đã làm cho hành trình này được trọn vẹn hơn.

● CTT.

10 * CUNG TRÂM TỬ

CUNG TRẦM TƯỢNG
MỘT HÀNH TRÌNH THƠ
1948 – 2018

gồm 7 thi tập :

- 01 - SÓNG ĐẦU DÒNG - TÌNH CA và QUÁ ĐỘ
- 02 - LỜI VIẾT HAI TAY
- 03 - BÀI CA NÚI QUAN TÀI
- 04 - NHỮNG DẤU CHÂN NGANG
TRÊN MỘT TRIỀN PHIẾM ĐỊNH
- 05 - THI BÁ - CON TẮC KÈ và BÀ GOÁ PHỤ
- 06 - MỖI DẶM ĐƯỜNG MỘT NGHÌN VẦN THƠ
- 07 - SÁNG KÝ VỀ NGƯỜI TÌNH ĐẦU
– PHỤ LỤC

12 * CUNG TRÂM TỬ ĐÔNG

MỤC LỤC



TẬP MỘT

SÓNG ĐẦU DÒNG TÌNH CA - VÀ QUÁ ĐỘ

● Cung Trầm Tưởng :

Lời Tựa : *Cái Vốn Phải Là Như Thế*
hay *Một Bản Thể Luận Bồng Bềnh về Thơ*..... 25

* SÓNG ĐẦU DÒNG

- Lục Bát Thượng Du
 hay *Kỷ Hà Học Sáu Tám*..... 57
- Nguồn cơn..... 58
- Huỳnh Hoa Em Vàng Rực..... 59
- Trương Phấn..... 61
- Thai Nghén..... 63
- Đêm Thánh Tâm..... 65
- Theo Nhịp Đường Về..... 67

* TÌNH CA

- Michèle Bài Ru Nghìn Lạnh..... 71
- Mùa Thu Paris..... 73

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 13

| | |
|----------------------------------|----|
| – Chưa Bao Giờ Buồn Thế | 75 |
| – Khoác Kín | 77 |
| – Về Đây | 78 |
| – Kiếp Sau | 79 |
| – Kiếp Sau Nữa..... | 80 |
| – Về Một Thành Phố Thân Yêu..... | 81 |
| – Không Tuổi | 83 |
| – Ngôi Nhất | 84 |
| – Lấn Thân..... | 85 |
| – Râu Xanh | 86 |

*** VÀ QUÁ ĐỘ**

| | |
|---|-----|
| – Những Mái Nhà Những Vì Sao | 87 |
| – Một Chuyến Hải Hành | 89 |
| – Nắm Xanh | 92 |
| – Lộc Non | 93 |
| – Qua Biển | 94 |
| – Một Gam Chiều Hời | 95 |
| – Đêm Nằm Nghe Mưa Mái Phố..... | 96 |
| – Đất Nghĩa Một Chiều Mưa..... | 97 |
| – Đêm Sinh Nhật | 98 |
| – Tuổi Thượng Đài | 99 |
| – Đêm Dài Trên Sông..... | 100 |
| – Cổ Tích..... | 101 |
| – Bàn Tay Sáu Ngón | 102 |
| – Mãn Cuộc..... | 104 |
| – For Rent | 106 |
| – Mình Vẫn Là Mình | 107 |
| – Từ Triền Tiệm Cận Cát Bay Lên Đồi | 109 |
| – Việt Nam 1968 | 110 |
| – Tiếng Gọi Đầu Năm..... | 112 |
| – Chúc Thư Của Một Người Lính Vô Danh | 114 |
| – Một Nhà Thờ Kỳ Quặc..... | 118 |

● Thụy Khuê :

| | |
|---|-----|
| <i>Cổ Dao Trong Thơ Cung Trầm Tưởng</i> | 121 |
|---|-----|



TẬP HAI

LỜI VIẾT HAI TAY

● Cung Trầm Tưởng :

| | |
|---|-----|
| Lời Tựa : <i>Ainsi Parlait Le Poète</i> | 129 |
| – Xuân Trên Đồi Bão Cát..... | 137 |
| – Lệ Chuông..... | 138 |
| – Nguyệt Cầu Mùa Thu..... | 140 |
| – Đảo Nửa..... | 142 |
| – Đuốc Hè..... | 144 |
| – Mưa Đá Trên Đồi 300..... | 145 |
| – Nguyệt Thực..... | 146 |
| – Hết Đốc Rồi Lại Đốc..... | 148 |
| – Sao In..... | 150 |
| – Đường Lên Dang Nửa..... | 151 |
| – Đêm Tù Nhớ Đỗ Phủ..... | 152 |
| – Như Cây Lau Cúi Bạc Đầu..... | 154 |
| – Hoang..... | 155 |
| – Vô Định..... | 157 |
| – Lũng Kín..... | 158 |
| – Đèo Này Tuyên Trước..... | 160 |
| – Vạn Vạn Lý..... | 162 |
| – Chờ..... | 165 |
| – Cấp Số Nhân..... | 166 |
| – Kẻ Nội Thù..... | 168 |
| – Tóc Bù Phải Chải..... | 170 |
| – Biểu Tượng..... | 172 |
| – Hương Đó Đầu Xuân..... | 173 |
| – Đáp Số..... | 177 |
| – Nỗi Buồn Này..... | 181 |
| – Một Ngày Của Người Tù Thọ Mộc..... | 182 |
| – Chim <i>hay</i> Bướm Bướm..... | 184 |

| | |
|---|-----|
| – Đường như | 185 |
| – Quá Độ | 186 |
| – Đêm Niệm | 189 |
| – Chim Côn | 191 |
| – Xuân Hứng | 193 |
| – Thiếp Mời | 194 |
| – Điểm Tâm Xuân Hoàng Liên Sơn | 195 |
| – Đường Lên Xứ Lào | 197 |
| – Tặng Phẩm Mùa Xuân | 198 |
| – Khôn Xiết | 200 |
| – Bóng Mẹ Chiều Thu | 203 |
| – Kỳ Cùng | 205 |
| – Vô Vàn | 208 |
| – Mùa Chay | 210 |
| – Đường Vào Thiên Thu | 211 |
| – Tiếng Chim | 213 |
| – Giác Ngủ Ngài Ngự | 218 |
| – Chuyện Mán Chuyện Tày | 221 |
| – Kỳ Cục | 223 |
| – Một Bầy Thú Kỳ Dị | 227 |
| – Tội Này Tội Đến Nghìn Đời Không Quên | 230 |
| – 19/5 | 235 |
| – Thơ Thiếc | 237 |
| – Bài Thơ Cúng Cá | 238 |
| – Hồ Địa Phủ | 240 |
| – Dưới Lưới Bào Trường | 243 |
| – Lời Viết Hai Tay | 245 |
| – Vụ Gặt Mười Năm | 248 |
| – Sài Gòn Ngày Giỗ Thứ Mười Hai | 254 |
| – Có Vắng Ta Đi | 256 |
| – Nghìn Năm Mây Trắng | 261 |
| ● Viên Linh : | |
| <i>Lục Kinh Bát Quái</i> | 268 |
| ● Võ Ý : | |
| <i>Đôi Dòng Cảm Nghĩ Về Thơ Cung Trầm Tường</i> | 275 |

● Nguyễn Ngọc Diễm :
Phát biểu về Lời Viết Hai Tay
và Bài Ca Núi Quan Tài..... 279



TẬP BA

BÀI CA NÚI QUAN TÀI

● Cung Trầm Tưởng :
Lời Tựa : Tiếng Khóc Việt Nam..... 285

| | |
|-----------|-----|
| - 01..... | 293 |
| - 02..... | 294 |
| - 03..... | 296 |
| - 04..... | 300 |
| - 05..... | 302 |
| - 06..... | 306 |
| - 07..... | 309 |
| - 08..... | 311 |
| - 09..... | 313 |
| - 10..... | 317 |
| - 11..... | 320 |
| - 12..... | 323 |
| - 13..... | 326 |
| - 14..... | 329 |
| - 15..... | 334 |
| - 16..... | 337 |
| - 17..... | 341 |
| - 18..... | 341 |
| - 19..... | 343 |

● Lê Hữu Cương:
Tự Do Tư Tưởng, Nơi Trú Đâu
của Ngôn Ngữ Văn Chương..... 345

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 17



TẬP BỐN

NHỮNG DẤU CHÂN NGANG TRÊN MỘT TRIỀN PHIÊM ĐỊNH

● Nguyễn Thanh Nhã :

Lời Tựa : Ngữ giới Cung Trầm Tường.....355

* NHỮNG DẤU CHÂN NGANG TRÊN MỘT TRIỀN TƯ LỰ

| | |
|---|-----|
| – Thầm Lặng | 363 |
| – Những dấu chân ngang trên một triền tinh lự | 365 |
| – Nghịch | 366 |
| – Đâu Tá | 367 |
| – Âm Bản | 368 |
| – Khoảng Cách | 369 |
| – Nhị Trùng | 370 |
| – Một Người, Bầu Trời, Chiếc Lá và Dòng Sông | 371 |
| – Đêm Mùi Cỏ Dao | 373 |
| – Áo Đắng | 375 |
| – Đường Vào Trong Veo | 377 |
| – Cuối Đường Gió | 379 |
| – Đáp Lời Biển Gọi | 380 |
| – Xuân Hành | 382 |
| – Ta Về Không Tắm Áo Ta | 384 |
| – Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Tử Ngoại | 386 |
| – Chuyến Chốt | 388 |
| – Lác Đác Những Giọt Sương Đêm | 390 |

*** NHỮNG DẤU CHÂN NGANG
TRÊN MỘT TRIỀN ÁI DẤU**

| | |
|---|-----|
| – Ad Libitum | 397 |
| – Một Địa Lý Cho Tình Yêu..... | 399 |
| – Dzoan Ca Hay Mắt Hát | 401 |
| – Chủ Nhật Niềm Tin Màu Huệ Trắng..... | 402 |
| – Địa Đàng Cần Lại Hai Người Yêu..... | 403 |
| – Giao Khúc..... | 404 |
| – Đan Thơ Về Một Ngã Sáu Và Lúa Đồi | 405 |
| – Tiếng Tàu Hạ Non..... | 406 |
| – Tiếng Đàn Sau Sớm Vĩnh Ly | 407 |
| – Chiều Biệt Ly <i>hay Bài Thơ Làm Chậm 34 Năm</i> | 408 |
| – Núi Nhớ..... | 409 |
| – I Love You Diane | 410 |
| – Goá Phòng..... | 412 |
| – Lửa Chiều Đông..... | 413 |
| – Phồn Thực Ca..... | 414 |
| – Âm Trường..... | 417 |
| – Khúc Chu Lan | 419 |
| – Vật Tổ..... | 420 |
| – Lễ Chiều..... | 421 |
| – Xuân Oi Muồn..... | 422 |
| – Bão Trắng..... | 424 |
| – Lễ Đen..... | 426 |
| – Tình Hải..... | 427 |
| – Tình Đắm..... | 428 |
| – Tình Vẫn..... | 429 |
| – Tình Điều..... | 431 |
| – Huyền Thoại Trung Du | 433 |
| – Mặt Trời Thụy Điển..... | 434 |
| – Gã Đi Săn Và Con Hươu Gấm..... | 436 |
| – Tứ Tấu Đầu Mùa Mưa | 438 |
| – Núi Và Suối Một Huyền Sử..... | 439 |
| – Những Dấu Chân Liz Trên Một Triều Kính Vạn Hoa..... | 444 |

| | |
|---------------------------------------|-----|
| – Nhã Tụng Cho Một Thân Xác Vui | 454 |
| – Một Luân Vũ Lung Linh | 459 |

*** NHỮNG DẤU CHÂN NGANG
TRÊN MỘT TRIỀN NGŨ SỰ**

| | |
|--|-----|
| – Ngôn Ngữ Đôi | 461 |
| – Tiếng Gọi | 463 |
| – Lời Sông Trong Thấu Đáo Một Bờ Thơ | 464 |
| – Tận Cùng Tận | 466 |
| – Tận Cùng Mán | 468 |
| – Tận Cùng Phong Du Thổ Chu | 471 |
| – Miệt Trong | 473 |
| – Phúc Âm Đêm | 474 |
| – Ngữ Yểm | 475 |
| – Chuyện Với Tắc Kè Và Hoa Dâm Bụt | 476 |
| – Bài Học Phát Âm Võ Lòng | 477 |
| – Ngẫu Hứng Hồ Sao | 478 |

*** NHỮNG DẤU CHÂN NGANG
TRÊN MỘT TRIỀN MỘNG THỨC**

| | |
|----------------------------------|-----|
| – Trên Một Triều Tĩnh Động | 479 |
| – Limbô | 480 |
| – Mal Man | 482 |
| – Contretemps | 483 |
| – Minnesota Mùa Băng Tan | 484 |
| – Một Thoáng Hè Thổ Chu | 485 |
| – Thu Rợ | 486 |
| – Bộ Tam | 487 |

● **Trần Văn Nam :**

| | |
|---|-----|
| <i>Tìm Lại Tâm Thức Đón Nhận Thơ Du Học Trở Về và Thơ Lục Bát Mới của Cung Trầm Tưởng</i> | 488 |
|---|-----|

● **Giang Hữu Tuyên :**

| | |
|--------------------------------|-----|
| <i>Giữa Trước Và Sau</i> | 495 |
|--------------------------------|-----|



TẬP NĂM

THI BÁ, CON TẮC KÈ và BÀ GOÁ PHỤ

| | |
|--|-----|
| – Đêm Sương Sứa ấy Tanh Tào Có Một Thiên Thân Nào Gãy Cánh..... | 505 |
| – Buổi Lên Đường Chân Đà Lạc Lối..... | 509 |
| – Đêm Trăng ấy Biển Màu Huyết Dụ..... | 512 |
| – Thi Bá Bỏ ản..... | 514 |
| – Thi Bá Và Con Tắc Kè..... | 519 |
| – Ngày Đến Nam Đô Cờ Ói Máu..... | 525 |
| – Thi Bá, Con Tắc Kè và Bà Goá Phụ..... | 530 |
| – Bản Chiêu Hồn Tử Chình Nhân..... | 539 |

● **Cung Trầm Tường :**

| | |
|---|-----|
| <i>Trả Lời Phỏng Vấn của Viethome</i> | 543 |
|---|-----|



TẬP SÁU

MỖI DẶM ĐƯỜNG MỘT NGHÌN VẦN CHO THƠ

| | |
|------------|-----|
| – 01 | 567 |
| – 02 | 570 |
| – 03 | 572 |
| – 04 | 575 |
| – 05 | 578 |
| – 06 | 580 |
| – 07 | 583 |

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 21



TẬP BẢY

SÁNG KÝ VỀ NGƯỜI TÌNH ĐẦU

| | |
|--------------------------|-----|
| – Xuất Bút..... | 587 |
| – Viên Tâm Ca..... | 592 |
| – Đăng Trình Ca..... | 598 |
| – Khải Thần Khúc..... | 601 |
| – Ngôi Lời Nhập Thể..... | 604 |
| – Khải Mộ Khúc..... | 608 |
| – Khải Dạ Khúc..... | 613 |
| – Khải Huyền Ca..... | 618 |
| – Kết Từ..... | 621 |

● **Cung Trầm Tưởng :**

| | |
|--|-----|
| <i>Vì Sao Nhiều Người Việt Lưu Vong Thường Hay Làm Thơ ?</i> | 623 |
|--|-----|

● **Cung Trầm Tưởng :**

| | |
|---------------------------|-----|
| <i>Thay Lời Bạt</i> | 631 |
|---------------------------|-----|



PHỤ LỤC

| | |
|-------------------------------|-----|
| – Cho Một Hồn Không Tuổi..... | 635 |
| – Đóa Quỳnh Cường Thi..... | 637 |
| – Hội Chứng Tiên Đồn..... | 639 |
| * <i>Căn do</i> | |
| * <i>Di chứng</i> | |

- Một Đóa Hồng Huyền Diệu
 Gửi Người Tình Nghìn Thuở..... 641
- Một Tiếng Hát Ưu Lương 643
- * *Sự chào đời một thế ngữ tình anh.*
 - * *Một độc thoại huyền ngôn.*
 - * *Một tiếng hát ưu lương.*
 - * *Kết Tì.*

● Hoàng Yên Lưu :

Cung Trầm Tưởng, Một Hành Trình Thơ.....649

* PHỤ BẢN :

Tranh *THÁI TUẤN – NGỌC DŨNG*
DUY THANH – NGUYỄN TRUNG – VỊ Ý
CHOÉ – NGÔ VƯƠNG TOẠI
(Sưu tập của Lê Thiệp)



24 * CUNG TRÂM TỬ ĐÔNG

LỜI TỰA

CÁI VỐN PHẢI LÀ NHƯ THỂ

hay

MỘT BẢN THẺ LUẬN BỔNG BỆNH VỀ THƠ

● CUNG TRÂM TƯỚNG

— *Tặng các thi nhân
và những người đọc yêu thơ*

Sóng *Đầu Dòng, Tình Ca* và *Quá Độ* là một bộ ba ghi những dấu chân lên đường còn giữ được của một hành trình thơ mà mục đích tiên khởi là chỉ để tiêu dao, cảm cảnh và tỏ tình bông lông.

Nhưng nay, sáu mươi năm sau, khi cuộc chơi sắp tàn, ngoảnh lại và giật mình thấy hành trình này lại là một dàn trải tiền định có lớp lang của một xâu chuỗi những liên lụy hệ trọng và phức tạp hơn thế nhiều. Nói rõ hơn, đây là một tập hợp ngôn ngữ có tính thống nhất cao chứ không phải là một lắp ráp của những con chữ ô hợp hay lạ giống với nhau.

Trong dòng chảy miên viễn của thời gian, một hướng đi và một đích tới đã “vô tình” được vạch sẵn và làm nên một bản sắc. Nói vô tình vì ta với tư cách một *vật tự thân*

bị cuốn chặt vào dòng chảy của sinh tồn nên không có một khoảng cách cần để tự nhìn ra ta và phản tỉnh; còn ý niệm đích giả định trước một lựa chọn tự do nào đó, ở đây là sự tự rút ra khỏi vật tự thân và dòng chảy của sinh tồn của cái gọi là **vật cho thân**, trước để nhận dạng chúng, sau để tìm cách tác động lên chúng nhằm thay đổi chúng theo chiều hướng thuận thẳng cho bản thân ta.

Như vậy, về mặt biện chứng — từ này được hiểu theo một nghĩa nhẹ nhàng chứ không quyết liệt như định nghĩa mác xít của nó — **làm thơ với tính cách một hành động sáng tạo là làm với đi sứ ỉ của vật tự thân, ở đây là quán tính và kế thừa lịch sử, để tạo dựng cái cho thân như một thể đứng riêng biệt và một ý thức mới ngang tầm với yêu cầu của thời đại**. Ví dụ lục bát sau 1954 là một cố gắng vượt khỏi vòng kiểm toả của hai khuôn vàng thước ngọc là lục bát tiền chiến và lục bát cổ điển để tạo dựng một **lục bát khác nhưng không phải là khác lục bát**. Thật ra, nó chỉ muốn cách tân một truyền thống chứ không nhằm san bằng quá khứ. Lựa chọn tinh tế này phù hợp với đức tính cân đối, hài hoà tự thân của thể lục bát; và lịch sử văn học chỉ cho thấy mọi manh nha cách mạng đều chết yểu và bị coi là lạ giống với văn học.

Dưới thôi thúc của một ám ảnh siêu hình mông lung, nhận định về tính liên lụy trước sau của một hành trình thơ tự động dẫn đến hai câu hỏi cơ bản: vậy định mệnh là gì và ý chí con người có khả năng thay đổi được nó không?

Nhìn từ phía thể tục, định mệnh là một thứ sơ đồ của những tiềm năng và khả hữu mà sự thực hiện tùy thuộc vào những điều kiện khách quan và chủ quan như hoàn cảnh lịch sử, toạ độ và khí hậu của môi trường sống cụ thể, và vào chính **sự tự do lựa chọn trong bối cảnh ấy của chủ thể hành động**. Vì liên hệ trực tiếp đến sinh mệnh ta, tự do lựa chọn này không thể không gây cho ta một cảm giác âu

lo khi tự ta đi hình thành sinh lộ của chính ta.

Cảm giác âu lo là tất yếu vì luôn luôn có một tỷ lệ bất trắc trong lòng định mệnh. Mà có bất trắc là có may rủi, tức hy vọng nếu không “*nhân định thắng thiên*” thì ít nhất cũng có khả năng xoay chuyển được một phần nào hướng an bài của định mệnh. Nếu làm được vậy, theo quan điểm của trường phái tối thiểu, thường chỉ thấy nửa trên của ly rượu đầy một nửa và không mấy tin vào khả năng ứng phó trước những vấn nạn siêu hình của con người, thì cũng là vẻ vang lắm rồi.

Ta có thể có hơn một lựa chọn để sống. Nhưng những lựa chọn khác nhau này nếu xảy ra sẽ nằm chung trong khung cảnh của một định mệnh thống soái ở những nét đại cương, như nền đá hoa cương bảo đảm tính thống nhất của những nét chạm khác nhau của một bức phù điêu.

Ví dụ định mệnh muốn tôi phải là người thơ, nhưng vì một lý do nào đó, chẳng hạn như tôi biết làm thơ sẽ không nuôi sống được tôi, nên tôi phải xoay sang viết văn để mưu sinh. Nhà văn vì hoàn cảnh này của tôi không phải là một tự thân nhà văn mà là một biến tướng của người thơ đáng lẽ tôi đã phải là.

Vì vậy văn tôi viết ra thế nào cũng ít nhiều mang hơi hướm thơ, như Mai Thảo là một điển hình đậm nét. Cơ bản, tôi là một *thi sĩ hụt – poète manqué – viết văn hơn là một nhà văn tinh ròn viết văn*. Văn của tôi thực sự chỉ là một sản phẩm khiên cưỡng, nặn lằm, sự thoái hoá — ngôn ngữ — của tình cảm hối tiếc khôn nguôi là, tôi đã không được sống trọn vẹn cái thiên chức thơ của tôi. Vì vậy nếu có điều kiện, tôi sẽ không ngần ngại bỏ viết văn để về làm thơ, như một số nhà văn miền cưỡng đã làm lúc về già khi tâm hồn họ không còn phải bận bịu với miếng cơm manh áo nữa.

Duy tâm mà xét, tuổi càng cao càng cảm thấy rõ hơn mỗi bài thơ tinh ròn — thơ của thơ — là sự sinh sau đẻ

muộn của một tiền kiếp chưa tên, đa đoan với lịch sử, rồi đau đớn lâm bồn trong âm u lâm râm của vô thức. Từ hút thẳm của một khuyết sử cam nhoà và nhức nhối cô đơn, thơ chồi lên trong lao xao ánh sáng văn minh và làm nên một thể ngữ ưu việt.

Là một hoá kiếp của uyên ngữ vô thanh, thơ hàn gắn vết thương toang hoác của con vượn mẹ thái cổ, thăng hoa tiếng kêu sinh lý và trấn an cuồng âm nhân loại. Thơ phối điệu tâm hồn trong khi nhạc, hoá thân muôn điệu của nó, hoà âm vũ trụ. Với Carl Sandburg: *“Thơ như một hồi vang mời một bóng hình nhẩy múa với – Poetry is like an echo asking a shadow to dance.”*

Bài thơ từ lúc đến tay người đọc bắt đầu một định mệnh mới : ***nó sống đời sống một tặng phẩm***. Sự chuyển nhượng chủ quyền diễn ra êm ái, thanh tao, thầm kín và vị kỷ. Từ là vật sở hữu của người thơ gửi tặng ta là người đọc, bài thơ dần dà chiếm ngự hồn ta, ở lại với ta, rồi thuộc về ta và hoá thành một châu báu trang điểm hồn ta. Sự đổi ngôi này là một động tác đồng hoá nhuần nhuyễn và mâu nhiệm bởi vì đức tính tự thân của thơ nói riêng, và của nghệ thuật nói chung, là hoá giải sự mâu thuẫn giữa cái chung và cái riêng, phối kết chúng thành một cộng sinh hài hoà và giàu hương sắc. Nói cách khác, vẻ đẹp nghệ thuật giải trừ sự xung đột ý hệ, nó cứu rỗi loài người. Trong thế chiến thứ hai, viên tư lệnh Đức Quốc Xã tại Paris đã từ chối thi hành lệnh phá hủy những công trình kiến trúc vô giá nơi đây của cấp trên trước khi rút quân dưới quyền mình.

Có một quá trình sinh học biến lượng thành phẩm tương tự trong thơ. Hiểu như một bài thơ bất tử là một *thế mẫu – mère porteuse* đẻ hộ đứa con bất tử của ta. Có nó và qua nó như một hoá thành thánh tích của tâm huyết người thơ, ta thoả nguyện được giấc mơ bất tử của ta vốn là một động vật muôn làm một thần linh. Điều này xét theo lý trí

không chỉ viên vông mà còn phi lý. Nhưng nghĩ cho cùng, ***người là gì nếu không phải là một con vật phi lý biết mình phi lý.***

Vì vậy rất là người và toát ngời sự sống người cái phi lý của giấc mơ bất tử của mỗi ta. Loại trừ giấc mơ này là cửa cụt chính sự sống, phẫu giảm ta thành một nửa người. Mà, như lịch sử nhân loại chỉ cho thấy, một nửa người cũng không hơn gì quỷ. Nếu hiểu được vậy thì sẽ thấy sự cần thiết của thơ, và các hình thái nghệ thuật khác, trong việc tạo dựng cho mình, tức cái cho thân, một đời sống tinh thần viên mãn. Một người vô thần triệt để như Sartre cũng phải nhìn nhận: *“Giấc mơ bất tử là một ảo tưởng, nhưng vắng nó đời ta trở thành vô ý nghĩa.”*

Sở dĩ nghệ thuật thể hiện được giấc mơ bất tử của ta là vì nó biết níu giữ và kết tủa dòng sống không ngừng chảy thành một ở lại vĩnh viễn, tĩnh động giao thoa, quyện âm hơi đời và hệ trọng cái hệ trọng của *“đá vẫn tro gan cùng tuế nguyệt/ nước còn cau mặt với tang thương”* của Bà Huyện Thanh Quan. Người mẫu Mona Lisa đã ra đi cách đây năm thế kỷ. Nhưng khi được cây cọ phù phép của Leonardo da Vinci hoá thân thành *La Joconde*, nàng trở nên bất hủ, tức không cũ, không phai tàn, với ánh mắt và nụ cười nhân hậu soi vang đến thiên thu. Nói chung, chức năng cơ bản của nghệ thuật là tạo dựng một ***mỹ học mang dáng người cho lẽ biến thiên muôn vẻ của cõi miên viễn vô thường.*** Mỹ học như vậy cũng là siêu hình học. Một tuyệt tác phẩm vì vậy dù vô thần cũng hoá thiêng, hiểu như thẳng được cái chết thể lý và hư vô.

William Faulkner cũng có một nhận định tương tự về vai trò của nghệ thuật: *“The aim of every artist is to arrest motion, which is life, by artificial means and hold it fixed, so that a hundred years later, when a stranger looks at it, it moves again since it is life — Mục đích của mỗi nghệ sĩ là*

làm ngừng lại sự chuyển động, tức sự sống, bằng những phương thuật nhân tạo và giữ nó cố định, để một trăm năm sau, khi một kẻ xa lạ chiêm quan nó, nó sẽ chuyển động trở lại bởi vì nó là sự sống.”

Tuổi già, tuổi của nghỉ ngơi nhàn hạ và suy tư chín chắn. Tuổi của từ chỗ biết mệnh trời ngoảnh lại ôn quá khứ để chiêm nghiệm đời và hướng về tương lai hỏi chết là gì. Chính vì vậy tuổi già là tuổi có nhu cầu trở về với thơ để thăm thú, tiêu dao, đón hưởng hương thơm những đoá hoa tâm tưởng thơ gửi tặng. Qua thơ như một bến nghỉ, ta lấy lại được an nhiên tự tại và những cảm xúc đầu nguồn ta đã đánh mất trong lao xao cuộc sống cơ cầu trước kia. Hơn nữa, qua thơ như một gương chiếu mộng muôn màu, ta còn thấy được bóng dáng giấc mơ bất tử của ta.

Vấn đề bản thể thơ và giấc mơ bất tử ủ trong lòng nó đại để là như trên. Tuy nhiên, nói như vậy vẫn chưa thấu lý — thơ —, bởi vì bản chất vấn đề u minh, khó bắt, yêu cầu hơn một lý giải tinh tế và một ***đôi đũa có tình*** để tự mở ra trong lúc đang tự khép vào; và, làm thơ, cơ bản, là tìm nghe tiếng gọi thầm của một hữu thể xa xăm như tiếng gọi ò trong mang mang sương, *confusément vaste* của một ai đó, của Trần Tế Xương chẳng hạn. Ai đó chính là hữu thể xa xăm ấy, một hữu thể vô hình; ò ấy chính là phận ta đang trôi im trên một dòng sông vô thường, liên miên tĩnh động. Nghe ra hữu thể ấy gọi ta thì nó đến với ta và dẫn ta vào bờ, thứ bên giác ở đó ta hết vong thân. Vậy phải có cái ***giật mình*** — siêu hình — ghê gớm của thi nhân Trần Tế Xương thì mới thấy tiếng ai gọi ò ấy ***chính là tiếng ta gọi ta***.

Đã hơn một trường phái hiện tượng luận dựa vào những khai phá của ngôn ngữ học hiện đại và lấy tính một thể của hiện tượng và bản chất sự vật làm tiền đề để xây dựng một lý giải căn tằm bản thể thơ. Một trường phái khác, trường phái cơ cấu luận, chủ trương gạt bỏ những bối

cảnh xã hội, thời đại và tiêu sử tác giả mà họ coi chỉ là những thông tin ngoại vi, không cần thiết, để tập chú vào văn bản, và tính liên văn bản, của tác phẩm nhằm tìm ra những quy luật chi phối cái cơ cấu nội tại của tác phẩm, xem nó thuộc vào một ngữ hệ chung nào chứ không thẩm định giá trị văn chương của nó, một công việc họ cho là khó đạt tính chính xác của khoa học. Tình hình phê bình văn học hiện đại đại để là như vậy. Riêng bản thân người viết dựa vào kinh nghiệm sáu mươi năm làm thơ của mình, nhận thấy có ***một liên hệ nhân quả giữa những chữ thơ gieo đầu đời và mùa gặt thơ mai sau.***

Gọi liên hệ duy tâm này là *nghiệp*, được hiểu ở đây như một sợi chỉ vô hình xuyên suốt quá trình sáng tác của người thơ, nhằm duy trì tính chất nhất quán của quá trình này hơn là chuyên chờ một thông điệp luân lý kiểu “ác giả ác báo” của chữ nhà Phật. ***Bởi vì chữ thơ tự nó không thiện hay ác mà cơ bản chỉ có chức năng gọi lên sự vật để nó đến với ta như nó là, nguyên vẹn, vô có, vô tình, vô tư và vô nhiễm. Đức tính tự thân của chữ thơ là soi lên cái màu vô nhiễm, tiền ý hệ này của sự vật.***

Nghiệp làm nghĩ đến số vì giữa hai bên có một liên hệ mật thiết. *Nghiệp* là một từ Hán Việt thuộc bộ *mộc*, có nghĩa sự *tự tạo*; còn số là *số mệnh*, với từ Hán Việt mệnh thuộc bộ *khẩu*, có nghĩa *sai khiến*, định trước — như trong khẩu lệnh. *Nghiệp* không phải là một tổng số mà là một ***tổng thể gestalt*** lớn hơn tổng số của những yếu tố cấu thành, hiểu ở đây theo nghĩa là một tổng hợp gắn bó hữu cơ của những hành động cụ thể hoá số vốn là một hiện hữu mơ hồ, khái quát và trừu tượng. Vậy tính băng quơ của câu nói “*tôi có số làm thơ*” chẳng hạn chỉ thực sự chấm dứt khi câu hỏi tiếp theo “*vậy bạn làm thơ như thế nào?*” được trả lời thoả đáng với những dẫn chứng cụ thể từ *nghiệp* ở đây là toàn bộ những tác phẩm của bạn. Nói cách khác, *nghiệp* là

ương bản, còn số là âm bản; nghiệp là số nhận diện cá nhân — *PIN = personal identification number* — giúp giải mã ra số, tức cái mật số ám ta suốt đời.

Những nhận định trên tạo thêm cơ sở cho việc tìm hiểu thơ là gì. Hiện nhiên thơ một phần là một thể loại văn chương có vần điệu và niêm luật, có thể khắt khe hay lỏng lẻo, kể cả cái tưởng như vô luật của thơ tự do; thật ra cái này cũng là một thứ luật cá nhân tự biên, biến đổi theo từng yêu cầu của cảm hứng, nhưng vẫn bị chi phối bởi những quy tắc chung của tu từ học. Nếu không vậy thì không có thơ, hoặc thơ trở thành một thứ văn xuôi dị dạng, ngớ ngẩn. Nhưng bài viết không nhắm bàn sâu về kỹ thuật thơ mà chỉ muốn chú tâm vào việc tìm hiểu bản thể thơ như một phạm trù tinh thần mà người viết muốn xác định tâm vóc, cấu trúc và mật độ.

Thơ lớn khi là sân khấu của cuộc đấu tranh *faustian* giữa người và quỷ và của một đối thoại biện chứng giữa một niềm yêu đời nồng nàn rạng rỡ và nỗi ám ảnh lạnh lẽo âm u của cái chết. Thơ như vậy là một nghịch ngữ — oxymoron — vĩ đại, thậm thía nói lên nỗi trớ trêu thâm trọng của phận người. Chiều sâu của thơ tỷ lệ thuận với khả năng biểu đạt — chủ yếu bằng ẩn dụ — của nó về sự trôi sụt nhiệt độ của cuộc giằng co âm i bên trong giữa *cái đầu tỉnh ngờ và con tim mộng tin*. Với một hồn thơ siêu mẫn cảm, tranh chấp này có thể trở thành một nội phá đâm màu bi kịch như Faust của Goethe. Và đã có hơn một người thơ điên sáng hay quỳên sinh vì không chịu nổi cường độ của bi kịch. Trong trường hợp cực độ này, thơ hoá thành một ám chương u mê hay một khổ nạn.

Với tính cách một công cụ nhạy bén của cảm xúc, thơ tiếc cái đã qua, nuôi cái đang là, đã bắt đầu là quá khứ của một mai sau nhớ nhung. Thơ trần trở một hoài niệm triền miên về những mất mát tất yếu và cơ bản gắn

liền với phận người, như mắt một thiên đàng, sự trong trắng ngây thơ và hương sắc nguyên trinh của những ý tượng có từ buổi sơ ngộ với thế giới sự vật và thuở khai sinh của vũ trụ, thuở con người chưa có tội.

Thời gian thơ, thời gian tĩnh lặng; sự lắng đọng của dòng sử vô thường vào trong những khoảnh khắc lấp lánh, dấu dẫn nhịp — point d'orgue — của một thiên thu trầm tưởng. Thơ như vậy là chùa chiền, nhà thờ, chỗ ở của một **thời gian có tình và thủy chung, thời gian Mnemosyne**, nữ thần của trí nhớ và là mẹ đẻ của nàng Thơ.

Phạm trù thơ gồm hai phần: bản thể và sáng tác; sáng tác được hiểu ở đây là sự thực hiện một dự án mỹ học nhằm khai triển bản thể thơ thành một hữu thể toàn mãn. Và, người viết nhận thấy những luận điểm vừa được trình bày về bản thể thơ đã xây dựng được một số tiền đề cho việc tìm hiểu sáng tác trong thơ là gì.

Hướng tiếp cận vấn đề là đối chiếu động thái sáng tác trong thơ với động thái sáng tác trong văn — xuôi — để qua đó xác định bản chất của động thái trên.

Cổ nhân ta nói : nhà văn viết văn, còn người thơ làm thơ. Cách gọi này hàm ý một khác biệt căn bản giữa hai thể loại văn chương này. Viết văn chủ yếu là một hành ngôn nhằm làm cho người đọc nhận và hiểu trọn vẹn hay tối đa những điều người viết muốn thông báo, dựa trên một thoả ước ngôn ngữ mặc thị, có tính xã hội mà cả hai bên hữu quan đều phải tôn trọng. Hai hệ luận được rút ra từ nhận định này.

Trước hết, muốn được hiểu trọn vẹn, văn viết phải minh thị và chính xác, nghĩa là từ xử dụng phải như một chiếc lồng kính trong suốt qua đó ta có thể nhận được ngay từ nghĩa nằm bên trong – mà chỉ có duy nhất một từ nghĩa thôi. Thứ nữa, nói đến thoả ước là nói đến sự hiện hữu của một quy ước gồm một số điều lệ mà ở đây là những quy tắc

tu từ, ngữ pháp, văn phạm phổ cập người viết phải tuân hành chặt chẽ, như vậy sẽ bị hạn chế rất nhiều về mặt sáng tác văn chương với tính cách một nghệ thuật hư cấu.

Những gò bó trên của xã hội học văn học, tức là mối quan hệ giữa người viết và người đọc, mà người viết phải gánh chịu sẽ được nói lỏng khi ta chuyển từ viết văn sang làm thơ. Làm được hiểu ở đây theo nghĩa tích cực là **thay đổi một nguyên trạng hay tạo ra một cái gì mới**.

Như vậy, đối với một nhà thơ thời đại, làm thơ không chỉ đơn thuần là để làm thơ mà còn để làm nên một trật tự ngôn ngữ mới với một phong cách và những con chữ mới nhằm thay thế một truyền thống mà nhà thơ thấy không còn đáp ứng được yêu cầu của thời đại mới.

Do có mối liên hệ hữu cơ giữa ngôn ngữ và thời đại của nó, việc tìm hiểu diện mạo thời đại mới hiện nay là cần thiết cho việc nhận ra diện mạo của ngôn ngữ hiện đại. Nói một cách tổng quát, chúng ta đang sống trong một thời đại mà diện mạo ở những nét chính đã được làm nên bởi những thành tựu vượt bậc của một cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật chưa từng thấy trong lịch sử. Những bước nhảy vọt đã được thực hiện ở những ngành liên hệ đến đời sống vật chất và tinh thần của con người như hoá sinh học, gien học, vật lý sinh học, vật lý hạt nhân, computer học, tin học, tâm lý học, thần kinh học, môi sinh học, vũ trụ học, và gì nữa. Tất cả cộng hưởng thành một tác lực tổng hợp làm thay đổi mạnh mẽ cả chiều sâu lẫn chiều rộng nhận thức của con người về thế giới sự vật và chính nó.

Sau sự nở rộ tại Âu Châu của chủ nghĩa nhân văn thời Phục Hưng và chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật biện chứng thời Khai Sáng, thế kỷ thứ 18, loài người đang sống trong một kỷ nguyên được mệnh danh là kỷ nguyên của nền **Văn Hoá Thứ Ba** — Brockman — mà một nét đặc trưng nổi bật là sự ngự trị của một chủ nghĩa toàn cầu hoá

đang thu hẹp không gian nhân loại vào trong phạm vi một ngôi làng ở đó người ta sống với nhau trong một liên hệ hàng xóm láng giềng gần gũi, thông qua môi giới của một *không gian sống ảo – cyberspace* và một *thế giới ảo – virtual world*.

Một nét đặc trưng khác của nền Văn Hoá Thứ Ba là sự xuất hiện của hai mẫu người toàn năng: nhà khoa học kiêm tư tưởng và nhà tư tưởng kiêm khoa học. Đây là một liên minh của những bộ óc ưu tú đã làm nên diện mạo của nền Văn Hoá Thứ Ba bằng những sáng tạo tiên phong của họ. Về mặt nghệ thuật — chủ đề của bài viết — với những khám phá tuyệt vời của nó về những bí diệu của thế giới sự vật, khoa học hiện đại đã cung cấp cho người nghệ sĩ và người thơ một kho tàng chất liệu mà nếu được sàng lọc một cách sáng tạo thì sẽ giúp hình thành nên một mỹ học mới phong phú hơn cho nghệ thuật.

Về mặt vĩ mô, qua lăng kính chiếu diệu của quang học hiện đại, người thơ đang được ngắm vẻ đẹp choáng ngợp chưa từng thấy của một vũ trụ đầy bí nhiệm nhưng không thiếu chất thơ. Vì vậy cung cách nhìn lên trời của hần cũng thay đổi. Trước kia Lý Bạch chú tâm vào một vàng trắng gần và hữu hình: “*Cử đầu vọng minh nguyệt / Đề đầu tư cố hương*”; hay Tân Đà ngông, thách đố một hữu thể viết hoa, nam tính, chung chung, không hình, không sắc: “*Bắc thang lên hỏi Ông cầm sỏ*”; bây giờ, dưới tác động của những soi rọi mới nhất của vũ trụ học, có một người thơ bị hút hồn bởi cái hố thăm vu viễn ấy và tự hỏi đây là điểm khởi hay điểm tận, hay diện mạo vô thủy vô chung của hoằng vũ : “*Lỗ đen dấu hỏi bạc đầu / Vì chưa vẽ được cái màu thiên thu.*” Làm thơ trong tình huống này là tạo ra một ngôn ngữ trần an để cố định cơn hỗn mang miên man của Lỗ vào trong khuôn khổ bài thơ như một thế cân bằng không bền để mai sau, khi một người đọc xa lạ ngắm nó, nó sẽ hỗn

mang trở lại bởi vì nó là sự sống vĩnh hằng.

Sự hoảng vĩ của vũ trụ gây ra nơi con người vốn là một hiện hữu nhỏ bé và mong manh một phức cảm tự ti và một nỗi sợ bị đè bẹp. Nỗi sợ này làm nảy sinh ra một ý hướng vươn thướng như là mặt đối lập của nó. Vận động tâm lý đây chuyển tiếp diễn với sự ra đời từ ý hướng vươn thướng của một niềm hy vọng là, ở một tầm cao nào đó, nỗi sợ bị đè xuống sẽ vơi đi, loãng ra và tan biến.

Khi nội dung của nó là một nội dung siêu hình, ý hướng vươn thướng từ là một phản ứng sinh học trở thành một niềm tin siêu hình, hiểu ở đây như một trạng thái giao thoa giữa linh hồn và nhịp đập của vũ trụ. Với một hồn thơ mẫn cảm và có niềm tin siêu hình, làm thơ trong trường hợp này là làm ra một ngôn ngữ kính vạn hoa, chiếu diệu, siêu dẫn, tích vang, qua đó ta nghe ra sự chuyển bậc của tiếng kêu u uất phát ra từ nỗi sợ bị đè — bởi hoảng vĩ — thành một thì thầm lấp lánh thăng siêu, vọng về từ một bí ngạn nào đó, làm ta giật mình, cái giật mình của Trần Tế Xương khi nghe ra tiếng ai gọi đò trong một đêm mang mang sương và *confusément vaste*. Thơ như vậy cũng là một thứ lâm râm thánh vịnh, sự biểu thị âm thanh chung thủy và diễm lệ của Ngôi Lời im ắng bàng bạc muôn khắp: nó là hoá kiếp nào của một uyên ngữ vô thanh.

Ta hãy tiếp tục đi theo các nhà vũ trụ học lổi lạc trong chuyến viễn thám du vào cõi Vĩnh hằng của họ. Một hiện hữu mới đã được xác nhận là, bên cạnh vũ trụ dương còn có **vũ trụ âm** làm nên bởi một chất liệu gọi là **vật chất tối**, chiếm khoảng 80% không gian vũ trụ. Gọi vật chất này tối vì nó không phát ra ánh sáng, nên các phương tiện thám không hiện đại như kính viễn vọng vô tuyến, tia X, hồng ngoại hay cực tím không phát hiện được nó. Nhưng các máy dò đặt trên các trạm không gian đã đo được hiệu ứng của nó và thấy nó có thể nhỏ như một hạt li ti hoặc lớn như

một thiên thể không lồ. Sự kiện này chứng tỏ nó hiện hữu trong vũ trụ.

Mà nếu có vật chất tối thì ắt phải có năng lượng tối. Năng lượng này đã được xác nhận qua kính quang phổ là lực đẩy các thiên thể ngày càng trôi ra xa đối với trái đất; và, qua đó các nhà khoa học đã phát hiện là cả vũ trụ trên đà dãn nở của nó cũng đang ngày càng trôi xa khỏi Điểm Kỳ Di, tức điểm tụ khởi đầu của vật chất và là điểm xuất phát của vụ nổ Big Bang mà âm vang còn xao xuyên nơi tâm tư một người thơ sinh ra 15 tỉ năm sau : “*Ta nghe cầu lửa ban sơ / Nổ nghìn vạn kỷ sau chưa nguội tàn.*”

Điều kỳ diệu có tính phép màu là, nếu không có trọng lực khủng khiếp của khối vật chất tối hãm bớt lại, cả vũ trụ đã trôi phăng vào hư vô, tức sự cáo chung của chính nó; hoặc với sự ra đi không bao giờ trở lại của hằng hà những thiên thể, vũ trụ của chúng ta sẽ trở thành một cõi trống tuyệt đối. Đây là một giả thuyết khoa học nhưng cũng là một vấn nạn tư tưởng, mang dạng một câu hỏi Shakespearean “*To be or not to be, that is the question.*” Phải chăng vũ trụ âm ấy, vật chất tối ấy, năng lượng tối ấy chính là những ***biểu hiện hữu vi của cái Lão Tử cách đây 2500 năm gọi là Vô Vi?*** Một câu hỏi mở nhưng đã có một số không ít nhà khoa học kiêm tư tưởng và nhà tư tưởng kiêm khoa học cho rằng phương Tây đã trở về với phương Đông qua nẻo đường của vật lý hiện đại mà họ cho là một diệu thuật của Đạo — *the Tao of Modern Physics*.

Về mặt vi mô, những bước nhảy vọt đạt được trong vật lý hạt nhân, quang học điện tử và ion, và kỹ thuật nano — 1 nano = 1 phần tỉ của giây — đã lập nên một thứ giàn phóng cho người thơ hiện đại thả hồn vào một thế giới kính vạn hoa ở đó những hạt cơ bản dung dăng — thứ vũ điệu của vật chất — trên những quỹ đạo giăng đan với nhau như mắc cửi và náo nhiệt như một bức tranh của Pollock.

Chúng không phải là những bóng ma giả tưởng mà là những thực thể cá biệt, có một đặc tính riêng làm nên bởi lượng tích điện và tốc độ xoay quanh trục của chính mình hay trục của hệ thống mà chúng là những bộ phận cấu thành. Điều kỳ diệu là, dù chỉ có một trọng lượng rất khiêm tốn, khoảng 9×10^{-28} gram khi bất động, chúng vẫn hoàn thành được chức năng hòn đá tảng cho toàn thể giới sự vật của chúng ta. Như đã nói ở trên, sự không có của những hạt ảo, tức *vật chất tối*, sẽ là cái chết chung của cả vũ trụ của chúng ta.

Bản liệt kê lập ra tỉ mỉ và thi vị như cái tỉ mỉ thi vị của thế giới vi mô. Nào là những hạt *meson* biến ảo vô chừng, khi dương, khi âm, có lúc lại vô tính, tức không tích điện; nào là những hạt *neutrino* quá tài tình, không trọng lượng, không điện tích mà vẫn xuyên thủng được thân thể “*hai tình nhân đang yêu nhau – pierce the lover and his lass*” một cách êm ái, không cần gây mê như “những cái máy chém không làm đau – *painless guillotines*” — những hình ảnh này của thi sĩ John Updike đã được nhà biên khảo văn học Trần Văn Nam trích dẫn.

Mà nếu đã có hạt thì ắt phải có một cái gì đó đối lập với nó, như âm đối lập với dương, hay đáp số -2 đối lập với đáp số +2 của phương trình $X^2=4$. Giả thuyết này đã trở thành hiện thực với sự phát hiện ra *antielectron*, *antiproton* và *antineutron*, được gọi chung là ***phản hạt***. Vì hạt là vật chất, nên phản hạt được gọi là *phản vật chất – antimatter* – có mặt ở muôn khắp. Hơn nữa, người ta còn biết hạt đi đâu, phản hạt theo đó như bóng bám hình; và sự cặp kè này không chỉ lúc nào cũng thuận hoà, suông sẻ; nó có thể dẫn đến một tương hủy như cảnh nôi da xáo thịt đã hơn một lần xảy ra trong xã hội loài người.

Nhưng, như có một phép màu đã xảy ra ngay tại nền tảng của vật chất : tất cả những biểu hiện lung tung của

những hạt cơ bản đều được phối khiển nhịp nhàng bởi một quy luật thống hợp và tối thượng bảo đảm cho sự sống chung hài hoà trong hỗn mang của muôn vật trong hoàng vũ. ***Quy luật này tất yếu và hiển nhiên, bởi vì nếu không có nó thì không có tất cả, kể cả nào là bầu trời, nào là trái đất, nào là con người với những thần linh và giấc mơ bất tử của nó.***

Chủ ý của những miêu tả thi vị hoá trên của người viết là muốn nêu bật cái chất thơ tiềm ẩn trong mọi bí diệu của vũ trụ. Và, làm thơ là điếm ảo hoá bí diệu này bằng một ngôn ngữ tương hợp, ngôn ngữ tia, ngôn ngữ hạt, ngôn ngữ lửa, ngôn ngữ “*siêu tơ – superstring*”; thứ ngôn ngữ thấu đáo, thủy chung, giàu trí nhớ và giàu ẩn dụ, gọi sự vật mà không gọi tên nó, như ngôn ngữ của thi sĩ Vũ Hoàng Chương chẳng hạn :

Cực tử màu chen sắc ngoại hồng

Ngàn tia sâu nhớ vút hư không

Băng qua nguyệt trạm về nơi ấy

Là gã thi nhân đã cháy lòng.

Hay của một hậu sinh cùng nòi:

Nhớ này rộn rục tâm tư

Chữ thi nhân đốt hư vô lửa bùng

Si ca ta cũng cùng dòng

Vần thơ diên ném làm chùng không gian.

Vũ trụ âm áp chất thơ; nó là một lăm vựa vô tận của những mầm mộng vi diệu, hứa hẹn trổ lớn những mùa thơ huy hoàng. Làm thơ là kích trưởng mộng thành mùa bằng một chất bốn có tính dinh dưỡng cao là ngôn ngữ thơ.

Tuy nhiên, để sống sót được trong một thời đại có những yêu cầu cao về tri thức và một lối sống bận rộn, để gây căng não như thời đại siêu kỹ thuật này, người thơ phải tập trung cao độ và thường xuyên vào việc trau dồi kiến

thức của mình, nên chẳng còn nhiều thời gian và tâm trí để đáp ứng những đòi hỏi thường là mãnh liệt của nàng Thơ.

Câu hỏi đặt ra là lối sống hiện đại này có cho phép thực hiện một cộng sinh hài hoà, tốt đời đẹp thơ không? Hay nó sẽ dẫn đến một phân xé hồn người thơ ra thành hai mảnh tương khắc, mảnh sống cho đời và mảnh sống cho thơ? Dù thế nào đi nữa, người thơ hôm nay không còn có cái tâm trạng thanh thản và trong sáng như người thơ thuở trước. Hồn sống trong thế bấp bênh của một kẻ đi dây giữa đời với cái túi kiến thức đè nặng lên vai và một cây sào cân bằng làm nên bởi một ý chí sinh tồn mạnh, một tâm hồn siêu mẫn cảm và một niềm yêu thơ da diết.

Nghĩ cho cùng, sống ở đời như một người thơ là sống một nghiệp dĩ hay là vì có *gien* thơ của tổ tiên truyền lại.

Muốn được nhận vào hội quán của nền Văn Hoá Thứ Ba, thơ bắt buộc phải đổi mới cả về ngôn ngữ lẫn thế giới quan và cung cách thẩm mỹ của nó. Điểm tế nhị là làm sao đừng để ham muốn đổi mới và phô trương kiến thức làm nhòe tính trong sáng cần có của cảm hứng khi làm thơ. Một bài thơ hay giống như một ly rượu đầy, hiểu như sự khai triển của nó đã đạt tới mức lý tưởng ở đó có một cân bằng tối ưu giữa ngôn ngữ và tư tưởng. Chỉ một chút phụ gia tư tưởng thôi, thường do ham muốn phô trương kiến thức gây ra, sẽ làm cho bài thơ lộ vẻ cố dụng, ý nặng hơn lời, và như vậy không chỉ phá vỡ tính nhất thể phải có của ngôn ngữ tư duy và tư tưởng hành ngôn mà còn phá vỡ chính cái trạng thái viên mãn vốn là tư chất của bất cứ bài thơ hay nào. Mỗi thời đại có một mỹ học riêng của nó. Nếu trước kia rượu của người thơ là “*bồ đào mỹ tửu*” chẳng hạn, nó bây giờ là một thứ nước cất từ những trận mưa hạt vũ trụ va vào bầu khí quyển của chúng ta; và ly thơ hôm nay không còn là “*dạ quang bôi*” của Vương Hàn nữa mà là một kết tinh của những “*ngọc trời lam vân*” và “*thạch sao vàng ửng*.”

Nói vậy không có nghĩa thơ mới hay hơn thơ cũ — điều này không chỉ vô lý mà còn ngớ ngẩn; thật ra, người viết chỉ muốn nói đến sự khác biệt về cung cách thẩm mỹ giữa người thơ hôm nay và người thơ thuở trước. Sự khác biệt này xuất xứ từ sự thay đổi thể giới quan của mỗi thời đại. Dù có tuyệt hảo đến đâu chăng nữa, lục bát Nguyễn Du không còn là khuôn vàng thước ngọc cho lục bát hôm nay nữa, vì một lý do đơn giản là ngôn cách nôm pha điển cố của *Đoạn Trường Tân Thanh* đã sống xong từ lâu đời sống hữu dụng của nó.

Nay xin được trở về với việc đối chiếu ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ văn xuôi để qua đó hiểu rõ hơn bản sắc của ngôn ngữ thơ. Thật ra, những nhận định về nền Văn Hoá Thứ Ba trên đã một phần nào giúp nhận diện ra một số nét đặc thù của ngôn ngữ thơ; nhưng đó mới chỉ là một cái nhìn tổng quát vào ngôn ngữ thơ như một đại thể chứ không soi chiếu vào cái kích thước phân tử của nó là chữ thơ.

Sở dĩ có sự khác biệt giữa việc *viết* văn và việc *làm thơ* là vì chúng xử dụng những chất liệu ngôn ngữ không giống nhau. Khác với chữ văn xuôi, vốn chỉ là một ký hiệu đơn thuần, một ngoại vật đối với nhà văn, chữ thơ vừa là phương tiện vừa là cứu cánh của người thơ : ***thơ khởi sự từ chữ và kết thúc với chữ; nó cơ bản là một ngữ sự. Giữa chữ thơ và người thơ có một tương quan gắn bó mật thiết, thứ liên hệ máu mủ, hiểu như chữ thơ là một bộ phận nóng ra của tâm và thể người thơ, nó là đứa con đẻ của người thơ.***

Mà có một đứa con đẻ nào lại không được cha mẹ nó chắt chiu âu yếm và tăng dưỡng. Vì vậy không là nói quá khi bảo người thơ chân chính là một người ***thương từ như thể thương thân***. Châm ngôn này nói lên đức tính tự thân của việc làm thơ — và của thơ —; và, thiển nghĩ đó là lý căn tại sao cổ nhân ta gọi cái ký hiệu bằng đường nét để ghi

tiếng nói là *con* chữ, chứ không phải là *cái* chữ hay *chiếc* chữ. Ngoài là một từ chỉ từng đơn vị một số vật, thường có đặc điểm hoạt động hoặc hình thể giống động vật, như con mắt, con dao. . . con trong con chữ còn ngụ ý *con cái*, tức người thuộc thế hệ sau, trong liên hệ với người trực tiếp sinh ra mình. Vì vậy, do liên hệ gắn bó hữu cơ giữa chữ thơ và người thơ, ta có lý do để gọi chữ thơ là con — chữ — của người thơ, tức một *sinh thể*, trong khi chữ vẫn xuôi như một ký hiệu đơn thuần chỉ là một *chất liệu vô sinh*.

Với tính cách con cái, chữ thơ là con mắt *platonien* qua đó ta đọc được tâm hồn người thơ; vì vậy ta có thể định nghĩa bài thơ là một tổng thể của những chữ thơ – con mắt lung linh. *Chữ thơ là nhà ở của một đời sống lịch đại đầy ắp hồi quang và vang âm của một thiên đàng — ngôn ngữ — đã mất. Là sự rớt xuống thế tục của con chữ Thần ngôn, con chữ ngôi Lời — mot-Verbe —, thuở nó chưa bị nhiễm bởi những tạp âm ồn ã của Tháp Rối Lời Babel; thuở nó chưa bị tha hoá bởi một lý trí ưa lý sự, lý giải, phân tách, cắt giảm, giam nhốt nó vào trong một chiếc lồng khái niệm lãnh cảm; thuở nó còn nằm trong vòng ôm ấm của thế giới sự vật, đập nhịp đập của vũ trụ muôn vì sao và tươi mát hương sắc cái biểu tượng ban đầu của cảm nhận hồn nhiên: thuở thế giới quan của con người còn đậm màu khách thể.*

Chữ thơ như vậy là chữ cụ thể, *chữ-vật — mot-chose*; là hiện thân của kinh nghiệm sơ ngộ với trạng thái *alagon*, trạng thái tiền ngôn ngữ, lúc bản thể sự vật — es-sens : từ nguyên của essence — chưa bị tư duy trừu tượng hoá thành nghĩa đơn thuần, tách rời khỏi bản thể — sens không es —, tức là một trò chơi chữ với hậu quả chữ bị khuynh đảo bởi những ý đồ phi ngôn ngữ tối tăm và những thiên kiến giáo điều không lành mạnh. Sự tiếp tục đối chiếu việc viết văn với việc làm thơ sẽ giúp đào sâu thêm nhận thức về sự khác

biệt giữa chữ văn xuôi và chữ thơ và qua đó giúp hiểu rõ thêm bản chất của chữ thơ.

Như đã nói ở trên, nguyên tắc hàng đầu của viết văn là tôn trọng tính chính xác và minh bạch của từ sử dụng và cách viết. Nguyên tắc này yêu cầu người viết văn phải tuân thủ chặt chẽ những quy tắc ngữ nghĩa và ngữ pháp phổ cập, nghĩa là phải giữ con chữ ở luỹ thừa một, tức ngang bằng với chính nó, nó như thế nào thì phải trình bày như thế ấy, không được bóp méo nội dung nghĩa duy nhất của nó. Vì vậy ta có thể gọi *người viết văn vừa là một người thợ sao chữ, vừa là phu trạm đưa tin trong một xã hội được coi như một nhà bưu điện khổng lồ.*

Chức năng đưa tin này của việc viết văn quyết định bản chất và vai trò của chữ nghĩa trong văn xuôi. Khi nội dung nghĩa — cái được biểu đạt — hiện ra thì lập tức chữ như một ký hiệu — cái biểu đạt — tan biến đi, và nhiệm vụ thông tin của chữ chấm dứt. Vì vậy tuổi thọ của chữ văn xuôi trong tâm trí người đọc rất ngắn ngủi : đọc xong nó thì vút nó vào sọt rác của quên lãng. *Bởi vì bản chất nó là không vị, không sắc, tức những chất kích thích ham muốn sở hữu nơi người đọc, muốn giữ nó lại để làm kỷ niệm và lên men cho trí nhớ. Với tính cách một ký hiệu thuần túy, chữ văn xuôi là một hiện hữu trong suốt, giòn rụm, bết, khô, vô sinh và vô cảm: một cái xác không hồn.*

Tình hình đảo ngược khi tôi làm thơ. Mọi quan tâm hàng đầu của tôi bây giờ không còn là sự tôn trọng nguyên tắc chính xác và minh thị của việc viết văn nữa mà là sự tạo ra một ngôn ngữ mới, phi ước lệ, có khả năng soi thấp và nhân lên những kích thước tiềm ẩn của một thế giới sự vật cảm, nhòa, hỗn mang và vô thường. Công việc này thường là một vật lộn cam go, vất vả, thứ lao tâm khổ trí, với những cái bóng ma lớn vờn trong đầu, cố làm sao khai triển và kết tủa chúng thành những hình tượng thơ thông qua

một chất liệu ngôn ngữ được làm ra theo yêu cầu của từng hoàn cảnh sáng tác cụ thể một. Có thể gọi **ngôn ngữ thơ là một thứ thể dẻo được nhào nặn theo nhịp cảm hứng của người thơ, thứ bột của cái bánh trôi Hồ Xuân Hương “rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn.”**

Như đã nói ở trên, liên hệ giữa ngôn ngữ và tư tưởng là một liên hệ gắn bó hữu cơ. Nhìn dưới góc độ này, làm thơ là làm ra một ngôn ngữ hình tượng giàu tính nhạc để chăm dưỡng và phát triển cái ý tưởng vừa mới nhú lên trong đầu thành một hạ sinh mẹ tròn con vuông là bài thơ. Nói cách khác, **ngôn ngữ thơ là sự ra xương nở thịt của bào thai tư tưởng trong tiến trình sinh thành ra nó. Ngôn ngữ như vậy là ngôn ngữ của mỹ học tư duy mà cũng là nghệ thuật tư duy của tư tưởng, vốn là sở trường của thi sĩ với tư cách một nghệ sĩ dụng ngôn sành điệu. Và, cũng như thạch cao của một bức tượng ngoài đơn thuần là chất liệu còn chính là bức tượng, ngôn ngữ của thơ như chỗ ở của tư tưởng tư duy – *pensée pensante* – vừa là một vật tự thân vừa là một vật cho thân. Nó là một thể của hai tính quện đan nhịp nhàng vào nhau, sự cộng sinh hài hoà của những màu sắc tương phản :**

*Điển chế thơ bằng ngôn ngữ đôi,
Ý nâu xen lẫn nghĩa hung vàng.
Như trong xanh hứa của màu mặn,
Nghe vỡ eo sèo trái nẫu đen.*

*Thơ là nho mà cũng là sim,
Mỗi chữ buông sang tiếng hạc cầm.
Như trong vó cát của ngựa bạch,
Có nhạc chim hồng vỗ cánh cam.*

Giống như một vận hành sinh học, làm thơ là sau khi nạp đủ những chất liệu đời ngoài cung cấp cho thì người thơ tự rút vào bên trong, như cái hột của quả đào, và bắt

đầu sống một cuộc sống tự hành. Cách ly này ở tốt điểm là một đoạn giao quyết liệt, thứ **chết tạm**, tự đẩy mình vào một nội trạng nôn nao, khó ở, có nhiệt độ, nửa tỉnh nửa điên: thứ cảm giác lưỡng cực quái đản, quỷ nằm vùng trong thánh, làm ra một cường hôn không lạnh mạnh, đe dọa đến chính hạnh phúc làm người của người thơ. Như vậy làm thơ trước hết là dốc toàn lực để khai thông cơn úc tắc này của phế phủ nhằm “*Xổ tuôn quán ngữ giam cầm / Giọt lưng mắt, chữ của trâm tích quên.*” Và, **sự ra đời của bài thơ ngoài phá vỡ cái tình trạng á ngữ** “**Thế âm nuốt ngậm phềnh điều kịch câm**” đang mắc phải, còn mang hương vị của một giải phóng hân hoan, một tấn phong màu nhiệm, tiếng khóc oà của một phục sinh chứa chan, thậm thía hơn lúc đời chưa có bài thơ.

Làm thơ thường khởi sự từ một cảm hứng băng quơ dấy lên từ việc bất chợt phát hiện ra tiếng gọi của một hữu thể xa xăm nào đó, chẳng hạn như tiếng gọi đò tưởng tượng của một ai Trần Tế Xương đã nghe ra qua tiếng kêu khuya khoắt của một con ếch bên nhà: “*Đêm nghe tiếng ếch bên tai / Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò.*”

Trong thế giới sáng tạo của thơ, tiếng ếch Trần Tế Xương là một hiện tượng ngẫu nhiên có ích, hiểu như đã tạo được cho người thơ một ngẫu hứng tích cực, tức một tia lửa tưởng tượng xẹt trong đầu rồi truyền lan khắp cơ thể như một phản xạ, khiến cơ thể phải giật mình; mà phải giật mình thì mới ngộ được ai-đó-kẻ-khuất-mặt-lạ-quen — hay là *karma* của chính mình? — đang gọi mình với phận mình là con đò tưởng tượng ấy đang trôi cam trên một dòng-sông-dòng-đời khuya khoắt.

Tưởng tượng như vậy bất ngát và phong nhiêu; khí thơ như vậy tĩnh lự man mác, một dấu dẫn nhịp như vô tận; và, từ tiếng kêu tưởng tâm thường, nhằm chán, rời rạc, đơn lẻ và vô nghĩa của một con ếch vô hình mà gọi nên được cả

một chuỗi liên lụy thấm thía giữa những hiện tượng thế gian với nhau, phản ánh tính vạn thù nhất thể của muôn vật, ***thơ như vậy là hàm súc và thấu đáo siêu hình.***

Như một cái giạt mình của siêu hình, thơ là một thứ học thuật phiêu bồng của trí tưởng muốn phục hoạt nguyên sắc những tia chớp của buổi kỳ ngộ đầu tiên với thiên chân vạn xác, khi tư duy chưa bị khuấy nhiễu bởi một lý trí duy nghiệm ưa xén bớt, thu nhỏ sự vật thành một lát cắt, tức là xác chết của nó. Trái lại, hướng đích của thơ nói riêng, và của nghệ thuật nói chung, là bảo toàn sự sống qua tác phẩm; là cất ủ lửa đời vào trong bài thơ, bản nhạc hay bức tranh để mai sau khi một kẻ xa lạ nhìn hay nghe nó, nó sẽ cháy trở lại bởi vì nó là lửa của sự sống vĩnh hằng. Và, làm thơ trong trường hợp này là làm ra một ngôn ngữ âm áp, có khả năng gìn lửa lâu, ngôn ngữ của một mỹ học mà đối tượng xây dựng là cái đẹp như một lý tưởng, đẹp như thơ, mãi mãi rực rỡ, hình bóng của cái đẹp đẹp nhất là cái đẹp của sự sống vĩnh hằng.

Ngôn ngữ như vậy là ngôn ngữ của một kỷ niệm không bao giờ phai. Một ***ngôn ngữ nhớ ơn cái đáng được nhớ ơn nhất: đó là nữ thần Mnemosyne, cội nguồn của trí nhớ và là mẹ đẻ của nàng Thơ. Thơ thủy chung*** là thơ được làm ra bởi ngôn ngữ nhớ ơn này. Đây là một đáp lễ mạn đào qua lại: mình về với Mnemosyne thì nàng cũng đến với mình; hay bờ nhớ ơn sông thì sông cũng nhớ ơn bờ: “Sông tìm vào tá túc / Thấu đáo một bờ thơ / Chở che lời mẫn trợ / Nghe sông có gọi bờ.” Ngoài là một biểu lộ tâm tình thấu đáo, thơ thủy chung còn có khả năng chữa ba căn bệnh phổ biến của lối sống cơ cầu hiện đại : *bệnh vong ức – a-mnesia, bệnh vong ân với Mnemosyne – a-mnemosynia, và bệnh vong thân – a-lien-ia hay a-ligamenia, tức cắt sợi dây buộc — mình vào chính mình.*

Như đã nói ở trên, ngôn ngữ thơ là tiếng gọi sự vật hơn

là đặt tên cho sự vật. Mà cách gọi hữu hiệu nhất là làm cho nó đến với ta bằng cách tự khách thể hoá ta vào nó để nghe ra bản thể nó thủ thi với ta như thế nào: “*Đầu ở trong phong, du Thổ Chu / Ngôn từ nhựa sốt vỡ da du / Rễ sâu ngầm nghĩ phong tư tưởng / Đảo ngữ từ trong cổ thụ gù.*”

Ngôn ngữ như vậy là ngôn ngữ sự vật; một ngôn ngữ phồn thực như cái phồn thực của thế giới sự vật. Một ngôn ngữ giải chấp, không ngừng đổi mới chất liệu làm ra mình là con chữ. Bằng một trong hai cách: hoặc tạo ra một từ mới cả về dạng lẫn nghĩa; hoặc lồng vào từ đã có một sắc thái nghĩa mới bằng cách bố trí nó vào trong một ngữ cảnh mới hay vào trong khí hậu chung của toàn bài thơ. Mà theo kinh nghiệm sáng tác, ta có thể xây dựng hàng ngàn ngữ cảnh khác nhau cho cùng một ý thơ; như vậy khả năng tạo từ của người thơ có thể là vô tận. Nhưng dù có khác nhau đến đâu chăng nữa, những từ thơ mới làm ra theo yêu cầu của từng hoàn cảnh sáng tác đều mang một mẫu số chung: ***cái tạng của tác giả***. Hiện tượng này giải thích tính định mệnh của ngôn ngữ thơ : từ những chữ thơ gieo đầu đời cho đến mùa gặt thơ cuối đời của người thơ có một liên hệ gắn bó nhân quả, sợi chỉ lam xuyên suốt, hình bóng của cái gọi là nghiệp.

Bản chất của ngôn ngữ thơ và việc sáng tác thơ đại để là như thế. Làm thơ là làm việc trong một môi trường ngôn ngữ biến động và phi ước lệ. Là làm ra con chữ và một dự án ngôn ngữ nhằm hình thành ra bài thơ mà cổ ngữ Hy Lạp gọi là ***poieō: làm***. Như đã nói ở trên, chữ thơ không phải là một ký hiệu mà là đứa con — tinh thần — của người thơ, nên ***làm ra chữ thơ, và làm ra bài thơ, cũng là làm ra chính mình như một hữu thể luôn luôn trở thành, tự phủ định cái tự thân của mình thành cái cho thân, tức một cái mình khác chứ không phải là cái khác mình***. Vì vậy làm thơ cũng là một hành động làm ra đời mình theo

cung cách của một quá trình phủ định có tính biện chứng; và, nhìn dưới góc độ này, ta có thể áp dụng một câu nói về hữu thể của Sartre vào trường hợp người thơ, hiểu như một người có chỉ tay làm thơ, sống với thơ và làm ra thơ: “*Il est ce qu’il n’est pas et n’est pas ce qu’il est — Nó là cái nó không là và không là cái nó là.*”

Nay ta hãy xét đến một yếu tố khác không thể thiếu được trong việc tìm hiểu trọn vẹn bản chất của thơ: đó là vai trò và cách đón nhận của người đọc.

Bài thơ như một chỉnh thể ngôn ngữ được chọn làm đơn vị điển hình để thẩm giá, vì ở đó cô đúc những tố chất đặc thù của thơ.

Đọc thơ, hiểu ở đây theo nghĩa nghiêm túc là thẩm thức thơ, là một tiến trình tâm lý tuần tự, khởi từ một tiền đề: ta đã yêu thơ trước khi đọc bài thơ này. Bài thơ “thành công” khi thoát đầu nó gây được cho ta một cảm giác thích thú, hiểu như trực quan ta thấy ngôn ngữ của nó “ngộ nghĩnh”, đọc lên nghe “xuôi tai”; hình ảnh nó bày ra trông “bắt mắt” và tứ của nó “là lạ”, ý của nó “mùi”; tóm lại, ta có “cảm tình” ngay với bài thơ.

Đọc thơ thường bắt đầu với một cái **giật mình** trước vẻ đẹp biểu kiến của bài thơ. Tuy nhiên tư duy của ta ở giai đoạn này mới chỉ là *nhận thức của trực cảm – intuition intellectuelle* mà cũng là *trực cảm của nhận thức – intelligence intuitionnelle*, nên mới chỉ nắm được bề nổi của bài thơ, tức bản tóm lược căn cước của nó. ***Dù sao đây cũng là một tình cảm tích cực, phúc khởi của một tư duyên sẽ gắn bó ta chặt chẽ hơn nữa với bài thơ.***

Có thích thú thì mới muốn tìm gặp lại để thoả mãn đầy đủ hơn sự tò mò mới chớm nở và củng cố cảm tình ban đầu của ta với bài thơ. Thời điểm thuận lợi cho cuộc tái ngộ là một đêm khuya im ắng chẳng hạn, khi lòng ta có thể trút bỏ được những bận bịu vướng víu với thế giới bên ngoài để

chỉ tập chú vào bài thơ thôi. Như vậy, cũng như làm thơ, đọc thơ là một lựa chọn tạm đoạn giao với ngoại giới; và, đây là một điều kiện tiên quyết, bên cạnh điều kiện ta phải yêu thơ trước khi đọc bài thơ, để cho việc đọc thơ được hiệu quả.

Bước kế tiếp là tìm cách *khách thể hoá* ta bằng tự đặt ta vào trong lòng bài thơ, xướng nó lên để nghe nó muốn nói gì với ta, rồi so lại giọng mình theo nhịp trầm bổng của nó cho đến lúc đạt được một cảm giác giao thoa khoái trá. Đây là một hoà đồng tuyệt diệu, như một hành động ân ái lúc cực điểm, khơi thức những con chữ ngủ quên trong chờ đợi, và kéo lên từ đáy cùng bài thơ những kho báu ý tình, hương vị, màu sắc, âm thanh cho đến nay vẫn còn ẩn giấu. Gọi những cái này là duyên ngầm, ngôn dung bên trong, *linh hồn của bài thơ*. Tức cái thần khí hay nhuệ lực có mặt cùng một lúc ở khắp nơi, bơm sự sống vào từng bộ phận của bài thơ như từ, ngữ, cấu trúc ngôn ngữ, hình tượng, ý tứ, tiết tấu, thanh điệu, phối khiến chúng thành một chuyển động toàn thân, đồng bộ, khiến bài thơ duy trì được tính đặc thù và tính nhất thể bất khả phân của nó. Hiểu như nếu ta chỉ cắt bỏ một vài chữ thôi hay thay đổi cách ngắt câu của nó chẳng hạn, bài thơ sẽ không còn là nó nữa và trở thành một dị dạng ngôn ngữ.

Quan hệ giữa bài thơ với ta với tư cách một người đọc sành điệu và đồng điệu là một quan hệ mạn biểu đi thì đảo tặng lại. Nói cách khác, *nếu ta trân trọng đến với bài thơ thì bài thơ cũng trân trọng đến với ta*. Nó đến với một niềm hy vọng sẽ đạt được cái hưởng đích nó hằng ấp ủ là *chính ta như một người đọc tri âm tri kỷ*. Cũng như một bản nhạc hay chỉ trọn vẹn là nó khi được diễn tấu bởi một điệu thủ, bài thơ như một ước muốn được gặp, một nỗi niềm muốn tỏ, một trống trải phải lấp, cần đến sự tiếp tay của *một người đọc ân cần, am tường và điệu nghệ* để phát tiết

tối đa cái tinh hoa tiềm ẩn của nó, để hạnh phúc của nó được vẹn toàn.

Đọc thơ như vậy thì được gia nhập vào hội quán ưu tuyển của những tâm hồn đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, ở đó người ta đối xử với nhau trong một quan hệ mật đào thanh tao, lịch sự và tương kính. Hơn nữa, đọc thơ như vậy còn là một hành động hỗ trợ có tính sáng tạo, hiểu như lồng vào bài thơ một ánh sáng mới và một chiều kích mới, tức nhân nó lên hơn chính nó, và như vậy cũng là một cảm tạ sâu xa vì nhờ nó ta mới hưởng được một lạc thú tinh thần tuyệt diệu, thấm thía, khiến ta thấy đời ý nghĩa hơn và hồn ta phong phú hơn lúc ta chưa đọc bài thơ.

Ân tình của ta đối với bài thơ càng sâu đậm khi tình yêu của ta đối với thơ nói chung và bài thơ nói riêng càng mặn mà. *Gọi yêu bài thơ ở đây là ôm nó vào và giữ nó ở lại với lòng ta để nó thuộc vào lòng ta, tức ta thuộc lòng nó.* Và, gọi một bài thơ là bất hủ khi nó không bao giờ cũ kỹ trong lòng ta, tức nó ở lại với ta suốt đời. *Mà sự ở lại suốt đời này không chỉ của bài thơ với ta mà còn là của ta với bài thơ; bởi vì nếu không vậy, ta đã không thuộc lòng nó, tức không thuộc vào lòng nó để nghe nó thổ lộ tâm tình sâu kín của nó với ta.* Chân lý của nền cộng hoà tình cảm trong thơ là như vậy. Và, *đọc thơ như vậy là ăn ở thủy chung với thơ; và thủy chung là sự thăng hoa cao quý nhất, đầy đủ nhất, chí tình nhất của trí nhớ như một tình tự nhân bản.*

Đọc thơ một cách thủy chung thì tương xứng với cái đức lý tự thân của thơ là ăn ở thủy chung với Mnemosyne; hiểu như ở đây là mang ngôn ngữ về áp sát lòng sự vật để nghe ra nhịp thở chìm của nó —Ta nghe đêm ấy tiếng tàu hạ non —, thuở bản thể thuần phác của nó chưa bị tha hoá thành khái niệm bởi một lý trí bạc tình và lãnh cảm; thuở chưa có Tháp Rối Lờì Babel và

những mê cung của ngôn ngữ hư cấu; thuở người chưa mắc chứng vong ân với Mnemosyne và hồn nó còn mặn nồng hương trời và mùi đất; thuở nhãn quan của nó còn là một cái nhìn nhất lãm và liên hợp của thơ, không tách suối khỏi rừng, rừng khỏi núi, núi khỏi trời, trời khỏi chim của cùng một quang cảnh. Cũng như làm thơ, đọc thơ như vậy quả là một rong chơi thâm trọng và thắm thía.

Sóng Đâu Dòng, Tình Ca và Quá Độ là một bộ ba tập hợp những bài thơ làm lúc đầu đời và còn giữ lại được của tác giả. Một số không ít những sáng tác này được hình thành từ những cảm xúc lô xô và những suy tư hàm hồ về một phận người bị mắc kẹt trong một cuộc chiến trường kỳ và khốc liệt, thường xuyên bất trắc, triền miên trăn trở, và mông lung một niềm lạc quan và yêu đời làm đối trọng.

Điều này cần thiết để giữ mình đừng trầm hà vào những tình cảm yếm thế hay phần tòn vớt lạ giống với dòng thơ chân truyền; đừng bị cuốn chập vào cuồng lũ của lịch sử, và để còn muốn làm thơ và ăn ở thủy chung với mẹ Mnemosyne, với nàng Thơ và với chính người thơ của mình là một kẻ may mắn được sống sót, nên mến yêu và trân quý cuộc sống vô kể.

Nhưng định mệnh muốn rằng mình mảy của thơ chân truyền Việt Nam phải hằn những vết roi tra khảo của một thời đại cuồng bạo, xa đích và bất nhân. Đến nay, sau ba mươi bốn năm đất nước sống trong hoà bình, tình hình văn thơ vẫn chưa hết màu ảm đạm. Nếu trước kia, trong thời thịnh trị của một nhà nước kiểu stalinist-maoist — một cường hôn chính trị quái đản — các nhà văn, nhà thơ đã bị đàn áp thẳng tay vì họ nhất quyết không chịu bẻ cong ngòi bút để phục vụ một chế độ độc đảng, độc trị và phi nhân, thì nay dù đã có sự nói lỏng phần nào cái vòng kim cô của công an văn hoá, do áp lực của thế giới tự do bên ngoài và do chính cuộc tranh đấu kiên cường của bản thân họ, những

người làm văn học trong nước vẫn chưa được hưởng thực sự và trọn vẹn những nhân quyền cơ bản như quyền tự do tư tưởng, quyền tự do ngôn luận, quyền tự do sáng tác, phổ biến tác phẩm, và quyền tự do giao lưu với các đồng nghiệp nước ngoài và Việt Nam hải ngoại.

Thêm vào sự kiện trên còn phải kể đến tác động tiêu cực của lối sống thời thượng xô bồ, bon chen, ham hố, tốc dục, máy móc, thực dụng, mưu cầu cận lợi, duy ích và duy kỷ. Tất cả cấu kết với nhau và làm cho con người hiện đại trở nên chai sứt tình cảm và dị ứng, để khỏi nói là thù ghét, với cái đẹp của nghệ thuật nói chung và cái đẹp của thơ nói riêng, và như vậy đã cướp đi của thơ một số không ít người đọc khả hữu.

Đứng trước một nghịch cảnh như vậy mà vẫn cứ tiếp tục dấn thân vào làm thơ thì quả là điên, e khó chịu đặng nếu không vận vào thân cái nghiệp thơ và nếu không có cái khí ngông của Đôn Kihôtê. Trên thực tế đã có nhiều người thơ bỏ cuộc hoặc vì không chịu nổi những cuộc khủng bố tinh thần hay hành hạ thể xác của công an văn hoá, hoặc vì bị cụt hứng trước thái độ thờ ơ đến ghê rợn của đám quần chúng người đọc có mắt đá và *tai thối – tin ear*. Mà nghĩ cho cùng, làm thơ để làm gì khi chung quanh ta là một sa mạc vắng bóng người đọc.

Và, để có được một giá trị nhân sinh đậm đà, thơ không thể không bợn gợn ít nhiều xao xuyên và như vậy phải mất đi một phần nào sự trong trắng thuần khiết của nó. Thật ra, dù thế nào chăng nữa, thơ cũng chỉ là chiếc bóng hắt của lý tưởng Viên ngôn lên trên mặt bằng của một thực tại người bị vương mắc trong một không gian trần thế bụi bặm và một thời gian lịch sử ô trọc. Thơ lớn trong giới hạn của vương mắc này và tùy theo mức độ biểu cảm của nó, tức nội lực của những con chữ do chính người thơ tự tạo ra, và khả năng của hần nghe được tiếng gọi ò trong một đêm

mang mang sương, *confusément vaste* của một hữu thể xa xăm nào đó của Trần Tế Xương.

Thơ lớn vì giật mình cái giật mình của siêu hình và vì thính lực nhớ nghìn trước và nghe đến nghìn sau của thi sĩ. Khổ tạng nó tùy thuộc ở cường độ của một cảm giác khó ở bên trong, dưới lực đè của chồng chất những tiên thiên, tiên nghiệm, quán tính, và của một tiếc nuối nao nao về một thiên đàng đã mất. Chính mức độ và tầm vóc của cảm nhận về sự mất mát cơ bản và lớn nhất này quyết định hương, sắc, nhịp, điệu, chiều sâu và bề rộng của thơ. Nhưng dù thế nào chăng nữa, thơ cơ bản vẫn là một mái ấm ta nên tìm về để tá túc lúc hồn ta cô đơn và trống trải.

Nữ thi sĩ khôi nguyên Anh năm 2009 Carol Ann Duffy nói: “*Poetry is a place we can go to for comfort.*”

Những dòng chữ bông bênh trên là trận tung hứng bông bênh của một trí lự bông bênh theo cái bông bênh tràn bờ của bản thể thơ.

Minnesota đầu Xuân 2009

● CUNG TRÀM TƯỞNG

54 * CUNG TRÂM TỬ ĐÔNG

TẬP MỘT

**SÓNG ĐẦU DÒNG
TÌNH CA
VÀ QUÁ ĐỘ**

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 55

56 * CUNG TRÂM TỬ ĐÔNG

SÓNG ĐẦU DÒNG
1948 – 1953

LỤC BÁT THƯỢNG DU

hay

KỶ HÀ HỌC SÁU TÁM

Chim đi, nắng giới giảng đời.
Người về bản bỏ chòi ngòi ngóng trông
Hàng hàng núi núi thình không,
Sương hoen mi lũng, mù xông ngấn đèo.
Lao xao bóng tối lẫn theo
Nhấp nhô heo hút, cheo leo tiêu điều.
Thuyền nằm, bến cũng xiêu xiêu
Con sông tới giấc mắc triều lên nhanh.
Hồn tôi cái đĩa thâu thanh
Tròn nguyên nét nhạc, trung thành ý ca.
Đồ rê mi fa sol la ...
Ngẫm từng âm điệu nghe ra chiều buồn.

— 1948

NGUỒN CƠN

Đồn thu quân, nắng giới chiều.
Thuyền lia bến ở với đìu hiu không.
Vang núi dội sông
Muông tru rừng rú
Cổ sào lính thú
Oán thù đầu sông.
Trời cảm phần quất cờ lòng,
Bắc chì chiết thổi mùa đông xám về.
Giật mình tỉnh giấc xưa mê,
Lửa lên cho bớt nã nề nguồn cơn.
Vượn than vãn trũng cung đờn
Vấn thuẫn đơn một điệu hồn miên du.
Đồn này lưu đã thiên thu,
Cái sào trần thủ bấu u nám hồn.

— *Việt Bắc*
1948

HUỶNH HOA EM VÀNG RỰC

Anh là trai phương Bắc
Của sông Nhị núi Nùng
Chẳng quản rừng sâu, biển rộng, núi trùng,
Anh vô Nam tâm sự
Những nhớ chờ mong
Chưa thoả nỗi lòng.

Yêu em tha thiết
Tự thưở gió thu sang
Đem thên thang
Cho tình xưa giam hẹp
Trong mãi hận phân kỳ,
Cho thương xưa lâm ly
Khúc sầu ca thế kỷ.

Em là người em bến nước
Tuổi rục trắng vàng,
Lòng đã vương mang
Yêu anh, chờ anh,
Tương tư tự thưở tóc mơn xanh.

Xứ em cửa biển
Bát ngát xanh dương
Trời vùng nước mặn.
Xứ em xán lạn

Con sông nắng hường.
Gió em hôn cửa đại dương
Thối yêu trong mặn, thối thương trong nồng.

Quê anh đất tổ,
Áo nâu nghèo khổ,
Có hoa hồng cần nở bờ ao,
Mai thôn trang náo nức với xuân đào,
Hè thực dục, thu son hồng, huyết dụ,
Xoan ngai ngái mùa đông vùi giấc ngủ.
Vườn hôm nay bừng thức một màu hoa,
Màu hoa em vàng rực,
Hương hoa em thơm phức
Toả nức trời quê hương.

Thuyền anh về xứ viễn Nam
Con sông lãng mạn, chiều lam hữu tình.
Ôi! quê hương dừa xanh
Với lúa vàng đơn đả.
Anh ngồi gõ nhịp ván thuyền,
Thương em lục tỉnh mắt huyền chờ anh

— 1949

TƯƠNG PHẢN

Đêm chớm, ngày tàn
Theo tiếng xe lăn về viễn phố.
Em ơi! Sương rơi
Ngoài song đêm hạ
Ôi! buồn phố xá.
Hoang lương về chết tha ma
Tiếng chân gõ guốc, người xa vắng người.

Em có nghe đồn già
Bước ai vất vả,
Bóng ai chập chờn,
Hồn ai cô đơn
Say sưa tìm về ám cúng?

Em có nghe bi ai
Tình ai ấp úng,
Thương ai lạc loài
Ăn mày xán lạn một ngày mai ?

Đêm nay say đất lở
Em có nghe rạn vỡ

Ra muôn mảnh ly rơi
Pha lê chuỗi vạn cười?

Bên nớ dạ thành khoe tráng lệ,
Trơ trên giai nhân phô loã thể.
Bên ni phố vãn lòng ngoại ô,
Em có nghe mơ hồ
Bước ai thao thức
Gõ nhịp hẹn hò,
In dài ngõ cụt
Bóng ai giang hồ?

Bên nớ bên ni đêm lạnh cả,
Lạnh đêm mà chẳng lạnh vuông phòng.
Em ơi! bên trong
Dù chia ly đôi phút
Đồng mang nhớ đèo mong
Hai linh hồn đan kín,
Bốn mắt xanh bịn rịn,
Anh ngồi làm thơ,
Em ngồi bấm đốt con thơ ra đời.
Bên ngoài liếp ngõ sương rơi,
Bên trong kín gió ấm ơi là tình !

— *Dakao*
1950

THAI NGHÉN

Da em thai nghén trái ươm xanh
Xót vị me chua đến ngái mình.
Qua chằm chút mớm giâm mầm mạ
Chực rớt cái gì dường thủy tinh.

Trái hút nhựa san cành uốn trĩu
Lay e có thể sẩy nhân giòn.
Dấu ân cần dựng công trình đỡ,
Sợ đổ đập vùi hồn nhú non.

Anh cúi hôn tay dài nỡn ngón,
Mắt hiền diệu ẩn ánh tà hôn.
Anh ôm vóc dáng em mềm lụa,
Gió thổi bay lên tóc ải bông.

Anh giấu em trong cánh tay ngăn,
Rào em cách biệt một không gian.
Quanh em chỉ có hồ êm lặng,
Không thác và không nước lũ ngàn.

Mắt anh đèn bão thấp đêm thâu.
Em ạ, ngực đây em gói đầu.
Vai đây chỗ tựa hồn nao núng
Rồi lặng lẽ chờ phút trở đau.

Cứ ngủ đi em yên thắm mộng.
Đắp trên bụng mẹ yếu và thiêng
Tình anh che chở làm mền ấm.
Mang nặng để đau ôi ! đức mẹ hiền.

Ấm ủ trong em huyền diệu lý
Âm dương giao hưởng, máu chan hoà.
Nay nằm ngậm rễ rau liên ruột,
Mai mở miệng chào tiếng khóc oa.

Mai nở nà tươi phơi ánh sáng
Thiên nhiên kiến trúc một mô hình,
Một kỳ tích viết lên da dẻ
Sức sống bừng bừng nét hiển vinh.

— 1951

ĐÊM THÁNH TÂM

**Niềm tin hồn bùng sáng
Trời giăng mắt quang mây.
Đấu yêu chùng lưng vội
Đã vội đong vốc đầy.**

**Tuần hội vui hồi mở
Tô thăm lại mùa xuân.
Đêm hoa đăng hớn hở
Ôi ! thanh khiết vô ngần
Là ngọc trời lam vân
Và thạch sao vàng ửng.**

**Trăng xanh đêm pha lê
Xưa kia mòn đến độ
Hầu như quên hiện về
Cho lòng tôi nức nở.**

Ôi ! đêm nay rục rĩ
Đề trăng xanh thiên đường
Rớt ngọt ánh thơm hương
Xuống hồn tôi còn hơi sữa,
Còn thềm mê bao lần nữa
Những thúy ngọc thanh cao,
Những kim tuyến nhiệm màu
Dệt thêu vừng điệu ảnh
Chảy loang sáng địa cầu.

Bao quanh tôi thân cảnh
Lung linh từng ánh cười,
Từng giọt nhạc ngời rơi
Át buồn than ma quỷ.

Tôi biết còn phiền lụy,
Xin cảm ơn nghìn lần
Những tấm lòng tận tụy,
Những ý tình thâm thúy
Cho đây túi lộc xuân.
Trăng sao lộng lẫy ngàn
Sáng hồn tôi chung thủy.

— 1952

THEO NHỊP ĐƯỜNG VỀ

**Ra đi từ Phú Thọ
Tôi ngược nước sông Thao.
Một thoi trời nắng ngọ,
Tôi đã đến rừng cao.**

**Những dãy chè có gió đến lao xao
Song song chạy lên đồi tròn núp vú.
Một khóm trắng gương vành và mở nụ
Cũng nghiêng nghiêng đón gió lả lơi cười.
Tôi thấy thơm cả cái nắng trong trời
Mùi lá dứa, mùi rừng ngậy cỏ dại.**

**Một gánh bướm mang màu vàng đoá cải
Vỗ lên đồi một vũ khúc mê diên.
Nhạc, hương, màu làm hội cưới đương nhiên.
Ôi! cái vẻ không tô mà diêm dúa.**

**Thôn Vũ Uyển gần tôi vài mẫu lúa,
Những mái nhà, những ngọn đờ xoan tây
Hiện bằng nhau trong một đại sum vầy,
Tinh đất nước có thuyền thân bến bạn.**

**Chòm lá trúc chao mình ôm xóm vạn.
Về hạp làng trên bãi cát ven sông**

**Những con cò, con sếu, những con nông:
Em viển bản, anh rừng châu suối phủ.**

**Khi núi lớn theo trời choàng áo ngủ,
Tôi dừng chân ở quán lá ven đường.
Nghe mông lung gió lén bén hơi sương,
Tôi ngẩng mặt : lá cau đã vẩy hện.**

**Dàn thiên lý cũng thôi ngậy hết thẹn,
Ngả chào tôi hoa với lá rung rinh.
Thấy yêu yêu tôi hát khúc tâm tình
Ôi! cái cuộc lương duyên sao toàn diện.**

**Anh Hà Nội về thăm em cố huyện,
Người em hiền chàm áo vải Tuyên Quang.
Lam non cao, xanh lũng thấp đèo ngang
Pha mối đợi lòng em màu vụn cổ.**

**Mai thiêu nắng hay trời đông bão đổ,
Mai anh về như máu trở về tim,
Dâng lên em, người xóm trúc đồi sim,
Tình phố thị thương núi rừng trọn nghĩa.**

**Chân hài xảo, vai ba lô, đầu mũ lá,
Tôi lên đường đến khổ sớm hôm sau.
Những hoa đằm, những lá thắm chen nhau
Lay rôi rít tiễn đưa người xứ ngoại.**

Vâng, xin hứa rồi đây ngày trở lại,
Khi trăng vàng vừa đủ để liên hoan,
Tôi sẽ về ôm lấy cả rừng ngoan,
Xa thèm khát mới gần mong thoả mãn.

Đi lát nữa, gió rì rào ve vãn
Khóm tre luồng phút bỗng réo vi vu.
Con oanh vàng thánh thót với líu lo
Cứ chài hót tai tôi người dễ tính.

Thành Yên Bái hiện bưng lên lấp lánh
Cuối đường chong đuốc ngóng một sum vầy.
Chón ngã ba đôi nước chính là đây
Dòng hội tụ nghìn năm mà chẳng cạn.

Anh phương bắc về thăm em tả ngạn,
Con sông Hồng, con sông Chảy giao nhau.
Tôi đê mê chứng kiến với hàng lau
Hội tình ấy của đôi dòng dực vọng.

Em sông Chảy reo diên niêm xúc động,
Thụ cuồng si của thác mẹ ghèngh cha,
Máu Yên Bình, máu Chợ Ngọc trào pha
Cho chan chứa dòng thương yêu lịch sử.

**Trai ngoại ải vốn ngàn năm lãng tử,
Anh sông Hồng sạm cát đỏ phù sa,
Ươm srong nguồn, ướp tuyết núi phương xa,
Mang Yên Bái, Lào Cai về cửa vịnh.**

**Ngây ngất gió, đỉnh trời quang nắng thịnh.
Dạ bồn chồn tôi ngó bắc nhìn nam,
Tưởng thâu vào băng một cái ôm tham
Dâu bãi trước với cồn sau xóm lẻ.**

**Với lớp lớp thông xanh viền lối kẻ,
Xa non chàm con rắn khói đang lên;
Với ngay đây chòm lá dưới hoa trên,
Lau bông trắng với mình tôi còn lại.**

**Ôi! đất nước, chốn ngàn năm sở tại
Của dòng đời thuần hậu nét hồn nhiên.
Nay tôi về kết nối lại lương duyên,
Nghe bước bước niềm xưa bùng lối cỏ.**

**Vui đến rộn và chân phương dạ ngộ
Yêu hoa đào, hoa dó, mến hoa cau.
Trường thiên này một nghìn nụ hồng trao
Tim xử nữ cho tình ta thắm mãi.**

*— Việt Bắc 1948
Aix-en-Provence 1953*

TÌNH CA

1954 – 1965

MICHÈLE BÀI RU NGHÌN LÀNH

Bao quanh tôi đời êm như ấm ủ,
Mặt đêm thương vừa ngọt đủ tuần trăng.
Lên vai tôi thêm thiếp ánh hoa đăng
Michèl'má, Michèl'môi thấp mọng.

Michèl' tóc vàng buông hờ suối động,
Hiu hiu đôi nét khép Michèl'mi.
Khuya nâng niu tôi im như vô tri
Nằm nghe nguôi ngời lời Michèl'yếu.

Michèl'mắt hồ mùa thu hé chiếu
Đen đêm thương tôi thừa biết biếc xanh.
Michèle mơ, tôi chong bóng năm canh,
Đem tâm thân tình tôi dâng Michèl'giác.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 71

Lửa thấu đáo khi ân tình nổi bắc,
Tôi còn đi cầu trợ ánh trăng yên,
Xin lung linh thúy ngọc góp thân tiên
Nhập đoàn với sáng hồn tôi hộ tống.

Michèle hỡi! yêu cho hiền cuộc sống.
Anh đây khi mộng em sắp phai màu
Sẵn sàng soi đuốc thấp nghìn ngôi sao
Toả phần chân, dắt diu em phiêu lộng.

Hải đăng ánh hồn anh đêm toả rộng,
Gọi về anh khi biển động lay mơ,
Gọi về anh khi du hạm quên bờ,
Anh phái đến trông em lời nồng mặn.

Câu đằm thắm sẽ ôm em ra khỏi phiên lặn dận,
Về nhịp nhàng một óng ả đung đưa
Có lá thông xanh đan võng là xiêm dùa
Ru tình ái đôi ta vào thần thoại.

— Nice 1954

MÙA THU PARIS

**Mùa thu Paris,
Trời buốt ra đi,
Hẹn em quán nhỏ,
Rung rung rượu đỏ tràn ly.**

**Mùa thu đêm mưa,
Phố cũ hè xưa,
Công viên lá đỏ,
Ngóng em kiên khổ phút giờ.**

**Mùa thu âm thầm,
Bên vườn Lục Xâm,
Ngồi quen ghé đá,
Không em buốt giá từ tâm.**

**Mùa thu nơi đâu
Người em mắt nâu,**

**Tóc vàng sợi nhỏ.
Mong em chón đồ trái sầu.**

**Mùa thu Paris
Trần dăng đôi mi
Người em gác trọ
Sang anh gót nhỏ thềm thì.**

**Mùa thu không lời,
Son nhạt đôi môi,
Em buồn trở lại,
Hờn quên, hỏi cái cuộc đời.**

**Mùa thu mùa thu ...
Mây trời âm u.
Yêu em độ lượng,
Trong em tâm tưởng giam tù.
Mùa thu... trời ơi... tình thu ...**

— 1954

CHƯA BAO GIỜ BUỒN THẾ

**Lên xe tiễn em đi
Chưa bao giờ buồn thế
Trời mùa đông Paris
Sốt mướt làm chia ly.**

**Tiến em về xứ mẹ,
Anh nói bằng tiếng hôn
Không còn gì lâu hơn
Một trăm ngày xa cách.**

**Ga Lyon đèn vàng,
Tuyết rơi cuồng mênh mang.
Cầm tay em muốn khóc,
Nói chi cũng muộn màng.**

**Hôn nhau phút này rồi chia tay tức khắc.
Khóc đi em, khóc đi em
Để luồn qua tóc rối
Nhưng vì sao rụng ướt vai mềm.**

**Khóc đi em, khóc đi em,
Hỡi người yêu Xóm Học
Đề sương thấm bờ đêm
Đường anh đi ngủi ngậm lệ nồng em.**

**Ôi! đêm nay
Chưa bao giờ buồn thế
Trời mùa đông Paris
Rét cắt nghìn phân ly.**

**Tàu em đi tuyết phủ,
Toa em lạ lẫm đây,
Làm sao em yên thắm
Cho ấm mộng đêm nay
Và xuôi ngon trên trống trái đường dài.**

**Trời nơi em có sao?
Mình anh đêm ở lại
Trời mùa đông Paris
Đêm thường hiếm hoi sao,
Trời mùa đông sinh ly
Chưa bao giờ buồn thế.**

— 1954

KHOÁC KÍN

Mùa đông tuyết xứ hoang vu,
Bâng khuâng chiều tới tiếp thu trời buồn.
Nhớ ngày tàu cũng đi luôn,
Ga thôn trơ nổi băng nguồn héo hon.
Đường xuôi nhịp sắt bon bon,
Tàu như dưới tỉnh núi còn vọng âm.
Sân ga mái giọt âm thầm
Máu đi có nhớ hồi tâm đêm nào?
Mình tôi với phố non cao;
Với cồn tuyết tịnh buốt vào thịt da;
Với mây xuyên nhọt ánh tà;
Với đèn sớm hẹn cũng là tịch liêu.
Tôi về bước bước đăm chiêu,
Tâm tư khoác kín sợ chiều lạnh thêm.

— *Les Houches*
1954

VỀ ĐÂY

Về đây tôi lại gặp tôi
Lang thang lối cũ, trước đôi sau nương.
Ngô đồng lá ngọn thuần lương,
Trời cao không đỉnh, mến thương không bờ.
Cổ tri khóm hạnh bây giờ
Vẫn màu thiên thuở khoác chờ xóm xưa.
Vẫn hanh vàng nắng toả vừa,
Sáo mừng “dạ” với oanh “thưa” nổi niềm.
Tùng bè trầm, hoạ mi kim,
Khoan thai gió cõi phong niêm rữ buồn.
Bờ nghiêng, nắng dốc, đường thôn.
Thiết tha tiếng cũ nghe luôn không trung.
Chân vui lối rộn khôn cùng,
Gần xa đời mở vòng cung thâm vào.
Chân phương lòng thấy nao nao
Với muôn thương mến lên cao hôn trời.

— *Aix-en-Provence*
1954

KIỆP SAU

Bù em một tháng trời gần,
Đơm hoa kết mộng cũng ngàn ấy thôi.
Bù em góp núi chung đồi,
Thieu nương đốt lá cũng rồi hoang sơ.
Bù em phơi phới buồm thơ,
Vẫn e gió trở ngược bờ sông thương.
Bù em một tháng thiên đường
Mà xưa tiếng gọi nghe dờng thiên thu.
Non sông bóng mẹ sầu u
Mòn trông ngưỡng cửa, chiều lu mái đầu.
Thôi em xanh mắt bỏ câu,
Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau.

— 1956

KIỆP SAU NỮA

Bù em một tháng tình gần,
Trăng thêu gỏi mộng cũng ngàn ấy thôi.
Bù em gác vát (1) lưng trời,
Sao châm nghìn nến sáng rồi bơ vơ.
Bù em nắn nốt đàn thơ,
Vẫn tay rời chỉ lúc giờ xa nhau.
Bù em một tháng trời mau
Và ngôi sao cuối rớt sau địa cầu.
Thôi Diane diễm kiều Âu,
Mẫu hình yếu điệu xin hầu kiếp sau.

— 1957

(1) *Mansarde* : gác sát nóc một cao ốc tại Paris.

**VỀ
MỘT THÀNH PHỐ
THÂN YÊU**

Chiều loang đen, trời sầm như đêm tối.
Không sao hôm trợ tỏ ánh đèn rung,
Không lân cư chia chút lửa thẹn thùng.
Tàn thu lạnh, cây rừng hoang trút lá.

Chiều ao đen soi gù lưng mái rạ,
Cô hồn nào vất vả ngủ ngời nghiêng?
Chấn song tre cũng nặng vẻ gông xiềng,
Ôi! bung bít gần xa đời lẫn quản.

Không buông neo – chiều nay đen số phận,
Với mui che là giá buốt trời thu,
Con ghe tim chở nặng một lao tù,
Mơ thoáng rộng đồ sâu sâu bút rút,

Mơ xán lạn cho chồi non nở rục.
Nghe gió đường thổi lộng lá lang thang,
Tôi ra đi quyết liệt đến phủ phàng,
Không ngoái tiếc bóng chiều đen cô dã.

Vì tâm tư còn say hương mới lạ,
Tôi còn yêu nên mới hẹn trở về
Với vai chên ấm ả quán cà phê,
Trăm môi nói một vườn hồng túc nguyệt.

Với thơ thới của đời lên sung thiệm,
Nắng phố phường trải lụa nỡn hồng tơ,
Em thanh tâm tan lễ sớm nhà thờ,
Ngay quán hẹn gót thon dài thoát bước.

Với thao thiết của bè kim chim tước,
Chuyện nhân tình đại lộ có muôn chương.
Em xưa mê gánh xiếc diễn quảng trường,
Nay mắt thẹn, lòng như e, bỡ ngỡ.

Vâng, xưa tôi chon von trời gác trọ,
Gã si thâm của đón phố chờ tin.
Em vô tư ngon giấc ngủ ngoan hiền,
Tôi lẩn cấn chân đi, hồn ở lại.

Nay háo hức từ hút heo hoang dại,
Hẹn vui ngày đoàn tụ có tôi đây.
Chút thơ yêu xin góp hội sum vầy.
Ôi! phố thị rừng hoa môi thân ái.
Ôi! phố thị đỉnh phồn vinh nhân loại.

— Sài Gòn 1958

KHÔNG TUỔI

**Tập tành bước hụt bước cao,
Tim hay sóng sánh, lời mau bôn chôn.
Cái gì háo hức trẻ non,
Tuổi bao năm lại ăn tròn thoi nôi.
Một cây nến thổi lâu rồi,
Tim chưa lụi, lửa chưa nguôi nồng nàn.
Mắt còn cần mắt ấm ran,
Tai còn cần dịu môi đàn ru tai.
Bình còn cần trợ bàn tay
Rót ngon rót ngọt men say mềm lòng.
Tuổi người tóc bạc răng long,
Tuổi hai chữ ấy thấm dòng thời gian.**

— 1960

NGÔI NHẤT

Hoa xuân nồng, trái xuân ngon,
Mùa xuân công chúa hương còn ở đây.
Em đi hài biếc chân mây,
Sao tua diêm dúa đong đầy mắt nâu.
Da mơn tóc mượt chưa sâu,
Gió tung lên trái tú cầu của vua.
Hân hoan cửa Phật nô đùa,
Đường nho nhã cũng theo thùa lá đũa.
Anh ngồi nghĩ nắng rồi mưa
Vẽ thêm thơ thần cho vừa mẫu em.
Nghìn đời sau tấm tắc khen
Dung nhan ngôi nhất vẫn em trị vì.

— 1965

LẤN THÂN

Tặng em một gã lo xa,
Vành trăng tươm tất, bình hoa bày bàn.
Hồng đồng loã, lý liên can,
Hương xui gió đến lay màn mỏng xô.
Thời gian đêm cũng mưu mô
Đung đưa quả lắc đồng hồ nhắc em.
Án nồng mùi sách thân quen,
Cuốn thơ kẹp giữa : tình thêm mỹ miều.
Chi li toan tính đủ điều,
Còn trời, còn đất, còn kêu tắc kè.
Còn trần trở gói thì nghe
Bàn tay gió vén màn the ... ô kìa!
Trăng vàng cõi áo rèm khuya,
Một nghìn lần thẩn anh chia tặng em.

— 1965

RÂU XANH

Đến anh thì đến hôm nay,
Lỡ mai gió lật chở đầy mưa qua.
Đến anh thân thể lụa là,
Dài đuôi con mắt, ngắn tà váy kiêu.
Đến anh lưng thắt chiết yêu,
Sẻnh tâm phá giới con điều ái ân.
Gót ngò rớt chín phân vân
Để sau một hoá mười lần đến anh.
Chờ em anh để râu xanh,
Lòng xây bốn bức tường thành giam em.
Hồn anh em thấp lên xem
Ác như một chiếc lồng đèn kéo quân.
Tình anh sương giá đầy sân
Cần em mái phủ cho thân ấm nhờ.
Chuyện mình mới nửa trang thơ
Phải hai cùng viết bài thơ vẹn tình.
Chờ em anh để râu xanh.

— 1965

Và QUÁ ĐỘ
1958 – 1975

**NHỮNG MÁI NHÀ
NHỮNG VÌ SAO**

**Khi tôi buồn tôi thường lên cao,
Ngang những mái nhà sương đục,
Những mái nhà chiều đến ngó nhau,
Để làm thơ và thông cảm với những vì sao.**

**Những mái nhà thâm lặng
Hợp chợ trong không gian.
Những vì sao hội lại vì trời buồn
Và chiều sao lạnh thế !**

**Những mái nhà trùng điệp
Tùng toa nối từng toa
Chở nặng chiều dương thế
Về hoang phế đèn khuya
Những vì sao bến kiệt.**

Những mái nhà ngói vỡ
Trán băng những hàng dây
Không che đủ linh hồn
Cho lòng tôi run rẩy
Nghe lùa gió *bêmol*,
Và những vì sao ái ngại
Rung rinh mắt buồn đầy.

Mái đầu tôi không tóc
Chiều nay là một nóc nhà thờ
Mang linh hồn giáo chủ
Thân xuôi và tay ngang
Làm một cây thánh giá
Mang lên cắm đất những vì sao.
Những mái nhà, những vì sao
Cùng tôi ba ngôi một thế giới.

— 1958

MỘT CHUYẾN HẢI HÀNH

Người sau cơn địa chấn
Tìm về trái đất hoang.
Ngẩng xem trời lốc bụi
Tôi quên lối thiên đàng.

Lưới xanh dù lớn mắt,
Ý nào thoát được đây!
Tôi giống con tàu biển
Đi xuyên áng mịt mù
Với cô đơn cờ súy
Treo cao đỉnh buồn phiền.

Tàu đi không la bàn,
Âu lo làm viễn kính,
Tôi soi tôi-cùng-thẳm,
Thấy nghìn trùng hư vô.

Vừa cầm lái vừa xúc than,
Tôi cùng tôi-hành-khách
Nửa đêm ngồi đối thoại
Bằng tiếng lời lặng im.

Sớm mai khi ngủ dậy,
Muối nồng trái tim căng,
Cầm tiêu tôi phiêu hốt
Thổi gọi bầy hải nga.

Mây quang trời xanh biếc,
Trên lưng sóng bạc ngời
Thảnh thơi tàu rẽ lái
Cập bờ đảo hoang vu.

Nằm phơi thân phiến đá,
Phập phồng thở nắng mưa,
Sương trinh làm dưỡng cốt,
Tôi hoá gốc cây rừng.

Quanh tôi đời bầu bạn,
Mú gác ửng vây cam,
Ốc bò quân yếm thắm,
Rùa bông vân hồng thạch
Phơi huyết phách (1) san hô.

(1) *Hổ phách đỏ màu máu*

**Khí lang thang vạn đại,
Giờ nguội tụ lao xao.
Mưa tuôn liền thế kỷ,
Đá rửa thành phù sa.**

**Mưa xuân tôi nảy lộc,
Môi bung đoá anh đào,
Ủ ươm mình lá nõn
Phát nên lời thơ ca.**

**Đầu tôi non búp huệ,
Uyên ương hót gọi đàn,
Cỏ kim thành mái tóc
Ấm thịt da thơm lừng.**

**Nghìn sau còn bận rộn
Mầm mộng cây trồng tôi
Sần sùi vỏ trái đất
Phổng pháp hồn thanh miêu. (2)**

— 1960

(2) *Mạ xanh.*

NĂM XANH

Sớm nay mộng hiện nguyên trinh,
Trời cao xanh ngắt, thái bình lên ngôi.
Quả đào chín vỡ làm đôi,
Tôi nhân tiền sử nằm phơi trần truông.
Núi rừng chào hỏi chim muông,
Gió mơn man vượt tôi phòng phở vui.
Suối khui câu chuyện mình mùi,
Tôi nghiêng tim rõ ngọt bụi tiếng ru.
Đất trời mở tiệc giao du,
Đời sau địa chấn nở dù năm xanh.
Từ tro cát bụi tan tành
Một vành khuyên hót phục sinh linh hồn.
Cả dàn sáo thổi vinh tôn
Mẹ Thiên Nhiên mới lâm bồn nàng Thơ.
Tâm tư tôi giải lên tờ
Lá tờ nỡ nẩy vần thơ đầu đời.

— 1961

LỘC NON

Chiều về ngòi đỉnh non cao
Lao xao từ lá dạt dào đến tim.
Ngát ngậy mùi gió của chim,
Biếc xanh màu ý của niềm lãng du.
Đi cho hồn thoát lao tù
Xác thân cơ cực, phạm trù khổ đau.
Chiều về cười ngả nghiêng lau,
Bằng say sóng – ánh sao lao bạt ngàn.
Bụi vàng vùi lấp dương gian
Dưới xa đang đổ lều tàn hoàng hôn.
Lên cao hái lộc trường tồn
Nghe từng bước một linh hồn thăng hoa.

— 1962

QUÀ BIỂN

Sớm nay hậu hĩnh đời tôi
Thênh thang một bãi cát ngời thành thoi.
Nặng lên dát ngọc lưng trời,
Gió mân mê tưởng tay người vuốt ve.
Sóng dâng còn ngân môi kẻ
Đêm hôn bãi nhớ, sớm về viễn khơi.
Sớm đi khơi rộng ý đời
Thêm mệnh mộng nước cho trời để chân.
Trời hiền khép một vòng thân
Trông cao xa ấy mà gần tâm tư.
Hồn tôi dào dạt nhân từ,
Sáo linh phong thổi bè ru đề huề.
Muối nồng mặn vị tình quê,
Sóng ôm nguyên gói biển về tặng tôi.

— *Vũng Tàu*
1962

MỘT GAM CHIỀU HỜI

**Sương rơi thắm âm nhạc
Chiều buồn lạc thanh âm
Hoang sơ vào khuya tối
Linh hồn tôi dương cầm.**

*— Đà Lạt
1959*

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 95

**ĐÊM NĂM
NGHE
MƯA MÁI PHỐ**

Nằm trông ra cửa sổ,
Mái dôn nhịp đêm mưa,
Buồn hoang ngoài phố lạnh
Vào lay cửa lòng hồ.

Nằm trông ra nước mắt
Trời gần. Vắng tha ma.
Trăm năm gầy cổ thụ
Khom lưng mỗi kiếp già.

Nằm trông ra đơn chiếc
Đèn vàng màu ký ninh,
Gió khuya về lay lắt,
Óm sao mà rùng mình!

Mưa gieo vó ngựa chôn...
Nghĩ đời rồi thiu thiu
Nghe như cỗ xe xiêu
Lăn trong nghĩa địa hồn.

— 1958

ĐẤT NGHĨA MỘT CHIỀU MƯA

Ngồi trông rũ tóc mưa rơi
Me cô một góc nói lời cổ sơ.
Bãi nhãn nhàu vết lã xưa
Một xe thổ mộ giờ trơ gỗ gầy.
Ngồi trông úp xuống trần mây,
Cỏ xanh bia mộ đã đầy ngút quên.
Chiều nhoà vào xứ không tên,
Thời gian hoá đá chông lên tuổi đời.
Ngồi trông vút bóng chim dơi
Mà ghê lạnh cả đất trời thâm sâu.
Sương khăn sô, tấm phủ đầu
Che hồn ảm mốc mối sầu âm dương.

— 1965

ĐÊM SINH NHẬT

Mưa rơi. Đêm lạnh. Sài Gòn.
Mưa hay trời khóc đêm tròn tuổi tôi ?
Mưa hay trời cũng thế thôi !
Đời nay biển lạnh, mai bồi đất hoang.
Hồn tu kín xứ đa mang
Chóng hao tâm thể, sớm vàng lượng xuân.
Niềm tin tay trắng cơ bản,
Cuối hoàng hôn lịm bóng thần tượng xưa.
Đêm nay trời khóc trời mưa,
Gió lùa ảm mục, trời đưa thu về.
Trời hay thu khóc ử ê?
Cổ cao áo kín đi về đường tôi.

— 1961

TUỔI THƯỢNG ĐÀI

Trời bầm. Rét đậm. Chiều thâm.
Gió lê thê tiếng phong cầm ỉ ôi.
Lom khom phở lồi suy đồi,
Bóng nhà thờ đổ, một tôi quảng trường.
Hè giòn gõ bước sương vang,
Trán va chạm vỡ bức tường hủ xua.
Đầu trơn lu hát điện thờ,
Suy tư giờ sống sờ sờ hư không.
Từ lâu quên đốt pháo bông,
Tuổi ba mươi phiến đá chông lệch vai.
Nửa đeo thờ, nửa thờ đời
Một tâm hồn loạn hai người độ găng.
Say đờn còn lăm hung hăng
Kể thua dứt cuộc, gã nằm trọng thương.
Sớm sau hao hụt lên đường
Ôm nguyên cái vực khó lường trong ta.
Đêm về thành phố tha ma
Giới nghiêm tiếng súng từ xa vọng về.

— 1962

ĐÊM DÀI TRÊN SÔNG

Trở về kỷ niệm xanh rêu,
Hồn tôi du mục cắm lều đêm nay.
Rượu và khói thuốc nồng cay,
Đèn lung linh ảnh, buồn lay lắt buồn.
Cuối sông còn tưởng nhớ nguồn,
Nỗi lia da thịt giờ hồn chưa quên.
Thơ khuya khát nẻo êm đềm
Càng thao thức ý, càng thêm thất lời.
Ở thờ lạnh thấu muôn nơi...
Nằm nghiêng ván mỏng, ngóng trời, trời cam.
Ngóng nghe đời cũng lặng thẳm,
Riêng nguồn cơn ấy còn thâm ngấm hoài.
Nỗi mình khó xẻ làm hai,
Đêm không nhắm mắt thấy dài cô đơn.

— 1965

CỔ TÍCH

— *Nguyệt ẩ Kim Giang tâm tự thủy*

♦ Cự Huyện Phong Doanh

CUNG KHẮC ĐÔN

Hình xưa còn thắm trong tim,
Túi thơ lãng sĩ đi tìm nguồn trịnh.
Trời xanh men sứ lục bình,
Trong vân biếc lục lẫu hình bóng say.
Chim bay kia! những chim bay...
Chim loan, chim phượng lúc này hoá tiên.
Chàng chờ chiều thắm vào nghiên
Huyết son làm mực viết thiên thu tình.
Nghìn sau lên thác xuống ghềnh
Rối trông chỉ thấy bồng bênh mây trôi.

— 1970

BÀN TAY SÁU NGÓN

**Héo trong từng nhịp thở,
Rễ xám tủa di căn,
Quay lưng lúi về mộ
Lão lữ bước nhọc nhằn.**

**Quá khứ dần trước mặt,
Trời cổ độ hiem quang,
Xa sâu hơn bản bật
Sớm ấy đã khô vàng.**

**Tóc xanh lằm che giấu
Một hồn già thiên cổ.
Mồm khô ngoan có mím
Khó nuốt được niềm chua
Thối từ ổ ruột già!**

**Mắt tinh chong nghìn nển
Soi tìm bến thâm uyên.
Ngờ đâu trời đã chỉ
Tật nguyên từ con tim!**

**Và, chân đi dây xiếc,
Tay dang giữ cân bằng,
Bàn tay hồn sáu ngón
Tự thở hồn đầu thai !**

Làm người ôi ! vinh dự,
Thượng Đế đến rồi đi,
Bơ vơ mình ở lại
Thịt mòn từng thớ nghe
Thuở chào đời tiếng khóc
Buồn như bị cán xe.

Sinh ra đã trúng số
Tội tình đặt vào nôi.
Án này cây thập ác
Chung thân vác lịch người.

Ngày đi mua bánh vẽ,
Đêm mang chiếc bóng về
Chập chờn chong lên vách:
Léch thếch xích hòn lê
Chân thẳng gù lụ khụ.

Héo trong từng nhịp thở,
Rễ xám tủa thâm căn,
Quay lưng lúi về mộ
Lão lữ bước tần ngần.

Bàn tay cong sáu ngón
Gõ cửa bật âm hao.
Phải tự mình khâu lấy
Vết thương nứt ở đầu.

— 1970

MÃN CUỘC

01. — *Nhục Thử*

Ghép ván cầu làm chi!
Sang nhau từ lúc ấy
Bẽ bàng đã bắc qua.

Chiều mưa giăng ảm đục
Kề má áp lưng em
Nghe hồn mình mục rữa.

Thì ra anh mới biết
Sau xoắn xuýt thân nhau
Con sâu tình tội lỗi
Vào đùn mối hồn sàu.

Ghép ván mục làm chi!
Sang nhau từ lúc ấy
Nhịp cầu đã gãy đôi.

02. — *Linh Hồn*

Cứu rồi hồn làm chi !
Từ khi sàu trần đọa
Đã nhiễm trùng hoài nghi.

Trời đông la: Cấm Cửa!
Thấp nển niệm tâm kinh
Sao thấy mình lạc tiếng.

Thì ra tôi mới biết
Sau lú lẫn tin dăng
Hư vô lừa bóng tối
Vào xoá lối thiên đường.

Hồn giờ đi chân đất
Lật đật lối cô đơn.
Ngã ba phố chập chờn
Ánh đèn vàng lửa ngục.

Súng xa vang liên vận
Quý hận rống ven đô.
Bàn tay mưa xô xoá
Chiếc bóng goá mơ hồ
Loãng tan đêm thủy hoạn.

Đừng tự làm khách sạn
Cho ở tạm đời mình.
Phải tự mình làm ngôi
Lọp kín mái hồn mình.

Cũng đừng làm xe khách
Chở hành khách là mình.
Phải giữ mình thường trụ
Chỗ trú mình là mình.

Đi là để trở về
Nông nàn một điểm hẹn
Nhất phiến chiếc linh hồn
Giữa bão bùng dâu biển.

— 1971

FOR RENT

Sống là một thứ đi buôn,
Mang thân bán vốn, còn hồn cho thuê.
Mỗi ngày một giấc ngủ mê,
Sớm đi ảo vọng, tối về huyền mang.
Bát cơm miếng cháy khô vàng
Miệng chua khó nuốt, địa đàng khó lên.
Trăm năm trăm thứ tủi phiền,
Vấn vương rồi cũng vô duyên một đời.
Đêm nằm nghĩ biển thềm khơi
Một căn hồn hẹp vẽ vờ trời mây.
Vách lao in bóng vạc gầy,
Lăn tay ở trọ chính ngay quê mình.
Vật vờ lạc cõi nhân sinh,
Bài thơ cô phạm làm kinh gọi hồn.

— 1971

MÌNH VẪN LÀ MÌNH

**Giữa chiều đến và ngày đi
Thời gian không còn chỗ,
Đã hết rồi xế trưa
Ru em lời ấm ử.**

**Đã hết rồi những chụm bước đường mưa,
Những níu nuối tay nhau tình thủ thỉ,
Những thương em hoe mắt đỏ từ bi,
Tóc xanh mơn thơm ngát tuổi xuân thì
Hòa gió vẫy người đi làm thủy thủ.**

**Đã hết rồi những cười xua hiền nụ,
Những ánh nhìn muốt biếc ý ngây thơ,
Những chính tôi vui của những phút giờ
Hè nở phượng sau mùa thi tháng sáu.**

Đến những trăng sao cũng phai màu diệu ảo,
Tôi vào đời không nặng ý đua tranh
Và lớn lên bằng cái chết ba người anh,
Một tình yêu và mười năm khói lửa.

Giờ đi giữa những ân tình đổ vỡ,
Những tan hoang lở lói ngôi thành trì,
Vẫn dịu dàng lành vện ánh từ bi
Ngọc bình cũ sau trăm lần đảo động.

Vẫn tóc thông đung đưa vai thúy mộng,
Áo lụa là gòn gợn gió mùa qua,
Một chiếc hôn ngậy bên lên la đà
Vương tâm thức người đi buồn biển cả.

Vẫn nhưng nhớ nhủ mình đừng tha hoá,
Mình là mình giữa phố xá lạ xa.
Giữ trong ta ấm cúng một ngôi nhà
Thuở lịch sử chưa xô người sa đọa.

— 1971

TỪ TRIỀN TIỆM CẶN CÁT BAY LÊN ĐỜI

Lời lên quện nhựa ê a,
Lưỡi chua loét cặn trời sa tù mù.
Ngà ngà mặn muối thiên thu,
Rêu nhơm nhớp máu, mốc u ẩm hờn.
Nhang xiêm ngải, khói buồn nôn,
Sắt đĩnh tanh tươi, búa đồn đập phang.
Roi son, rã nhũ, bung vàng,
Chảo thùng bực bội, ván sàng động dao.
Buông xuôi tay, rỗng sợ đầu
Mông lung một giấc hồ nào chữa quen.
Bên kia lẫn tiếng trùng rên
Áng chừng rười rượi còn chen lời người.
Tung chẵn, bật nắp quan tài,
Ngỡ ngàng nghe tiếng đời ngoài rộn vang.
Khuyên kêu đến, sáo nói sang
Một hôn phối mới dệt đan nếp đời.
Một hồng sợi nối muôn nơi,
Nắng trao nhẫn cấn ngọc trời lung linh.
Hồn từ thức giấc u minh
Chứa chan niềm nỗi hoan sinh chưa từng.
Cho dù đời có đêm bùng
Vẫn kiên ử một sáng bùng bình minh.
Diệt sinh mầm chột trong mình,
Sống là từng phút phục sinh diệu kỳ.
Sau mai đi sẽ trở về
Lướt qua trần thế một vì sao băng.

— 1973

VIỆT NAM 1968

**Trong cuộc sống gài dối gian
Mỗi bước đi là dò dẫm
Trên một bãi mìn ngầm.**

**Mỗi ý thoát tiên là mở lộ
Vào đục xám như sương mai
Của những cái nhìn ám muội.**

**Mỗi tiếng nói ra một dấu vẩn,
Sự điên rồ là không biết làm thính
Khi sa giữa một rừng tai mai phục.**

**Mới đêm nao con vùi khóc với mẹ cha,
Sớm hôm sau pháo rớt chết cả nhà,
Núi đứng câm, sông cũng không ngủi nước mắt.**

**Trên triền sông chuối bấp bênh
Khó tìm ra quân bình thế
Sao mắt tôi còn ám lệ !**

**Hay tôi khóc vì đứng nghe
Rồi thấy mình không ngoài cuộc
Đời reo lên như một giắc dẫu trường.**

**Mũ áo xênh xang chờ xem
một thiên đường nhuộm phẩm,
Người sống say mềm bằng
những sấm ngữ viết hoa.
Đến cái chết cùng là dịp để bày phô sắc sỡ
Những màu cờ ảo hoạn,
Những áo mị hương hoa,
Một liên minh đàn đúm
Xum xoe lái xác với buồn hòm.**

**Trong dòng sông ngẫu rồi ren
Chúa treo trên móc sắt
Những bàn tay xung tội.**

**Người sang người bằng những
cái nhìn nửa nhọn
Rào đời cao như một chiến áp
Với mỗi nửa đêm linh hồn kẹt đạ
Đổi mắt chờ mà không thấy hoả châu.**

— 1968

TIẾNG GỌI ĐẦU NĂM

**Gọi sang đất thù
Bạt phủ trăm linh năm (1)
Cho rừng yên giấc ngủ.**

**Gọi sang núi địch
Tháo kíp nổ năm trăm pound (2)
Để con về thăm má
Đường quê xuôi thong thả.**

**Gọi sang lũng mù
Không ánh sáng hoả châu (3)
Để tình nhân đau đáu
Thấp đuốc đi tìm nhau.**

**Gọi sang chốt uất
Chặng M trăm mười ba (4)
Để đồng xanh yên ả
Cru mang những mầm mạ.**

**Gọi sang hố hận
Gác giá M bảy hai (5)
Để lành lặn chân tay
Mai về trùng tu xứ sở.**

**Gọi sang lũy hào li
Tháo gỡ rào kềm gai.
Mai xây lên trường học
Nơi chiến trường thảm khóc.**

Gọi sang não cân căng
Tiếng chuông chùa diu dặt,
Nhạc thánh đường réo rắt
Nguôi bóng rít hờn căm.
Gọi sang tâm đa mang
Bằng tiếng gọi bắc ngang
Qua con sông u ám
Một chiếc cầu thông cảm.

Gọi sang tâm kiêm thương
Bằng nhịp điệu thuần lương
Của tim rung để nhớ,
Khoé mắt nhìn để mong,
Hàng mi buông để khóc
Khi thấy mỗi chúng ta đang đánh mướn
Trận chiến phá quê hương, giết tình người.

Gọi sang phía người
Nửa đêm chuông hừ chiến,
Pháo nổ đón xuân sang,
Mười phương kinh cầu nguyện
Hoà bình này vĩnh viễn,
Mẹ tổ quốc an khang
Sinh trăm con tráng kiện
Trên quê cha vinh hiển.

— 1968

-
- (1) Đại bác 105 ly.
 - (2) Bom 500 cân Anh.
 - (3) Đèn dù từ máy bay thả xuống để soi sáng chiến trường.
 - (4) Thiết vận xa M113.
 - (5) Đạn M72 chống chiến xa.

**CHỨC THƯ
CỦA
MỘT NGƯỜI LÍNH
VÔ DANH**

**Nếu ngày mai cam phận tôi lên đường,
Rồi bị hút vào từ trường phía trước,
Viên đạn nào vô giác xoáy tim tôi,
Xin các người đừng trông kèn âm ỉ,
Đừng đọc điệu vãn, trương cờ xí.
Bởi sinh thời thường tránh chốn lao xao
Tôi muốn được chết âm thầm và thất tích
Giữa vô danh
Một vết xước nhợt nhoà
Trên vô tình lịch sử.**

**Nếu ngày mai tâm lý chiến đàn
Lùa đoàn quân lao vào chiến địa,
Mìn mù loà xé nát xác chiến ngoan,
Xin các người đừng đến làm rằm trước linh vị
Vinh danh chiến là anh hùng liệt sĩ.**

**Bởi cái chết giờ là
Một quan tài gỗ tạp nếu có
Đóng bằng ván lạnh lòng
Và đinh sắt lãng quên – vô ơn
Màu thời đại.**

Nếu ngày mai say mùi thuốc súng,
Tôi miên du trong mưa đạn,
Phiến ngực gây làm tấm khiên che,
Thân tung bung như xác pháo
Theo nhịp cười giòn rồ dại cổ liên thanh
Của một xạ thủ nằm rình
Bên chiến hào đối mặt
Hắn cũng như tôi
Đang say mùi thuốc súng,
Mùi mê yên mị dược
Đánh thuốc lú hồn ta
Đang vô thức miên du
Trước khổ đau đồng loại.

Nếu vì cuồng vọng một người,
Một triệu người phải ngã xuống,
Vải tang sô không đủ để quấn đầu
Muộn sâu
Triệu nàng goá phụ,
Vật vờ
Triệu mụn con cô,

Xin các người đừng đến diễn tuồng tưởng niệm
Thương tiếc triệu người chồng/cha vắng số,
Rời ra về ngôi ký lệnh trung binh
Lấy thịt đồng bào làm môi cho súng ngoại.

**Bởi cuộc chiến các người gây ra
Là vô luân và phi lý.
Chân lý không hồng,
Cứu cánh không xanh,
Tôi muốn ngã xuống trên một làn ranh màu trắng
Không vương vãi hận thù
Người lính ấy miên du
Bên chiến hào tử địa.**

**Phút trực diện Thần Chết
Vô hình mà rất thật
Như người lính ấy không chân dung
Cùng da vàng máu đỏ
Đang xả súng bắn về tôi
Từ một chiến hào khoét sâu lòng Đất Mẹ,
Tôi thất thần bắn trả từ lệnh truyền
Của một bản năng dung nham
Cuộn lửa khắp châu thân**

**Bắt tôi phải bắn và bắn
Tới viên đạn cuối cùng
Vang chát huyết hư vô :
Chiến tranh vốn vẹn là như thế.**

**Chúng ta những con cờ thí
Cho những giấc mơ cuồng vĩ
Của lũ mặt người bụng quỷ.**

**Để hồn nhẹ nhõm lúc ra đi
Xin trả đủ lại các người
Những huân chương láng coóng,
Những chiến tích mạ kền,
Những hoa hòè, hoa sói,
Những loá mắt lập lòe,
Một thiên đàng mộng hoạn,
Một chiến sử không vui,
Một nghĩa địa hoang vùi
Triệu anh hùng mê muội
Phận mỏng con thiêu thân
Lao vào lòng ngục lửa.**

— 1972

MỘT NHÀ THỜ KỶ QUẶC

Trong thị sảnh linh hồn
Thiện, ác cười xin nhau,
Thần ngủ hoang với thú,
Người thành đũa con rơi.

Tội tiền tông chông chất
Giá chuộc ngày một cao.
Trẻ nghìn sau còn bật
Ăn năn tiếng vượn gào.

Dạ thốn nhớ lâm râm
Cuống nhau sồn sột thiên.
Trái Đất một bệnh viện
Nội trú tử đọa hồn.

Dưới giáo điều đường mật
Dịch cùi thối thâm căn.
Ảo tưởng càng thương tật
Sau bùa thuốc lang băm.

**Nó ra lò bánh vẽ,
Bào chế lăm “nhân danh”.
Nhân danh mộng tốt lành
Nó giết người như ngoé.**

**Mòm ngoa ngôn choảnh hoảnh,
Lưỡi giáo hoạt tiên tri
Thế gian đầy bất hạnh
Vời Chúa xuống trị vì.**

**Chúa hiện ra cuồng vĩ,
Loạn trí và kiêu căng.
Để dễ bề độc trị
Giết người cha nguyên thủy.**

**Trò dâm bôn diễn mãi,
Ngày đội lốt thanh cao,
Đêm loã lồ đòi bại,
Chúa lộ hình lại cái.**

**Trăm thu về một mối,
Làm Chúa bố, Chúa con,**

**Thống lĩnh luôn linh hồn.
Chân tay ta: quỷ hội.**

**“Cha” lảng xãng truyền giáo,
Môm liến lấu phương châm.
Tín dân khẩn ì ầm
Thứ cuồng kinh dị đạo.**

**Trại lính thế nhà chung,
Lưỡi lê thay thánh giá,
Nhà thờ này kỳ quá !
Dao găm giấu áo chùng.**

**Cứ mỗi lần “sấm” dậy,
Tà khí quậy đảo điên,
Máu tuôn và lệ chảy,
Thế gian vội người hiền.**

**Trại tù mọc khắp xứ,
Xác thây xú tang điền.
Cú oán nghìn oan khiên
Rúc đêm dài lịch sử.**

— 1975

CỔ DAO

trong

THƠ CUNG TRÂM TƯỜNG

● THỤY KHUÊ

Cung Trâm Tường gắn bó với giai đoạn đầu của thời chia đôi đất nước, qua thi tập *Tình Ca*, mười ba bài mà Phạm Duy đã phổ nhạc sáu bài, đó là *Mùa Thu Paris*, *Kiếp Sau*, *Về Đây*, *Khoác Kín* – Phạm Duy đổi là *Chiều Đông*, *Tương Phán* – Phạm Duy đổi là *Bên Ni Bên Nớ* và *Chưa Bao Giờ Buồn Thế* – Phạm Duy đổi là *Tiền Em*. Tất cả sáu bài đều thuộc vào những bài thơ phổ nhạc tiêu biểu cho sự gặp gỡ giữa thi ca và âm nhạc ở cung cao của sáng tạo. Trong sáu bản nhạc thơ ấy, có *Kiếp Sau* ít nổi tiếng hơn cả, nhưng lại là bài thơ hay nhất. Bài thơ Cung Trâm Tường, nhạc Phạm Duy và tiếng hát Thái Thanh kết hưởng thành một thể toàn bích, gói trọn thiên thu trong khoảnh khắc. Nhạc Phạm Duy và giọng hát Thái Thanh, thính giả đã biết, duy có chất thơ trong bài *Kiếp Sau*, riêng nó, đã đạt tới đỉnh cao nghệ thuật nhưng ít ai đề cập.

Bài thơ rất ngắn, sau này Cung Trâm Tường có viết lại hai *version* khác, nhưng có lẽ vẫn không vượt được bản đầu in năm 1959 ở Sài Gòn :

*Bù em một tháng trời gần,
Đơm hoa kết mộng cũng ngân ấy thôi.
Bù em góp núi chung đôi,
Thieu nương đốt lá cũng rời hoang sơ.*

*Bù em xuôi có ngàn thơ,
Vẫn nghe trắc trở trên bờ sông thương.
Quên thôi bông sẽ phai hương,
Mà xưa tiếng gọi nghe dường thiên thu.
Non sông bóng mẹ sầu u
Mòn trông ngưỡng cửa, chiều lu mái đầu.
Thôi em xanh mắt bồ câu,
Vàng tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau.*
Bài thơ làm năm 1956, đã hơn bốn mươi năm.
Không một vết nhăn.

Trò chuyện về thơ tức là chuyện trò với chữ — vấn đề
ngữ sự — nói như Cung Trầm Tưởng.

Trước hết là chữ *bù*. *Bù em*.

Phạm Duy có lẽ vì nhu cầu âm nhạc đã đổi ra *đền*.

Đền em, nũng nịu. Tây hơn, hợp thời hơn, nhưng *Bù em*, mới hiếm, mới Việt. Trong chữ *đền* có nghĩa *đổi trao*, lấy đi rồi *đền lại*. Trong chữ *bù* chỉ thấy *cho*, chỉ “*lấp đầy*.” Nguyên lý lấp đầy lại rất phụ nữ, rất nhục cảm, rất Sartrien, rất Cung Trầm Tưởng. *Bù* lại gần với âm *bu*. *Bu* là gọi mẹ theo tiếng quê ta. Một người “Tây con” như Cung Trầm Tưởng thời ấy, làm thơ tặng những em “tóc vàng sợi nhỏ” mà lại viết *Bù em* thật tuyệt. Nhưng Phạm Duy có lý khi ông đổi lại là *đền em*. Ai cũng hiểu.

Ở Phạm Duy là ý thức cộng đồng, ý thức dân ca.

Ở Cung Trầm Tưởng là ý thức biệt đã, ý thức thi ca.

Bù em là ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ bùa chú — nói như Mallarmé — khác lạ, không giống ai : Ngôn ngữ vừa được nhà thơ tác tạo. Cả bài thơ có hơi cổ điển, có hồn ca dao. Nhưng không phải ca dao thuần túy mà là ca dao đã hoá thân, cổ điển đã tọc lụy.

Thiên nương đốt lá cũng rồi hoang sơ.

Các cụ xưa đâu viết thế. Các cụ môn đăng hộ đối, đâu có thấy bình dân “*cũng rồi*” ngồi chung chiếu với quý tộc

“*thieu nương.*” Rồi lại “*Thôi em xanh mắt bồ câu...*”

Ca dao đâu viết thế. Ca dao thường trực tiếp, dễ hiểu :

Em thôi, mắt xanh, hay *mắt em, thôi xanh* v.v... Nên khi gặp *thôi em xanh mắt* người đọc lạc vào mê đạo.

Mà xưa tiếng gọi nghe dường thiên thu

Toàn thể câu thơ là một bề hoang đường, lạc đất.

Tất cả những “*cũng rồi*”, “*mà xưa*”, “*nghe dường*” gieo vào câu thơ ở những chỗ bất ngờ nhất, tạo sự lổ nhíp, làm đảo thần lục bát, phát sinh một hồi âm mới: Wagner hay Mozart? Phạm Duy hay Văn Cao? Có hết. Tất cả đồng quy ở tiếng gọi thiên thu hay tất cả đều đã hoang sơ? Cung Trầm Tưởng đã xướng lên một thứ cổ dao hiện đại :

Non sông bóng mẹ sầu u

Mòn trông ngưỡng cửa, chiều lu mái đầu

Những tiết tổ âm nhạc, quá khứ, hiện tại, không gian, thời gian, ẩn hiện, giao toả với nhau. Những hình ảnh sáo mòn như “*đom hoa kết mộng*”, “*sông Thương trắc trở*” được hồi sinh trong một kiếp mới, nhờ cách xếp câu, đảo tứ:

Bù em một tháng trời gần,

Đom hoa kết mộng cũng ngàn ấy thôi.

Bù em góp núi chung đôi,

Thieu nương đốt lá cũng rồi hoang sơ.

Bù em xuôi có ngàn thơ,

Vẫn nghe trắc trở bên bờ sông thương.

Những cách treo chữ: *cũng rồi, cũng ngàn...*, buông chữ: *bù em, thôi em...*, đảo chữ: *mòn trông...*, hoặc tạo cảnh: *chiều lu mái đầu...* đều có tính cách phá tan cấu trúc nội dung, cấu trúc âm thanh của lục bát ca dao để tạo ra, về mặt thời gian, một tiếng gọi từ ngàn xưa vọng lại, về mặt âm thanh và tư tưởng, thành một nhạc âm cổ điển và hiện đại, phong liệt nỗi buồn nguyên thủy, rồi nghiền tán nó ra, rắc vào không gian, gieo vào vũ trụ, tạo ra một môi trường buồn âm nhạc :

*Ngày đi, chiều tới không nghiêm,
Khoan thai gió cõi phong niêm rữ buồn.
Bờ nghiêng, nắng dốc, đường thuôn,
Thiết tha tiếng cũ nghe luôn không trung.*

— Về Đây

Trong bài *Bémol*, buồn lại đập theo một nhịp khác, như một nốt nhạc bị giam cầm:

*Chiều buồn lạc thanh âm
Hoang sơ vào khuya tối
Linh hồn tôi dương cầm.*

Bài *Khoác Kín* cũng là một trong những giá trị độc đáo của thi ca Cung Trầm Tưởng mà Phạm Duy đã phổ nhạc và đổi tên thành *Chiều Đông* — Phạm Duy có tài lựa những tuyệt tác của mỗi tác giả để đưa vào cung bậc âm thanh. *Khoác Kín* cũng là một bài thơ ngắn, nhưng mỗi câu, mỗi chữ đều là những giọt huyết lệ của thời gian, nhỏ trong không gian tàn tạ :

*Chiều đông tuyết xứ âm u,
Bâng khuâng chiều tới tiếp thu trời buồn.
Nhớ ngày tàu cũng đi luôn,
Ga thôn trơ nổi băng nguồn héo hon.
Đường xuôi nhịp sắt bon bon,
Tàu như dưới tỉnh núi còn vọng âm.
Sân ga mái giọt âm thầm
Máu đi có nhớ hồi tâm đêm nào?
Mình tôi với phố non cao;
Vời còn tuyết tịnh buốt vào thịt da;
Vời mây xuyên nhọt ánh tà;
Vời đèn xóm hạ cũng là tịch liêu.
Tôi về bước bước dẫm chiều,
Tâm tư khoác kín sợ chiều lạnh thêm.*

Giọng buồn Cung Trầm Tưởng, thời 55-60, đã khác hẳn giọng sầu Huy Cận trong thời thơ mới. Cung Trầm

Tường đem lại một cô đơn mới: cô đơn của buổi hiện sinh. Cô đơn của con người trong sự nhận thức lại chính mình. Cô đơn của gã Roquentin trực diện với “bản lai chân diện mục” của mình trong chiếc gương soi mới, soát lược. Cô đơn của gã tử tù Meurseult, xa lạ với loài người :

Hoang lương về chết tha ma

Tiếng chân gõ guốc, người xa vắng người.

— **Tương Phản**

Và chắc hẳn Wagner ở dưới tuổi vàng cũng đã có phần nào đóng góp trong cách biến tấu nhịp điệu thể xác và linh hồn của lục bát, nơi Cung Trầm Tưởng.

Những năm cải tạo đã thay đổi quan niệm sáng tác của Cung Trầm Tưởng, nhà thơ trữ tình chuyển sang nhà thơ dân thân. Ông viết về cái tâm thức mới ấy bằng những hàng:

“Người thơ xưa nói lên tâm thức bộ lạc. Người thơ tù “cải tạo” bây giờ, một nạn nhân kiêm chứng nhân, nói lên tâm thức cộng đồng của những người tù cải tạo. Cái tâm thức sâu thẳm, lên men từ khổ đau, thúc trưởng bởi bản năng tập quán, xúc tác ra một nhân gian thuần nhất, nền cộng hoà của những người anh em đồng cảnh, những người tù cùng khổ.” — Ainsi parlait le poète.

Từ một quan niệm thơ như thế, lục bát Cung Trầm Tưởng, bài *Nguyện Cầu Mùa Thu*, làm ở Hoàng Liên Sơn, thu 77, có những câu :

Áo tù thấm máu đôi vai,

Bàn chân nửa chém, vành tai gió lùa.

Ngó tay bỗng thấy già nua

Cửa êm thân xác mấy mùa thu qua.

Môi cần, má hóp thịt da.

Ngó voi miệng chén, canh pha nước bùn.

Đêm nằm ruột rộng vai run,

Đầu kê tiếng suối, chân đùn bóng đêm.

Cung Trầm Tưởng, ở thơ tù, trở thành một nhà thơ

hiện thực, rất hiện thực. Nhưng không phải lúc nào cũng hiện thực. Những mộng, những mơ, những trử tình khó thoát khỏi bản năng. Cung Trầm Tưởng của thơ tù, có mộng, có mơ, nhưng lại là những cơn ác mộng mà vẫn có cái ngất ngư, cao đạo của tâm hồn :

*Sớm đi đội gió đỉnh đầu,
Tưởng như hồn chết giữa vâu nửa khô.
Đường lên dang nửa nhấp nhô,
Ngả nghiêng mây núi, lệch xô đất trời.*

— **Đường Lên Dang Nửa**

Mười năm lao cải chỉ là mười năm luyện thép cho thơ. Thơ ông đanh hơn. Như thể muốn thổi bể thời gian, luyện quánh nổi đau trong hò địa phủ :

*Mồ dẹt thời gian xe hủ lô,
Sương tang sô xoá bật sông hồ.
Nổi đau sờ thấy hồn vong tộc
Nham nhấp trời và sần đất thô.*

Con đường mười năm đã vùi chôn tất cả những ngây thơ, những tin yêu, những nhẹ dạ xưa, và đưa thi ca vào một lộ trình gai góc, lộ trình heo hắt, lộ trình tang trắng mà thơ là sự cô đọng những tang thương, khắp liệm trong lòng người tù cải tạo :

*Và đi cho tới cùng đường
Của heo hút xứ khôn lòng khổ đau.
Thoắt đi tóc đã phai màu
Như nghìn tang trắng quán đầu vi lô.
Chiều tê sương sập nắm mồ
Vùi chôn chủ bé mơ hồ năm xưa.*

● **THỤY KHUÊ**

Paris, tháng 10, 1999

TẬP HAI

LỜI VIẾT HAI TAY

— *Xin cung kính
ngiêng mình tưởng niệm
anh linh các chiến hữu đã ngã xuống
trong lao tù cộng sản.*

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 127

128 * CUNG TRÀM TƯỜNG

LỜI TỰA

AINSI PARLAIT LE POÈTE

● CUNG TRÀM TƯỞNG

Thế kỷ hung man này có những vết chàm riêng của nó. So với đồng nghiệp xa xưa, tên cai tù hiện đại tinh vi hơn, kiến hiệu hơn, tinh táo hơn, giỏi hơn trong cái ngón nghề hành hạ và làm khổ tha nhân.

Ở những thời pháp nạn hay chống Chúa, quý thông minh hơn thánh, và kẻ thất học sáng suốt không thua gì nhà trí thức trong các chức thuật sáng tạo những phương pháp tra khảo, gây đau đớn cho, và làm bầm dập thể xác lẫn tinh thần nạn nhân của y.

Kỷ nguyên này giàu những ngón đòn ngầm, nguội, chí tử. Như thể có một thứ nghiệp đoàn quốc tế năng nổ, hung hăng, bất phân giai cấp, thứ liên minh quái gở của những tên cai ngục. Khoa học tự nhiên, tâm lý, xã hội được triệt để ứng dụng, hiệp đồng, nhằm thoả mãn khát vọng vô chừng của bè lũ *xa-dích*. Và trí tuệ được chuốt sắc để tối đa điều kiện hoá, hạ nhục và triệt tiêu nhân cách người tù.

Sau các phát giác kinh hoàng của những Georghiu, Kostler, Pasternak, Orwell, Solzhenitsyn...tưởng như đã lay chuyển được một phần nào ý chí sắt đá của bọn giết người, cao trào đàn áp vẫn không nguôi ngoi và Trái Đất vẫn không bớt đi những trại tù. Nhân danh những ý hệ không ngừng điều chỉnh để duy trì những chế độ kim kẹp, những

nhà nước công an, thuyết tội tập thể và chính sách trả thù tập thể vẫn tác oai tác quái trên quy mô toàn cầu. Vẫn nườm nượp những đoàn tàu định mệnh, trước mang tên Siberia, nay Nội Mông, Thiểm Tây hay Hoàng Liên Sơn, chở tù chính trị đến những trại đày ải xa xôi, hiểm trở, nguy trang dưới những bí số như của những mật khu âm u thuở nào. Có những lá thư tình éo le của những người vợ trẻ chưa biết mình đã là goá phụ và những lệnh phóng thích lảng xẹt đáo địa chỉ trẻ tràng, khi những người tù đã không còn nữa. Và trên những chuyến tàu sông Hương, Yên Bái có mặt những người thơ trước kia chỉ biết ngợi ca lòng nhân ái, hoà bình và yêu đương thủy chung. Họ lựa chọn ở lại với lịch sử, áp sát vào lòng thời đại để nghe bằng mắt, nhìn bằng tai và nói bằng trái tim đập nhịp đập của cộng đồng, dân tộc và nhân loại. Họ muốn chung vai vác giá khổ nạn cùng với đồng loại, tiếp nối chuyến lưu vong vốn dĩ đàng đẵng, bầm sinh của người thơ, của con người trên Trái Đất. Nghĩ cho cùng, đây là xê dịch của siêu hình vào lịch sử, chuyên thể nghiệm phận người như một khôn đoạ quang vinh, xong rồi thì lại lên đường. Bởi cuộc hành trình dài hơn lịch sử. Lịch sử chỉ là một trạm quá cảnh đóng con dấu máu đỏ của tang thương lên quyển hộ chiếu của thi-lữ khách. Cơ bản, thơ vượt lịch sử.

Lời Viết Hai Tay hình thành từ và muốn thể hiện quan điểm này qua thơ. Khi hai tay bị còng khoá số 8, khi hai chân bị cùm gông thiết diệp, khi thân xác bị trói gù lưng tôm, cái tâm người thơ cũng trực tiếp bị xúc phạm, nhứt nhối và khôn khổ. Tâm chập vào thể, ra một nhất nguyên. Người thơ tù biệt giam — tù của tù — lấy cái đầu viết hộ cho hai tay bị còng, làm thơ như chơi cờ tướng.

Thật là hạnh phúc!

Khi được xả cùm, hấn lại vội vàng tình nguyện trở về lao động xung kích, nghĩa là đi chặt cây, dẫn nứa, đốn dang

nơi thâm sơn cùng cốc. Hẩn làm như thế để tránh được chùng nào hay chùng ấy cái nhìn cú vọ, hắc ám, đáo đẽ, tục tĩu của tên cai tù. Hẩn thường dành chút thời giờ nghỉ ngơi để lên ngòi đỉnh một non cao, bao quát trời đất, thở khí lành, ăn mây sạch, uống gió thanh, và thế là thơ bật ra từ chân tóc. Hoặc để vào ngòi trong một động hoang sơ, tịch mịch, hong lửa lạnh của vú đá lung linh, nhìn bóng mình chập chờn trên vách động, và thế là thơ loé ra trong đầu. Vọt ra từ im ắng mông lung, gỡ những dẫu lạng trở lại tim óc. Tác động qua lại như sau: đời sống có thực và cảnh vật có thực đẩy thơ vào phức trong đầu người thơ như một ký gửi phiêu lưu, một đầu tư bất trắc, một gợi ý băng quơ, một hứa hẹn mơ hồ.

Sáng tác — hay sáng tạo tác phẩm — chuyển tiềm năng thành hiện thực, cái hiện thực cấp hai, kết tủa từ những bộ phận rời lẻ của thế giới hiện hữu và sinh hoạt theo những phép tắc riêng tư của nó. Khởi sự từ rồi vượt qua thế giới này, nó thành một thế giới khác, thống nhất hơn và có ý nghĩa hơn. Làm thơ là một động tác tâm sinh lý bất bình thường, có nhiệt độ, xôn xang, thúc bức, như chuyển dạ. Một thứ bán điên, cô lập người thơ với ngoại giới — như cái hột nằm giữa quả — khơi nguồn cảm xúc chảy xuống đầu ngón tay, trào ra chữ nghĩa, thành bài thơ. Nếu tay bị còng, ngón tay nhảy lên đầu, và động tác không thay đổi.

Cơ bản, làm thơ là để giải phóng ản ức, tìm một quân bình phiếm định trong một bất trắc triền miên. Ức chế càng tích lũy, càng o ép, anh ách như chữa trâu, sự lâm bồn càng khó khăn, đau đớn, toác xé, và bài thơ ra đời như một chiến thắng hân hoan. Nhà tù “cải tạo” như một thứ nhà thương quái gở con người lập ra không để chữa bệnh mà để đầy ải con người. Nó chất chồng nghịch cảnh trở trêu, suồng sã, bóp thắt lương tri và con tim mẫn cảm. Vì thế nó dễ trở

thành miền đất phì nhiêu cho mùa thơ nở rộ. Một thảo nguyên đất đen, trong lòng nó đau khổ gieo mầm và được thúc bôn bằng cơn bão le, tức tưởi.

Thơ tù dễ làm, dễ hay, và làm nhanh.

Phản xạ sinh lý, bật dội tâm linh.

Tập thơ này muốn đặt thời gian, không gian và tâm cảnh vào trong một khí hậu thuần nhất.

Về thời gian, nó muốn lập quan hệ máu thịt với một thời kỳ đen tối của lịch sử trong đó cái tang chung, cái cộng nghiệp và cái cùng mất quện bện thành một nền cộng hoà xám của oan khiên, xấu số, bất hạnh, lao khổ, đói khát, bệnh tật, chết chóc và những thâm vọng mông lung. Một thứ thời gian đơn điệu, lê thê, ù lì, lệ khệ, khựng lại, thách đố tiến hoá, lập lờ giữa sống và chết. Một thứ thời gian phản vật chất, phi tuyến tính, cũng chẳng cuộn vòng, không quá khứ, không hiện tại, không tương lai, vô thì tính, rồ và dễ làm điên, phi lý: sự dàn trải của hư vô. Một phản thời gian.

Về không gian, người thơ muốn chạm nổi một cảnh quan le lói kỳ dị, âm u yêu ma, mông muội thánh thần, chói chang dã quỷ. Một thế giới siêu thực nhưng không hoang đường, bởi hoang đường không thể trụ được trong cái xứ sở ở đó khổ sai đâm, cấu thịt da, và tiếng người tru tréo réo đập màng tai, nhức đến óc, xóc đến tim. Sự thực được bóc tả ở mức trần trụi cao nhất, nhưng vẫn bằng bạc ẩn dụ. Bởi đây vẫn là thế giới của thơ. Một địa ngục, hay đúng hơn, một luyện ngục. Mạch mỗ của những ý nghĩa sâu thẳm về cuộc đời, về nhân phận như một khuyết thể nếu cái định nghĩa cơ bản sau được chấp nhận: sống là một động tác rút từ bụng mẹ xuống vực thẳm.

Cảnh quan nhà tù không nghèo tính triết và tính thơ. Sáng tạo là chuyển tính thơ này thành bài thơ. Bài thơ nói về một không gian khép kín, bí bưng, tự soi bằng thứ ánh

sáng nội tại của tâm cảnh một thân phận bị câu thúc, bị bủa vây, bị chà đạp, bị khảo tra, bị nhục hình, bị soán đoạt tự do. Thứ ánh sáng của trí năng cô lẻ, tự bồi tổn, tự tái tạo những chùm ảo ảnh mãnh liệt về một ốc đảo cứ lùi mãi. Thứ ánh sáng ảo đang chiến đấu với bóng đêm khôn kiếp. Chết ở đây là khi bộ máy phát ảo hình này đình động.

Nhà tù mang thơ trở về cội nguồn, trả lại cho người thơ cái ma lực của gã phù thủy bộ lạc xa xưa. Hấn dẫn dắt, linh thị, tiên tri, bói sao, cầu hồn, nhớ nghìn trước, thấy nghìn sau, nói chuyện với thần, nguyên rửa quý, làm ra những bà tiên, những trận mưa xoá hán, những ngọn lửa ngự hàn, và đẩy lui cõi chết. Hấn phóng tưởng, hà hơi, tiếp sức, vực dậy những hồn tù oan khốc, điều linh, vất vương, cô chiéc. Hấn bá nghệ, vạn năng. Bằng bài thơ như một vũ khí, hấn tuyên chiến, vật lộn, giằng co, sống mái với quý, đánh trả trận lãn xâm của bóng đêm tuyệt vọng.

Khi bị cướp đi mặt trời có thực, bị cách ly khỏi những hệ quy chiếu thông thuộc của địa cầu, của đời sống, nằm “chết” trong một hầm ngục, người thơ làm thơ để tạo ra một mặt trời thế phẩm, một *ersatz* của mặt trời, mặt trời thơ, đục phá âm u, mở những cánh cửa ra những vùng trời kính vạn hoa. Hấn tự tổ chức dải ngân hà của hấn, thả nó bay bổng trên những quỹ đạo hấn tự vẽ ra theo những định luật đúc kết từ việc giải những phương trình thơ phiêu bông. Mỗi chữ thơ là một quang hạt da diết, một *photon* mãnh liệt, phát từ một nguồn tâm năng tự hành, tự túc vô tận, va vào vách định mệnh bủa vây.

Cuộc đấu với ngoại thù không phức tạp, cam go bằng với chính bản thân. Bị thường xuyên kéo căng do tác động của những tình huống ngặt nghèo, tới hạn, tột độ — rét như cắt, nóng như thiêu, chật đến ngộp, đói đến mềm, khát đến khô, mệt đến lả — nội tâm hấn bị chằng hắng, xâu xé, phẫu thiết không gây mê bởi trận ác chiến giữa những lực đối lập

như ái và ô, hi và bi, thiện và ác, chính và tà, tiên và tục, xả và chấp, hùng và hèn, tỉnh và mê, nhớ và quên... Trần tử thí, nghĩ cho cùng, giữa ham sống và muốn chết.

Mỗi đời một lần chết, nhưng hấn đã mỗi ngày một lần chết. Phép toán như sau: 1 ngày = 16 giờ sống + 8 giờ chết. Mỗi đêm chết 8 giờ. Vị chi 10 năm tù có 3600 đêm chết, hay 28.800 giờ chết. Để chuẩn bị cho cái chết lần thứ ba nghìn sáu trăm lẻ một, hấn đã thao dượt chết đến độ nhuần nhuyễn, với một phép bí tích bất biến: tắm rửa sạch sẽ, quần áo chỉnh tề, gối chăn vuông vắn, hãm nuốt khói một bi thuốc lào, hạ màn, nằm xuống, duỗi thẳng chân, buông xuôi tay, nhìn trần nhà, niệm thơ, rồi chết. Hấn thông thuộc bài bản đến độ cái chết trở thành nhàm chán, tự động.

Hấn đâm ra khinh lờn cái chết, không vì bạt mạng, mà vì thấy đời sống dù đen đúa, khôn khổ hay buồn nản đến đâu đi nữa thì vẫn còn hấp dẫn hơn cái chết. Từ đánh giá này, nằm ở đáy địa phủ, hấn tìm ra những giá trị của đời sống, phát hiện ý nghĩa sâu thẳm của nó, dù đó có thể chỉ là ý nghĩa của cái chẳng nghĩa lý gì cả. Hấn vác nứa, đập rừng, giã núi, đôi chân phù nặng như chì, nhưng đầu đầy ắp cảm giác như đang bước trên bông, đi trên lụa, chạy trên mây. Hấn đã đạt được kỳ công là về đích ba mươi phút trước người thứ nhì, rồi sau đó khỏi bệnh. Rõ ràng đây là một phù phép thoả mạ tất cả những nếp nghĩ quen thuộc của bọn tính có bảo hiểm sức khoẻ và tiền mai táng.

Một đêm trăng rằm, các bạn tù và hấn đối meo — riêng hấn bị bệnh phù thũng tái phát trói ghì chân hấn xuống sàn gác “Đằng Vương”, nằm hít mùi mái cỏ gianh — hấn làm thơ hư cấu một cảnh nguyệt thực để cùng các bạn ăn trăng, uống trăng, chơi trăng, trực thăng lên trời, và mơ về “*ngày xưa xanh cóm đòng đòng/em theo mấy chị chạy rong trên đòng.*” Hấn đã lấy cái đầu chạy hộ cho hai chân bị phù. Phép mầu lại xảy ra một lần nữa: hấn khỏi bệnh.

Người thơ xưa nói lên tâm thức bộ lạc.

Người thơ tù “cải tạo” bây giờ, một nạn nhân kiêm chứng nhân, nói lên tâm thức cộng đồng của những người tù “cải tạo.” Cái tâm thức sâu thẳm, lên men từ khổ đau, thúc trướng bởi bản năng tập quán, xúc tác ra một nhân gian thuần nhất, nền cộng hoà của những người anh em đồng cảnh, những người tù cùng khổ. Thơ trong tù vô về, động viên, phấn khích, xoa dịu, chữa bệnh, chống đói, công bạn sang sông, đưa đôi vai cho những mảnh đời phé tật nương vịn, làm tên phu đòn biết khóc, đào huyết, chôn quan, truy tiền bạn bằng một cây lau phát thay cờ hiệu. Thơ trong tù, một dòng thơ trực tiếp; một tiếng hát cất từ trái tim đến thẳng trái tim; một hàm ca xoáy sát đáy đời; một kinh cầu cho hồn ngoại đạo; một mò mẫm Khải Huyền. Một thách đố Thần Chết và tôn vinh Sự Sống.

Đời tù là phi lý của phi lý. Để đương đầu với nghịch cảnh sàm sỡ, trớ trêu, dị hợm, để không bị kéo xuống tầm tất yếu, ngã vào hư vô, để không tự tử, người thơ tù phải học làm con vật siêu hình, đào tìm ý nghĩa sâu thẳm nhất, cơ bản nhất, cụ thể nhất của sự việc trần gian. Giá trị không nằm ở cứu cánh mà ở độ dài và đà rướn về cứu cánh của cái nghĩ cho cùng là đam mê.

Thơ là một đam mê. Một lao về, một rượt đuổi khôn nguôi những cánh chim hồng khó bắt, những câu hỏi xanh lớn hơn bất cứ câu trả lời nào. Thơ dựng nhà thơ kiên tín của nó trên mảnh đất lầy của hàm hồ, nghi hoặc.

Lời Viết Hai Tay là một mùa màng gầy dựng mười năm miền luyện ngục, chờ người đọc đến hái gặt cho mình.

Saint Paul, Minnesota 15-08-1994

● CUNG TRẦM TƯỜNG

136 * CUNG TRÀM TƯỜNG

**XUÂN
TRÊN ĐÒI
BẢO CÁT**

**Xác xơ mình lá nắng soi xuyên,
Lao đao chim én liệng như thuyền,
Trời không là biển mà say sóng,
Mỗi lớp xuân xô một hớp phiền.**

**Nắng nhói như kim khâu thương tích,
Thuyền mây từng mảng vỡ lênh đênh,
Trong trăm nghìn mảnh trời kia vỡ
Có một đời ta trôi bấp bênh.**

**Màu sắc xuân xanh đã mất nhiều,
Hồn nay tiêu muối tóc điều hiu.
Đêm nghe cú rúc loa thù oán
Những sợ mai đời rẫy thương yêu.**

**Mỗi bước chân đi lún ưu phiền,
Đòi trắng như xương lóc đảo điên.
Đời e vùi lấp trong khô cát,
Én bay trời hỡi ! lút hình thuyền.**

*— Trại tù Suối Máu,
Xuân 1976.*

LỆ CHUÔNG

— Tặng Võ Ý

Nằm đón giao thừa giữa kềm gai,
Dơi kêu khô khốc, để đông dài.
Trời nuôi giông bão chim không biết,
Ngơ ngác bay vào lưới bủa vây.

Bọt mặc cho xuân áo gấm hồng,
Vẽ rừng màu sắc rất tinh thông.
Nhìn ra hoa chỉ là sân khấu,
Bốn bề phong cảnh chỉ là phong.

Nay muốn bay lên không có trời,
Trong lòng gãy cánh nằm im hơi,
Chim vốn là tim, trời là máu,
Không máu tim nào chẳng héo rơi !

Gió lất lay lau đau thoi thóp,
Chang chang pha quét bãi mìn ngầm, (1)
Trời thêm thiếp nhói sao lồng ngực,
Con dím hoang đường cọc gỉ đâm.

Chẽm chệ chòi cao ngòi xác xược,
Cờ bơi nhem nhuộm đỏ lòm lòm.

Một bầy người hám hôi tâm thú,
Tru tréo căm thù sủa sủa om.

Tết đến nhưng nào đâu có xuân!
Thời gian như giã tiếng chày dần.
Chim nằm hô hấp hơi trời đất,
Chỉ có kiên chờ sười hộ thân.

Bỗng từ xứ đạo gióng chuông rao
Tống cự nghinh tân phút nghẹn ngào.
Giòn giã âm thanh giòn giã đổ
Cho hồn chấp cánh hồn bay cao.

Thánh thót, ngân nga, dài dõng dạc,
Rung reo, giã duỗi, chạm vô lường...
Thế ra trời cũng như thân thể
Đau cái đau người thấu tủy xương!

Ba chiều Trời Đất, một chiều Tin.
Bốn phía chuông vang rộng mắt nhìn.
Mấy thuở rồi sao giờ lại khóc,
Lần đầu ấp úng lệ amen.

— Tam Hiệp
Tết 1976

(1) Trại tù bị bao bọc bởi một bãi mìn ngầm dày đặc,
một hàng rào kẽm gai nhiều lớp và những cọc sắt gỉ.

NGUYỄN CẦU MÙA THU

Lá rơi, rừng ngập lá rơi.
Quanh tôi thu đến bằng trời kín mây,
Bằng sương che khuất lau gầy,
Ngó trông chỉ thấy bề dầy của thu.
Hai mươi chín tháng lao tù,
Mưu thâm bó gối, hận thù trói tay.
Chiến tranh xém lửa lông mày,
Tay con còn trắng từ ngày mẹ sinh.
Thu này ngồi viết thơ kinh
Xin Trên ban phước an bình từ tim.
Cho hiền từng bụi cỏ kim;
Cho ngoan giấc ngủ bầy chim trên ngàn;
Cho môi bé mẫm chứa chan
Sữa thơm của mẹ nồng nàn tình thương;
Cho đời vai vịn vai nương,
Bước đi chờ bước, chân nhường nhịn chân;
Cho lòng về với chân thân,
Ngón tay mền Chúa được lần hạt châu;
Cho lời thư thái từng câu,
Tiếng chuông lại trả cho bầu hoàng hôn.

Hôm nay thu đến bồn chồn,
Buồn hơn trần thủ lưu đồn thời xưa.
Ngày đi tắm gió gọi mưa,
Thù chia giai cấp chẳng chừa một ai.
Áo tù thấm máu đôi vai,
Bàn chân nửa chém, vành tai gió lùa.
Ngó tay bỗng thấy già nua
Cửa êm thân xác mấy mùa thu qua.
Môi cần, má hóp thịt da,
Ngô vơi miệng chén, canh pha nước bùn.
Đêm nằm ruột rỗng vai run,
Đầu kê tiếng suối, chân đùn bóng đêm.
Mỗi ngày hận tủi chồng thêm,
Thương con nhớ vợ đến mềm ruột gan.
Xin Trên ban phúc bình an
Cho hồ xưa lại nở ngàn bông sen;
Cho anh lại biết thương em,
Chiến binh cởi giáp về xem hội làng;
Cho lòng lại biết cru mang,
Qua sông ác mộng bắc ngang cây cầu;
Cho ga sớm gặp lại tàu,
Cùng nhau đi thả bồ câu về trời.

— *Hoàng Liên Sơn*
Thu 1977

ĐẢO NÚA

— Tặng Đỗ Ngọc Uyên

Núi núi lam mờ lẫn nắp mây,
Lũng sâu ẩm ấp khói sương đầy.
Mùa này trời bão hoà hơi nước,
Nghỉ ngút rừng cài cái lưới vây.

Một màu xám ngắt tro và than
Đồi đốt chưa xong đã nguội tàn.
Cảnh như hư cấu thời sơ địa,
Gió Mán mưa Tây lạnh di man.

Một không gian khuất tù sinh hoạt,
Ngơ ngác nhìn nhau râu tóc dài,
Ngủ nằm sạp nứa, ăn bàn nứa,
Vết thương vì nứa chậm thành chai.

Lều dựng thô sơ đứng đưng đầu,
Lối vào nhót nhát dép bùn bầu.
Ngô ăn trong rá còn loang máu
Của ngón tay đan đứt vì vâu. (1)

Uông nước hồ nhờn màu lá tre,
Rác rêu nhão nhoét kết thành bè.
Cũng nước hồ này tù mức tắm
Lúc trời chợt nắng xuyên mây che.

Ngày ngày chiếc quắm vắt trên lưng,
Tù đi phát rẫy, đốt lau rừng.
Lửa bùng thán khí xông khê mũi,
Nước mắt cay khè, khói bít bung.

Tóc gàu gãi ngứa sướt da đau,
Bụng sôi giun réo đói cồn cào.
Chiều dờ dãn cúi lê chân bước
Mang gió mưa về từ rẻo cao.

Đêm nằm tưởng lạc thời hang lỗ,
Ngủ trèm hơi đất, gối bằng cây.
Vấn minh đồ đá à ra thế!
Lấy nứa vây quanh đảo đọa đày.

— *Đôi Nửa 300,*
1/1978

(1) *Cây cứng họ với tre, thân to, mình mỏng nhưng dãn, thường dùng để làm nhà.*

ĐUỐC HÈ

Lên cao dẫn gỗ hỏi Tày,
Thằng Tày nghênh ngang, rùng cây ngại ngùng.
Mặt trời dỗi bám hành tung
Ngửa thân trâu ngựa, nắng nung thịt hồng.
Lên đồi cuốc đất chống mông,
Lửa bung rát gáy, nóng phỏng rộp chân.
Cái đau vì nắng rần rần,
Vì thâm thù mới mười lần gớm hơn!
Mồ hôi tuột cán cuốc trơn,
Nắm cho chặt nổi cãm hờn này nghe!
Tâm tư như cháy lửa hè,
Vói mây râm xuống chụp đê thân kêu.
Ôi chao ! thêm tẩm màu rêu,
Ngón tay run rẩy muốn khều lá xanh.
Thêm từ một múi muối chanh
Vắt ra ảo ảnh cho vành môi khô.
Đất này nắng bạo người thô,
Ta mơ một thoáng nước hồ gợn da.
Lời buông tay cuốc ngà ngà,
Chờ nguôi thân bỏng lúc tà huy rơi.
Đi làm con én rong khơi,
Thoát đêm âm phủ bời bời lửa thiêu.

— *Đôi 300*
1978.

MƯA ĐÁ TRÊN ĐÔI 300

Trời loé chớp, gầm lên, giông sấm tới :
Xích sắt nghiền của nghìn cổ tăng kêu.
Roi gió quất lều cong căng phần phật,
Nóc đưng đưa, nứa rách toạc tiêu điều.

Như nghìn mảnh bom bi mưa trút đá;
Bể giông gào phùn phụt, bạt lều văng;
Con thiên lôi rống rú, gió giật giăng;
Trời xẹt nổ trận cười khùng thê thiết.

Một trận địa bày phơi thây la liệt:
Ngổ ngang rừng, bật gốc, gục cành cây,
Xác xơ phen, eo oắt xẹp lều gầy
Giữa tung tán một vùng ngầu bản loạn.

Mưa tạm hoãn, tù ủa ra hô hoán
Bóng đen còn nghìn nghịt núi đặng đông.
Mưa đi qua thả nổi đá bành bồng
Trên con lũ thượng nguyên về cồn cồn.

Tù đứng dậy, nhìn lên trời xáo trộn,
Bốn bên còn lồng lộn gió cào cây.
Tưởng nghe đi trong mỗi đốt xương gầy
Con rét lạnh với nghìn chân cấu cựa.

— *Đôi 300*
1978.

NGUYỆT THỰC

Tiếng ai tát nước đồng đêm,
Voi voi nước cạn, thêm thêm sóng lòng.
Ánh trăng quện nước gàu sòng,
Trời loang loãng cháo dưới dòng sao Tâm.
Gàu đưa khua nước trắng rằm,
Nước trắng trắng sữa khó cầm lòng lay.
Gàu quay, quay nước trắng quay,
Nước xoay quánh quánh, trăng bay dày dày.
Lòng voi cơn đói đong đầy,
Gàu ai thổi chó có vầy trăng lên !

Sao Tâm rờn nén sông trên,
Nén Tâm với nén trăng bên phập phồng.
Bông bênh bụng nhớ bông lông
Bánh in tứ giác, bánh hồng lục lăng.
Lập lờ dối dạ lừa răng,
Hồn thơ quậy với cháo trăng dần lòng.

**Ngày xưa xanh cỏm ðòng ðòng,
Em theo máy chị chạy rong trên ðòng.
Ngày nay lòng nhẹ như không,
Say trắng ðối ðối nằm chồg lên trắng.
Trời tung toé ánh sao băng,
Cho theo sao với trực thăng lên trời.**

**Gâu ai cứ tát nước vui!
Men trắng ðầy hũ ta mời ta thôi!
Ngày xưa uống rượu hương hôi,
Ngày nay loãng máu ta bồi dưỡng trắng.**

*— Trại tù Hoà Bình
Thu 1978*

HẾT DỐC RÒI LẠI DỐC

**Hết dốc rồi lại dốc,
Vác nứa hoá nghìn cân,
Khổ sai gấp nghìn lần,
Chân kêu từng bước một.**

**Gió đông dù lạnh buốt,
Thân ấm ướt mồ hôi.
Ngoài tai như chong chóng
Cây quay khắp thiên đài.**

**Cỏ gai cũng thù nghịch,
Lưỡi người sắc như dao
Chém thịt da ngọt sớt,
Chém đời toàn đà đao.**

**Lung ê và ruột thắt,
Cái mệt dốc vào tim,**

**Túi thương như cây kim
Bấm hõn ra nghìn mảnh.**

**Đường về đường xa lắm,
Còn mấy núi mấy đèo?
Sao lòng vẫn hi hục
Cố leo rồi cố leo
Trên đôi chân phản phúc.**

**Đôi vai giờ nhẵn nhục,
Vác nứa vẫn nghìn cân,
Khổ sai gấp nghìn lần,
Hết dốc rồi lại dốc.**

**Đếm từng trăm bước một,
Đi cho hết đường này,
Giữ lòng đứng thẳng ngay
Trên đôi chân ông sậy.**

*— Hoàng Liên Sơn
1976*

SAO IN

Hôm nay giông giống hôm qua,
Ngày mai na ná sẽ là hôm nay,
Giờ sau in đúc giờ này:
Loay hoay một chỗ đời xoay vòng tròn.
Sáng chiều một dáng núi non,
Rừng sâu một lối thuộc mòn gót chân.
Xầm xì một lũ quái nhân,
Đèo cạm lũng điếc thất lằn vòng dây.
Ta như con thú bị vây,
Khổ sai trong cũi chúng bày chúng chơi.
Vào rừng chém nửa huyệt hơi
Con dao đơn điệu cắt rời đời ra.
Mặt trời gần, mặt trời xa,
Ta nghiêng bóng hỏi bóng già lấm sao!
Xoắn dây bó nửa siết vào,
Ngày ngày vác vác về rào vòng vây. (1)
Rào con hoẵng trước thơ ngây,
Nay sừng nhọn hoắt khó khuây hận sâu.
Lên cao nhìn xuống khe sâu,
Suối lên một giọng đờn bầu lê thê.
Ngó quanh ngó quẩn bốn bề,
Núi quanh quanh quẩn chưa hề đổi thay.
Cảnh như trái đất ngừng quay
Khi đời là một chuỗi ngày sao in.

— Hoàng Liên Sơn
1977

(1) *Tù phải đi chặt nửa về làm hàng rào vây quanh chính trại giam của mình.*

ĐƯỜNG LÊN DANG NỬA

Kiếp nào giải phóng được vai
Cho thân xác khỏi miệt mài gánh đau?
Gióng quang lộng thông hai đầu
Kéo cày kéo kệt thúng sâu khổ sai.
Tháng năm tắt bật đông đoài
Chân này thế ngựa, lưng này thế trâu.
Sớm đi đội gió đỉnh đầu,
Tướng như hồn chết giữa vầu nửa khô.
Đường lên dang nửa nhấp nhô,
Ngả nghiêng mây núi, lệch xô đất trời.
Đốc đồi, đồi dốc, dứt hơi.
Thù kia vẫn khóa từng lời góm ghê.
Lên cao vác nặng quên về
Thuở xưa chú bé chưa hề tử thương.
Chiều về lũng dưới ngậm sương
Gót chân tù muện còn vương nợ trần.
Ngậm ngùi áo mỏng che thân,
Mỗi cơn bác thổi, mỗi lần lệ căm.
Nổi mình trì chí cắn răng,
Cái im lặng mới bằng trăm thốt lời.
Đường lên Đồi Sọ Chúa rơi
Những dòng máu thấm cho đời mai sau.
Vai này sá kể gì đau
Dù cho có vác lấy sào chung thân !

— *Hoàng Liên Sơn*
1977

ĐÊM TÙ NHỚ ĐỖ PHỦ

**Sinh ra trong thời loạn,
Trần thế lửa hỗn mang,
Nhân tâm hận ly tán,
Thơ ông buồn để tang.**

**Đời ông lắm gian truân
Nên thơ đẹp vô ngần,
Ngọc đen lông soi chữ,
Nhạc xám đệm đưa vắn.**

**Ngày đi rầu rĩ quyên
Hót trong vườn tang lục,
Đưa chàng lòng thiếp dứt,
Thơ trào đỏ máu quyên.**

**Dòng thơ ông xô lệ,
Sóng vỗ biển hoàng hôn,
Chim sương vọng kêu hồn
Người nghìn năm vinh hiển.**

Xưa ông đi đày ải,
Nay tôi biệt tù khe. (1)
Ải cách khe ngàn lý,
Mây vạn kỷ còn nghe
Hồn thơ ông gần gũi
Với lòng tôi thương tủi.

Đêm đêm thoát vòng vây
Của bầy người phản phúc
Biến thế gian thành ngục,
Tôi chờ ông thao thức
Về đất tôi lên mây
Trên lao xao rừng trúc
Ngồi nghe vịnh thơ Thầy.

Trời mưa buồn nao nuốt,
Năm nhớ ông ngẩn ngơ,
Thương thơ ông sẵn sò,
Đỗ Phủ ơi ! Đỗ Phủ.

— *Trại tù Ba Khe*
1977

(1) *Trại tù Ba Khe ở Hoàng Liên Sơn.*

**NHƯ
CÂY LAU CÚI
BẠC ĐẦU**

Mấy năm đày xứ chon von,
Sương lam khí chướng xói mòn ruột gan.
Đã tênh hênh lẩm mưa ngàn,
Đã lao đao lẩm suối tràn khe sâu.
Sắt se lau cúi bạc đầu,
Lom khom núi cẳng đáng vầu trên lưng.
Nai kêu đau nức nở rừng,
Lá lao xao rụng, mây lừng khùng trôi.
Năm chung thảng tận đây rồi !
Tết chi Tết vẫn chưa hồi sinh xuân.
Thương con tim xót trăm lần,
Nhớ em lòng đứt muôn phần lẻ loi.
Tết về tìm mảnh gương soi,
Nhà tan nước mất thiệt thòi là ta.
Chút cơm khô nguội ngắt và,
Nuốt cho tận nghĩa đậm đà xót thương.
Và đi cho tới cùng đường
Cửa heo hút xứ khôn lường khổ đau.
Thoắt đi tóc đã phai màu
Như nghìn tang trắng quán đầu vi lô.
Chiều tê sương sập nắm mồ
Vùi chôn chú bé mơ hồ năm xưa.

— *Hoàng Liên Sơn*
1978

HOANG

Lác đác nhà che gianh mấy mái,
Bản nằm phơi nắng quái đìu hiu.
Thu trâu tù rúc ran man rợ
Như xé trời ra vụn mảnh chiều.

Gió vụn tre khua đau răng rắc,
Đất này nào phải đất hằng mong!
Rong thân nửa kiếp rồi chưa đậu
Vài thước vuông thôi để nghỉ lòng.

Một chút sông êm chèo gác mái,
Non thân cò nghỉ cánh hôn hoàng.
Dăm câu di chúc nhờ em gửi
Tro cốt mai về rắc biển hoang.

Hạnh phúc đơn sơ thành quốc cấm,
Không vui trăm họ, khó yên nhà.
Thế ra nhân ái là không tưởng
Trên đất mẹ nghèo để rơi ta.

Chiếc vé thường dân chà quá đắt !
Mua chui chỗ đứng giữa nhân quần.
Sáng nghe, chiều ngóng, đêm nghi sợ
Gút gút thiên hình trời chặt chân.

Nhóp nhúa, xanh xao đời hiểm khí;
Vỡ vàng, bạch bệch mặt cô dâu.
Muôn sao một tiếng kêu long phôi,
Trận thét thông cơn suyễn nghệt hầu !

Lý lịch rà soi, lòng thi sĩ
Tha hương ngay chính giữa quê mình.
Nước non hằng ước nằm đâu nhỉ ?
Dẫn mắt mơ về lửa bình minh.

— *Hoàng Liên Sơn*
1976

VÔ ĐỊNH

Lá cọ xòe tròn chờ vẫy ai ?
Chon von núi đứng ngóng nghe hoài.
Bơ vợ thủ thỉ cùng thôn Mán
Tiếng nói rừng Tây, lời cỏ may.

Nhà sàn ngồi áp e bên suối,
Nghé ngo ăn xa chắm phá đôi
Những vết màu chì trên lơ xám
Của trời thủy mặc lạc mây trôi.

Xuân về trên trắng e chừng sớm,
Còn rớt bơ phờ lá níu đông.
Nương thang cấp tập leo trèo nắng,
Người mãi du canh, đất bỏ trồng.

Gốc rạ năm nào còn đứng trơ,
Tưởng nghe vang vọng đến bây giờ
Những bước chân xưa hồn khuyết xứ,
Đời đời chẳng dứt được bơ vợ.

Đời tù bất trắc, mây vô định.
Lá cọ ngày nào sẽ rụng rơi.
Phiến tròn sẽ gãy khô từng phiến
Giữa chốn hoang vu tịch mịch đời.

— *Hoàng Liên Sơn*
1976

LŨNG KÍN

— *Nghe tin một bạn tù vừa ngã xuống*

Đông đem cái nắp màu tro xám
Úp xuống trần gian sứt mướt chiều.
Ngày đi tắm gió tênh hênh núi,
Đêm về ngủ đụng với cô liêu.

Áo xanh sọc trắng (1) tù không án,
Sấn sượng ngô khê đấng nào nề,
Sạp nằm xộc xệch xương cà nứa,
Nghe vọng cú ngàn giữa tỉnh mê.

Màn buồng kín nắp chật quan tài,
Gió ngoài đòi đại rú bi ai.
Ta như cá quẫy trên bàn thớt
Vì lưỡi dao bằm của khổ sai.

Tội chúng kéo dài hận cách ly,
Chia sông rẽ núi với phân kỳ,
Chồng xa cách vợ, con lia mẹ,
Chẳng một người về trăm chuyến đi.

Liềm thù lại hái thêm cô phụ,
Chồng chết nằm co manh chiếu tù.
Mây giăng lũng kín thêm kín lũng,
Lòng ta âm u thêm âm u ...

— *Hoàng Liên Sơn*
1976

(1) *Áo tù màu xanh có sọc trắng ở lưng.*

ĐÈO NÀY TUYỂN TRƯỚC

**Tiến anh sáu đũa
Xóc xếch đòn tre,
Nằm mộ sè sè
Không bia đá dựng.**

**Không cơm không trứng,
Khí chướng làm nhang,
Lá rụng thay vàng,
Suôi, kính cầu nguyện.**

**Rừng nghiêng xao xuyên
Cúi bóng liệt anh.
Tiến đưa quân hành
Gió bùng đại thụ.**

**Gấn anh vinh dự
Màu tím huân chương
Sim ngắt lẽ đường,
Lau lay cờ hiệu.**

**Chim ca ai điệu
Khấn lá bồi hồi.**

**Anh đi gửi lại
Thù này khôn nguôi.**

**Quê ta giặc chiếm,
Cuộc chiến chưa xong,
Súng gậy giữa dòng,
Đèo này tuyến trước.**

**Mây qua dừng bước,
Núi đứng uy nghi,
Lau nghiêng lẫm lì,
Chiều dãn nắng quái.**

**Thôi, anh ở lại
Miền ấy phiêu du,
Vĩnh biệt lao tù,
Bồng bênh mây trắng.**

**Hẹn ngày chiến thắng
Về dựng công viên
Sạch bóng hung quyền
Tượng đài tướng nhớ.**

*— Hoàng Liên Sơn
1977*

VẠN VẠN LÝ

— *Tưởng nhớ những tù hòng đã tuần tử*

Ngồi trùm lằn bóng tối,
Nhìn mây trôi lang thang,
Mây giăng xám hàng hàng,
Trời vào đông ảm đạm.

Chấn song đan u ám,
Sần sùi nhóp nhúa đen.
Ran ran nhạc đế mèn,
Nhớn nhor cười chầu chuộc.

Võ võ rơi tàn thuốc,
Phà khói vào hơi sương.
Xa xưa ... trông lên đường,
Tiếng quân hô hào sảng.
Nẻo còn vàng bãi trắng,
Sa trường hề sa trường !
Tiết tháo quắc đao thương,
Chinh nhân ngàn dặm ruồi.

**Gió lên như địch thổi
Đưa ai qua trường giang.
Nay cô liễu bạt ngàn
Tiễn ta vào bất tử.**

**Đau thương là vinh dự,
Chân đi hất hồng trần,
Anh hùng phải quên thân,
Hy sinh là tất yếu!
Ngựa khua dòn nước kiệu ...**

**Mưa về gióng lê thê,
Nai kêu nguồn dâu đó.
Xưa nay tù ngục đỏ
Mấy ai đã trở về ?**

**Võ võ rơi tàn thuốc,
Phà khói vào mông lung.
Hư vô đẹp nẻo nùng
Nụ hôn đời khốc liệt.**

**Cõi sâu ta tinh khiết,
Thép quắc vàng trán cao,
Phong sương dệt chiến bào
Với máu xe làm chỉ.**

**Đã đi trăm hùng vĩ,
Xông pha lẫm đoạn trường,
Về làm đá hoa cương
Gửi đời sau tạc tượng.**

**Uống uống nguyên hàm lượng
Sương trong cát đầy vò.
Sầu này thước nào đo
Khi quân tan súng gãy.**

**Gió về lay lau dậy,
Sơn khô khói mịt mù.
Ngà ngà nhấp thiên thu
Bay... bay... vạn vạn lý ...
Tráng sĩ hề tráng sĩ !**

CHỜ

Chết đi treo mắt cửa Đông,
Chờ xem hỗn sự tàn vong thế nào.
Treo tai nghe thế nhân sâu
Trên thành Bắc, ngóng phục thù oan khiên.
Treo hờn phế phủ kinh niên
Bên Tây phố, đợi rửa phiên dân gian.
Ngày ngày lật nắp âm quan
Hồn đàng vân đến Nam đàn chờ tin.
Xé làm triệu mảnh khăn phin
Tang mang đắm lệ muôn nghìn mớ côi.
Đêm đêm để oán liên hồi
Hẹn ngày vãn phần lên đòi tu tiên.
Sông hờn núi hận triền miên
Bao giờ đất mở hội hiền mới nguôi.

CẤP SỐ NHÂN

**Một nhát quắm (1) sâu, dang dứt phứt!
Nghe vùi hun hút một phiên âu.
Hai nhát tông (2) bay, rên xiết nứa!
Nghe chôn u uất bốn buồn rầu.**

**Một quắm. Hai tông. Ba lao lý.
Bốn bàn tay trắng. Năm cùng không.
Tùng ấy cùng không tim đúc thép,
Mai về súng nổ đuổi thù đông.**

**Một quắm. Hai tông. Ba lại quắm.
Bốn tông. Năm quắm : thép tôi rèn
Cho cứng tay phang, ngời mắt quắc
Chĩa đường đạn lửa trúng tim đen.**

**Hãy mài cho sắc lưỡi dao tông,
Hãy nung cho tới quắm tôi hồng.**

**Thù nay góp gió, mai làm bão
Về xáp tăng thù hất chống mông.**

**Một quắm. Hai tông. Ba phạt núi.
Bốn tông. Năm quắm. Sáu băng rừng.
Tùng ấy rừng băng chân cứng đá
Mai về đập vỡ cửa lao lung.**

**Vầu đan dang cứng lia cho xót,
Nửa giòn tê ngọt lưỡi dao choang.
Đời khi mục khú trong chum kín,
Chỉ chút trời xa cũng thiên đàng.**

**Hãy chặt chặt sâu tông phất phất!
Hãy phang phang gắt quắm ào ào !
Mai về đạn nhảy ngay nòng súng
Trực chỉ đầu thù nô thật mau!**

— *Hoàng Liên Sơn*
1978

(1) *Dao to, lưỡi dài, mũi cong*

(2) *Dao to, sống dầy, chuôi bằng sắt rộng liền với lưỡi,
dùng để chặt, chẻ ...*

KẺ NỘI THÙ

**Thân xác ấy, kẻ thù xa lạ hoắc !
Ngực nhiễm trùng, lòng vẫn tưởng thanh cao.
Những thói hư tật xấu trói chân vào,
Cứ một bước lại lùi thêm một bước.**

**Bụng đói muốn ăn no, đâu ngờ vực
Bát cơm tù rẻ rúng bán lương tri.
Bỗng một hôm sơ ý gói buông quỳ,
Đầu cúi rạp, xin phát cờ màu trắng.**

**Tim vẫn đập, hồn e như giấy chết.
Một cơ cầu bòn hút óc voi teo.
Chút chân thân gián nhấm rử eo sèo
Để mặc sức ủa ra bầy thú tính.**

**Những phản xạ đơn sơ con chó đói
Dưới đường hầm chỉ thấy bóng đêm đen,
Kéo lê thê một đồng thịt ươn hèn,
Sống vồn vện chỉ ngang tầm cái bụng.**

**Chân vẫn bước nhưng lòng đang bò sát
Con sên trùng nhuyễn thể, rết nghìn chân.
Rắn loanh quanh trong cũi xác ngu đần,
Hòn núi xám chôn sâu hèn thất lạc.**

**Trông mắt thắm ánh chiều hoang u uẩn,
Thời gian dài dằng dặc chuỗi lang thang,
Hắn đi trong thế giới mốc meo vàng
Những vật vãnh mưu sinh người thái cổ.**

*— Hoàng Liên Sơn
1977*

TÓC BÙ PHẢI CHẢI !

**Nước đục bụi trong
Nghe hoài hết trái.
Lá cuốn ngược dòng
Riết rồi thấy phải.**

**Đường cái thông dong,
Thích bước đường vòng,
Quá khôn thành dại.
Tóc bù muốn chải
Lại ngại bên trong
Xóc óc gai lòng,
Bộn bề phiền toái.
Thôi đành khất lại !**

**Muốn vậy nào xong!
Đời cứ long đong,
Cực chưa chấm dòng,
Sáng đi tê tái,
Đêm về khắc khoải.**

**Tim thắt ruột nong
Cơn đau quặn quại.
Xôn mắt đăm trông
Sổ sàng ngang trái.**

**Nước đục bụi trong
Rành rành quá trái !
Lá cuộn ngược dòng
Rõ ràng không phải !**

**Ráng lên dừng ngại !
Phải cởi cho xong
Mắc mứu lòng thòng
Rối mớ bong bong
Nút dây tồn tại.**

Tóc bù phải chải !

*— Trại tù Hoà Bình
1979*

BIỂU TƯỢNG

Lòng ta đứng vững như vầu
Thân cao lóng thẳng giữa bầu trời xanh.
Sum suê cây hút nhựa lành
Nguồn sâu đất dưới hoá thành lá trên.
Cực hình thú ác gây nên
May bằng nửa tép đứng bên vầu già.
Mỗi ngày vầu mỗi cứng ra,
Đổi thay lá mới, đậm đà lóng tươi.
Vầu đan như thép sáng ngời,
Nắng mưa thì cũng trọn đời đứng ngay.

— *Trại tù Cẩm Nhân*
1978

HƯƠNG DÓ (1)
ĐẦU XUÂN

— *Tặng Trần Trọng Hải*

Sớm vác gió lên nương,
Chiều đội sương xuống núi,
Mây che, mù xoá lối,
Suối ngăn, lá chắn đường.

Mắt lơ, người hờ hững.
Gánh gồng nhũn sống lưng.
Lao lung cuốn gân thừng
Mu bàn tay xơ cứng.

Vai ê, tim nao núng.
Vắt búng nấu thịt da.
Bàn chân sưng phù thũng,
Bàn chân vốn thật thà.

Mấy lần còn sợ hãi
Khứu giác rồi cũng quen
Mùi rác rữa lên men,
Mùi mùn hôi cổ thói.

Bụng sôi cào dữ dội
Giun sán đói đòi ăn.

Xác thân rũ tục tằn,
Khớp xương mòn xộc xệch.

Mệt như đá đè đau,
Tay đưa không theo đầu,
Chân đi không theo mắt,
Lệch xô cả bóng lau.

Rùng lúc nghiêng lúc sấp,
Đòi lao đao muốn sập.
Mắt mờ lệ hay sương ?
Thấy quay quay trời thấp.

Khẩu AK Tiệp Khắc
Đè lệch thẳng ẽnh ương,
Môi thâm, da xám ngắt,
Má phồng ì oặc gắt
Khẩn trương và khẩn trương !

Bống hoa đâu thơm phức
Vườn không gian ngào ngạt,
Miên man và thanh thoát,
Đồn xô chiều trần ngục.

Ễnh đi sau vẫn thúc
Khẩn trương và khẩn trương !

Trên đôi chân phù nhưc
Hồn giựt bút dây cương
Bay trong hương báo thức
Xuân xa về rạo rức.

Đêm sang càng nao nức,
Gió giục thúc rừng lân,
Mang xuân đến thêm gần,
Hương thơm nồng cảm hứng.

Còn muốn xây muốn dựng
Từ vỡ vụn đau thương
Kiên tin một thánh đường
Đêm đêm làm điểm tựa.

Gió trèo hiên gõ cửa.
Vâng, tôi mở lòng đây,
Men cay đã gom đầy
Cát chôn làm rượu phúc.

Chân đau sẽ bình phục,
Sau trăm mất một còn,
Cuối hiệp hiệp héo hon
Vấn bùng bùng lá phát
Vẫy xuân về úp lật
Bóng đêm choán linh hồn.

Sớm ra xuân bung cánh
Trắng xoá một rừng hoa,
Non vươn sức đẩy đà
Vất ngang trời hồng rực.

Chim reo chuông báo thức,
Trời đổi áo nghinh tân.
Lấn lan, lấn lan dần
Mùi hương hoa kỳ diệu.

Suối ngân nga hưng diệu,
Lá chào lá râm ran,
Hoa chen lá nồng nàn
Chúc nhau lời trường thọ.

Gió lừng thơm hương dó,
Dó hong nắng ngà ngà.
Vị trời có rượu pha
Chúc say hồn vạn tuổi.

Lá giòn tuôn một chuỗi
Ngọc lẫn suốt triền đèo :
Tiếng chuông người đổ reo
Át xua lời dã quỷ.

— *Hoàng Liên Sơn*
1977

(1) *Cây có hoa trắng rất thơm. Vỏ cây dùng làm giấy.*

ĐÁP SỐ

**Trời bốn bên núi án,
Tôi đến sát rừng vào,
Nhìn xuống đáy vực sâu,
Suy tư về giới hạn.**

**Sao quên được thực tế,
Súng kia lăm le cò,
Đòi mình mất tự do
Vì quân thù tội tộ.**

**Nói trước sau như một,
Nó lừa một dối hai,
Thêm ba cái chông gài
Sau mỗi lần thè thốt.**

**Trong hận thù cũ nhất
Nó đội lốt con chiên,
Be be tiếng nai hiền,
Vờ cái đuôi đại dộ.**

**Nhân sinh quan mắt chột
Nhìn đời thấy một bên.
Chân đi choãi vòng kiềng,
Bóp trái tim chết ngột.**

**Vậy nếu hàng cái đỏi,
Mình tự trói lấy chân,
Lương tâm sẽ lui dần,
Gối sẽ quỳ vì mỗi.**

**Phải cố gồng cố chống !
Nhục hình cũng thế thôi !
Khổ đau sẽ đàn hồi,
Xô cái hèn té chông !**

**Nhìn lên suy cho rộng,
Cúi xuống nghĩ cho sâu,
Phải tự ta lao cầu
Băng qua sông ác mộng.**

**Phương trình dù phức tạp,
Đáp số chẳng đâu xa :**

**Lửa trong ta nung già
Thép trụ cầu cứng cáp.**

**Gió trên cầu gió xoáy,
Nước dưới cầu nước xoay.
Nó muốn ta một ngày
Phải còng lưng bỏ chạy.**

**Phải cố gồng cố chống !
Nhục hình cũng thế thôi !
Khổ đau sẽ đàn hồi
Xô cái hèn té chống !**

**Rừng bịt cây phía trước,
Bầy sói đói bít sau,
Lăm le móng muốn cào,
Môi tươi kiếm bằng được.**

**Nó cũng là bạch tuộc
Vòi say máu dân lành,
Môi trát nộ cười tanh,
Óc lăm bùn như nước.**

**Phải cố gồng cố chống !
Nhục hình cũng thể thôi !
Khổ đau sẽ đàn hồi
Xô cái hèn té chổng !**

**Đêm đêm nằm tự học
Bài học này gồm ghê.
Mai leo tới vầu kia
Đỉnh mù cao chót vót.**

**Khi lòng mình biết gọi,
Mặt trời chói hiện ra.
Có lịch sử nào già
Khi trí người quên mỗi !**

**Vứt đi như đá sỏi
Những lời hỏi vu vơ.
Bắn ngay phát súng chờ
Để lòng được thoả đói
Khát tự do từng giờ.**

NỖI BUỒN NÀY

— *Tặng Tạ Đình Quý*

Hãy cuộc xới nỗi buồn tôi,
Gieo trồng trong ấy mầm đời mai sau.
Lộ chua cay tưới làm màu
Bón thâm cho chắc trái ngào ngọt cơm.
Nỗi buồn này, mảnh vườn ươm
Xác thân cơ cực ủ thơm tho hồn.
Mai chào nắng nỡ nà bông
Một màu lê trắng dịu nồng hương bay.
Cuộc cho sâu lớp sâu đây,
Rễ xoắn lòng đất chờ ngày quang vinh.
Mai đem chu tất mô hình
Yêu thương đậm thắm như quỳnh đêm trăng.
Sống là trồng cây siêng năng,
Vườn cao hoàng trúc cho bằng khổ đau.

— *Trại tù Hàm Tân*
1984

**MỘT NGÀY
CỦA
NGƯỜI TÙ THỌ MỘC**

— *Tặng Đạm, Đạt, Kinh, Quý, Uyên,
những “mộc tổ” của đội mộc.*

**Kẻng khua riết róng năm giờ,
Đèn leo lét mái, (1) sương tờ mờ sân.
Ánh sao cuối lịm lui dần,
Một ngày nữa lại dùi thân rã rời.
Tường cao cổng kín nín hơi,
Ra sân đứng hỏi mặt trời mé nao.
Tháng năm đẽo đục cửa vào,
Hao xương tổn thịt, dăm bào xoắn rơi.
Siết môi, ép ván nụ cười,
Đinh thù búa hận đóng đời giòn tan.**

Lửa hờn căm cháy ruột gan,
Lời đay nghiến xoáy mũi khoan cùn cào.
Giang sơn một mảnh cầu bào,
Người tù thợ mộc chìm vào lãng quên.
Vốn cây tấu muối (2) không bền,
Chỉ còn khí phách gồng đên cho thân.
Bằng vai giạng đứng thế chân,
Bào cho lên nước đường vân của lòng.
Miết cho trong sáng từ trong
Niềm tin đo khít với vòng tay ôm.
Đứng sao cho vững tâm hồn,
Sống sao cho cái u buồn thặng hoa.
Nụ lên từ lúc ươm nha
Mồ hôi muối trắng thành ra nhựa hồng.

— *Trại tù Hà Tây*
1980

(1) Đèn cắm trên hai đầu mái nhà tù.

(2) Cây có loại gỗ dễ mục.

CHIM
hay
BƯƠM BƯỚM ?

**Đêm bay bướm bướm trong hồn mộng,
Sớm về tỉnh mộng thấy chim bay.
Chim hay bướm bướm, đâu là thực ?
Đáp số e không ở cõi này.**

**Chập chờn cánh bướm hiện dần ra,
Lâng lâng gần đó vẫn dường xa.
Trong lúc chim bay còn lẫn bóng
Hồn mang khôn xiết của chiều tà.**

**Nên đừng hấp tấp câu suy luận
Cái nào là thực, cái nào hư ?
Giữa mất và còn đường tứ tán,
Chân đi sao tránh khỏi chân chừ.**

**Giữa trăm nghìn dáng hình mộng muội,
Cánh mờ huyễn ảo cửa u minh.
Ai dám bảo ta cầm chiếc khoá,
Sao tách mình ra khỏi bóng mình !**

*— Trại tù Hoà Bình
1978*

DƯỜNG NHƯ

**Đêm khuya say đối,
Dậy hút thuốc lò,
Buồm lấp lánh sao,
Thuyền lên đèn khói.**

**Giơ tay muốn với
Dường như mây vơi,
Dường như nước vơi,
Có sông trên trời.**

**Trong trong đục đục
Mờ đậm bóng cha
Áo huyền gậy trúc
Tựa lưng trăng gà.**

**Lâng lâng nặng nặng
Nóc tuyết bạc phơ
Vành khăn phin trắng
Dáng dấp mẹ chờ.**

**Vào ra bóng vợi
Thấp thoáng màn the.
Gió đung cành hòe
Ý chừng bày nhỏ.**

**Chim bay phút bỗng
Xoá bóng đầu duềnh.
Vụt thấy Trang Sinh
Hoá thành bướm mộng.**

QUÁ ĐỘ

Thu là một dáng trời đi tư lự,
Nước mặt hồ lòng ngán biếc rung rung
Xui khiến lá phân vân cũng muốn rớt.

Thu là lữ lữ rừng – phu lê thu xào xạc,
Chim bay qua một cõi thể thẳng trầm,
Nắng nửa đường, chiều ùn đến mây thâm,
Núi đứng nhịp lui theo vào bóng tối.

Thu khép mắt ở cuối dòng sông u uất,
Nơi hình lau mờ lẫn với hình thuyền,
Nửa không gian ẩn hiện bóng cô miên,
Mưa lất phất tưởng là trời rắc bụi.

Thu là một sớm trời trở, mùa hừng lên vân sắc,
Trên lối đi xanh nghe gõ úa bước chân vàng
Của những muện phiên chông chất với cưu mang.
Thu tro lợ trong hoa kêu trắng toát.

Nắng tắt lâu rồi, người thu còn ngỡ ngác
Như một du khách chờ tàu đến đôi toa
Đứng giữa sân ga chạnh nghĩ đến tuổi già,
Mùi Kinh Dịch thoảng về trong khói lá.

Thu lạc giữa một âm-dương lưỡng thũng,
Gió dễ bông lông, khí hiếu bông bênh.
Xuống đất rồi lòng còn nổi lên đên,
Vẫn trôi muện giữa một dòng sâu trái khoáy.

Thu là liễu rũ chóng phai, tơ bay mau mục chỉ,
Chiếc ao nương xanh sớm hoá áo cỏ vàng.
Mỗi rùng gầy bày một trận sốt hỗn mang
Khi thu đến ngắt đi từng chùm đỏ.

Thu xoá bạc một môi sinh lãnh nhách
Những vật hình vàng vỡ vẻ tiêu sơ,
Những thân hoa mỏng mảnh đếm từng giờ,
Cành goá bụa, sương đầm đĩa mặt đất.

Thu nút khóa, săn da, nhân giòn vỡ;
Mỗi lạng trời bằng bạc hướng suy vi.
Bỗng một đêm chợt tỉnh thấy chu kỳ
Đem lạnh lẽo mùa đông về án cửa.

Thu, đôi mắt nàng trinh nữ-goá phụ nhìn ra
trong thoáng nhớ,
Chồng, mìn xé nát ngày xưa khi về xóm đón dâu,
Chiếc áo cưới voan thơm sớm hoá áo tang nhà,
Thu là lời kinh liệm thầy người tình bức biệt.

Thu hôm nay gặp lại thu Thái Mán, thu Mừng,
Con hươu Tây gào thúc thủ bản thê lương.
Hồn ba mươi năm sau trở về quê Dao cũ,
Chẳng vợ kiếp lưu đầy, chẳng bớt nổi tha hương,
Muốn ngai ngái ngủ hoài giữa mùi hương phúc
bồn tử.

— Hoàng Liên Sơn
1976

ĐÊM NIỆM

**Vào ngòi trùn bóng tối,
Giữ tóc sạch hoàng hôn.
Mấy năm ròng lặn đặng,
Âm u lấm vẩn hồn.**

**Giữ đêm cho tinh khiết,
Không gợn ý cuồng thô,
Không u mê ám muội,
Không sân si hồ đồ.**

**Gửi lòng lên tháp vút,
Tiếp xúc với bề cao.
Dang bay đôi cánh rộng,
Nghe đêm vỗ dạt dào.**

**Gối đầu lên tiếng suối,
Nghe lòng đất khơi tuôn
Hay máu ta rạo rục
Vi ti những mạch nguồn?**

**Trước sau chỉ là một
Tiếng gió với lời cây.
Ngửa tay hứng cho đầy
Dòng Phúc Âm tuyệt diệu.**

**Chuyện đời một pho sách
Màu mực mãi còn tươi.
Phải trăm thương nghìn khó
Mới nên một nụ cười.**

**Tàu ra khơi lướt sóng
Hay đục đá ngầm sâu.
Đầu sao thì vẫn phải
Tự ta lái hướng tàu.**

**Vào ngòi trùn bóng tối,
Giữ tóc sạch hoàng hôn.
Mấy năm tầm học đạo
Tin yêu vớt nửa hồn.**

*— Trại tù Hà Tây
Đêm Giáng Sinh 1980*

CHIM CÔNG

— Tặng Công đã công ta qua sông

Cám ơn con công
Công ta qua sông
Mấy mùa nước lũ
Lặn độn mưa ròng.

Con công lông xanh,
Vàng, cam, tím, đỏ,
Cái mỏ xinh xinh,
Cánh vỗ tài tình.

Công bay trên trời
Vẫn nhìn nhớ đất.
Công chuyền càn quét
Vẫn không quên trời.

Lên trời tìm Đạo,
Xuống đất tìm Nhân,
Tìm thấy chân thân
Trong trời đất thuận.

Mấy năm ở rùng
Gặp toàn thú ác,
Lòng ta tan tác
Nhưng dòng lệ rung.

Công sang núi Bắc,
Công tạt đồi Tây,
Mang về ngắt ngây
Nào mây nào gió.

Cám ơn con công
Cho Tâm gặp Ý.
Đời lập chân không
Khi Tâm, Ý đồng.

— *Trại tù số 6*
1978

XUÂN HỨNG

Trời xanh trời của mọi người.
Én bay én của muôn đời én bay.
Én nghiêng nghiêng cánh thuyền say,
Nét vui sơ thảo cũng đầy hứng xuân.
Núi đưa sắc thắm lại gần,
Cây đùn lộc biếc, đời nhân lên đời.
Lá chông lên lá nồng hơi,
Lá hô giòn thắm trong lời lá huơ.
Gió mơn trớn ngón tay sờ
Áp ôm hoa đỏ, nới bờ xanh ra.
Vị trời như có rượu pha,
Ngát ngậy mùi xạ, đậm đà mùi hương.
Thiệt tha cúc cánh vàng hươm,
Gió đầm hơi thổi nắng hường vào tim.
Hồn lên phơi phới như chim,
Mai sau phúc hậu mang tin thắm hồng.
Trái mai sau trái thơm nồng,
Lời thơ nhân ái về đong đầy hồn.

THIỆP MỜI

Đường dài giẫm đá nứt bàn chân,
Chông gai xé rách cái lai quần,
Kim chỉ đòi phen ngồi vá víu,
Nhìn ra cây đổi lá xanh rờn.

Tin đưa hẹn ước mùa xuân lớn
Rộn thúc nhân gian, phấn chấn đời.
Bi hài vỡ kịch đang màn chót,
Mỗi bước người lên, ác quỷ lùi.

Ta ngồi chấp nói lại chân thân,
Ngón tay xe chỉ thấy tuôn rần
Một dòng máu ấm hân hoan lạ
Như gió xa về đập trúc tân.

Gót nứt nên da còn ngứa ngáy,
Rượu đời hũ hũ vẫn thềm vui.
Xuống xuống lên lên đường khúc khuỷu,
Lá tung như gửi vạ thiệp mời.

Đời vẫn nguyên là buổi sớm mai
Sấm sanh sức mới tặng cho người,
Một người còn vấn vương đon đả
Vun đắp vườn mình mãi thắm tươi.

— *Trại tù Hoà Bình*
Xuân 1979

ĐIỂM TÂM XUÂN HOÀNG LIÊN SƠN

**Trời hôm nay tiết lập xuân,
Mơn man hơi núi về gần ấm ra.
Thế ra xuân vẫn đậm đà,
Vẫn ngan ngát mộng ngà ngà chiuốc say !
Hơi bay à ! Cánh xuân bay,
Bên ta dan díu ô hay lúc nào !
Xuân – chim vòng núi mấy chao,
Quành sông mây lượn cũng dào dạt thôi !
Vị đời nồng đắng mấy vôi
Vẫn trăm hũ lịm bồi hồi rót vôi.
Với ta vẫn thiết tha đời
Xuân ôm gói thắm về mời điểm tâm.**

**Chuyện cười, chuyện khóc đầy mâm;
Chuyện yêu, chuyện ghét thì thâm lấm chường;
Chuyện sau núi có trăm đường,
Anh em thế giới kẻ thương người chờ.
Mộng tràn lai láng hồn thơ,
Vấn vương lục địa, nhớ bờ đại dương.
Xin bay theo với nắng hường,
Bóng mây kia hãy dạt nhường cánh lên!**

**Mai sau thịt thắm da liền,
Cái yêu khác trước, cái nhìn khác xưa,
Cái tin vô cớ xin chừa,
Sống sao cho xứng lũy thừa thương đau.**

*— Hoàng Liên Sơn
1978.*

ĐƯỜNG LÊN XỨ LÀO

— *Tặng Nguyễn Thượng Dực*
hội viên Câu Lạc Bộ Thuộc Lào 888

Có em nhẹ nhõm biết bao !
Đêm đêm lại được lên cao đu bông.
Có em là có chân không
Thả hồn anh xuống cánh đồng Ai Lao.
Nơi đời quyện khói nao nao
Những vắn thơ tím bay vào thật êm.
Nơi tim hạ xuống bông mềm,
Mất đi sức hút của đêm tù phiền.
Nơi đầu ngũ gôi bình yên,
Sói nâu phát vãng, chào hiền hội anh.
Có em sáo líu lo rành,
Vành khuyên ríu rít, yển oanh lâu lâu.
Đường trơn vấp ngã thân đau,
Em nâng em đỡ anh mau bình thường.
Có em là có du dương
Chúm môi huyết gió mở đường hanh thông.
Hồn là bong bóng, là lông
Bay phơi phới giữa trời mông một xuân.
Bụi hồng phủ sạch gót chân,
Đi lêu lổng giữa sông Ngân sao Tuyền.
Có em giàn phóng thần tiên
Sức nghìn cân đẩy phi thuyền anh lên.
Chính em Hy Vọng là tên,
Thuốc xoa thương tích, lửa tin cho đời.

— *Trại tù số 4, Hoàng Liên Sơn*
Mùa Đông 1977

TẶNG PHẪM MÙA XUÂN

— *Gửi một cháu tù hình sự*

Hãy ưỡn ngực hít sâu vào khí sớm,
Chẳng thuộc riêng ai trời đẹp của muôn lòng.
Mùa xuân đến đều chia cho muôn khắp,
Kẽm gai nào rào chắn được trời trong!

Chim tập nập về reo chuông báo thức
Chiếc đồng hồ rạo rục của tâm tư.
Xuân đem hoa nắng đến dãi hiên từ,
Lùa gió ấm vào lên dây nghị lực.

Cứ hít mạnh, hít sâu, căng lồng ngực!
Mất dấu thời gian (1) thì lấy gió làm kim
Chỉ mai sớm của niềm tin thức giấc
Khi cánh dơi đụng bóng tối đương chìm.

Chú cho cháu chiếc đồng hồ vô giá
Mạ màu vàng đầm thắm của tình thương.
Chú mai đây sẽ phải đổi lao trường,
Đòi tù biệt sao quên màu mắt đẹp.

Đôi mắt cháu nhìn ra rùng núi khép,
Bốn năm tù làm mất tuổi hai mươi,
Sao hôm nay vẫn sao xuyên tình người,
Vẫn mát dịu một màu xanh tuần tú!

Chim tứ xứ về lú lo tự sự,
Cả một miền nườm nượp nổi mừng rơn.
Lá lao xao nói tiếng nói xanh rờn,
Lòng mình ngọt, trời cũng bụi dưỡng khí.

Màn kịch chót đời thay ngôi đổi vị,
Diễn viên già để lộ tướng phi nhân
Sau bao năm hô hoán chuyện phong thần,
Dân phần nộ không ngớt lời phỉ nhổ.

Chú cho cháu chiếc đồng hồ bằng gió
Đã đến giờ chỉ ngọc ở tầm tay.
Trong tim ta đã ươm sẵn một ngày
Nắng xán lạn về xua đêm bạo ngược.

Con dơi xám sẽ chìm sâu đáy nước,
Nghĩa với tình lại nảy hạt sinh đôi,
Cỏ tuôn xanh trên thớ đất phục hồi
Giữa tán loạn rừng cờ buông ói máu.

— *Trại tù Hoà Bình*
Xuân 1979

(1) *Tù chính trị bị tịch thu đồng hồ.*

KHÔN XIẾT

**Một đêm hè oi bức
Về lạc bước thừa lương
Vòm thơ xưa sáng rực
Những ngôi sao Thịnh Đường.**

**Chữ thon mài nét liễu,
Tờ đẹp dẻo vành khung,
Vẳng cung thương ngũ điệu
Âm mai với nhạc tùng.**

**Những sự việc mệnh mang,
Những phong tư cốt cách,
Những tình son sử vàng
Cẩn tích niên kim thạch.**

**Trời Lý Bạch lấp lánh
Trăng, ta và bóng ta
Cuồng tư đối tam ảnh
Ôm nhau chuốc chén gà.**

**Hỏi trời Vương Phạm Chí
Sinh ta để làm chi ?
Hận ca Bạch Cư Dị
Miên miên vô tuyệt kỳ.**

Lầu trơ bóng Thôi Hiệu,
Hạc vàng khuất từ lâu,
Phồn hoa thường mệnh yếu,
Khói sóng trên thơ sầu.

Đưa người vạn lý thân
Bốn câu tuyệt tình cú
Bến sông đứng tần ngần
Một linh hồn Đỗ Phủ.

Mạnh Giao bút sôi nhíp
Áo con kịp ngày đi
Chỉ kim may kíp kíp
Mẹ e trễ ngày về.

Rượu muốn say đêm cuối,
Tì bà đã giục ran,
Chinh nhân nhạc ngựa ruổi,
Bản hùng ca Vương Hàn.

Vương Duy xoay đột ngọt,
Trời siêu thực rẽ sang,
Trăng lên, chim thẳng thốt
Khe đêm bật kinh hoàng

Quạ kêu trắng bàng bạc,
Trương Kế thả hồn phiêu,
Hoá đêm thành cảm giác,
Gieo bốn câu Phong Kiều.

Hàn Dũ hốt hoảng điệu
Chương Đài Chương Đài liễu !
Bây giờ Liễu ở đâu ?
Có còn xanh hỡi Liễu ?

Trương Tịch ra thai đồ
Cuối dòng Tiết Phụ Ngâm,
Hoàn quân song ngọc tổ,
Lệ thiếp lệ châu thâm.

Người đài trang nay khuất,
Thôi Hộ đứng tận ngân,
Hoa ở cười gió xuân,
Người đi là mất thật!

Rồi lại Bạch Cư Dị
Lòng rĩ xót âm thanh
Ôm cây đàn nghiệp dĩ
Vuốt đau Tỳ Bà Hành.

Dài một chuỗi lưu ly
Nổi sau Lưu Vũ Tích
Kỷ độ hồng dương tịch
Lưu quang vô tuyệt kỳ.

Màu tuyệt bích thơ xưa
Có bút nào tả xiết,
Giấy sách nào ôm vừa
Cả thiên niên bất diệt.

— *Phòng giam số 8*
1979

BÓNG MẸ CHIỀU THU

— *Kính dâng Mẹ*

**Mẹ gầy guộc đến thăm con hấp tấp,
Quẩy gánh về chiều sập ở non Tây.
Mưa gió quất lưng tre cong phần phật,
Bóng mẹ mờ lặn khuất giữa mù mây.**

**Đất lầy lội, đường quê trơn khắp khênh,
Mẹ long đong lặn dạn dáng lưng gù.
Mảnh trời xám kềm gai rào bầu nát,
Mẹ đi rồi xao xác cả trời thu.**

**Mẹ là mẹ chú em nào hình sự ?
Dáng lưng gù làm nhớ đến mẹ tôi,
Mẹ nẻo xa mưa nắng ất bồi hồi,
Ai đỡ mẹ đi nghiêng sầu goá bụa ?**

Mưa gió quất lưng tre còng vất vả,
Vóc mai kia na ná nét hao mòn
Của mẹ ruột quần đau cho tiếng khóc
Đến cuối đời lại chong bóng chờ con.

Con của mẹ giờ nằm trong ngực thất,
Vận nước nghèo lại gặp phải thời xui,
Bao thanh xuân hảo vọng bị chôn vùi,
Đồng lúa mới chết non từng nhánh mạ.

Trời Nam ấy huyên rơi vàng mấy lá ?
Chiều nơi đây trời giá phủ sương đầy.
Xin thử hỏi lòng con như tác cổ
Sao báo đền tình mẹ ngất toà mây.

Con xin hứa, lại một lần nữa hứa
Nợ ơn đời sẽ trả trọn nay mai,
Đỡ mẹ đi thư thái nốt đường dài
Để có một lần vì con mẹ ngẩng mặt.

— *Trại tù Hoà Bình*
1978

KỶ CÙNG

— Tặng triệu nàng Tô Thị thời nay

• ĐẤT

Mấy năm từ biệt người dưới phố
Âm hao chỉ thấy lá rậm rì.
Dãy núi cắt ngang trời hai nửa
Nhu như xẻ lòng người sầu biệt ly.

Nhu như xẻ quê hương thành đôi miếng,
Nửa mờ mịt đất, nửa mù khơi.
Vết thương nguyên thủy còn in đó,
Chúa phải bốn ba, Phật lánh đời.

Có sông nhưng mà người không nước,
Nước bán xong rồi, bán lấy chi ?
— Một núi hư vô làm chủ thuyết,
Bốn bên mây phủ kín màu chì.

Gió lấc cây đau, cờ rũ rượi,
Mưa dầm ngày tháng dài lê thê.
Đất này đất chết, chua và mặn,
Từng tác da phong lở não nề.

Con trâu ì ạch dài lưng kéo,
Nông sờ cày mướm cái chìa vôi.
Ở đây kẻ kẹt lời tre cũ,
Cái mái lom khom rách lá gồi.

• *NGƯỜI*

Vỡ từ buồng trứng bà Âu Cơ
Trăm con lặn độn đến bao giờ?
Mắt ấy lim dim ngằm đá nhọn,
Phi tang sóng dữ dưới lặn tồ.

Bóng tối u mê sầm nếp trán,
Cái nghèo tàng trụ bốn nghìn năm.
Gan thâm ruột tím thù huỳnh đệ,
Chém gáy đâm lưng mã tấu vằm.

Nó công vua Lê và Chúa Mác
Về quê cha giết mẹ hiền lành.
Tang sô bạc xoá đầu con trẻ,
Cỏ ngút sân trường, chợ vắng tanh.

Lùi xùi bới đất chôn mưu trí,
Trời rung đất chuyển, xác chôn vùi.
Đất gì đất bít bùng nguồn sống,
Cái buồn là chẳng kể nào vui.

Núi đứng soi sông quần chín khúc,
Bến đò ngủ muện lá thuyền xiêu.
Đất này nghiệp chướng còn vương mắc,
Sớm héo điều linh vạn diêm kiều.

• *Và EM*

Trữ gánh đời em theo bước chị,
Bầy con chia gửi mấy cô dì.
Xưa anh không súng bị thù bắt,
Em thành thiếu phụ của sào ly.

Có chồng mà tưởng như chồng mất,
Hương nhang đã cháy ở trong lòng.
Em là dòng dõi nàng Tô Thị
Nghìn năm hoá đá vẫn chờ mong.

Phố ấy Đồng Đăng trùng điệp núi,
Đá mòn thành tượng của tình chung,
Em đứng ôm con bông mưa nắng,
Sắt son, dững cảm đến Kỳ Cùng.

Hạnh phúc vò đau tay thú ác,
Ân tình chà nát gót đười ươi.
Em vẫn đoan trang từng lóng trúc
Vút roi quất ngã kẻ thù người.

Tóc vấn phong ba em đứng mũi
Một thuyền lèo lái cõi càn khôn.
Đau thương nhuộm mắt em kỳ diệu
Ngời tỏ lưu ly tuyệt bích hôn.

VÔ VẠN

— *Tặng vợ*

Em là nàng Mạnh Quan thời Hán
Mặc quần vải bố, cài gai trâm.
Đương lúc anh mong rầu rĩ ruột,
Lòng em đứt đoạn lệ tuôn thâm.

Đứng thế làm cha nuôi con dại
Để nhà có nóc lúc chồng xa.
Em đứng thay nam tròn chữ hiếu,
Thờ cha phải đạo, dưỡng mẹ già.

Chải gió dầm mưa chưa hết hạ,
Vai chồng em thử áo ngà đông,
Cẩn chỉ luôn kim may gấp gấp
Vuông khăn còn ấm lệ đưa chồng.

Khoảng cách Sâu Thương bao ánh sáng?
Tình em chẳng ngại nước sông dài.
Em điễm màu lê lên rêu ám
Của đời nhạt mặn, rửa đào phai.

Mỗi chữ thư em gầy nét liễu
Anh ôm trên núi, ấp trong khe.
Em là lửa ấm đêm đông rét,
Trận gió đem mưa đến hạn hè.

Là nắng thu hanh, mây lững thững,
Thông reo trầm vút đỉnh trời cao.
Em giăng mộc thảo xanh triền núi
Ly cách lòng anh khỏi lũ trào.

Biển động thuyền lay em vững lái,
Anh thương hạt gạo xẻ làm đôi.
Tình nghĩa em như sau bão thổi,
Bãi yên bể lặng cát về bồi.

— *Trại tù Hà Tây*
1982

MÙA CHAY

— Tặng vợ

Chín năm tinh khiết tình ta
Ướp thơm tím một hương hoa nồng nàn.
Trời vào thu thổ mơn man,
Người yêu dấu đến gọn làn hơi may.
Hồn còn dấu siết vòng tay
Trình nguyên, thánh thiện những ngày đồng dao.
Người đi khuya khoắt rì rào,
Thướt tha sâu lắng, thanh cao bỗng bênh.
Chín mùa trái gió lên dên,
Sắt son chưa lạt, thệ tình chưa phai.
Anh chờ em giữa trần ai,
Lễ dâng nhà nguyện miệt mài mùa chay.
Em vào lấp lánh sương bay
Và se sắt thổi heo may đầy giường.
Hai người hoá một thịt xương
Dắt nhau đi tới cùng đường thương đau.
Lúa đôi ý hợp tâm đầu
Chín năm chung một gánh sầu trĩu vai.
Chết xin chia sẻ quan tài,
Dương gian ngang trái, tuyền đài thuận xuôi.
Chín năm một giấc mơ chuỗi,
Tình như tình đã chín muồi thiên thu.

— Trại tù Hàm Tân
1984

ĐƯỜNG VÀO THIÊN THU

— Tặng vợ

Nhớ em trông ngóng hằng đêm,
Màn lay tưởng tóc, gỏi mềm tưởng da.
Người từ cách trở trời xa
Hồn thơm yêu dấu về ta bụi ngùi.
Đất buồn khó có tình vui,
Chát chua quen vị, ngọt bùi kiêng khem.
Chín mùa thua thiệt đời em,
 Gian truân chuyện kể nghìn đêm chưa vờ.
Đội nghìn nắng, gội nghìn mưa,
Gương em tiết phụ thời xưa chờ chồng.
Mạnh Kha nàng số long đong,
Sầu tình quan tái còn nồng phương danh.
Lệ xưa trút lở Trường Thành
Đề nghìn sau vẫn chưa lành cơn đau.
Để người nay bước theo sau,
Điều linh gói ghém thêm vào hành trang.

Em về giữa lúc khuya sang,
Mênh mông đức hạnh, dịu dàng ưu tư.
Em đoan trang dáng hiền từ,
Tóc rùng thu liễu rũ bờ vai thương.
Em gồm chín cội xanh dương
Lông đôi mắt thắm khôn lường vị tha.
Em vào lớp lánh sương sa
Và mang ơn phước nguy nga từ trời.
Anh chờ em giữa chơi vơi
Thênh thang một cội mộng ngồi sắt son.
Đón em nguyên nghĩa vuông tròn
Dù cho thân xác vẫn còn chia đôi.
Mai sau ngủ gốc cây sồi,
Làm thiên thu chiếc miếu ngồi thờ em.

— *Trại tù Hàm Tân*
1984

TIẾNG CHIM

— Tặng con và cháu

Thuở ấy cú chữa về,
Vành khuyên ưa ríu rít,
Xuân Ảnh gọi Tường Vi,
Mỹ miều nhạc ý nhi.

Vàng anh nắng diu dặt,
Trời lục nhật ngoài song,
Hồng thắm son rục cửa,
Lan thơm ngát lộng phòng.

Nhà sáng đêm rộn rịp,
Xuân Ảnh vào líu lo,
Tường Vi ra thánh thót,
Cúc xuân chóng nảy dò.

Có lời chim sơn trẻ,
Phòng rút bớt chiều sâu,
Lòng nói thêm bề rộng,
Voi đi cũng lắm sầu.

Bố con mua bánh chuối,
Bác tặng cháu chè khoai,
Thỏ bông mướt lông dài,
Trăm trang dây quỳn vỡ.

Cán bút nghiêng lòng võ
Con nguệch chữ “*yêu ba.*”
Giấy thơm cháu tô nhòa
Cái hình thuyền biếu bác.

Một hôm nhà nhón nhác,
Cú ác về rọp sân,
Lan rơi héo tần ngần,
Hồng bông phai áo não.

Cờ bay phần phật máu,
Phố nát, cửa nhà tan,
Chim cha phải lia đàn,
Trẻ như cây mất gốc.

Vạn người tù oan khóc
Đời mục mố rừng sâu,
Trẻ mau chóng bạc đầu,
Ngó trông bầy vô loại.

Chúng mồm loa mép giải
Biện chứng lái lèo ra
Phải đứng điều cửa nhà
Mãi đời sau con cháu!

Tuần khua lau bước rảo,
Kể nện giờ hạ canh.
Gió day rạn nứt cành
Cây xoan già đầu lán.

**Đế kêu dài vô hạn,
Rộn ràng lá rừng rơi.
Xác thân mệt rã rời
Suyễn cưa cùn cuồng phổi.**

**Mùi phân nồng khí thối
Bốc từ hố cầu nông,
Ngồi ngó nhau tồng ngồng,
Giòi lãng xăng mép hồ.**

**Áo tù in chữ số
Màu mực nhói trên lưng.
Khuya nghe quạnh quẽ rừng
Hoảng gào sương tê tái.**

**Buốt se lòng thất lại,
Nhớ về mái nhà xưa,
Mít chen khế chen dứa,
Chim kéo về làm tổ.**

**Mùa xuân mùa trứng nở,
Sáo tập nhảy chuyền cây,
Sẻ non chiêm chiếp bầy,
Cả vườn là tiếng hót.**

**Cả trời rớt nắng ngọt,
Sương nhỏ giọt tròn xinh
Hân hoan đến tài tình
Những giọt hồn vô tội.**

Xứ này đời cần cõi
Lại cần nhớ tiếng chim
Đề tim đừng buông chìm
Đáy bùn sâu hố thẳm.

Để tin yêu vẫn thắm
Như ngày xưa hồng đậm,
Như ngày xưa lan biếc
Trời trẻ thơ chưa biết
Cánh cú vỗ đen sì,
Lòng còn ủ nguyên si
Mùi sữa thơm của mẹ
Uớt con nghìn suôn sẻ,
Ôm con ru nhè nhẹ
Bài yêu ngọt mơn man,
Lời thương mặn nồng nàn.

Cha ngược xuôi tất tả,
Về hôn lên mi má,
Ươm con như lá mạ,
Mong sau con thơm nồng
Cây lúa vàng trở bông.
Cha đi vay hướng gió,
Mướn cho con đồng cỏ
Thả con lên như điều

Trời cổ tích phiêu diêu,
Vòm ca dao tuyệt diệu.
Con hoá phép làm tiên
Giữa hươu nai mắt hiền,
Chim bay sang đàn dúi,
Dừa lá xanh dịu dịu.
Người hồi phục đuổi đi
Cánh cú vỗ đen sì,
Trả đồng dao réo rắt
Về tìm thơ dào dạt.

Gió đưa hương ngào ngạt,
Hè nồng huệ đoan trang,
Xuân bung nhánh mai vàng,
Thu xoe tròn cánh cúc.

Nức nô trang đồng phục,
Hồng xòe miệng đỏ hoe,
Ngâu khoanh đốm lập lòe,
Lan thơm lừng nhân ái.

Đón người cha trở lại,
Tin vui đến từng nhà,
Máu hồng ửng sắc da,
Con chim đời bất bại !

— *Trại tù Hoà Bình*
1979

GIÁC NGỦ NGÀI NGỰ

Ứng lợi bùn bì bõm
Vệ ngoài chòi đối canh,
Tủ bên trong vất vả
Chuyện riêng với bóng mình.

Gió mùa này đông bắc
Về rít giạt từng cơn
Tưởng tay ai đang kéo
Ngang cung một tiếng đờn.

Ếch nương kêu ì oạch,
Đế rừng gáy dằng dai,
Vệ ngáp ngán ngáp dài,
Cơn ho cào xé họng.

Nó chắc ngồi nôn nóng,
Đếm từng phút từng giây,
Mơ gối ấm chăn dày,
Chỗ cơm mùi hạnh phúc.

Cú than buồn hậm hực,
Ngủ ngục thực là vua,

Lại thêm có vệ chùa
Gác cho ngài Ngự ngủ.

Số ngài quả là bự,
Nhiều điều lót tử vi,
Đêm say mộng li bì
Khi quân thù mất ngủ.

Nó đầu tôm óc lú,
Chưa sạch nước cờ đi,
Chỉ hay cái ngòi lì,
Mong người chơi bỏ cuộc.

Giác quan nó chầu chuộc,
Đáy giếng tưởng trời cao,
Múa may loạn cào cào,
Mặt khỉ tườu trâng tráo.

Điêu ngoa nó thành thạo,
Chanh chua nó rành nghề,
Chú Tàu cũng phải chê,
Xuống cho cái tát xiếc !

Kinh bang nó con diệc,
Tế thể nó loài giang,
Bán buôn chuyên ế hàng,
Ngửa tay làm hành khát.

Năm châu chạy tất bật,
Xéo nát cả lương tri,
Lãng xãng đến chủ trì,
Hội cái bang kịch cỡm.

Bang giao nó ngồi xồm,
Lếu lếu nó là vua,
Anh em nó về hùa
Chửi cha lên nghi thức.

Ứng lộ bùn hì hục,
Cơn ho khạc nã nê,
Đế gáy dài lê thê,
Đêm khuya càng chín nẫu.

Uy nghi nhạc rừng tấu,
Mưa nghiêm tuốt kiếm chào,
Mời ngài Ngự ruỗi sao
Tới tít tầng mây mộng.

Đường ngài sẽ mở rộng,
Xuôi ngon chiếc thuyền rồng.
Báng súng và tay không,
Kẻ nào thua thực sự !

— *Trại tù Hoà Bình*
1979

CHUYỆN MÁN CHUYỆN TÂY

Lên rừng hỏi Mán,
Xuống núi hỏi Tây,
Tây Mán ngô ngô,
Chuyện này chuyện nọ.

Đi buôn ghé ngõ,
Gặp toàn ma xó,
Lẩn thợ làm thầy,
Mặt mày cú vọ,
Nói cười xiên xỏ.

Con cua mắc rọ,
Con tôm kẹt giỏ,
Tây Mán kéo cày,
Bác cho ăn có
Vài chuyện Tàu Tây.

Chuyện cá rô cây,
Không không có có,
Lươn mây lẹo gió,
Dối đó lừa đây,
Tham đặng bỏ vó,
Ốm ờ trệ trộ,
Đỏ lòng xanh vỏ.

**Con cua mắc rọ,
Con tôm kẹt giỏ,
Bụng chó lép gầy,
Mặt xằm mày xây,
Đái hoang bụi cỏ,
Ngủ trọ lùm cây,
Trúng số đi đày,
Trôn nòi đít chõ,
Bị giam bỏ rọ !**

**Cô dâu ngó ngó
Mắt viền vải đỏ,
Chú rể môi dày
Đột xuất giày tây,
Khăn trương hai họ
Đám cưới thịt cây !**

**Con cua mắc rọ,
Con tôm kẹt giỏ,
Con trâu mắc lầy
Điếc cày sáng họ,
Con dê bá ngọ
Be be cù nhầy,
Thằng Mán thằng Tầy
Mặt mày nhăn nhó,
Đất trời chỉ chõ,
Kiện củ khoai tây:
Hô hết cả bày !**

— 1978

KỶ CỤC

Khó khăn khắc phục !
Con chim Bắc Mực
Hót ngắn hót dài,
Hót trầy lỗ tai.

Hót đâm tim nhức,
Lội suối băng rừng,
Vác gỗ còng lưng,
Khó khăn khắc phục !

Hót đòi ô nhục
Nợ ăn mỗi ngày
Bán thân lao sức
Tám giờ khổ sai.

Hót phô cái chướng,
Hót bày cái ương,
Hót giương trịch thượng
Điệu chơi Mán Mừng.

Hót khô hót sượng
Biện chứng chân què,
Chính nghĩa ba que,
Tuyên ngôn xỏ lá.

**Ăn chung ở chạ,
Đổi dạ đêm sau,
Miệng cứ làu làu
“Trước sau như một !”**

**Biên đầu con tốt
Hót bật cái ngu.
Lí lấu bù xù
Chín quê một tỉnh.**

**Hót văng thú tính,
Hót sực mùi gian,
Hót hôi tòi tàn,
Ỉ eo đê tiện.**

**Hót đay hót nghiêng
Con kiến phát điên.
Hót chục năm liền
Thuyết mòn thuyết mục.**

**Khó khăn khắc phục !
Giáo điều lục đục,
Hót tục hót điêu,
Hót lý một chiều.**

**Hót thật không dám,
Thấy đẹp ngoảnh đi.**

Ti hí làm lì,
Môi thâm ngậm sạn.

Trán trơ mày dạn,
Sàm báng tổ tiên.
Ngửa tay xin tiền,
Văn minh khát thực.

Ti toe tri thức
Đứt dép cao su.
Lộn sòng ký ức
Ném trái hoả mù.

Bôi gio trát trấu
Mỹ tục thuận phong.
Thác loạn ba dòng
Buông tuồng phản phúc.

Ê chề đất nước,
Oan khốc mẹ cha.
Soán cửa cướp nhà,
Ngón nghề thảo khấu.

Thóc lo từng đấu,
Chĩnh mắt chum cà.
Trồng trà xuất khẩu
Sang Ăng-gô-la.

**Kinh bang tế thể
Răng rứa chi mô
Ngứa lười tồ tồ
Tuôn xằng đái sảng.**

**Cách mạng ông máng,
Nước chảy ngập nhà,
Hót toét miệng ra
Trước sau nguyên trạng !**

**Đĩa bát trống trơn
Khó khăn khắc phục !
Áo toác hở sườn
Khó khăn khắc phục !
Quần cài thiếu nút
Khó khăn khắc phục !
Gà mắc dây thun
Khó khăn khắc phục !
Rế rách chổi cùn
Khó khăn khắc phục !
Trèo núi trật chân
Khó khăn khắc phục !
Nắng cháy đầu trần
Khó khăn khắc phục !
Ôi ! sao kỳ cục
Khó khăn khắc phục !**

*— Hoàng Liên Sơn
1977*

MỘT BẦY THÚ KỶ DỊ

**Thuở ấy trời băng giá,
Tê giác thích THỦ THÂM,
Báo beo ưa GIẾT NGẦM,
Giả nhân tài GIẢ NGHĨA,
Kên kên gù ĐỘC ĐỊA,
Xó rùng hồ LƯU MANH,
Hang trong gấu GIỰT GIÀNH,
Sói chuyển nghề PHẢN TRẮC,
Trăn phì phò GIAN TẶC,
Rắn khò khè ĐIÊU NGOA,
Đêm đêm cú bay LÀ
Khỉ ho nhưng BỀ THẬT
Hót mượn cho HỒ GIÀ.**

**Hồ già rồi Hồ chết,
Tê giác khóc rưng rưng,
Hươu nai thút thít sùng,
Sơn dương rầu rĩ nhớ.**

**Kên kên điều nước nở,
Rùa lật ngựa kêu la,
Voi rên thống thiết ngà,
Hổ gầm sừng sổng mũi.**

**Đười ươi gào rữ rươi,
Vượn cào tóc ỉ ôi,
Beo khóc đứng khóc ngồi
Cát Hồ vào động đá.**

**Trời bỗng dung hết giá,
Loài người lộ hiện ra,
Đuốc soi hé từng nhà,
Khởi công ghi chép sử.**

**Sử truyền đàn ngựa dữ
Chạy tuyết tận trời Tây,
Rước nghênh bầy gấu trắng
Về ướp xác Hồ gầy.**

Má Hồ bơi sen Nghệ,
Xác Hồ xú nồng hơi,
Tắm dầu thông Pắc Bó,
Trát tím máu loài người.

Nách Hồ kẹp di chúc
Nhồi cứng bột xương tan,
Nhét căng vữa nhục tàn
Triệu hồn oan phách uổng.

Óc Hồ giời moi ruồng,
Đục khoét mọt tam vô,
Gan thâm, tim xám ngoét
Hôi tanh lảm ý đồ.

Hàng năm cứ tháng Chín
Hồ hoá kiếp hồ tinh
Thối bùa lên gọi quỷ
Trút mưa xuống Ba Đình.

— *Trại tù Hoà Bình*
1979

**TỘI NÀY
TỘI ĐẾN NGHÌN ĐỜI
KHÔNG QUÊN**

Nửa đường thế kỷ gian nan
Ngựa hoang xuất hiện một đàn kỳ khôi.
Lim dim mắt, mím mím môi,
Cỗ xe cọc cạch ỉ ôi giáo điều.
Đấu tranh giai cấp đứng điều,
Mắt che ngựa cứ một chiều ngựa đi.
Thuyết minh biện chứng cái chi !
Vấn trợ cái bụng cái tì đói meo.
Lĩnh cương một võ tuồng nghèo,
Dây chuyên chế thắt ngựa teo ngựa còi.
Ngựa khôn, óc lớn bằng voi,
Roi tên xà ích quất lòi tĩ ra.
Đã gần nửa thế kỷ qua
Địa đàng chẳng thấy, ngựa già mỗi chân.

Thuyết “hay” xét lại mười lần,
Hợp quần rã đám thành quần ngựa đua.
Bên ngoài tay bắt phân bua,
Bên trong tru tréo bán mua tận tình.

Chụp nhau cái mũ hữu khuynh,
Tôi nghe lén bạn, bạn rình ngó tôi.
Chiếu trên giành giật chỗ ngồi,
Ăn xong đòi trả cả nồi lẫn niêu.
Góm ghê con đĩ lắm điều,
Ông loa duy vật phun điều phóng càn.
Mỗi năm đĩ mỗi suy tàn,
Giọng loa cũ rích mỗi khàn mỗi voi.
Tùng xèng hội đảng người dơi
Tội cao như núi đất trời nào tha!

Tội là trời mẹ vùi cha,
Chữ trung bán đứng, thật thà vứt đi.
Nghĩa anh em oản tù tì,
Hao xương tổn máu chỉ vì các người.
Sói rừng sành sỏi luật chơi,
Máu tươi bán tháo, tình người quẳng ra.
Tội là xáo thịt nòi da,
Mưón tay người đến đốt nhà tổ tiên.
Đấu tranh đấu chết dân hiền,
Quê hương một sớm thành miền đất hoang.

Phật Trời người đá ngổn ngang,
Chúa Trên người cũng dàn hàng bán luôn.
Ý dân coi nhẹ cánh chuồn,
Sức dân người vắt cạn nguồn kiệt hơi.
Tráo trăng một lũ quỷ người,
Đầu voi dít ngựa nói cười nhố nhăng.
Quần Tàu áo Chệt lai căng,
Con tim “phúc đức” lớn bằng ngón tay.
Chi li hạch toán hàng ngày,
Ăn xin ngọn chén, uống nài miệng lon.
Dân nghèo ruột rữ héo hon,
Chiếu trên người nở miếng ngon ê hề.
Múa lân mở hội xập xòe,
Trong lãng chết ướp thằng hề mặt doi.
Đảng chi đặt lũ đười ươi,
Tội bầy người tội tây trời biết không!

Tội là có thật nói không,
Có đen nói trắng, có chồng nói trinh.
Nhà dân ngấp nghé người rình,
Ngó đo hũ gạo, tình hình vợ con.
Máu dân người hút người bòn,
Thóc dân người bắt nộp tròn “giao lương.”

Bò vàng (1) lấp ló sau tường,
Ngõ trong mật vụ, ngoài đường công an.
Nửa đêm chiến dịch quét càn,
Trẻ thơ vắng mẹ, con đàn mất cha.
Cha đi : mất nóc ngôi nhà,
Mẹ đi : con hỡi ! vú xa miệng chờ.
Triệu đòi vát vương bơ vơ,
Triệu hồn héo rữ vờ lá thu.
Triệu người oan khóc trong tù,
Mất hoen ghen đổ mịt mù tương lai.
Dân ôm khổ rách chạy dài,
Máu dâng hiến đảng, xương chay ma Hồ.
Hồ nằm ướp đá Liên Xô,
Đuôi ươi rữ rươi đến mồ liệt hoa.
Chết rồi còn tạt điều ngoa
Dãm câu di chúc làm ma dạy đời.
Tội người tội rõ ngồi ngồi,
Tội ba kiếp hoá mình người mặt trâu !

Cao vời học thuyết chi đâu !
Cứ nhè bằm xác chặt đầu anh em.
Lưỡi Lê, giáo Mác, búa liềm,
Tuốt da róc thịt mượn kềm Liên Xô.

Cỏ chưa xanh kịp nắm mồ
Thêm trăm goá phụ vấn sô đứng chờ.
Mẹ nghèo cạn sữa con thơ,
Chùa niêm kín cửa, nhà thờ tháo chuông.
Trường Sơn thác loạn mây cuồng,
Tiếng Hồ dội đá, thường luồng bật hơi.
Quê hương tử khí ngút trời,
Rừng thiêng vượn hú hồn người thác oan.
Sông sâu máu đỏ tuôn tràn,
Núi cao chất đồng nhục tàn cốt khô.
Vẫn chưa thoả chí điên rồ,
Vẫn chưa toại ý loài Hồ mặt dơi.
Tội người tội giết triệu người,
Vết như lịch sử nghìn đời khó bôi.
Xuất thân các ké thằng bồi,
Đầu voi đít ngựa nhét nhồi thuyết hư.
“Vĩ nhân” có mắt mà mù,
Giết cha bằng cái hận thù gớm ghê.
Đâm thuê chém mướn chuyên nghề,
Trối trắng chi cũng là hề sát nhân !

— *Trại tù Cẩm Nhân*
1978

(1) *Công an mặc quân phục màu vàng*

19-5

Tháng 5 rừng ngoạ bệnh,
Núi đau, lá thêu thào,
Hè ngời loáng như dao,
Con sông trào máu trắng.

Tháng 5 trời hạn nắng,
Nứt đá, nẻ đồng khô,
Quê thiêng để rơi Hồ,
Khởi đầu lịch hành quyết.

Tháng 5 trò quyết liệt,
Bới đất quật mồ chôn,
Súc sinh thả rong hồn,
Tháng thần sầu quỷ khóc !

Tháng 5 tháng Năm độc !
Chim đui, cá tróc đầu,
Lúa lép đổ rầy bâu,
Tháng 5 đen đầy quạ !

**Tháng buôn gian bán trá,
Xương khô giầu đầy bồ,
Nửa đời bận khăn xô,
Bốn mươi năm tang goá.**

**Bốn mươi năm đày đọa,
Trẻ còi khóc bơ vơ,
Lãng vua sắc sỡ cờ,
Tháng 5 tháng Năm máu!**

**Tháng truy lương lòng gạo,
Chó đói sủa tàn hơi,
Trâu điên húc càn người,
Tháng bê gào thảm thiết.**

**Bốn mươi năm tuần triệt,
Đốt giấy đuổi Hồ ma,
Hương nhang thấp trừ tà,
Tháng 5 tháng Năm vạ !**

*— Sài Gòn
19-5-1985*

THƠ THIẾC

Chữ chữ chi chi bầy khỉ đột !
Gà què, ngỗng chột, vịt cà lăm.
Te te ngoài ngõ Hồ vênh họng,
Quác quác trong sân Tổ lịch cằm.

Thằng Ché, con Xuân gào gớm ghiếc,
Cái Cù Huy Cận họ gà tre.
Quốc doanh rặt món đồ thi mạt,
Hàng cá hàng tôm cảnh chán phè!

Tội ác vinh thăng hàng quốc kế,
Dối lừa nghìn mặt vạn hình dung,
Mỗi câu viết ém lem con quỷ,
Sáng trắng chiều đen chẳng thẹn thùng.

Thuyết Mác Lê nhai sòn sệt chữ,
Óc bòn, máu sệt, dạ Hoài Thanh.
Bố sư thơ thiếc khua inh ỏi,
Hành quyết lương tri phát súng đoàng!

Hạ sát Tự Do lời cán cuốc,
Đập vùi Chân Lý lẽ tầm vông.
Lái văn đẽo miệng rao thơ bác,
Cháu gói mua cân trả một đồng.

— Sài Gòn
1985

BÀI THƠ CÚNG CÁ

Sáng nay đi vớt nghêu sò,
Mò con cá trắm như mò cây kim.
Cá chim ơi hỡi cá chim
Hóc hang nào ở ta tìm không ra.
Sặt, ngư, lóc, lục tiêu ma;
Bông lau tặc lưới a ha mất rồi !
Buồn tình vẽ viếc chia vôi,
Râu trê huyễn tưởng, vây hoi viễn vông.
Ta đi súc sắc cua còng,
Ngồi mơ con bống bẻ bông đàn ôn.
Ta về khua nước trắng thôn,
Thấp nhang khẩn mú vong hồn ở đâu ?

Lưỡi trâu ơi hỏi lưỡi trâu
Nỡ theo đàn đoi đi châu vua xa.
Ta về võ nước sông ta,
Thương đôi linh trích làm ma nước nào ?
Chép buồn chép miệng buồn sao ?
– Bán tôi bán ở chợ Đào quê Tơ.
Tiền tôi nuôi nắng con thơ,
Chớ ham thuốc súng, đừng mua đạn đồng.
Nực cười cái đũa thần thông
Biến thu thành khói, hoá hồng ra mây,
Cá rô ra cá rô cây
Bán thân trả nợ quan thầy Liên Xô.
Sự đời ngẫu hứng ô hô !
Biển sông bày một trận đồ chán ghê.
Ta ra gõ đá đầu kê,
Sóng ơi ! sóng công nã nê cùng ta.

— *Vũng Tàu*
1986

HỒ ĐỊA PHỦ

Mồ dẹt thời gian xe hủ lô,
Sương tang sô xoá bật song hồ.
Nỗi đau sờ thấy hồn vong tộc
Nham nháp trời và sần đất thô.

Ba tiêu bắc quất ngát từng cơn,
Đồng đảo đa la, bá hú hồn.
Cỏ khóc đầm đìa đồng cổ chủ,
“Lạy ngài nghìn lạy” lý van lơn.

Đô vật Cửu chôn bêu cái ót,
Lưỡi cây chậm hót Cửu đầu lâu.
Hồng Hà bọt sủi mồm bản cố,
Xát dạ vò thai goá rĩ râu.

Nhau úa, thai thâm, ruột rú rền;
Cuồng luồng, bạo lũ búng thuyền tiên;
Nước mê, thác sảng, rồng lặn lóc;
Biển giận non va vỡ giập thuyền.

Tráp trâu côi khuấy bóng bầm (1) xua,
Lược tử thương nằm nép giậu thưa.
Trận quét càn này là tươm tất lạ !
Răng long tóc bạc cũng không chừa.

Cờ son cười cợt lâm ly gió,
Địa phủ quân rên ngốt lửa hồng.
Bài hát hào hùng tru não nuốt,
Mạng người mỏng tếch tơ bông lông.

Chó vạ đời còm ngao hiếu sinh,
Chủ nhà mới trớt môi kiêu binh.
Ào ào lốc thốc xô đình đổ,
Tróc óc am, san bạt lũy thành.

Xương vun, máu xối đêm vô tận
Chụp lú thần hồn con quái nhân.
Đao phủ thủ lia dao phất phất,
Đá trào nước mắt bà Quan Âm.

“Dốc Mỡ” xe leo rặng cốt kết,
“Đỉnh Trời” trâu rổng bễ vi vu,
Đường lam mù lặc chuông bò gõ,
Đĩa quấy chu du vũng nước tù.

Hận Mán, hờn Mừng rùng nín thình,
Da chì mặt bủng oán thù Kinh.
Vó Tây chạy vạy về không muối,
Nhặt thếch bầu chay, mận bắt bình.

Vườn hoang, ruộng hoá, vòng sao lãng,
Bấp lép loi thoi, mướp bờm xòm.
Cóc mốc oang oang lòng giếng hằm,
Nát nhàu đến cả huệ lan thơm.

Ti trúc hồ xừ xang biếng nhác,
Vắng bà chúa, chết gã châu vắn.
Bốn nghìn năm cánh giang mềm mỗi,
Ấm ỉu đồ ơi ! bển nhọc nhằn.

(1) Mẹ – từ xưng hô tại một số địa phương Bắc Việt.

DƯỚI LƯỚI BÀO TRƯỜNG

**Phận triệu tiên rồng còi cỏn con,
Điêu linh bào phá ước mơ mòn.
Tuổi thơ ấu sớm rành đau đói,
Mẹ héo hắt và cha héo hon.**

**Dẫm bào xoắn quẩn bán lau chau,
Khôn đôn nổ tung từng tế bào.
Xã Hội Cộng Hoà tranh siêu thực,
Thấy đều một thứ ma xanh xao.**

**Lớn nhón âm hình lật đật phố,
Cam đành lọt lỗ cống hư vô.
Cảnh chiều vàng ệnh tông hoang tưởng,
Tít tấp gia cư, nghĩa địa mờ.**

**Hành khát, anh hùng cùng một đũa,
Chiếc thau gỉ rỉ khẩn làm trò.
Ăn thừa, uống cạn, nhìn nhâng nháo,
Thế giới quay đầu bố thí cho.**

**Phật đi rồi, Chúa vẫn lưu vong.
Lửa mắt vô nhân cháy rực tròn.
Hoàn vũ sum vui, mình vắng mặt,
Gián thù thâm nhắm nã tử ung.**

**Trời đất bình thường, người mặt kiếp !
Đạ nào bận bịu khóc cha chung ?
Tim nào xót xáy tìm ra chữ
Ngang tầm thăm hoạ thế kỷ hung ?**

**Khi phấn son khuya lã chã tàn,
Tiếng tuồng nhường tiếng côn trùng ran.
Tai nào trần trọc nghe trần trọc
Ngoại trú dân gian nhịp thở khàn ?**

**Gối nào tội lỗi quỳ sám hối ?
Tay nào nhục nhục chấp ăn năn?
Phiên toà chung thẩm ngay tâm thức,
Chánh án cũng là tên bị can.**

*— Sài Gòn
1985*

LỜI VIẾT HAI TAY

Tôi cất cho tôi một pháo đài,
Giăng vòng gai kẽm, lập vành đai.
Sáng nghe, chiều ngóng, đêm phòng ngự,
Đôi tiếng chân ai rảo lên ngoài.

Tôi nhìn vai trước, ngó lưng sau.
Cộng tặc gian ngoan, lắt léo đầu,
Muốn nhốt lương tri, còng ý chí,
Một lời đề kháng phải cùm đau.

Thêm ba tháng đói cát thăm nuôi,
Cơm ăn pha cát, cháo nêm ruồi.
Cát cào rát ruột đau đau thắt,
Chất ngát thù này chẳng thể nguôi!

Bóng tối xà lim trùm kín mít,
À ra cõi chết chật hơn đời!
Lương tâm làm gói cho hồn tựa
Để giữ cho hồn được thanh thoi.

Ngặt nghèo nước tắm một lon gô,
Cái oi bức muốn máu điên rồ.
Nó còn cật vắn tèm lem miệng,
Xoắn vắt con mồi đến kiệt khô.

Nó chĩa sang tôi lời đạn chéo,
Cái nhìn lục lợi rọi từng li.
Tía lia lếu láo AK ngọng,
Pháo nổ đàn hanh, cối lợm lì.

Thế trận này căng, tôi bám đất.
Tay không mài chuốt lấy tinh thần
Làm thanh gươm sắc, cây đao nhọn
Đấu đối mưu đồ quý bất nhân.

Tiếng nói dim đi, lời nhận xuống,
Tôi làm á khẩu để đừng xin,
Đừng than vãn cũng đừng rên rĩ,
Đau đớn vùi cam đáy mắt nhìn.

Phần uất đào sâu thêm ý thức,
Tôi vào bới óc đuổi bầy dơi.
Đêm đêm thơ sáng lung linh lửa
Soi giúp tôi đi đến mặt trời.

Bài học rút ra thật dứt khoát:
Nó, tôi chẳng thể đội chung trời;
Nó còn tôi mất, đơn sơ vậy;
Nó mất tôi còn, chỉ thế thôi !

Vận nó đen thui như mồm chó,
Tiêu vong là lẽ rõ như ngày.
Thế nên dấu phải chân cùm kẹp,
Tôi vẫn đi bằng lòng bỗng bay.

Vẫn cất hồn lên tìm ánh sáng,
Xa vùng cát lún, bãi lầy sâu.
Đêm đêm thơ giống như cò trống,
Bầy chữ tung tăng múa ở đầu.

Ngũ điệu ngân nga, vắn rẻo rất,
Nàng Thơ giống trống giục ran lòng.
Đau thương mỗi bèn lên tư tưởng,
Thép đã tôi rồi, đổ bể cong !

Nếu giữa cơn đau tôi ngã xuống,
Vết thương bầm tím máu hình hài,
Lòng tôi vẫn đứng không lui nhượng,
Gối chằng quỳ hàng, miệng chằng khai.

Thế giới lương tri đồng phán quyết,
Giống nòi khinh ghét ném bùn nhơ,
Nó đang cùng quần con yêu ác,
Giờ xuống âm ti sắp điếm rồi !

— *Trại tù Hàm Tân*
1984

VỤ GẶT MƯỜI NĂM

Tôi đi thu lượm về nuôi nấng
Những hạt muôn màu đời vãi rơi.
Tróc vẩy trầy da mong hái gặt
Tâm tư chín chắc một mùa hời.

Vẫn biết đời ươm giâm giống tốt,
Có cần mẫn mạ mới thành bông.
Tôi nhân tôi lớn lên làm điểm
Tụ những đường hay ngã ba sông.

Đón những hương xa và gió lạ
Thổi về từ thế giới thênh thang.
Đông Tây í ới lời rao ngọt,
Tối tập chào ngon lăm món hàng.

Cái chợ trời đây buôn bán trá,
Mún manh du kích thói bùng biên,
Xã quy cầu thả tròn vương dẫu,
Phép nước buông tuồng cán tự biên.

Bán xác buôn xương người lính khuất,
Nghèo mà không sạch hoá vong thân,
Tư duy còm cõi dăm thiên kiến,
Chủ nghĩa hoang đường lệch não cân.

Tôi nhìn vào trắng dã con người,
Sông vấy bùn lên mặt mũi người.
Đối tượng xoay nhanh thường khó đoán,
Tôi dòm đến rõ máu con người.

Vẫn biết sống là quan hệ với,
Dẫu trông mắt ấy chưa hề quen,
Bàn tay lạ ấy chưa hề bắt,
Tôi cứ phải banh mắt để nhìn.

Tội ác móc tay nhau lũng đoạn,
Chồn đồng loã với cáo lem nhem.
Gian manh khó sánh, tham vô độ,
Máu té thành sông chẳng bớt thềm.

Tín hiệu đời bung ra phức toái
Tát tai lũ điếc té cái râm!
Bỏ đi toan tính nhuộm màu óc,
Thực tại phì cười bệnh “quyết tâm.”

Tự do thứ ấy là tự do
Nhốt giam vô có, bắt tha hồ;
Là vợ vét cạn, ngang nhiên cướp
Lúa đứng ngoài đồng, gạo chất kho.

Là trăm hiệp đáp, nghìn chà đạp,
Buộc cổ người dân cái ách bò,

Đốt sách tự do, tự do siết
Họng người khao khát đòi tự do.

Thú hoá người bằng củi tập trung,
Thâm thù núp bóng dưới bao dung.
Chìa tay là để còng tay lại,
Hạnh phúc ư ? – Dân cứ khôn cùng !

Đạn bắn vỡ bia mờ lính cũ
Chết nằm lòng đất cũng không yên.
Tự do ôi ! tự do kỳ quá,
Bạo chúa ngênh ngang chiếm bệ thiên.

Đứa trẻ bị điều tra lý lịch
Từ khi còn lọt tã nằm nôi.
Cha đi “cải tạo” rừng biên bắc,
Dấu “ngụy” đeo con đến suốt đời.

Áo cưới cô dâu vào tiệm mướn,
Đôi giày chú rể đặt tiền thuê.
Mãn tang mẹ bữa cơm đơn bạc,
Mẹ thấu cho con cảnh nào nề.

Tân hôn từ ấy mấy năm trôi,
Chiếc nhẫn chồng trao cũng bán rồi,
Một mụn con so đành khát hẹn,
Ngậm ngùi xếp lại mộng mua nôi.

**Đồng lương tản tiện dăm ba bữa,
Chấp nôi hai đầu, nợ lút tai,
Áo hở hang vai, quần rách đũng :
Khôi nguyên thế giới cái nghèo này !
Khôi nguyên thế giới thói ăn mày !
Khôi nguyên thế giới cái nhục này !**

**Thằng bé ca ba teo nhẽ nhại
Mồ hôi muối chát bát cơm gầy.
Đứng lò lửa tạt năm trăm độ,
Cái tuổi trắng rằm bốc khói bay.**

**Lớp lớp lều bầu đen nghĩa địa, (1)
Người nằm ngủ trọ với hồn ma.
Phố sương cọc cạch xe phu hút
Những xác lê dân xám nhợt nhoà. (2)**

**Chợ búa hằm hằm lính thuế vây,
Con điều vật giá tít tung mây.
Đổi tiền giấy lộn, ngưng bao cấp,
Nghị quyết tăng lương giết cả bầy.**

**Giáo dục con em trò ngụy biện
Tiên là chính trị, hậu tùy nghi.
Kinh Lê thuyết Mác nhai cho kỹ,
Chữ Bác Hồ nong đến cực kỳ.**

**Chiến tranh vừa dứt lại chiến tranh,
Gia tài của mẹ sạch tanh banh,
Phố xưa thành cũ san bình địa,
Vết loét giờ đây vẫn chữa lành.**

**Biển dựng sóng cao, gào gió lớn,
Triệu người bỏ nước vượt cam go
Vì hai chữ ấy như xương máu,
Đời sống còn gì khi mất tự do !**

**Ngày có thể cơm ăn một bữa,
Miệng cam dành hạt muối cảm hơi.
Nhưng khi tôi mất tự do sống,
Tim óc ung thư, ruột rã rời.**

**Được nói lên lòng mình chẳng thể,
Lời này tôi viết bằng hai tay.
Tự do, chúng hãm cô lâu thế!
Ngã xuống vì cô nhiều thế hệ.**

**Hãy gắng cùng nhau gìn trí nhớ
Giữa rừng đầy đặc lưới điêu ngoa.
Giúp nhau viết lại từng trang sử,
Trả bút cho nhân chứng thật thà.**

**Hãy minh xác lại trò chơi chữ,
Hãy vạch mặt xem mỗi cụm từ,**

**Đốt đuốc soi lên rùng ngử vụng,
Chạm đầu dựng lại nhà tu thư.**

**Hãy mở bung ra chùm khoá sắt
Câu lưu chân lý đã lâu rồi !
Tim nhàu ruột nát sàu lao lụy
Nghiền ngẫm cho thành bút thép tôi.**

**Hun đúc thơ ra từ nước mắt,
Rắn đanh căm phẫn, sắt se buồn.
Ngã ba sông đổ dòng bi tráng,
Gió góp vai vào trận lũ tuôn.**

**Thơ bị nhốt, thơ gào ánh sáng
Xé toang tấm tối, vạch ngu lầm.
Bây giờ thơ phải cùng tay súng
Giải phóng con người bị hãm giam.**

**Mười năm đứng mũi chịu cơn giông
Vội nước non rung động, đất cuồng.
Khôn khổ chất chiu từng nhánh mạ,
Nỗi buồn thấm thía giờ đơm bông.**

— Sài Gòn
1985

*(1) Dân vô gia cư đến dựng lều ở chật các nghĩa địa
thành phố Sài Gòn – Chợ Lớn.*

*(2) Xe bò vệ sinh thành phố sáng sớm đi hốt xác người
chết lạnh ở ngoài đường.*

**SÀI GÒN
NGÀY GIỖ
THỨ MƯỜI HAI**

**Cờ rợ ác lòm lòm đổ máu,
Bạc râu chòm miệng gã già vui.
Ta đi hồn trắng tang thành phố
Của những ngày xưa chúng đập vùi.**

**Lê Văn Tám hoá làm công viên,
Mạc Đĩnh Chi (1) ve réo hận phiên.
Cuốc bổ bằm quan, vằm nát quách,
Người nằm tĩnh huyết không cho yên!**

**Ta về tìm lại gốc cây me
Đâu tá khôi ngô những hội hè?
Này Trời là ai mà góm nhĩ
Cầm cân Công Lý (2) nảy ngang phè!**

**Tước đoạt Tự Do (3) Đồng Khởi phá
Tan hoang gạch đá, xác xơ đời.
Sấn khoai rùng rú nào đâu hiểu
Phố xá quen lâu cũng là người.**

**Cần chu đáo với, cần trân trọng
Từ mỗi thị dân một tấm tình.
Đừng phủi công cha, chùi nghĩa mẹ,
Vẽ vời huyền truyện, bịa hùng anh.**

Đừng trắng vôi bôi tên xoá dấu
Sài Gòn đầy nước mắt mồ hôi
Của bao thầy thợ dày công đắp
Bổng bắt mang tên lãnh tụ bôi.

Đôi điều bày đặt trò Xô Viết
Nghệ Tĩnh (4) bán hồn cho Nga Xô.
Chúa Nguyễn, vua Lê nằm tử phạm
Chen vai sát cánh lũ lưu đồ.

Bạo ngược nặn ra Lý Tự Trọng
Ấm về hạ bệ vua Gia Long. (5)
Hỏi ai đoàn tụ Trung Nam Bắc ?
Ai dựng, ai thương nước thật lòng ?

Thành quách điêu tàn, gạch đờn đau,
Trường xiêu, cửa mất, mái u sầu.
Mười hai năm xéo giày viên ngọc
Gót lũ tham tàn dấy biển dâu.

Chủ nghĩa làm vong thân mất gốc,
Sài Gòn tằm tối bóng bầy dơi.
Bao giờ khuất cối, toi hồng quỷ,
Ta hện ta đi trẩy hội người.

— Sài Gòn
30-4-1987

-
- (1) Nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi xưa bị Cộng Sản đổi thành công viên Lê Văn Tám.
(2) Đường Công Lý xưa bị đổi tên thành Nguyễn Văn Trỗi.
(3) Đường Tự Do xưa bị đổi tên thành Đồng Khởi.
(4) Tên mới của đường Hồng Thập Tự cũ.
(5) Đường Gia Long cũ bị đổi tên thành Lý Tự Trọng.

CÓ VẮNG TA ĐI ...

Có vắng ta đi đời vẫn xoay,
Thời gian im xoá dấu chân này
Trên đường nắng lộng lòng phơi phới,
Những trận cười giòn thổi dạt mây.

Có vắng ta đi đời vẫn say,
Quên đăng cáo phó họ tên này,
Ngôi nhà mới chặt thân tình mới,
Rượu rót ê hề cụng mỗi tay.

Có vắng ta đi đào vẫn nuột,
Nõn nà là lướt mộc lan hiên,
Vườn phô phú tức kim ngân, cúc,
Sáng thực quỳ hồng, rục bát tiên.

Có vắng ta đời vẫn sum suê,
Chim chưa quen xuống đậu tay xòe,
Hồ tha hồ thả buồm phiêu lãng,
Bé mút kẹo điều, miệng đỏ hoe.

Có vắng ta đi xe vẫn hót
Lá đem qua rặng lối còn nồng,

Người vẫn tìm nhau cho ngày mới
Như cầu cũ vẫn dẫn qua sông.

Như lúa tân xuân vẫn dạt dào,
Vòng tay hàn gắn lại khít khao;
Như trời tư tưởng bao la ấy
Vẫn mở bờ ra đón ý vào.

Có vắng ta đi đoàn vẫn dẫn
Đủ hồi kịch gói gửi tâm tư,
Nàng ngời phó thác vai yên ả,
Nhuần thấm thương yêu mắt đại từ.

Có vắng ta đi thuyền vẫn đi
Xoá bãi chia cắt những biên thùy,
Bà con cô bác năm châu tới
Cứu vớt người về từ địa ti.

Biển giục thuyền đi tìm bến sóng,
Tang chồng rồi cũng ngүй hương nhang,
Xe hoa nàng bước lên lầu nữa,
Ở đó tình nhân hứa địa đàng.

Ở đó hoà thai trong ánh sáng,
Thuận thời thuận tiết đất đơm hoa,

Một giọng giông tốt tươi tâm thể,
Trí đức xen đan nét hài hoà.

Nàng sẽ đu nô ru ái dẫu,
Sữa nàng làm bé lớn khôn nhanh.
Xuân sang tuyết rã con dung dễ,
Sẻ đến chào con hoá thiện lành.

Sóc đến thăm con lây nhân ái,
Hoạt hình một vũ điệu màu nâu.
Nâu pha nắng hoá hai làm một,
Ảnh ấy thời gian chẳng bạc màu.

Áo mới bung khuy trào ấm áp,
Huyết cầu hồng rực ửng lưng da.
Sum suê kết trái cây nhân vị
Toả ngát hương thơm biểu mọi nhà.

Chân lý gom muôn về một mối,
Công bình, bác ái được tuân thương.
Cái vui cũng khéo pha nồng độ,
Độc sách công viên, xiếc quảng trường.

Giọng hát gitan giòn phách xoang,
Nhiệt tình Âu – Án chói hào quang,

Cả nàng là ngút ngàn diên vĩ,
Điệp khúc kim cương, biển tấu vàng.

Tinh tú vào bay đêm nội thất,
Giăng đường đầy ắp đám thi nhân,
Mỗi em một tháp lâu liêu vọng
Đôi bước thiên du những vị thần.

Đẹp đôi cân trong rùng dáng nét,
Nhà thờ Gô-tích, tượng Rôđanh.
Thi ca hàm súc, âm giao hưởng,
Sầm uất nhân văn, hậu trữ tình.

Mạng lưới bung ra, điện dẫn vào,
Lửa gào phùng phực vạc lò cao,
Hoa tay, trí óc người giăng khắp
Xuất sắc làm ra cửa đôi dào.

Máy đến nông trang, mùa trúng lớn,
Tàu về thành phố đổ đầy lương,
Lê sai, táo trĩu, nho xôm tụ :
Mỗi bước người đi bầy dặm đường.

Cứ thế đời quay quay quán tính,
Tách nhân, kết hạt, lọc ra vàng.

**Khai sơn phá thạch người lao tác
Đĩnh đạc, chuyển cần và vẻ vang.**

**Có vắng ta đi đời có quên ?
Âm ti chôn lấp mấy năm liền
Một hồn còn vấn vương đời lắm,
Còn ngóng nghe về hội nẻo trên.**

**Đời ngoài mỗi lúc một cao thêm
Khi ta mỗi lúc mục xương mềm.
Ta sợ rồi đây đời xa tấp
Bỏ lại mình ta vẫy giữa đêm.**

Có vắng ta đời đừng nên quên !

**Lỡ mai tứ tán đời cô quạnh,
Ma đội mồ lên kể chuyện lành,
Góp núi gom rừng về dấy lửa
Ám từ đáy mắt trẻ cô xinh.**

**Cuốn gió đồng dao trời cổ tích
Điều hồn con thả tít tầng xanh,
Rượu bùi anh ngấu men tân khổ
Rót tặng ân tình đêm tái sinh.**

*— Trại tù Hà Tây
1981*

NGHÌN NĂM MÂY TRẮNG

Lên cao dừng bước,
Ngồi gốc cây si,
Nghe đi thăm thì
Những chùm lá nắng.

Trời xanh mây trắng,
Núi thẳm bày ra,
Chim xa nhạt nhoà,
Buồn buồn nhớ nhớ...

Hình gì cũ kĩ
Màu đá màu rêu
Hay xưa bé nhỏ
Lên đê thả diều.

Hay xưa bé nhỏ
Tìm lối nối sao
Hỡi ngôi Bắc Đẩu
Viễn vông phương nào ?

Giã từ Hà Nội,
Ngược bến Lâm Thao,

**Con sông nước lớn
Bốn tháng dạt dào.**

**Quê cha máu phượng
Chói nắng đồng bằng,
Lệ đã thành băng,
Còn gì để khóc !**

**Chiều hôm heo hút,
Nồng phức hương nhu,
Xe lên xứ mẹ,
Gió cuốn bụi mù.**

**Mẹ căn mẹ dận
Xuống phố mua riềng
Mùi áo thàng giêng
Còn thơm băng phiến.**

**Như con sóc nâu
Mon men bờ suối,
Tuổi lợ bắt đầu,
Nửa khôn nửa dại.**

**Tình yêu nhức vú,
Biết rẽ đường ngôi,
Mua em bó huệ
Vẽ trên giấy bồi.**

**Đêm đêm lật sách
Bên song bở xờ
Thả hồn về với
Nỗi niềm thơ xưa.**

**Nguyễn Du khởi sự,
Ngủ mê nàng Kiều.
Sau, Nguyễn Gia Thiều,
Buồn lây Cung Oán.**

**Hồn lên lớp tám
Sầu đã vương mang
Bài thơ trường vận
Bà Huyện Thanh Quan.**

**Người đâu xúc tới
Đốt miếu đốt chùa.
Tường xây bỏ dỡ,
Chiếc cổng già nua.**

**Mùa thu nước lũ,
Xác thối lênh bênh,
Đời bồng bấp bênh,
Ngập thù ngập oán.**

**Ra, đi háp tấp.
Về, đóng vội then.**

**Khuya, chong ánh đèn
Ngồi nghe tiếng súng.**

**Người đi vấn vúi,
Xếp áo xếp quần,
Ngoài xa lạnh lạnh
Tiếng kèn triệu quân.**

**Đò sông đưa tiễn,
Nỗi nhà ngẩn ngơ,
Khúc ngâm Chinh Phụ
Còn đau đến giờ.**

**Vợ ôm con đợi,
Nước xoáy lòng đê,
Xưa nay chinh chiến
Mấy ai trở về ?**

**Đường lên chiến tuyến,
Lửa cháy rần rần,
Chiều day dứt thổi
Tiếng kèn dọn quân.**

**Cờ bơi sắc máu,
Đốc núi Chuối nhanh,
Xe lăn tròn tròn
Vào nghìn thu lạnh.**

Vành sô chít vội,
Trẻ khóc già gào,
Nàng đứng trên cao
Hoá thành Tô Thị.

Chiến tranh vừa dứt,
Nắng chưa hết thêm,
Thù đã chất thêm,
Vành gương bỏ lạnh.

Vườn hoang rêu ám,
Lá úa cành thu,
Trướng the vàng rủ
Phủ bụi sương mù.

Con khuya kêu đói,
Mẹ đắp chăn bông,
Ngón tay đan vội
Áo len thương chồng.

Chồng xa cách vợ,
Bố phải lia con,
Nước chảy đá mòn,
Đất nào chẳng lở !

Khắp nước trại giam,
Tù không tuyên án,

Ba năm hết hạn,
Ngày về biệt tăm.

Lán nằm chen chúc,
Chiều gập làm đôi,
Ngó sang bồi hồi
Người cùng cảnh ngộ.

Đèo ran tiếng cú,
Gió rú bật rèm,
Chào nghiêng tử biệt
Người tù anh em.

Rừng hoang vỡ đất,
Trồng sắn trồng khoai,
Gánh nặng đường dài,
Người tù cùng khổ.

Ngày cơm hai bữa,
Mắm thối ruồi bâu,
Nước vũng canh ngâu
Dần lòng chua xót.

Ngày men theo núi
Tìm nứa, tìm dang.

Tiết thu đương vàng
Trên chùm lá vãn.

Hình xưa bỗng dậy :
Chú bé đêm nao
Thức bên chậu đào
Chờ xuân háo hức.

Hương nhu nồng phức,
Máu phượng còn son,
Cha mất mẹ còn,
Tình người sao bỏ !

Vàu xanh ngứa mắt,
Lá cửa sượng da,
Máu lên tiếp nhựa
Trái tim lim già.

Chim kia khuất núi,
Lững thững hồn này
Nghìn năm mây trắng
Bây giờ còn bay...

— *Hoàng Liên Sơn*
Thu 1978.

LỤC KINH BÁT QUÁI

● VIÊN LINH

01— Mỗi sinh nhật, tôi lại nhớ đến bài thơ ấy của Cung Trầm Tưởng. Mỗi đêm mưa tôi lại đọc bài thơ ấy của Cung Trầm Tưởng.

Đó là mùa mưa Sài Gòn. Đó là Sài Gòn của chúng tôi.

Đó là những năm cuối thập niên năm mươi, những năm của hiện sinh, của bản ngã, của đời sống thanh niên thành phố vừa vào tuổi hai mươi, của những đêm khuya “ngã tư đèn vàng”, những đầu tháng tạp chí văn chương. Của khói thuốc và sách vở. Của những buổi hẹn hò ở một góc sân trường; những cuộc tiễn đưa nơi sân ga, bến xe buýt. Của vào đời và tan tác.

Mưa rơi. Đêm lạnh Sài Gòn.

Mưa hay trời khóc đêm tròn tuổi tôi?

Mưa hay trời cũng thế thôi!

Đời nay biển lạnh mai bồi đất hoang.

Hôn tu kín xứ đã mang,

Chóng hao tâm thể, sớm vàng lượng xuân.

Niềm tin tay trắng cơ bản,

Cuối hoàng hôn lịm bóng thân tượng xưa.

Đêm nay trời khóc trời mưa,

Gió lùa ẩm mục, trời đưa thu về.

Trời hay thu khóc ử ê?

Cổ cao áo kín đi về đường tôi.

Đó là chúng tôi. Đó là Sài Gòn của chúng tôi, những năm đầu của cuộc vận động đổi mới chữ nghĩa — dăm ba thần tượng sụp đổ, một vài trường phái mạnh nha.

Chúng tôi ghi nhận trong bất cứ cuộc vận động nào, thơ đi trước. Thơ bao giờ cũng đi trước, thi sĩ là kẻ tiên hô. Có bao giờ chưa, một cuộc vận động văn học, thi sĩ lại không ở hàng đầu; một biến đổi thời thế, thơ lại không biến đổi trước nhất?

Giữa thập niên hai mươi, Phan Khôi là người phá thế.

Đầu thập niên ba mươi, Đoàn Phú Tứ là kẻ xoay vần.

Để hình thành nên thơ mới.

Ra ngoài nước, cũng chính là thơ trước nhất đã dựng lại một nền văn học. Vũ Khắc Khoan làm thơ. Mặc Đỗ làm thơ. Võ Phiến làm thơ. Những nhà văn phải làm thơ. 1975. Đương nhiên những thi sĩ không làm gì khác là làm thơ. Trong khi các nhà văn phải làm thơ vì biến động trước mặt thì các thi sĩ đã làm thơ rồi, vì biến động luôn luôn ở dưới chân thi sĩ, từ lâu.

Không biết làm thơ, vào trong tù, ai cũng có thể làm thơ. Thế thì khi thi sĩ vào tù, thi sĩ thường thường ở tù lâu hơn tướng lãnh, và các thứ. Vào tù, tướng lãnh mất hết khí giới. Vào tù, khí giới của thi sĩ còn nguyên.

Bạn tôi cũng vậy. Cung Trầm Tưởng cũng vậy.

Trước sau gì cũng vẫn làm thơ. Ở ngoài đời, là một tay làm thơ bằng tay phải. Tựa bên trái thì làm thơ bằng tay trái. Vào tù, hai tay bị còng, thì có *Lời Viết Hai Tay*.

02— Tôi còn nhớ rõ lắm lần đầu khi đọc bài thơ ấy.

Nơi một xạp báo bên đường dưới trận mưa mùa, nước mưa chảy xiết dưới chân. Lúc ấy tôi còn say sưa làm những bài thơ trăm câu một vần, lòng bát ngát những bài hành Nguyễn Bính, Thâm Tâm.

Đọc bài thơ ấy của Cung Trầm Tưởng, tôi rảo bước trở

về. Đội mưa mà đi. Lục bát làm tới chỗ đó là chỗ Không Lộ hành Thiên tới đỉnh cô phong; giờ đây ta vẫn còn nghe một tiếng hú dài. Cho nên nếu nói hành Nguyễn Bính, hành Tâm thì phải nói lục bát Cung Trầm Tường.

Nói đến lục bát Cung Trầm Tường tức là nói đến một đỉnh cao nhất của thể thơ truyền thống Việt Nam, vào những năm năm mươi đó, từ bài Sinh Nhật. Từ cuối thập niên năm mươi trở đi, dòng lục bát Việt Nam không bao giờ còn như xưa nữa.

Hình sắc, âm điệu, ngôn ngữ của 14 chữ hai dòng 6, 8 đó — như một thôn nữ khăn vuông mỏ quạ váy quai xồng của đồng chiêm lúa mùa nhiều thể kỷ trước chôn Phong Châu hiện thành Vệ Nữ và Hoàng Hậu, hiển lộng và rục rờ, nhưng lại có chút man dại của bản năng và nhịp thở phở xá qua Cung Trầm Tường.

Nguyễn Bính có hàng giậu, hoa đồng; Huy Cận có sương núi, nắng ngàn; Cung Trầm Tường có ga tàu, đèn phố. Anh mang kỹ nghệ vào lục bát. Anh là thi sĩ canh tân thể thơ Việt Nam hàng ngàn năm đó.

Cùng viết với Cung Trầm Tường ở *Sáng Tạo*, ở *Thế Kỷ Hai Mươi*, ở *Văn Nghệ*, ở *Thời Tập*; sau anh dăm ba năm, nhưng chúng tôi có một khoảng đường chung rất dài; một khoảng đường thi ca và một quan lộ lục bát. Đâu đó đã ba mươi lăm năm.

Đọc anh thì tôi đọc từ Hà Nội. Còn nhớ rõ đó là tờ tạp chí *Phổ Thông* của Đại Học Luật Khoa. Trên tờ tạp chí đó, khoảng 1953, tôi đã đọc *Cái Đêm Hôm Ấy* của Mặc Đỗ dịch Somerset Maugham và *Sông Thao* của Cung Trầm Tường. Bài gì đó không phải là lục bát. Nhớ như trung du, nhớ như suối nguồn thác đổ. Cho nên sau 1954 vào Nam, thấy Mặc Đỗ, thấy Cung Trầm Tường, tôi như thấy lại người quen, dù chưa từng gặp mặt. Khoảng đường quen biết đó không liên tục mà vẫn thường hằng. Khoảng đường

đó lúc trong nắng, lúc trong gió, lúc trong mây.

Những ngày *Thế Kỷ Hai Mươi*, anh chưa đến ba mươi, hơi chải chuốt và vội vã. Nghe nói là một kỹ sư vừa du học Pháp về. Anh là một chủ bút chọn thơ cho chủ nhiệm Nguyễn Khắc Hoạch. Ở *Thế Kỷ Hai Mươi*, một vài bài thơ vài chục dòng được trả nhuận bút xấp xỉ một truyện ngắn lỗi mười trang. Bài chiếc *Xe Đò Cũ Sơn Màu Vàng*, và hai bài nữa của tôi, không bài nào dài tới 30 câu, được trả bằng một nửa tháng lương dạy học.

Sau *Thế Kỷ Hai Mươi*, Lý Hoàng Phong dựng tờ *Văn Nghệ*, chủ chốt là Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Trần Dạ Từ và tôi. Sau thêm hai người vỡ mảng từ *Sáng Tạo* tấp vô : Tô Thùy Yên và Cung Trầm Tưởng. Đó là những ngày Cầu Ông Lãnh, Bến Chương Dương, nơi đặt toà soạn *Văn Nghệ*.

Sau khi *Văn Nghệ* đóng cửa, chúng tôi không gặp nhau một quãng khá dài, cho đến ngày tôi dựng bảng *Thời Tập*, 1973. Đó là những ngày đất nước Việt Nam đang rạn vỡ từng mảnh, và thi sĩ khai phá bí lối, đành tìm vào dục tính. Những ngày vu vạ.

Nơi một xạp cà phê lề đường Nguyễn Trãi - Chợ Lớn. Cạnh toà soạn *Thời Tập*, tôi lại được gặp Cung Trầm Tưởng. Anh đưa bài *Ngôn Ngữ Đôi*. Trong bài thơ có hai chữ *duong vật*. Vào thời kỳ này, guồng máy kiểm duyệt của Bộ Thông Tin lên tới chỗ lạm dụng. Nhật báo đâu phải ký quỹ 20 triệu; tạp chí 4 triệu; nếu vi phạm một trong những tiêu chuẩn kiểm duyệt, báo bị rút giấy phép, chủ báo mất luôn số tiền ký quỹ.

Tờ *Văn* của tôi, anh Nguyễn Đình Vượng không dám đăng bài thơ *Chiều Trên Phá Tam Giang* của Tô Thùy Yên. *Thời Tập* được sự bảo trợ của một hội có tư cách pháp nhân là Hội Họa Sĩ Trẻ, không phải ký quỹ bạc triệu, nhưng nếu vi phạm vẫn bị rút giấy phép, tôi vẫn đăng nguyên văn bài

thơ đó. Không thể để trong bóng tối một tuyệt tác như thế. Nhờ thế mà bài thơ còn.

Tháng hai năm nay gặp nhau ở California, Tô Thùy Yên nói với tôi như vậy. Cũng vậy với bài *Ngôn Ngữ Đôi* của Cung Trầm Tưởng, tuy tôi có đề nghị thay hai chữ *duong vật* bằng hai chữ *vu vật*.

Miết mài giữa gợn lên vân đá

Chuốt gọt thì từ như bút hoa

Trong pho sách ngát hương kinh điển

Viết lại cho đời khí huyết thơ.

Khí huyết thơ cũng như tâm cảm thơ, ý chí thơ, tù ngục thơ, bề nào cũng là một mặt của muôn thơ. Bề nào ta cũng làm mới, như Cung Trầm Tưởng luôn luôn làm mới vậy, dù lục bát hay không lục bát.

Một hôm Cung Trầm Tưởng đến *Thời Tập* rủ tôi đi Cần Thơ dự Đêm Con Đuông. Con Đuông là một thứ nhộng ở xứ dừa, họa sĩ Ngự Cao Uyên ở Cần Thơ lấy tên Con Đuông đặt tên cho nhà xuất bản của anh, in ra những tập thơ mỏng, bìa là một họa phẩm nguyên tác nhỏ bằng lòng bàn tay. *Lục Bát Cung Trầm Tưởng* được in ra trong khuôn khổ này.

Tôi còn nhớ chuyến bay bốn người ấy, kể cả phi công.

Bay trên ruộng rừng đất nước nhìn ngắm những hố bom B52, chúng tôi nói về những tàn phá của thù lẫn bạn. Rồi cũng không quên nói về thơ.

Đêm ấy trên những chiếc giường sắt trong căn cứ Không Đoàn Vận Tải, chúng tôi nói về màu sắc trong thơ. Chúng tôi nói các thi sĩ ta mặc dù biết thi trung hữu họa, nhưng ít người vẽ trong thơ mình. Ít vẽ trong thơ, không hay thưởng thức tranh, cho nên thơ ta thiếu màu sắc. Tư tưởng thì toàn màu xám, màu đen, thơ thì trắng bạch.

Đại khái là thế, chúng tôi nói về Thơ khi này khi khác, chỗ này chỗ kia, nhưng lần nào cũng trở về với thơ lục bát.

Có số điện thoại Cung Trầm Tưởng trong tay, tôi chỉ gọi anh vào một vài tháng sau khi anh đến Hoa Kỳ. Nghe giọng nói tôi ở đầu dây, Tưởng la lên hai ba tiếng, rằng anh đang cầm trên tay một ly màu hổ phách cánh kiến và ngoài trời tuyết phủ trắng xoá mênh mông xứ sở Vạn Hồ. Đọc tôi nghe vài câu thơ mà không biết từ lúc nào, *au moins*, tôi lại nghe thấy mấy tiếng hằng nghe mấy chục năm trước.

Nhớ Cung Trầm Tưởng, không có việc gì, lúc cầm trên tay bản đồ thành phố Ba Lê, tôi đã lên một chuyến tàu, và bước xuống một sân ga : ga Lyon.

Tôi kể anh nghe, tôi xuống đó không phải để kiểm chứng xem bạn ta có phải là người đi xa về, thấy ga Lyon đèn trắng lại doạ bạn ở nhà là nó đèn vàng: tôi xuống đó chỉ để đứng trong sân ga, ngó lên mấy ngọn đèn, nhớ bạn và đọc thơ bạn ở đây. Chỉ có thể thôi.

Ngược lại, Cung Trầm Tưởng kể rằng có nghe tôi nói về thơ và anh trên đài Pháp Quốc Hải Ngoại, Radio France International, khi anh còn ở Sài Gòn, sau 10 năm ở tù ra, đang lóng ngóng ra đi. Bài nói trên đài RFI ấy chính là trong cái dịp tôi bước xuống ga Lyon vào năm 1992 đó. Và ở hai phía địa cầu, cái tiếng *lục* và cái tiếng *bát* lại cùng được nghe thấy.

Hôn tôi cái đĩa thâu thanh

Tròn nguyên nét nhạc, trung thành ý ca.

Đồ rê mi fa sol la...

Ngẫm từng âm điệu nghe ra chiều buồn.

Từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 7 năm 1975, sau 20 năm 9 tháng, những người đã bỏ Hà Nội lại phải bỏ Sài Gòn. Quan hai thời điểm chính ấy là tù ngục và lưu đày. Giữa những mùa thay đổi ấy, thi sĩ ở sau song sắt hay ở ngoài chân mây. Bạn tôi đã ở tù 10 năm, qua đúng 10 trại tập trung, và bây giờ có *Lời Viết Hai Tay*, những câu thơ viết trong chiếc vòng số 8.

Lại gần 20 năm qua nữa rồi, mùa thời chính đổi thay lại đang đến. Ngọn Thiếu Thất ở Tung Sơn có sáu cửa để vào, đã mấy ai vào được !

Dòng Văn Học Miền Nam tự do và biến dịch như sáu mươi tư quẻ càn khôn, dùng khoá tám để giữ, kẻ nào giữ nổi ? *Lời Viết Hai Tay* là những lời biến dịch đó, viết từ một quái của bát quái, chưa kể đến lục kinh và thất quái kia, hiện chưa thấy cần đến.

“Cơ bản, thơ vượt lịch sử.”

Đó là lời Cung Trầm Tưởng, tôi đồng ý hoàn toàn.

Lịch Sử vốn tái diễn không ngừng; Thơ vốn hồi sinh như Thi Sĩ. Lịch Sử lặp lại, Thơ không lặp lại, Thơ xứng danh Lịch Sử và sang vòng chuyển hoá mới. Hiện tại của Lịch Sử là nhà tù: tập thơ này là dĩ vãng của Thi Sĩ.

● VIÊN LINH

California, tháng 8/9/1994

ĐÔI DÒNG CẢM NGHĨ về LỜI VIẾT HAI TAY

● VỖ Ý

Cung Trầm Tưởng đã thấy rõ hình tướng và tâm địa kẻ thù xuyên suốt từ lỗ chiếu môn đến đỉnh đầu ruồi, và thơ ông bắt đầu nhả đạn và làm chứng nhân lịch sử.

*Hãy chặt chặt sâu tồng phất phất !
Hãy phang phang gắt quắm ào ào !
Mai về đạn nảy ngay nòng súng
Trực chỉ đầu thù nổ thật mau !*

— Cấp Số Nhân

*Nếu giữa cơn đau tôi ngã xuống,
Vết thương bầm tím máu hình hài,
Lòng tôi vẫn đứng, không lui nhượng,
Gối chằng quỳ hàng, miệng chẳng khai.*

— Lời Viết Hai Tay

Những đôi rét cơ hàn và lao khổ trong đoạ đày không làm nhà thơ Cung Trầm Tưởng bận lòng. Nỗi bận lòng thật sự se thắt khi ông cùng các bạn ngậm ngùi trầm lắng khiêng xác bạn tù đi chôn ven đồi hoang vào một hôm mưa về gióng lê thê...

*Đau thương là vinh dự,
Chân đi hất hồng trần,*

*Anh hùng phải quên thân
Hy sinh là tất yếu !
Ngựa khua dòn nước kiệu...*

.....
*Mưa về gióng lê thê,
Nai kêu nguồn đầu đò.
Xưa nay tù ngục đở
Mấy ai đã trở về ?*

— Vạn Vạn Lý

Hoặc giả khi nhà thơ cảm nhận được những đùm bọc cứu mang thân thiết từ những đồng đội suốt 10 năm trong cái lò cừ tàn khốc của chế độ muông thú, ông đã viết lên những dòng thăm đượm ân tình để ghi nhớ mãi cảnh cố trung tá Không Quân Nguyễn Minh Công đã công ông qua con suối xiết :

*Cám ơn con công
Cõng ta qua sông
Mấy mùa nước lũ
Lặn đận mưa ròng.*

.....
*Công bay lên trời
Vẫn nhìn nhớ đất.
Công chuyền càn quét
Vẫn không quên trời.*

— Chim Công

Không Quân Cung Trầm Tường trở về sau 10 năm trui rèn trong cái lò luyện ngục thảm khốc nhất của lịch sử Việt Nam. Một niềm hân hoan dâng trào khi gặp lại hiền thê vẫn đứng ôm con bông mưa nắng, sắt son dững cảm đến Kỳ Cùng — Kỳ Cùng, 1979.

Thời gian quản chế tại lầu 3 chung cư Trần Hưng Đạo, Cung Trầm Tường bắt đầu viết *Bài Ca Núi Quan Tài*, một

khúc ngâm thời đại vẽ nên bức tranh sống động bi thiết tức tưởi của một xã hội kinh hoàng được mệnh danh là Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam :

*Kinh bang sao chép Nga Tàu,
Bình quân là chặt cái đầu cao hơn.
Tiến là tại chỗ giẫm chân,
Đim miền Nam xuống cùng bản nấc thang.*

.....

*Một bầy táng tận lương tâm
Ăn hò, ăn giẻ, ăn vắn ngày công.
Ăn tranh trẻ đói lọt lòng,
Ăn lường tiếng khóc khép vòng tử sinh.*

.....

*Ngón đòn lý lịch ly kỳ,
Cha là “nguy”, phạm trường quy con rồi.*

.....

*Mẹ xưa khóc níu quan tài,
Nàng giờ ai vẫn lại lời mẹ xưa...*

Tôi là bạn tù của Không Quân Cung Trầm Tường từ Trại Suối Máu Đồng Nai, Trại 6 Hoàng Liên Sơn, Trại Hà Tây Hà Sơn Bình. Nói như Phùng Quán, khi ta ngã, hãy vịn câu thơ mà đứng dậy. Thời gian ở trại Hà Tây, thơ Cung Trầm Tường không những là cây gậy mà còn là những viên thuốc tiên giúp cho chính tác giả và nhiều bạn tù thêm nghị lực can trường để thách thức với bạo ngược và để tin tưởng hy vọng một ngày mai...

Ở rừng núi Hoàng Liên Sơn có “cây Vầu” cùng họ với trúc nhưng cao lớn uy nghi hơn trúc cả chục lần. Trúc thì “nhẹ phần bay bổng” — *gió đưa cành trúc la đà* — và có vẻ “nặng phần trình diễn” — *trúc xinh trúc mọc đầu đình* —, nhưng Vầu thì thẳng ruột ngựa và chỉ thích ở rừng già.

Trúc như khuê phụ, Vầu như chinh phu.

Hàng ngàn năm qua, Vầu sống âm thầm trong rừng già Việt Bắc, bỗng sau ngày 30-4-1975, Vầu đi vào thơ của Cung Trầm Tưởng qua bài *Biểu Tượng* mà tôi vẫn thuộc sau hơn 20 năm :

*Lòng ta đứng vững như Vầu
Thân cao lỏng thẳng giữa bầu trời xanh.
Sum suê cây hút nhựa lành
Nguồn sâu đất dưới hoá thành lá trên.
Cực hình thú ác gây nên
May bằng nĩa tép đứng bên Vầu già.
Mỗi ngày Vầu mỗi cứng ra,
Đổi thay lá mới, đậm đà lỏng tươi.
Vầu đan như thép sáng ngời,
Nắng mưa thì cũng chọn đời đứng ngay.*

.....

● **VÕ Ý**

Ngày 11/04/2004

Phát biểu về
LỜI VIẾT HAI TAY
và BÀI CA NÍU QUAN TÀI
● NGUYỄN NGỌC ĐIỂM

Thi sĩ Cung Trầm Tưởng được biết nhiều qua những bài thơ lãng mạn đậm đà tình cảm dịu dàng, êm ái sáng tác trước năm 1975.

Dòng trữ tình tiếp tục tha thiết và êm dịu với hai thi phẩm *Lời Viết Hai Tay* và *Bài Ca Níu Quan Tài*. Gồm những bài thơ tác giả làm trong suốt mười năm trường sống trong những trại tù cộng sản.

Xin đọc những bài thơ nồng thắm tình thương nỗi nhớ thi sĩ dành cho vợ hiền con thảo cùng những vần thơ đầy trù mến và cảm phục ông gửi đến tất cả những nàng Tô Thị thời nay.

Tuy nhiên, thật là một thiếu sót lớn nếu bên cạnh dòng trữ tình này ta không nhận thấy một dòng thơ khác mạnh mẽ, mãnh liệt, dữ dội cuộn cuộn chảy.

Đó là những bản nộ ca rừng rực lửa, hơi giận ngút tận trời xanh. Tiêu biểu là bài thơ “*Cấp Số Nhân*” trong *Lời Viết Hai Tay* mà mỗi câu thơ là một nhát dao bổ xuống đầu quân thù gian ác. Tôi đã được đọc nhiều bài thơ một số thi sĩ làm trong tù cộng sản và rất thích phong cách thanh thân, thư thái, tự tại toát ra từ những vần thơ này.

Nhưng tôi cũng rất thích sự sinh động, sức mãnh liệt, và hơi nóng hừng hực toả ra từ những bài thơ bốc lửa hận

của Cung Trầm Tưởng.

Theo thiển ý, thơ tù không nhất thiết cứ phải thanh thản, thư thái, tự tại mới là đạt, hay không phải cứ sôi sục căm phẫn là thiếu tính thơ.

Nói cho cùng, hỉ, nộ, ái, ố, dục đều chỉ là những chất liệu thô được tài năng thi sĩ luyện thành thơ.

Tôi không rành nhiều về văn học thế giới, nhưng được biết trong văn chương Pháp, thi ca phần nộ đã có một truyền thống lâu đời. Người ta nay vẫn còn tìm đọc tập thơ *Les Iambes* của André Chénier lên án nghiêm khắc những thái quá của cuộc Cách Mạng Pháp 1789, cũng như thi phẩm *Les Châtiments* của Victor Hugo chỉ trích nặng nề chế độ Nã Phá Luân Đệ Tam.

Với hai tập thơ *Lời Viết Hai Tay* và *Bài Ca Niu Quan Tài*, thi sĩ Cung Trầm Tưởng đã khai lại mạch nộ thi cho nền văn học Việt Nam.

● NGUYỄN NGỌC DIỄM

TẬP BA

BÀI CA NIU QUAN TÀI

Tâm Sử Thi

— Kính dâng hương linh Mẹ
và thương tặng
triệu nàng Tô Thị thời nay.

— *Tri ân V.Y – L.T.N – N.T.C và H.T.A.
đã bất chấp nguy hiểm để giấu giữ
và tìm mang tập thơ này ra khỏi Việt Nam.*

— *Tim nào xót xáy tìm ra chữ*
Ngang tâm thẳm họa thế kỷ hung?

284 * CUNG TRÀM TƯỜNG

LỜI TỰA

TIẾNG KHÓC VIỆT NAM

● CUNG TRÂM TƯỚNG

*Thảo nào khi mới chôn nhau
Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra.*

— ÔN NHƯ HẦU

Bài *Ca Núi Quan Tài* là một trong bộ ba thơ của cùng một tác giả nói về một thảm họa mà người cộng sản Việt Nam đã gây ra cho chính dân tộc của nó trong hơn nửa thế kỷ qua. Hai tập kia là *Lời Viết Hai Tay* đã được xuất bản và tái bản, và *Thi Bá, Con Tắc Kè và Bà Goá Phụ* sẽ được xuất bản trong một tương lai không xa.

Người ta đã sợ rằng sau khi chiếm được miền Nam, cộng sản sẽ trả thù người miền Nam bằng một cuộc tắm máu có quy mô gấp nghìn lần cuộc thảm sát tập thể mà nó đã thực hiện tại Huế vào dịp Tết Mậu Thân 1968.

Sự thật xảy ra, theo thiên ý, còn tồi tệ hơn thế nhiều. Thay vì là một biển máu, cả một miền Nam đã bị triền miên chìm ngập trong một biển nước mắt với không một gia đình nào mà không có ít nhất một hay hai người thân bị cộng sản bức hại, giam tù, hoặc chết trong tù hay ngoài biển cả trên đường đi tìm tự do.

Lý do là vì bản chất của người cộng sản thâm độc nhiều hơn là ta đã dự tưởng. Qua kinh nghiệm của những nước đàn anh như Liên Xô và Trung Cộng, nó thấy rằng

mồ chôn tập thể không phải là một giải pháp khôn ngoan vì nếu làm như thế, nó sẽ phong thánh cho nạn nhân của nó và sẽ bị thế giới văn minh lên án và khai trừ.

Trái lại, nó thấy việc để cho nạn nhân sống nhưng sống một cách lây lất, sợ hãi triền miên và trong vòng kiểm soát chặt chẽ và hà khắc của nó, ngoài tránh cho nó cái ô danh là tên sát nhân khát máu còn có lợi điểm là thoả mãn được lâu dài cái thú trả thù *xa-dịch* mà bất cứ người cộng sản thuần thành nào cũng đều có. Cảnh tượng diễn ra hằng ngày và trước mắt y của những đám tù khổ sai, đói rách, khăng khiu, tiều tụy, bị hạ nhục và kéo xuống hàng súc vật, sẽ có tác dụng làm cho tên cai tù hả dạ và cảm thấy mình mạnh hơn, lớn hơn, ưu việt hơn, xứng đáng là cái mà y gọi là “*mũi nhọn của loài người tiến bộ*.”

Cách trừng phạt trên của cộng sản là một thứ bạo lực nguội vì không có khói và lửa. Một thứ lãng trì tân thời, có kế hoạch và làm chảy máu trắng, nên hữu hiệu hơn một phát súng hành quyết nóng vội tại pháp trường.

Hơn nữa, phương pháp ấy còn tạo cho cộng sản một cái cơ để tuyên truyền chính sách của nó là nhân đạo và khoan hồng vì đã tha chết cho hằng triệu người mà đáng lý ra theo nó đã phải bị tử hình.

Là đứa con đẻ của một chủ nghĩa quốc tế hoang tưởng đã sát hại 100 triệu sinh linh trên đường đi chinh phục thế giới của nó, tội ác trên của cộng sản Việt Nam sẽ ở lại với thời gian như một vết nhơ tày liếp, khó xoá bỏ.

Tính hi hữu của nó đã làm cho thời đại chúng ta trở thành một trong những thời đại đen tối nhất của lịch sử đất nước. Mà nói đến lịch sử này là nói đến một hành trình có nhiều nước mắt hơn là tiếng cười. Một tiếng khóc “bung đầu” từ lúc lọt lòng bà mẹ Âu Cơ và đã trở thành một chủ âm của cái *pathos* của cả một giống nòi. Hiểu được cái trước và những biến âm của nó thì biết được cái sau.

Qua phân ngữ vựng và ca dao tục ngữ dành cho cái khóc, ta thấy người Việt Nam có rất nhiều cách thể khóc. Khóc bằng nước mắt, điệu bộ, tiếng kêu, lời nói, kể cả ca ngâm, hoặc bằng cả năm cái ấy chụm lại, đủ để quán xuyên những uồn lượn khúc mắc và đa chiều của một tâm hồn mẫn cảm trước một thế sự Việt Nam thường là phiền phức, oái oăm, nghiệt ngã, bất công và đậm màu ly biệt tang tóc.

Trước hết là cái khóc tượng thanh để nói lên sự khó ở bên trong của người khóc, như khóc u u, nhẹ nhẹ, èo èo, thút thít, sụt sùi, sụt sịt, bù lu bù loa, oà, i eo, tru tréo, nỉ non, rân, như ri, và gị nữa. Mỗi thứ đều có một âm sắc riêng, phải tinh tế lắm mới nắm được cái tiêu dị tinh thần nó muốn biểu đạt. Ngoài ra, để có khả năng định hình cho cái bút rút trừu tượng của tâm hồn trước nghịch cảnh, người ta còn dùng nhiều cách khóc khác, được miêu tả với một ngôn ngữ giàu hình ảnh, tính biện ngẫu, phép láy và thuật chiết nghĩa, như khóc đứng khóc ngồi, khóc lăn khóc lóc, khóc lây khóc lắt, khóc dờ mếu dờ, khóc đất than trời, khóc như mưa, khóc như cha chết, khóc hết nước mắt... Thêm vào đó còn có cách khóc hỏ người — cười ra nước mắt — cố nén sâu nỗi đau ở trong lòng, cách khóc mượn để kiếm ăn của những “khốc sĩ” thạo tay nghề và cách khóc giả — nhân nghĩa bà Tú Đẽ — của những kẻ thương vờ.

Người Việt Nam còn tỏ ra có sở trường về cách khóc kể. Lý do sự ra đời của cách khóc này là vì cái sàu điển hình Việt Nam là một câu chuyện dài dòng, rắc rối, có nhiều tình tiết éo le, nên phải vừa khóc vừa kể — kể có lớp lang và bài bản — thì mới lột tả được hết nội dung của nó.

Từ là một biểu lộ thuần túy cảm tính, khóc kể đã được hệ thống hoá và cách điệu hoá để trở thành một tập tục phổ biến mà người dân đã được giáo dục ngay từ hồi còn ấu thơ. Vì thế có thể nói người Việt Nam truyền thống là một nghệ sĩ khóc kể giỏi và khóc kể là một thứ kịch nghệ tam

trùng, hiểu như người khóc là sự chập vào nhau của ba về diễn viên, nhân vật và tác giả của vở kịch.

Sự nhập vai thường là điều luyện một cách tự nhiên mà cũng là tự nhiên một cách điều luyện — thứ bản chất thứ hai — khiến khán giả không thấy có khoảng cách giữa nghệ thuật như một hư cấu với đời sống có thực và có cảm tưởng mình cũng là người trong cuộc.

Nghệ thuật đẩy đến mức tối đa như vậy là một ma thuật có tính liên đới cao, bởi nó biến đau khổ thành một thứ keo sơn bộ lạc qua đó tôi dính vào bi kịch của anh, chị và cảm thấy nó cũng là của tôi.

Cái khóc Việt Nam, mà khóc kể trên là một thành tố quan trọng, cùng với cái cười với tính cách một đối trọng để tái lập thế cân bằng cho một kiếp sống đầy bất ổn đã thực sự trở thành một phạm trù văn hoá giúp ta hiểu được một góc cạnh đặc thù của tâm hồn Việt Nam.

Cái khóc ấy, và qua nó cái bi Việt Nam ấy, không chỉ là một chủ đề quen thuộc của văn chương thi phú Việt Nam mà còn là một *leitmotiv* của cả nền âm nhạc Việt Nam nữa. Chính cái *leitmotiv* này đã định hình ra những giai điệu, thang âm, biến tấu của những hò, lý, ru, cô đầu, châu vắn, sa mạc, cò lả, nam ai, mái nhất, mái nhì, xẩm, vắn, cung đình, lễ v.v và v.v... Ngay cả những thể loại hiện đại chịu ảnh hưởng của Tây Phương như hành ca, hùng ca, quân ca, ballad, nhạc vàng, nhạc đỏ, thầy đờn ít nhiều mang âm hưởng của khóc than.

Sau khi nghe những ca sĩ Việt Nam biểu diễn một số ca khúc Việt Nam mà người Việt mình cho là vui, một nhà báo ngoại quốc không biết tiếng Việt đã nhận xét đó là một thứ nhạc buồn được diễn tả bằng những điệu bộ vui.

À thế ra, cái gien sâu vạn cô — thứ *spleen* làm rầu gan thối ruột — đã cấy lên vào não tủy ta từ lúc nào mà ta không hay !

Với một chiều dài lịch sử 4000 năm, cái khóc Việt Nam quả là một vấn đề nhiều khê, dễ gây ngộ nhận cho những ai muốn tìm hiểu nó. Tầm vóc của nó ở thời đại chúng ta, như đã nói ở trên, là một biển nước mắt gây ra cho dân tộc chúng ta bởi một chế độ cộng sản độc tài, độc trị, tham tàn và ngoan cố.

Cái khó của vấn đề là do tính nhị phức của nó, vì ngoài là một hiện thực cụ thể liên hệ đến số phận cụ thể của hàng chục triệu con người cá biệt cụ thể, nó còn là một mẫu số chung trừu tượng, thứ cộng nghiệp đầy tính siêu hình và tôn giáo, thường xảy ra vào những thời kỳ pháp nạn và quý trị như lịch sử đã cho thấy. Tầm vóc của đề tài lớn như thế khiến tác giả tập tâm sử thi này — viết sử bằng cái tâm của mình — đã phải băn khoăn tự hỏi :

Tim nào xót xáy tìm ra chữ

Ngang tâm thăm hoạ thế kỷ hung?

Vì được viết bằng cái tâm nên sử thi này không thể không là một bản cáo trạng về tội ác của cộng sản. Nghệ thuật, nghĩ cho cùng, chủ yếu là lấy cảm quan của cái tâm để từ kinh nghiệm sống cụ thể — của người nghệ sĩ và đồng loại — tạo hình cho những ý niệm trừu tượng về Chân, Thiện và Mỹ. Vì thế là một thiếu sót đáng trách nếu nghệ thuật dừng đứng khi nói đến cái ác.

Sử thi không phải là sử học.

Nhan đề *Bài Ca Núi Quan Tài* được chuyển sát nghĩa từ từ Hán Việt “*văn ca*”, tức hát núi — quan tài. *Văn* còn có nghĩa là một điệu hát buồn dùng để khóc than.

Sự kết hợp nhuần nhuyễn của ba động tác khóc, hát và núi đã cung cấp cho người khóc Việt Nam một khả năng lột tả tối ưu nỗi đau ê chề, bẽ bộn của cảnh sinh ly tử biệt.

Với sự bổ sung của hát, khóc-hát-núi là thể kiện toàn của nghệ thuật khóc kể trên và đã trở thành một tập tục phổ biến chấm dứt một đời người.

Được sáng tác theo chiều hướng trên, *Bài Ca Niu Quan Tài* nên được coi chủ yếu như một nỗ lực xây dựng một hình tượng nghệ thuật điển hình cho cái khốc Việt Nam, với hy vọng qua đó độc giả sẽ tìm thấy được một phần nào hình dạng của cái bi Việt Nam.

● CUNG TRÀM TƯỜNG

Minnesota, một ngày đông tuyết năm 2001.

— PHỤ CHÚ :

Tâm sự thi *Bài Ca Niu Quan Tài* được thai tác dưới sự thôi thúc của ý thức bốn phận của tác giả là phải nói lên khổ nạn của dân tộc mình bằng những lời thơ tâm huyết. Tác phẩm hình thành trong một tình huống căng thẳng và hiểm nghèo : trước họng súng tên cai tù hay giữa vòng vây quanh nơi mình bị quản chế của một mạng lưới tình báo phùng đội và công an chìm, nổi đủ kiểu.

Vì vậy sự ra đời của tác phẩm nên được coi như một minh chứng mình đã thắng được mình, thắng được nỗi sợ hãi triền miên nhom nhóp cứ mỗi ngày âm ỉ nại có an nguy cá nhân, gia đình và thân hữu để đòi mình phải buông bút, từ nhiệm, tự giải giới tinh thần và đầu hàng kẻ thù. Chiến thắng này, nghĩ cho cùng, là của một trí năng có lý tưởng và dám dấn thân vì lý tưởng và của một lương tri bất khuất trước sự hèn dõn vốn dĩ của bản năng sinh tồn. Một chiến thắng ở ngay trong địa bàn nội tâm, âm thầm nhưng tạo men hương và ý nghĩa cho một cuộc sống có hướng đích ở ngoài những toan tính cá nhân vị kỷ.

Đến đây tác giả không thể không chạnh nghĩ đến những người bạn đã ngã xuống trong ngục tù cộng sản như những chiến sĩ kiên cường và bất khuất. Hẳn tự cảm thấy nhỏ bé vì tính bất cập của những vần thơ của hấn trước tầm vóc kỳ vĩ của những tấm gương anh hùng đó. Và, hấn cũng tự cảm thấy chữ mình chỉ như dăm ba giọt lệ trước nỗi bi thống mệnh mông như biển cả của dân tộc.

Tích truyện *Bài Ca Niu Quan Tài* được khai triển quanh cái trục khổ nạn của những con người có thực trong đời sống mà

chủ quan tác giả thấy có tính điển hình cao.

Như nàng goá phụ có chồng chết trong lao tù cộng sản và đưa con thơ chết đói dưới gầm cầu.

Như bà lão 70 tuổi gào đòi đảng trả lại xác chồng, mảnh vườn yêu dấu và quyền gián dị làm người của mình.

Như triệu bản cố nông đã phải cày sáu cuốc bẫm và đi thò lương để nuôi dưỡng một chế độ chỉ nhằm đè lên đầu lên cổ họ.

Như vị giáo sư vì tính khảng khái và cương trực nên đã bị bọn đồng nghiệp xấu vu oan và bị công an bắt giam và tra tấn đến mất trí khôn.

Như đứa con trai của một người tù chính trị tuy vô tội mà vẫn phải gánh lấy những thứ tội “ngụy quyền” do kẻ thù bịa đặt ra.

Như bà mẹ của cháu đã thủ tiết chờ chồng, cất giấu tủ sách quý của chồng không để bọn công an văn hoá tịch thu và thiêu hủy, và đã phải bán chiếc nhẫn cưới để có tiền làm tang cho mẹ chồng.

Và cuối cùng, như người tù thi sĩ chứng nhân diên tinh ấy đã lấy việc làm thơ nhằm trong xà lim để tự cứu rỗi mình bằng vượt ra ngoài mình để “giải mã âm thanh đời ngoài” và tạo một *“tiếng kêu nửa khóc nửa cười/tiếng cười khóc hộ triệu người quên kêu.”*

Tất cả những tấn bi kịch cá nhân riêng lẻ ấy được ghép thành một bức tranh toàn cảnh phản ánh một đại bi kịch do đảng cộng sản gây ra cho chính dân tộc của nó — một biển nước mắt.

● CUNG TRÀM TƯỢNG

292 * CUNG TRÀM TƯỜNG

- 01

**Ngắm gương, gương ở trong đầu,
Chân dung một mối thương sầu bồng mang.
Trả cho xuân hết son vàng,
Chưa hè thu đã chạy quàng sang đông.
Đã lam sàm bóng hư không
Trên lao lung trán vết còng thời gian.
Trước chông chất khổ dân gian
Cái tôi một dấu chấm than thắm gì !**

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 293

Tờ mờ sớm phố âm ti
Xe phu hốt xác người đi khua âm.
Chòm sông xóm núi lạnh căm,
Trẻ trong veo mắt, (1) mẹ cầm cập môi.
Ai về Thanh Hoá xa xôi
Mà nghe sáo hót mờ cõi cánh đồng.
Chuyện nghìn đêm kể chưa xong,
Thương con cầu thực, nhớ chồng tha phương.
Vì bấy buồn máu bán xương
Lệ nàng rỏ lấm đoạn trường nát tan.
Vì quân hiếu sát tham tàn
Thế gian nàng goá liệt màn tang sô.

Cuốn mì như cuộn thừng thô,
Khúc xương chó nhá trẻ vò vập tranh.
Đỉnh chung vua chúa giệt giành,
Giêsu, Phật hỡi, người thành thú sao!
Cơm no áo ấm thế nào?
Lệ nam ai đổ nghìn sao trên trời.
Đường về xã ủy đứt hơi
Lương giao đầm máu mờ hôi dân thô.
Bây giờ đâu có nông nô;
Bây giờ biện chứng cuộc vô triển khai;

Bây giờ ai cũng bằng ai,
Lao công nghĩa vụ khổ sai đồng đều;
Bây giờ nhất trí đối điều
Trung ương hạ quyết, cán điều động ra.
Nửa đêm đột xuất phèng la,
Thu lương (2) tận vét, đên rà áo quan. (3)
Thóc này trăm lạng nghìn van
Chất chiu dành dùm chờ tang mẹ chồng.
Mạch dưng tai vách dòm trông,
Giết gà giỡ nhớ chôn lông bụi bờ. (4)

Sống là vờ ngốc giả ngờ,
Kinh niên sợ hãi xuống mồ chưa nguôi.
Chết chưa được phép lia đời,
Thù bằm nát quách, búa lời phỉ phi.
Biển Đông sóng táp phù thi,
Lệ nàng thấm đã xanh rì cỏ khâu.
Lệ tim đất mẹ ghen ngào,
Cái nghèo ngấm thối tế bào quê cha.
Để gì mà được đưa ma,
Thây thiêu Nhà Nước, tro là của công.
Đối lưu hàng hoá hợp đồng:
Tro người – phân vật (5) tro đồng đồng chua.

**Ai đi phụ sản mà mua
Thai nhi giá bán còn thua cám bèo.
Huyết người võ béo thân heo,
Quay vòng nhau – thịt lợn (6) vèo vèo quay.**

**Nhất năm châu cái nhục này,
Cầu xin nhả mặt, ăn mày bẻm môi.
Miệng ăn cháo, chân đá nôi,
Tanh banh chữ tín, thôi rồi chữ nhân!
Trơ như củ sắn sượng sần,
Ngọng như líu lưỡi thằn lằn mắc gai.
Kẻ xa người lánh chệch bai,
Chúng làm ô nhục tiếng người Việt Nam.**

-
- (1) Khi đói mắt trở nên trong veo.
 - (2) Bộ phận chính quyền đi thu thóc của dân.
 - (3) Soi xem có giấu thóc trong áo quan không.
 - (4) Vì chính sách của Cộng Sản cấm dân giết gia súc tại nhà, nên dân phải giết lậu và chôn lông gà cho thật kỹ.
 - (5) Tro người trộn với phân hữu cơ để làm phân bón.
 - (6) Nuôi heo bằng nhau người.

Một vàng trán bốn nghìn năm,
Bốn mươi năm sạm vết chàm sạm nhơ.
Mắt nàng đỏ lệ Âu Cơ,
Thù sôi sóng đánh dạt bờ thầy cha.
Bấm vằm mặt dấu dao pha, (1)
Cờ tung nóc tháp, ô sà cửa ô.
Ô giảng cờ bữa trận đồ,
Cờ Nhà Hát Lớn, (2) ô Hồ Thiên Công. (3)
Cờ ô san sát cuồng cuồng,
Sắt cầu tanh máu sông Hồng đỏ gay.
Những mơ mau dứt trận này
Ai ngờ kéo quá vạ ngày thê lương.
Nàng giờ tóc ngã màu sương,
Khổ đau quá tưởng hoang đường chuyện sai.
Mẹ xưa khóc níu quan tài,
Nàng giờ ai vẫn lại lời mẹ xưa.
Mẹ xưa một nắng hai mưa,
Nàng giờ một cuộc hai bừa nuôi con.
Mẹ xưa còm cõi héo hon,
Nàng giờ tất tưởi vệt mòn gót chân.
Mẹ xưa đói xám hồn thân,
Nàng giờ cắn rạ mỏng thân con hèn.
Mẹ xưa vàng võ đêm đen,
Nàng giờ sớm nhá chiều nhem mái gôi.

Mẹ xưa chỉ thắm máu môi,
Nàng giờ thắm lệ bồi hồi áo đi.
Gấp đường kim, trễ ngày về,
Mặt e mảy sợ, lòng tê thẫn thờ.
Đường ra trận tửa binh cơ,
Cha xưa tuyển bắc, con giờ biên nam.
Cha xưa xáo thịt lằm than,
Con giờ lửa trấu tương tàn nòi da.
Cha xưa thành đất tha ma,
Con giờ cát bụi gió tha về đồng.
Mắt nào mắt chẳng mù trông,
Dạ nào dạ chẳng chất chồng đòi nau.
Mẹ xưa tựa núi ngó sao,
Nàng giờ vịn đá tím vào chiều rung...

Tre khua răng rắc tưởng chừng
Bốn mươi năm vẫn đứng dừng thời gian.
Mái gianh vách đất tòi tàn,
Con dê bệ rạc, trâu đàn chổng xương.
Lôi thoi cút kít chán chường,
Chiếc cầu ồng ọ, con đường kỳ khô.
Cái cày cày cái chìa vôi,
Chày nhàn gác cẳng, cối ngồi trống trơn.
Gàu đan dứt phứt thùng sồn,
Đen ngòm đáy giếng, chập chờn hình mây.
Quê hương thế kỷ nào đây?
Cổ sơ có lối đọa đày này không?
Choắt cheo chân đất lội đồng
Trò khan hiêm sách, trường không ghé ngồi.

Thầy trò dạ đối nhin thôi !
Ê a mẩu tự vành môi thều thào.
Trên cao ở tít trên cao
Mặt già phưỡn phệ hồng hào nước da.
Chữ o mắc cán thành a,
Chữ a dấu sắc kêu là á đau !
Đau dần, đau già, đau đâu ?
– Đau vai, đau gối, đau đầu, đau tim.
Đau vì búa, điếng vì liềm,
Cái đau đối bụng đánh chìm trí khôn.
Đau liên miên, đối cùn cùn,
Đối đau thất ruột, sinh tồn nhói lưng.
Đối phù, đối nuông, đối sùng,
Nhìn non nghĩ bánh, ngó rừng tưởng xôi.
Nghìn đời vạn đối trong tôi,
Có tiền ăn cả một nồi khoai lang.
Ôi ! biển bạc, ôi ! rừng vàng,
Thân mơ một cỗ dôi tràng mắt tôm.
Chữ no hứa toét cửa mồm,
Bụng thềm nghi ngút nồi cơm thơm bùi.
Xác cần sáu ván để chui,
Già dăm thước đất cắm dùi hồi hưu.
Phận người cú dạt cuông lưu,
Sầu này sầu cái sầu ưu chết người.

(1) *Dao xẻ thịt lợn, thịt trâu*

(2)–(3) *Hai địa danh ở Hà Nội.*

– 04

Mẹ xưa gào đến đứt hơi,
Nàng giờ lệ đổ nổi lời trường ca.
Lệ nàng đổ rục máu pha,
Cái đau hi hữu tên là Việt Nam.
Cái sầu vạn cổ lây lan,
Giấm chua trong mắt, cường toan tế bào.
Cái gien giú ở trong đầu,
Rễ sầu xâm thực nát nhàu tam tiêu. (1)
Sầu đồng mẹ tiếng cò kêu,
Sầu quê cha vắng cánh diều đồng nhi.
Sầu cây đa đứng rù rì,
Sầu sông óc ách chia ly chiều vàng.
Sầu chèo một mảnh dò ngang,
Bến bao nhiêu tuổi, bẽ bàng bấy nhiêu.
Chợ ngồi chum dùm lều xiêu,
Thiu thiu mấy bán, nhẹ hều mấy mua.

300 * CUNG TRÀM TƯỚNG

Ngựa già lóc cóc già nua,
Núi xua khách (2) xuống chửi bừa khách qua.
Đường quê lúc lắc xe già,
Mắt hôm đống đánh, lửa nhà riu riu.
Đều hiu nối với đều hiu,
Cái sào nhất quán của chiều Việt Nam.
Sào Nam dính dớp sào Chàm,
Sào sông nâu nhúng già lam (3) ao chùa.
Giấm sào, hạt bụi cũng chua,
Cái sào hoàng ỷ yếm bùa nan y.
Cái ngu muối vụn tấn ì,
Cái nghèo đói rạc trói ghì sức trai.
Trên trời tinh tú cùng quay,
Người ta dưới đất sum vầy rủ nhau.
Quê tôi kiếm ở phương nào ?
Ngó quanh chỉ thấy ngút ngâu sào lên.

(1) *Cơ thể con người, theo cách gọi của Đông y.*

(2) *Chim khách.*

(3) *Nhà sư.*

– 05

Tre búng gốc, đất lật nền,
Bầy trâu nổi trận cuồng điên vạ ngày.
Mẹ xưa khóc khảm quan tài,
Nàng giờ lệ đổ ngút dài thời gian.
Ngày thì chặt lóng pha nan,
Ngày thì đi núi về than đôi lần.
Đòn tre kịu kịt vai trần,
Hai đầu hai thúng tảo tần nắng mưa.
Thỏ âm “cụ” đáp âm ù :
– Gánh ba mươi ký, tuổi vừa mười ba.
Hỏi thăm chị sốt vàng da,
Rét từ mật mẹ ngấm qua nhi hài.
Rét từ gan bố thấu thai,
Cháu về châu Phật chữa đầy thôi nôi. (1)

Căn nào dẫn đến ung ôi ?
Độc nào dẫn đến thối chồi chột măng ?
Cán hồi sinh (2) bắt nộ vàng,
Lâm bồn (3) moi chỉ, lâm sàng (4) móc khâu.

Ngoại khoa (5) hoành hoặ tiền đầ?
Con dao sát thủ giấu đầ thầy mo.
Phẫu nghiệm nhiều, đồ tể no,
Buôn nhau bán cuống (6) phởn phơ mặt mầ.
Phèo người khâu chỉ bố đầ, (7)
Máu anh thậ chị mỗi ngày một voi.
Em may sớng sớ t bã bời,
Bé thân thấp cổ, kêu trời, trời xa.
Kêu gần, người cứ dẫ ra;
Kêu xa, người đẫng trí và nghễnh tai.

Tắc kè túc tắc bụi gai,
Thần lẫn tấp muối, đẽm dài dặ đẽm.
Đẽm thẽm một giấc ngủ êm,
Gồ ghẽ chiếu đấ lạnh rẽm xương gầy.
Lạnh từ trậ gió bắc lẫ,
Buốt cha cóng mẹ, cẫm bầ con thơ.
Đẽm Kinh Tế Mới ngủ bờ,
Về thành phố cũ ngủ nhờ sẫ ga.

Ngủ công viên, ngủ tha ma,
Xoá tên hộ khẩu, ngủ nhà vạ gian.
Nhà trời cột phượng kẻo xoan,
Chăn sương mỏng đắp, nóc màn sao giăng.
Chó mèo cán ngủ nhà sang,
Gằm cầu chõ ngủ người hang bây giờ.
Thân nàng sưởi giúp con thơ,
Làn mồ chân đã cứng đờ rồi sao !
Bo bo mẹ múc ăn nào,
Mai đi bới rác làm tàu thả sông.
Ăn đi cho mẹ vừa lòng,
Mai theo mẹ xuống ruộng đồng mót khoai.
Lạnh gì lạnh chẳng nguôi ngoai !
Ấm lên nghe mẹ hát bài con yêu.
À ơi! để bé hạt tiêu,
Trời ơi! lạnh đã điều hiu con rồi.
Khóc lên cho mẹ một lời,
À ơi ! sóc mở tiệc mời để ăn.

Mẹ hà hơi tiếp môi sần,
Âm từ lòng mẹ khó ngăn lạnh ngoài.
Lạnh gì lạnh bỏ xương vai,
Đắm trông mắt, cắt vành tai để mèn.
Lạnh luồng gió, cóng buồng tim,
Lạnh băng khô óc, tắt đèn trẻ măng.
Lạnh nhìn buốt thấu chân răng,
Lạnh con tông sắc chém nhằm ấu thơ.
Lệ xưa trút lỗ điện thờ,
Lệ giờ lữ cuốn đê bờ già nua.

-
- (1) Vì ở vùng nước đục và thiếu thuốc, tử suất trẻ em chết trước 1 tuổi rất cao.
 - (2) Cán bộ khâu cấp cứu
 - (3) Khoa phụ sản
 - (4) Khoa trị liệu trên giường bệnh
 - (5) Khoa chữa bệnh chủ yếu bằng phẫu thuật.
 - (6) Vì có nhiều chất dinh dưỡng, nhau là một món ăn đắt giá ở Việt Nam cộng sản, nhất là ở miền Bắc
 - (7) Vì thiếu chỉ tự hoại nên phải dùng chỉ thường để khâu vết mổ.

– 06

Con vua thì lại làm vua,
Con nhà chùa lại về chùa quét sân.
Lá bùa lý lịch trừ thân,
Đậm màu ý hệ, thành phần tổ tông.
Ngược đời bố đến đời ông,
Đọc ngang nội ngoại, chất chồng gia lân.
Họ nhà vợ, bạn bè thân,
Cột chèo chồng chéo, vân vân với là ...
Một, hai, thêm nữa là ba,
Bốn, năm, sáu, bảy, tám và linh tinh.
Bản thân hoạt động quá trình,
Lật từ góc gác mẹ sinh đến giờ.
Việc làm tỏ tận lý do,
Ý đồ, mục đích khai cho thật thà.
Cái tên tục gọi ở nhà,
Bí danh, bí số chớ à uôm nghe !
Ở phường phố, ngõ hay quê ?
Dưới nghề nghiệp chính giấu nghề nghiệp dư ?

**Không Công giáo, chẳng Phật u ?
– Thì Lương là cái đạo từ tổ tiên !
Tả chức vụ, đếm thâm niên,
Huy chương, cấp bậc đính liền ngay sau.
Học văn hoá tới cấp nào ?
Có thông chữ Nhật, chữ Tàu, chữ Tây ?
Nếu không Kinh, có máu Tây?
Máu Mèo, máu Mán, lai lây thứ gì ?
Mỗi đời mỗ xẻ li ti,
Mỗi đời một bí tích kỳ quặc ghê!
Mỗi đời rậm rịt vấn đề,
Phải đeo bám bóng, kiếm kê sát sườn.
Phải rà soát, bắt cởi truồng,
Sẻnh ra tất mạt con lơu bôn đào !**

**Một là cảnh giác đề cao;
Hai là chấp pháp (1) bới cào tìm lông;
Ba là đuổi lý thì còng,
Trói ghì cánh khuấy, cùm gông siết hàm;**

**Bổn là chế độ khó kham:(2)
Cuồng dâm bốc thối (3) ăn phàm uống dơ.(4)
Khai ! khai ! khai lại từng tờ,
Biên niên trí nhớ, ý đồ, hành vi.
Mọi tiềm thức, bói tư duy,
Lấy mình làm kính hiển vi soi mình.
Một nghìn tội tưởng phát minh,
Để nghe con kết đàn hanh lăm lời;
Con trâu ngọng nghịu diếc người,
Tội “lày” tôi phải ba đời hẩm hiu;
Con lêu bêu, cháu lêu bêu:
Thù này dâm thối chín chiều ruột gan !
Xử là tội cấm minh oan,
Tập trung tù tới tít ngàn hoang sơ.**

(1) *Công an hồi cung.*

(2) *Bất nhện dơi đến không chịu nổi.*

(3) *Vì dơi quá tù phải bốc phân của mình để ăn.*

(4) *Vì khát quá tù phải uống nước tiểu của mình.*

Quý chường mặt trên mày tro,
Luật rừng Pắc Bó bây giờ triển khai.
Bình toong, ruột tượng đeo vai;
Sử trầu, kinh vượn trở tài thuyết minh.
Con linh trưởng, thuyết Darwin,
Nảy sinh giai cấp, đấu tranh toi bời.
Mâu thuẫn nát tả toi,
Hai phương thống nhất, đất trời về ta.
A ha ! biện chứng a ha !
Thuần thua mâu thắng, tổng hoà mâu-mâu (1)
Vòng tròn ốc xoáy lên cao,
Muỗng thìa nhất trí ngồi vào chác chia.
Xương bên muỗng, (2) thịt bên thìa, (3)
Muỗng thìa hục hặc chia lia ỉ ôi.
Đa nguyên cú đấm phản hồi,
Vận vào thân chính những lời rửa xua.
Mâu xưa lại hoá thuần giờ,
Thuần xưa hồi mã đá phờ phạc mâu.
Sứ quân mâu thuẫn chuyện Tàu
Âm binh phóng tác thành màu Việt Nam.
Trót đeo bốn huý năm phạm,
Trăm dâu đổ một đầu tầm nào đây ?

Thực dân cổ lục hết hay,
Truyền kỳ phong kiến sánh tày tân thư ?
Thôi thì tội đổ mình ư ?
Dòi sâu ruỗng nát ngay từ bản thân.

Bệnh cơ chế phát đở rần,
Hồn Lê phách Mác lộ trần di căn.
Giáo điều vát óc khô quăn,
Con tim ì ạch, trí năng uột èo.
Chứng xơ cứng biến ngặt nghèo,
Rề rà động tác, lèo phèo chức năng.
Tai nghe chỉ thấy một đặng,
Thế âm thâm gọn một băng tần mòn.
Lưỡi cùn một điệu ví von,
Tiêu điều khẩu hiệu, héo hon chiêu bài.
Vườn – Ao – Chuồng (4) mộng mơ hoài,
Cảnh đời rút lại một vài bức què.
Cứ như một bó đũa tre
So le, cùn cốn, ngang phè khó trông.

(1) Cũng là tên một sắc tộc ăn thịt người ở Phi Châu

(2) Giải phóng miền Nam

(3) Cộng Sản Bắc Việt

(4) Ba đơn vị sản xuất nền tảng của nền kinh tế tự cung tự cấp của Cộng Sản Việt Nam.

Bệnh tàn phá thấu sâu trong,
Thù om đở hoét, thù nung nát như.
Một đời hận, ba đời thù,
Thù dai như đĩa, thù từ Hùng Vương.
Thù truyền kiếp ngấm tủy xương,
Thù xoi lá lách, ăn duồng (1) buông gan.
Thù hâm hấp đáy lòng than,
Chờ cơn gió kích bùng làn lửa cao.
Thù thâm, thù uất, ghen ngào,
Thù hờn, thù giận, còn cào trái tim.
Rễ đâm tiềm thức : thù chìm,
Thù nằm chót, giấu cốt mìn, aka.
Thù mầm móng loạn manh nha,
Thù hiểm, thù hiểm, hoá ra thù hần.
Thù trâu buộc ghét trâu ăn,
Liên miên tích oán, dữ dần thù cãm.
Thù ngậm miệng, thù dăm dăm,
Thù cay, thù độc sủi tằm trong đầu.
Thù riêng, thù vật, đếm xâu:
Mối thù tổng hợp sôi trào quê hương.
Từ ngày thu ấy thê lương
Thù giai cấp mở một chương kinh hoàng.
Đập bàn thờ, đốt gia cang,
Thù là tiêu thổ tỉnh làng thành tro.

Thù là tháo nước phật bờ,
Bốn nghìn năm quyết một giờ cuốn phăng.
Phen này nhổ gốc, cào bằng
Từ đầu địa chủ đến thẳng trung nông.
Còn tay bần cố thì còn,
Chân cùm Hợp Tác, (2) cổ trông Quốc Doanh.
Xoá tên tư sản thị thành,
Hạ vua, cướp kiếm, tử hình thần trung.
Sông Hương sát khí ùng ùng,
Ô san sát bủa, cờ bùng để đô.
Cuồng cuồng cờ giật ô xô,
Vàng son toi tả, triều đồ nát tan.
Ô hô rơi lấm đầu quan,
Cờ phên phật rửa bay ngàn đầu dân.
Cờ bung bút mái sập trần,
Ô sà rửa bột chôn thân nương nhờ.
Đất gầy ô xé xác xơ,
Trời nhà cờ phát bơ phờ mây bay.
Những mơ mau dứt trận này,
Ai ngờ kéo quá vạ ngày thảm thương.
Lệ xưa đầm gối đoạn trường,
Lệ giờ máu rỏ thấm đường trường oan.

(1) *Ăn lan ra*

(2) *Hợp tác xã nông nghiệp của Nhà Nước Cộng Sản.*

– 09

Có người khóc cạn lời than,
Nửa đêm mượn tiếng cười khan (1) khóc đời.
Tiếng kêu nửa khóc nửa cười,
Tiếng cười khóc hộ triệu người quên kêu.
Chim đau kêu quá đứt điều,
Người sau bữa khóc còn niêu cười gừng. (2)
Cười khùng một tiếng tơ-rung, (3)
Cười long óc (4) tưởng nghìn trùng cũng đau.
Một cười bạc lấm tóc sâu,
Cười ra nước mắt khóc sầu khổ chung.
Cười ruồi (5) mép lão gian hùng
Tô son, tẩm tẩm, lồng khung bắt thờ.
Cười mơn trớn cái cười vờ,
Cười khè (6) bầy sập, dân khờ chí ngu !
Cười là màn khói của thù,
Thù màu ý hệ làm mù mắt trông.
Thù là biện chứng bàn công,
Đình ba chủ nghĩa, tầm vông (7) vận hành.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 313

Thù thi đua phá công trình,
Mún manh du kích rộ thành quy mô.
Thù trông hệ thống siết vô,
Phỉ nguyên ác bá, bô bô cường hào.

Tật người xưa diếc rêu rao,
Thắng rồi tật ấy mắc vào bản thân.
Chính quyền là cấp số nhân,
Gấp năm bóc lột, bảy lần quan liêu.
Năm xưa từ ngữ mỹ miều,
Bây giờ coi lộ toàn điều thối tha.
Nghĩa đen Cách Mạng lời ra,
Cửa quyền nó vững, cửa nhà dân bay.
Con cù biện chứng quay quay,
Được tha hồ hốt, thua bày thảm thê.
Mâu đâm thuẫn nát não nề,
Một vòng xoáy ốc lộn về nguyên tròn.

-
- (1) Cười phát ra thành tiếng khẽ, ngắn, tỏ ý không bằng lòng, hoặc xem thường.
(2) Cười ra từng tiếng ngắn, tỏ ý mỉa mai hoặc nén sự bức bối.
(3) Đàn ghép bằng các ống nứa, phổ biến ở vùng Tây Nguyên.
(4) Cười điên.
(5) Cười chum chim một mình, tỏ ý thích thú riêng..
(6) Cười phát ra thành tiếng nhẹ như hơi thở, tỏ ra thích thú.
(7) Tre thân nhỏ, cứng đặc, vót nhọn làm vũ khí đâm người.

Rừng xưa trùm sủng độc tôn,
Phố giờ trùm đỏ sinh tồn lút ga.
Tự thân mâu thuẫn bày ra,
Người người làm chủ, ai là tớ đây ?
Hay đầy tớ tuốt cả bày
Để riêng lãnh tụ làm thầy thế gian.
Để dăm cán cốt bạc bàn
Bác gom phế liệu, tôi càn quét xương.
Tôi lũng chợ, bác chặn đường,
Thuế hàng hoá chéo, thuế thương nghiệp chông.
Tôi sục bến, bác rà sông,
Thuế phân lân, thuế đồng đồng trở xanh.
Thuế vườn đêm trái trên cành,
Thuế quây, thuế sạp, thuế giành triển khai. (8)
Thuế thùng dầu lửa, củ khoai:
Đa đầu một trận thuế bày mê cung.
Năm Lao Động, (9) tháng Dân Phòng, (10)
Thùng quà viên thuốc mấy tròng hải quan.
Thuế nuôi phì lữ trung gian,
Béo tên thủ trưởng, mập đàn dù ô. (11)
Thuế là vô sản chày vô,
Ép dân đến tận cùng đồ chưa buông.

Ruồi xanh bâu kín phân chuồng,
Heo đơ (12) ủ ỉn cuống cuống van xin.
Trẻ hăm (13) sài đẹn (14) nín im
Mẹ điu thút thít, môi ghì mồm ra.
Tiếng kêu thê thiết cửa nhà
Heo bù thuế thóc sai nha áp về.
Cảnh này mặt vận thời Lê ?
Hay là cảnh chính thôn quê bây giờ ?
Tệ này khôn nạn quan xưa ?
Hay quan giờ rúc rĩa bừa oan dân ?
Quan ôn giờ nhiễm vô thần,
Cơm chùa cháo mả ăn phần của ma !

-
- (8) Thuế quây hàng, sạp bán theo diện tích; thuế giành (đồ đựng đan khít bằng tre nửa đựng thóc, trái cây) tính theo khối lượng.
(9) Thuế đóng thế vì cho nghĩa vụ lao động “xã hội chủ nghĩa.”
(10) Tiền đóng để nuôi đám dân vệ phố phường.
(11) Cấp dưới được cấp trên bao che để làm điều sai trái, càn rỡ.
(12) Bệnh nài mẩn ngứa ngoài da (nài mảy đay).
(13) Trạng thái tấy đỏ vì bần.
(14) Ốm yếu, quặt quẹo vì mắc nhiều chứng bệnh lâu khỏi.

– 10

Chiều quê thoi thóp ánh tà,
Lửa chòi (1) gay gắt, đèn nhà lét leo.
Gianh tre thông nhất vẻ nghèo,
Ao tanh lì mặc vèo vèo cánh dơi.
Ba tiêu xô xát inh trời,
Gió khoa lộn xộn lắm lời ỏi xoan.
Mướp leo khoeo với bầu giàn,
Vẫn dòng nguyệt ngã của ngàn đời xưa.
Vẫn dân dã ấy bộn bừa,
Điù đèo lếch thếch nghìn mùa khăng khiu.
Điù hiu nối với điù hiu,
Cái buồn tiêu tụy của chiều nhà quê.
Đuôi trâu đập muỗi lè mè,
Kỳ kèo đế dũi, (2) nã nê le le
Oang oang nhái bén (3) trở về,
Ếch bà (4) say sả lè nhè bài quen.
Vẫn đom đóm ấy đom ren (5)
Đỡ đời một chút ánh đèn huỳnh quang.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 317

Chim đi bỏ lúa muộn màng,
Bù nhìn Sĩ Nhiếp đánh quàng bông lau.
Đêm quê mới chớm canh đầu,
Bốn bề trời đã đục ngầu sương sa.
Ủy ban (6) đuốc rục một toà,
Trước là tổng kết, sau là linh tinh.
Chén mừng đồng chí chiếu anh; (7)
Chén đồng chí phó mừng thành tích cao;
Chén mừng bộ sậu (8) lau nhau,
Chỉ tiêu phần đầu thóc vào đầy kho.

Trung ương lệnh xuống xã lo
Chủ trương, chính sách nắm cho vững vàng.
Cán đàn chặt chẽ hàng ngang,
Mùa càng trúng lớn, dân càng đói meo.
Cháo giền (9) cọng đổ leo pheo,
Cái nghèo lại mắc cái eo (10) lòng thòng.
Nghèo đan thúng, túng đan nong, (11)
Cái nghèo héo ruột rớt lòng mỏng toi. (12)
Vẫn con nước cũ đầy voi,
Đụng nhau dò nát, phận người nổi trôi.

Vẫn con cu gáy ngủ ngời,
Vẫn bè nứa cuốn lồi thối dật dờ.
Vẫn quê quán ấy bơ phờ
Xưa kia mái lá, bây giờ kèo (13) tre.
Vẫn bày mục tử le te,
Hỏi mô bác, chỉ sè sè nắm lau.
Bốn mươi năm vẫn tang nhàu,
Sâu sông sâu núi sâu đau lòng người.

-
- (1) Chòi canh của xã phòng, đêm thấp được sáng rực
 - (2) Để màu nâu xám, thường cần phá rễ và gốc cây non
 - (3) Nhái nhỏ, sống trên cây thủy sinh
 - (4) Éch lớn có tiếng kêu to
 - (5) Đon đả, rối rít
 - (6) Trụ sở Ủy Ban Nhân Dân
 - (7) Đồng chí chỉ huy
 - (8) Bộ tham mưu tin cẩn
 - (9) Thiếu đói, phải ăn cháo rau giền thay cơm
 - (10) Đã nghèo lại còn gặp tai hoạ (eo : tình thế khó có lối thoát)
 - (11) Hình thái lao động đơn giản, hết ít vốn
 - (12) Nghèo đến xơ xác, cùng kiệt (mông toi: phần trên chiếc áo toi, kết bằng dọc lá đốt; áo toi mà rách mông toi là rách nát hoàn toàn.
 - (13) Thanh dài đặt dọc theo mái nhà để đỡ đòn tay hay xà gỗ

– 11

Mẹ ru con ngủ à ơi !
Đông này hiem lúa, lên trời gặt sao.
Lên cao ăn tám sơn hào,
Xuống sâu uống chín suối đào cha mua.
Năm vây, sáu ốc, bảy rùa,
Đũa son, chén bạc, mâm vua mẹ mời.
Tiệc rồi hoàng tử rong chơi,
Hỏi cô công chúa quay tời se tơ.
À ơi! con tỉnh mẹ nhờ,
Trời ơi! con đã lạnh đời rồi sao.
Bo bo mẹ múc ăn nào,
Mai đi bới rác làm tàu thả sông.
Lạnh ngời ánh mắt nhìn trông,
Lạnh gang lạnh lẽo, lạnh đồng lạnh căm.
Lạnh lòng chuốt quăm (1) mài găm, (2)
Lạnh con tông (3) sắc chém nhằm tuổi thơ.
Tiếng kêu con tỉnh mẹ nhờ
Giờ là lũ lệ sập bờ khóc con.

Phăng phăng nước chảy đá mòn,
Một đời dài vắng, mắt còn sát nhau.
Người đi trong kẽ khít khao :
Nắm mồ cắp nách, cuống nhau vừa rời.
Ủ ngằm trong tiếng à ơi
Con chim thống thiết khóc trời mù mây.
Mới vừa chút thân thơ bay,
Tay hung thần kéo xuống đày đọa nê. (4)
Chiều hò lượn (5) sóng sông quê,
Đêm thành chum nắc ê chề khóc non.
Sáng còn điệu lý (6) ví von,
Trưa đà tiếng nhị xé giòn lòng ra.

(1) Dao to, lưỡi dài, mũi cong, dùng để đi rừng.

(2) Dao ngắn, mũi rất nhọn, chủ yếu dùng để đâm.

(3) Dao to, sống dày, chuôi bằng sắt rỗng liền với lưỡi, dùng để chặt, chẻ, v.v...

(4) Bùn.

(5) Lối hát đối đáp giữa nam và nữ, làn điệu phong phú.

(6) Điệu hát dân gian ngắn, gọn, nhạc phong phú và rõ nét.

Việt Nam Xã Hội Cộng Hoà
Xuyên đường chỉ đỏ hằng hà khổ đau.
Ôi ! tranh, sắt, đày, cầm, bầu,
Cổ Loa có gảy khúc sầu này không ?
Mỵ Châu ngày ấy khóc chồng
Có giàn giụa máu lệ hồng như nay ?
Mẹ xưa khóc níu quan tài,
Nàng giờ khóc trở một vài bụi than. (7)
Xương khuôn thịt vác mau tàn, (8)
Sống thêm cơm, chết không màn liệt thân.
Ma chạy cỡ ván nợ nần,
Giỗ đầu khát đã nhiều lần tà dương.
Thắp bằng tưởng tượng nén hương,
Quấn bằng hư cấu vành tang trong đầu.
Phải thời củi quế gạo châu,
Sống ăn còn thiếu, cơm đâu cúng hồn !

(7) *Gạn lọc than của xác chồng để cất vào bình di cốt*

(8) *Lúc sống thân chồng gây guộc vì khuôn vác, nên khi chết xác đốt mau tàn.*

Nghèo eo sinh thói phần tòn,
Ghét thù, ghét bạn, ghét luôn con người.
Ghét cha, ghét cả Chúa Trời,
Ghét tăng, ghét Phật, ghét đời, ghét con.
Ghét chẵn vuông, ghét gói tròn,
Ghét tình hàng xóm : chỉ còn hư vô.
Xương khô lát trắng thế đồ,
Quanh mồ nhảy múa con hồ mặt dơi.
Quê hương tử khí ngút trời,
Trường Sơn gió hú, hồ cười hi hu.
“Vĩ nhân” có mắt mà mù,
Giết dân bằng thuyết mộng du quan thầy.
Chết xin làm giống ma Tây,
Hồn Âu phách Lạc già này kiêu thôi !
Vẽ vôi di chúc kỳ khôi,
Sống tôi vênh váo, chết bồi váo vênh.
Mồ người ta bỏ tênh hênh,
Lãng già đứng thách, chềnh ềnh khó trông!
Chết rồi tâm địa còn xông
Nặng mùi tha hoá, nặng nồng tam vô.
Ô giảng cờ búa trận đồ,
Lòm lòm cờ đỏ, loã lồ ô thâm.

Ổng loa con dĩ ì ằm
Sáng nheo nhéo réo, trưa rằm rộ la;
Tối rồi cũng chẳng buông tha
Cây đường lầy bầy, cửa nhà rung rinh;
Đêm gào ngổ, sủa sủa đình,
Quất tai bằng đủ biến hình điêu ngoa.
Lí la lí lắc (1) ba hoa,
Oán tuôn trận gió, hờn oà cơn giông.
Thù rằm rắp mũi tầm vong,
Lời thề “uống máu” (2) sặc nồng quốc ca.

Ngày nào bập bẹ chữ a,
Bây giờ bẻ bút aka tay cầm.
Ngày nào giết giặc ngoại xâm,
Bây giờ đối tượng thù nằm ngay trong.
Bây giờ chuyên chế hiệp đồng
Xêkaxê (3) ngoại với còng nội thương.
Ngày nào bộ đội đầy đường,
Bây giờ nhung nhúc xóm phường công an.
Bây giờ búa bổ đầu Nam,
Xác trương Vàm Cỏ còn hằn dấu roi.
Da nhẵn, thịt lồm, xương lòi
Bảy mươi tuổi mẹ khóc đòi chồng con.

Trả tôi mảnh đất vuông tròn,
Ruộng vườn là lẽ sống còn của tôi !
Trả tôi cái mái lá gôi,
Sân bùn vách vữa mồ hôi tôi nhào !
Tôi không đòi đẹp đòi cao,
Tôi đòi trả giọt máu đào tôi nuôi !
Tôi đòi trả xác chồng tôi,
Dâu hèn cháu mọn các người không tha !
Tôi đòi trả má mẹ cha,
Dừa thôn yêu dấu, xoài nhà mến thương !
Đòi tôi mộng rất bình thường
Dấm que nhang thấp bình hương ngày rằm.
Tôi không đòi lớn đòi tham,
Tôi đòi trả góc việc làm nuôi thân !
Hai bàn tay lấm chuyên cần,
Đi không bằng với bốn chân ngược đời.
Sống nương một chút đất trời,
Cái quyền giản dị làm người trả tôi !

(1) Nói liền thoáng như sợ người khác nói mất..

(2) Quốc ca của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (Cộng Sản) có câu “Thẻ phanh thây uống máu quân thù.”

(3) C.K.C : Súng trường Tiệp Khắc viện trợ cho bộ đội Cộng Sản Việt Nam.

– 13

Đêm đêm dế gáy đôi hồi,
Tiếng loa xen tiếng cóc ngồi thung sâu.
Tiếng côn trùng lũng lao xao,
Buồn tù tưởng cả địa cầu ngừng quay.
Vẫn con cú ấy lòi nhài,
Xèo xèo lửa đuốc cháy ngoài vọng canh.
Vẫn từng ấy lượng âm thanh
Của cây trúc lá, của cành chao thân;
Của chim chóc động bất thần :
Càng từng ấy điệu, càng ngần ấy quen;
Của rừng gió rú đêm đen:
Càng chi chít lảm, càng quên bẵng đời.
Không gian đất chẳng gặp trời,
Thời gian đứng lại trong lời hoang vu.
Thời gian đóng vánh ao tù,
Không gian vách kếp quây mù mắt trông.
Chỗ này có phải quê không ?
Giờ này sớm muộn hỏi đồng hồ ai? (1)

**Thôi thì chờ hỏi con nai
Khuya sang canh mấy, đông đoài phương mô ?
Trập trùng ấy mấy nháp nhô ?
Thông đời mấy thắm, nước hồ mấy xanh ?
Suôi khe ấy mấy trong lành?
Truân chuyên đổ lại có thành dòng sông ?
Vị sông ấy mặn mấy nồng ?
Có về xuôi tưới cánh đồng phì nhiêu ?
Có ru em hỡi thôn chiều ?
Có đèo bông sóng ra triều bể khơi ?
Có mưa rơi trả ơn đời ?
Hành vân lưu thủy nói lời ba sinh ?**

**Đêm xà lim nghĩ bình minh,
Sống là giải mã âm thanh đời ngoài.
Một vùng phù ảnh đậm phai,
Gần nhòa ký ức, xa ngời pha lê (2)
Chiếc vòng lẩn tít bờ đê,
Con sông tiền kiếp cuộn về quê cha.
Cành hoa gạo đỏ là đà,
Tóc em phát phối, phù sa bão bùng.**

Môi em phút ấy sành nung,
Chiều au rục lửa, nảo nùng cò kêu.
Từ hôn máu rớt tiêu điều,
Tình yêu tấp cánh mỹ miều tà dương.
Giọt bụi rỏ tự vết thương,
Hoan mê nở tự đoạn trường đòi cơn.
Nghĩ bằng nhớ, nhớ bằng ơn,
In sâu hôn nét mẫu đơn điểm nùng.
Giá mà đom đóm linh lung
Vào chơi cho bớt mịt mùng áo quan.
Cho đời điểm chút dương gian,
Âm ty vui bớt điều tàn biệt ly.
Lỡ mai sau có ngày về
Mắt còn thấy được bạn bè cố nhân. (3)

(1) *Tù chính trị bị tịch thu đồng hồ.*

(2) *Quên gần, nhớ xa.*

(3) *Do thiếu dinh dưỡng và thiếu ánh sáng, mắt nhiều tù nhân bị lòa vì đục thủy tinh thể.*

– 14

Mắt em hôm ấy lệ ngân,
Tóc pha sương hắt gian truân mút mùa.
Ngó thân gầy thấy nghèo xơ,
Cơm quên đòi bữa, lòng lừa lấm cay.
Chợt nhìn vết nhẵn đeo tay
Đã quy thành cổ ma chạy mẹ chồng.
Mẹ về ngủ dưới môn không, (1)
Bên cha hon héo vì trông con về.
Mai theo em xuống chùa quê,
Giấy đời toi tả, giữ lẽ hồn ta.
Thắp hương vái nhớ lời cha,
Cùng quỳ khấn mẹ dưới toà sen thơm. (2)
Về nhìn bậu cửa chiều trơn
Đã mòn lưng tựa, chẳng sòn thủy chung.
Đêm khêu bắc lụn bập bùng,
Đũa tre, chén sứ vô cùng thương nhau.
Mai sau ... rồi đến mai sau
Mắt về thấy được mái đầu trẻ thơ.
Hỏi này cháu đứng trơ vợ
Nhà bà ấy có giậu bờ găng cao.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 329

– Dạ thưa, thưa dạ, mời vào,
Mẹ ơi! có khách quê nào đến thăm.
Trẻ nhìn khách, mắt đăm đăm.
Khách nhìn trẻ, nhớ trăng rằm rất xưa.
Một hình ảnh khế đung đưa,
Nhớ ra hôm ấy bé vừa thôi nô.
Ngày đi hoa khế đương hồi,
Trẻ giờ kéo ghế mời ngồi lão ông.
Năm mươi tuổi đã lưng còng,
Khổ sai năm tháng chất chồng lệch xương.
Cái buồn khế xót vết thương,
Thâm thù chém đung thịt xương con bần.
Nhân hình lũng lẳng kheo chân,
Đùi run gối bật, tay bầm móng xanh.
Ống xương nửa tép ra lành,
Thịt da từ máu nở thành đón đau.
Một màu vàng úa thều thào,
Bao nhiêu sinh lực dồn vào mắt đen.
Rung rinh đồng tử chong đèn
Giữa âm u cõi nguyệt nghìn oan khiên.
Sinh trong thế hệ ưu phiền,
Lênh đênh cùng với trăm miền hẩm hiu.

Mười năm mất óc cha yêu,
Ngôi nhà thông thoáng gió chiều mát cõi.
Mười năm khế rớt luân hồi,
Rẽ thành cỏ thụ chỗ ngôi cha xưa
Ghế giờ nệm mướp xác xơ,
Gỗ mười năm vẫn kiên chờ cố nhân.
Giá còn sách gấm hồng thân
Mẹ vui giấu lúc lửa Tần bùng thiêu.
Hỏi thăm con đủ trăm điều:
Nhẫn đành bán vốn, sách liêu cất chôn.
Sách là máu dưỡng trí khôn,
Chữ là một nửa thân hồn cha con.
Chữ thành ra nước hoá non,
Bia tan đá nát, tiếng còn truyền lưu.
Quý dù trăm chức nghìn mưu,
Sách còn ghi trận phục cừu nhuốc nhơ.
Chữ tinh anh xoá chẳng mờ,
Gian tà mãi ố sờ sờ tà gian.
Chữ yêu thương thấm vô vàn,
Non đau nước quận nồng nàn lời ru.
Lời thâm tách đá âm u,
Ủa reo ánh sáng, vi vu gió nguồn.

Lời ran thác đổ bồn chôn,
Bạc đầu lấm sóng mới dồn thành sông.
Nước rồi nước cuốn mênh mông,
Lòng sông náo nức bể bồng thuyền trôi.
Thuyền trôi về xứ xa xôi,
Sông nằm thủ thi bên ngòi nhìn mây.
Mây non xuống với chim bầy,
Nước đi, sông ở bên đầy phù luân.
Hỏi thăm con cỏi cơ trần (3)
Đầu xanh hứng mấy vụn lằn “tội” cha ?
Tội từ hòn máu mà ra,
“Đốn hư giai cấp”, “thối tha giống nòi.”
Diện đày đọa xuống tôi đòi,
Dấu chung thân đóng rạch rồi tội danh !
Trù từ lúc mạ còn xanh,
Ếm từ lúc mới ấu thành hài nhi !

Ngón đòn lý lịch ly kỳ
Cha là ngục, phạm trường quy con rồi.
Không văn hoá tất làm bồi
Hầu con cán bộ giạng ngòi ghé hoa.
Lộn phèo biện chứng a ha !
Một vòng xoáy ốc : sơn hà đảo điên.

Nỗi đau da thịt không liền,
Phân ly, kỳ thị, hai miền nát tan.
Bắc quân phỉ chí hung tàn,
Vơ lương, vét của, cướp càn nhà Nam.
Rợ Hồ vô độ lòng tham,
Thô sơ nón cối, lam sàm dép râu.
Kinh bang (4) sao chép Nga Tàu,
Bình quân là chặt cái đầu cao hơn !
Tiến là tại chỗ giậm chân,
Dìm miền Nam xuống cùng bần nấc thang.
Đánh tư sản, xoá tiểu thương,
Đảng viên béo núc thịt xương dân lành.
Dọc ngang chằng chịt quốc doanh,
Ký sinh đòi bọ phân ngành chia ban.
Cục, phân, viện mọc tràn lan,
Mạch lươn tổ đảng kiện toàn quy mô.

(1) *Cửa Phật.*

(2) *Chỗ ngồi tôn nghiêm của Phật tức hình hoa sen.*

(3) *Lẽ biến đổi của đời sống.*

(4) *Cai trị đất nước.*

– 15

Ăn nhòn, ăn nhót, ăn khô;
Ăn tinh chế bột, ăn thô bao bì;
Ăn bòn hột cám li ti;
Cá khoang ăn cướp, râu vi chẳng chừa.
Mới ăn chiêm đã đòi mùa,
Ăn tươi, nuốt sống, táp bừa lông heo.
Ăn chằng, (1) ăn đẽo, ăn theo,
Nói gì thì cũng cái phèo ưu tiên.
Hội đồng chuột họp huyệt thuyên,
Cổ ăn, cổ dựa (2) hạ liền ngay sau.
Liên hoan Thường Vụ (3) cổ cao, (4)
Voi ra chén chú, đầy vào chén anh.
Ăn lũng, ăn sục, ăn quanh, (5)
Thói ăn chặn hoá người thành thú lang.
Nửa đời rừng rú ăn mặng,
Giờ vào ăn chõm (6) đồng bằng phì nhiêu.
Ăn chợ sáng, mút chợ chiều;
Cân, đo, đong đếm đủ điều ăn gian.

Người cày hạt thóc than van,
Thu mua (7) ép giá ăn tràn sáng đêm .
Gia công (8) bụng đói sôi mềm,
Ngoại thương ỉn ỉn, lèm bèm, ví von.
Thợ thuyền cò vạc héo hon
Mồ hôi vắt võ mạp tròn trùn ăn.
Ăn ăn trăm thứ bà giã; (9)
Ăn bây, (10) ăn bữa, (11) tục tằn ăn không; (12)
Ăn rùng, ăn bãi, ăn sông;
Ăn loang xã hội, ăn duồng vết thương;

-
- (1) Ăn không trả tiền (ăn chùa)
(2) Phần ăn, phần mang về? (dành cho đám cán bộ cao cấp)
(3) Ủy ban giải quyết công việc hàng ngày, rất có quyền thế
(4) Thịnh soạn
(5) Kiểm chác, bớt xén
(6) Ăn tranh phần người khác
(7) Bộ phận của Nhà Nước đảm trách việc mua gom lại với số lượng lớn.
(8) Nhận làm công tại nhà cho các cư sở sản xuất quốc doanh.
(9) Nhiều thứ linh tinh
(10) Lừa lọc
(11) Ăn quýt
(12) Chuyên đi chiếm không của người khác.

Ăn chôm, ăn chĩa, ăn đường; (13)
Ăn vôi, ăn vữa, phở phường xác xơ.
Trùm sò làm biếng ăn bơ,
Quốc doanh liếm láp, làm vờ ăn dôi.
Ăn đi, ăn đứng, ăn ngồi;
Ăn đùa đẩy (14) miệng, ăn hôi nhân quần.
Một bày tâng tận lương tâm
Ăn hồ, ăn giẻ, (15) ăn vắn ngày công;
Ăn tranh trẻ đói lột lòng; (16)
Ăn lường tiếng khóc khép vòng tử sinh (17)
Ăn sàm, (18) ăn bản, (19) ăn tanh:
Miếng ăn duy vật thôi inh lòng người.

(13) *Làm nhà lẩn ra ngoài đường*

(14) *Phàm ăn, nhồi nhét đầy miệng*

(15) *Ăn bản như bọn hàng mã ăn bớt hồ dán giấy hay như bọn thợ may ăn xén vải của khách hàng*

(16) *Làm giàu bằng tích trữ dầu cơ sữa của trẻ sơ sinh*

(17) *Nhà hòm quốc doanh chiếm độc quyền nên tha hồ bắt chẹt khách hàng*

(18) *Tham ăn*

(19) *Ăn hôi lộ, ăn quýt một cách đê tiện.*

- 16

**Cây trồng thế kỷ cửa tươi,
Chim đi, phố tắt tiếng cười giòn veo.
Dinh Rồng (1) giậu đồ bìm leo,
Một hồn hoang mạc trong nghèo Nguyễn Du (2)
Hè xiêu vẹo gót quân thù,
Sắt đâm tủa gỉ, rào phù phiếm quây.
Lòng Công Lý (3) ngôi tan bày,
Huyền Trân Công Chúa (4) rêu dày ngủ quên.
Thùng thùng trống gióng công viên,
Tường trời sập xuống giấc thiên cổ xanh.
Ì ùng trẻ tập chiến tranh,
Đảo chao mũi súng, tròng thành tre non.
Quán xưa vắng giọng Sài Gòn,
Già me ngồi đó mà hồn ly hương.
Gái chiều bả lả quỳ sương,
Khát nhi gặp lạ khách đường lứt bên.**

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 337

Muộn màng le lói đèn lên
Leo pheo mấy ngọn đời nên thị thành.
Lửa nhà chữa kịp sôi canh,
Loa phường lại nhả sỏi sành tung bung.
Gió nghìn móng bới tứ tung,
Muốn yên chẳng đặt lá khùng mộng du !
Kí ninh vàng ánh mưa mù,
Chập chờn lũng bông bóng thù tuần khuya.
Loi ngoi, mảnh khảnh, đầm đìa
Lối này đày đọa, đường kia đọa đày.
Chút đời sa sút không hay,
Tắt ngang trong ngút ngầu vây mù mờ.
Ngày đi điu xác xác xơ,
Đêm về lả tả sống nhờ ngủ quên.

(1) *Phủ Tổng Thống cũ ở Sài Gòn, dân gọi là Phủ Đầu Rồng*

(2) *Phố Nguyễn Du bị bỏ hoang, trông liêu vắng như sa mạc*

(3)-(4) *Tên hai phố cũ nằm sát Dinh Rồng.*

– 17

Mười năm (1) trùm giắc cô miên,
Nhớ còn vương bóng bạn hiền xa xăm.
Ngày về lối hẻm đê thăm,
Mười năm dài tưởng nghìn năm lia trần.
Sững sờ đứng ngắm cố nhân :
Hình nhân hay chính tiên thân kiếp nào ?
Hay mình lẫn thần chiêm bao ?
U ơ mừng mán ướm chào dị long.
Long gương mắt hắt hiu trong
Thời gian đóng vắng, cuốn vòng khói sương.
Một gì lẩn cấn bi thương,
Nửa như bốn cột, nửa đường trang nghiêm.
Nửa hun hút đáy ùn đêm,
Nửa le lói hắt ánh đèn hồn xưa.
Hiền nhân hoá phé nhân thừa,
Đường phang liềm búa chẳng chừa một ai.
Lần hồi chị (2) kể cho hay
Oan khiên nông nổi thế này thừa anh.
Giáo gian ganh ghét thầy lành
Vì phê phán chúng lộng hành trường quy.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 339

Nhỏ to sàm báng thị phi,
Lệnh Khoa Giáo xuống họp chi bộ liền.
Công an đấm cửa đêm rền:
Tội danh “chống phá chính quyền nhân dân.”
Hiền nhân phút hoá phạm nhân,
Đòn hiểm trút xuống tâm thân vạc gày.
Vèo vèo cỗ máy nghiền xay
Tung bung ruột mẹ, rối vày lòng cha.
Xương giòn, thịt toác ôi a !
Thảm thương tiếng hét vỡ nhà Việt Nam.
Máu Cà Mau, mủ Nam Quan,
Đau tê tái đất, gào tan tác trời.
Nghiền nghiền cỗ máy nghiền tôi,
Tanh banh tới tận cùng người phù du.
Con ong thể sự vù vù,
Ôi a ! trần sập mù u linh hồn.
Đòn hiểm đánh trúng trí khôn,
Sống còn vồn vẹn sinh tồn vô năng.
Nhìn ngày lẫn nắng lằm trắng,
Thế gian nghịch đảo, nhớ xằng nghĩ xiên.
Gần xa hình tướng hảo huyền,
Thừng giã néo đứt, con thuyền tuột neo.

(1) Mười năm bị tù phát vãng.

(2) Vợ của bạn.

– 18

Ấm ảm sóng cuộn triều reo,
Đảo điên đá mẹ, (1) lộn phèo bia cha.
Việt Nam Xã Hội Cộng Hoà
Xuyên đường chỉ đỏ hằng hà tá toi.
Đế như ai oán hộ người
Tội truyền đơn rải : một đời tiêu ma.
Án này xử ở đâu xa ?
Bên man di xứ Angka (2) không chừng ?
– Thừa không, chuyện rõ danh xưng
Đó là lang sói luật rừng Việt Nam.
Pháp đình quỷ biện tà tâm
Bức sư hại vãi, chùa làm kho công.
Mỡ, chiêng, hương án chất chồng,
Nhện giăng nhà Chúa, chuông đồng gỉ han.
Cha đêm nấc tiếng thở khàn,
Chuột đàn rúc ráy ván sàn ỉ eo.

Một làm chiến lược đèo theo
Vạn ngày sau vẫn cái nghèo hèn thân.
Vẫn cơ cực cõi nhân quần,
Mái chèo thô đập gót trần mảnh mai.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 341

Vẫn người quần quật dâu đay,
Vẫn thân con đở bầy hầy đồng chua.
Vẫn chân bì bõm quê mùa,
Lưỡi cày thời Hán con cua coi thường.
Vẫn tay xua muối tìm đường,
Máu pha xót giọt mủ rừng cao su.
Vẫn ba đời kiếp đi phu,
Sáng rau, chiều rế đắp bù sắn khoai.
Vẫn cai đầu ngắn đầu dài
Đồn nam nuôi bắc, xé đoài vá đông.
Một đàn đúm đảng ăn không,
Vét vợ, múc cạn nước sông công tù.
Hoạ chồng chất bốn mươi thu,
Nghèo xây xấp núi, thù u uất rừng.
Đồng bằng khuất lấp tre bung,
Biển u ơ sóng chưa ngừng ngủ mê.
Bốn mươi thu cắt đường về,
Bốn mươi mùa bịt bốn bề đường ra.
Bốn mươi mùa lệ xót xa,
Một màn tang phủ trắng nhòa quê hương.

(1) *Bia đá của mẹ.*

(2) *Bọn công an khát máu của Pol Pot, thủ lĩnh Khmer Đỏ.*

– 19

Kìm, cò, sáo, nhị thê lương.
Cỗ xe khổ ải, con đường mờ cõi.
Quan lay, nền lặc bồi hồi,
Hồn oan hồn cũng trối lời biệt ly.
Sống mòn xiềng xích âm ty,
Chết đưng đưa chiếu sáng về đoàn viên.
Xác thân trả bến ưu phiền,
Cùng cây đa đứng ngó thuyền qua sông.
Thuyền về huyệt hắc mệnh mông,
Lá sông lẫn bóng mây không bỗng bênh.
Tròng trành nói với tròng trành,
Thuyền về tắt tiếng hò mình gọi ta.
Mình về băng lảng mù sa,
Mình đi mình để tha ma lại đời.
Sáo rên rên riu chân người,
Cò rên rĩ quặn rối bờ trần ai.
Mẹ xưa khóc níu quan tài,
Nàng giờ lệ đổ nói dài trường giang.
Trường giang dài một lời than,
Mảnh thuyền chết đuối, sầu mang đôi bờ.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 343

Hương bình khói tóc bạc phơ,
Cơm bông gổ tạp (1) bơ sờ tang vân. (2)
Hoa tung đất ném âm phần,
Àm àm quan dưới đấm rần hồn trên.
Hồ, xừ, xê, công đồng điên...
Sâu con lòng mẹ nào yên tuổi vàng !
Lệ em thuần phác đưa chàng,
Sống thân cách trở, chết ràng hồn nhau.
Bồng bênh bồng bến bồng nao...
Chờ em đi thả neo sao biên trời.
Mẹ ru con ngủ à ơi !
Nghìn câu vân tống (3) góp lời nuôi con.
Nếu mai sau Đất Mẹ còn,
Nhìn mây khuyên (4) vẫn tang Hòn Vọng Phu.

(1) Bát cơm cúng trên có cắm đôi đũa vót nhọn để bông, đặt trên
cổ ván gổ tạp.

(2) Hình mây vẽ trên đầu áo quan

(3) Tiễn đưa linh cửu

(4) Vầng mây (vân khuyên).

TỰ DO TƯ TƯỞNG
NOI TRÚ ĐẬU
của
NGÔN NGỮ VĂN CHƯƠNG

● LÊ HỮU CƯƠNG

Tôi đã đọc và đọc nhiều lần thi phẩm *Bài Ca Niu Quan Tài* của Cung Trầm Tưởng gửi tặng. Bỗng dung tôi cảm thấy bàng hoàng trong giao độ khủng khiếp, khi hoà nhập tâm hồn mình vào đề cương luận chứng trứ nặng xác thân người chết, chan hoà biển lệ người sống. Thi phẩm biểu lộ một hiện thực cụ thể có liên quan đến thân phận quốc dân Việt Nam trong thời quý trị.

Ở thang độ cao hơn thuộc phạm trù siêu hình là sự cộng nghiệp trừu tượng với những oan hồn uẩn tử, những huyền hài ẩn hiện vô thường như sương khói, chập chờn mong sao thoát khỏi căn kiếp hữu vô “*Hư vô xuất sinh vạn hữu. Vạn hữu quy hồi hư vô.*”

Các oan hồn uẩn tử dù có muốn siêu thăng về cõi vô lượng cũng không toại, mà trở lại với cuộc nhân thường cũng chẳng xong.

Kiếp nghiệp ư ?

Làm sao hàng phục vọng tâm ?

Làm sao an trụ chân tâm ?

Do vậy, tâm trí của tôi bị huyệt hẫng trong bối cảnh tranh tối tranh sáng đó, và tôi đã đánh mất vị trí kỹ hà học của

chính mình trong giây lát. Vào lúc này, nổi tê buốt nào từ thuở hồng hoang vạn cổ vu hồi len lách trong từng sợi máu thớ thịt của tôi ! Nổi cảm sàu nào đọng đầy huyết lệ cấy sâu cái thảm trạng Việt Nam vào tận não tủy, khiến tôi choáng váng mặt nhòai !

Đọc thi phẩm *Bài Ca Núi Quan Tài* xong, thử hỏi tự cô chí kim có tiếng khóc nào bi ai buồn thảm hơn thế nữa ?

Từ trong tiếng khóc đoạn trường đó, tôi cảm nhận niềm xót xáy thê lương lan toả, thâm nhập vào châu thân nhục thể mình, chẳng chừa một tế bào nào cả. Ngôn ngữ văn chương trầm trữ trong thi phẩm dẫn ý, dẫn lời vào cái nhị thức phức hợp là tâm thức, cộng hưởng với cảm giới siêu hình, làm cho khung trời thơ rộng mở trong tâm trí người thường ngoạn.

Tôi bắt gặp nơi đó niềm khát vọng tự do tư tưởng của tác giả, dặt dấy với đời sống mất tự do hiện nay của đồng bào ta. Chất men văn chương, độ nồng ngôn ngữ loang toả, làm cho tôi choáng váng trôi lạc vào mê cung khát vọng tự do, bật xuất từ những nổi chết vô thường đầy oan khiên nghiệt ngã ấy.

Thật vậy, trong cơn thảm nạn trù dập tự do tư tưởng, vùi dập cuộc nhân sinh bởi Cộng Sản tại quê nhà, đã có nhiều nhà văn, nhà thơ bản khoán tự vấn, chẳng khác chi tâm trạng của Cung Trầm Tưởng diễn tả trong hai câu thơ sau đây :

Tim nào xót xáy tìm ra chữ

Ngang tâm thảm hoạ thế kỷ hung?

“*Tìm ra chữ*” từ nơi nào đây? Phải chăng là ngôn ngữ văn chương từ nổi chết vươn lên, thoát ra để khai phóng tư tưởng, niềm tin...? “*Chữ*” của nhà thơ là sợi máu con tim bầm dập, là nghệ thuật thuần khiết trong thâm tâm người nghệ sĩ, tạo hình cho những ý niệm trừu tượng về Chân, Thiện, Mỹ — theo cách nói của Cung Trầm Tưởng.

Cung Trầm Tưởng đã tỏ rõ chân tình, chân ý và chân tài qua ngôn ngữ văn chương của mình, được soi rọi từ những thảm trạng Việt Nam, từ những bộ hài cốt đang chờ giờ hoá thạch, từ những điệp khúc của những tiếng khóc chẳng sao vui. Tất cả những biểu lộ hiện thực đó đã làm cho tim mình, tim người xót xáy vô tận !

Thi phẩm *Bài Ca Níu Quan Tài* bắc cầu cho tôi bước qua tiêu đề của bài viết này: *Tự Do Tư Tưởng Nơi Trú Đâu Của Ngôn Ngữ Văn Chương*.

Ngôn ngữ văn chương theo thiển ý là biểu tượng của thực tại chan hoà với mỗi xao xuyên khi người cầm bút xử dụng nó. Biểu tượng là ẩn tượng của quá khứ trầm tích trong ý thức.

Như trong thi phẩm *Bài Ca Níu Quan Tài*, ngôn ngữ văn chương ở đây chỉ định đối tượng ý thức là “quan tài”, hay nói “quan tài” là ngôn ngữ văn chương trình diện, biểu lộ cái thực hữu của sự chết.

Chết ở đâu, chết lúc nào, ai níu quan tài, áo quan sáu tấm hay quan tài là manh chiếu rách ?

Và hệ quả của tiếng khóc từ đó trở thành một phạm trù văn hoá, một chủ đề của văn chương Việt Nam từ ngàn xưa tới ngày nay mà tác giả đang cầm bút xử dụng nó.

Thực chất hai chữ “quan tài” của Cung Trầm Tưởng hiện đang ngoại cư khiếm diện trong khi nhà thơ đặt bút diễn tả về cái khóc, về sự chết của con người một thời đã qua. Và nhà thơ là nhân chứng tại chỗ, chứng kiến tận mắt và biết mình cũng đang khóc; hay chính tác giả đã gò lưng gánh những chiếc quan tài đó thuê còn đi tù Cộng Sản.

Do đó, vai trò ngôn ngữ trong thi phẩm là sự kích thích, gợi nhắc, kêu báo sự chết, một hiện thực bất nguồn từ sự mất tự do trong quá khứ.

Ngày nay, ngôn ngữ đó tạo hình văn chương nói rõ thực trạng đã qua và tiếp tục tỏ rõ thêm về sự kéo dài nỗi

thống khổ — chết, khóc — trong cuộc nhân sinh tại Việt Nam hôm nay.

Tác phẩm, thi phẩm chỉ là bước đầu giúp cho người cầm bút bộc lộ thân phận mình trong quá khứ, nối kết đất dây diễn tả cuộc-sống-đã-chết ấy trong hiện tiền thực tại bằng ngôn ngữ văn chương — là bước sau.

Trong thời gian thụ thai tác phẩm, tác giả trải qua con mọt mỗi rã rời để gợi hình, gợi ý, dàn trải ngôn ngữ trong đầu óc, chẳng khác chi người phụ nữ đang thời kỳ thai nghén sửa soạn mọi vật dụng dùng cho đứa trẻ sắp ra đời.

Và khi đứa con tinh thần chào đời, tác giả đã trút gánh nặng ngôn ngữ văn chương, cảm thấy nhẹ nhõm thoải mái. Đây là sát na mà tác phẩm bước từ bóng tối ra ánh sáng, đồng thời cũng là giây phút mà tác giả từ ánh sáng bước vào bóng tối để thai sinh tác phẩm kế tiếp.

Tác phẩm hay thi phẩm là thời điểm biểu lộ sự chết của tác giả khi vừa hoàn thành nó.

Cái chết ở đây là cái chết của sự thai nghén, cái chết của tư duy về nó — tác phẩm, thi phẩm —, nhưng cũng là khởi điểm sự sống của nó vậy.

Người ta thường kiến giải mọi phức hệ của cuộc sống tinh thần cũng như thể xác để tìm mối tương quan giữa tác giả và tác phẩm. Thực ra tác phẩm chính là tác giả trong định mệnh mới.

Vậy định mệnh cũ là gì ?

Phải chăng là nỗi dồn ép, sự tìm tòi, sự thúc đẩy, sự kích thích tác giả xử dụng ngôn ngữ văn chương nhằm vào một toàn thể hay một đối tượng nào đó.

Ta có thể nói tác phẩm được hình thành trên nền tảng ngôn ngữ văn chương. Như đã nói trên, tác phẩm khi được hoàn tất là lúc tự nó xoá bỏ mọi hình ảnh trừu tượng hoặc ý niệm trong thời kỳ tác giả thai nghén để đưa đến một xác quyết là tác phẩm trở thành một thực thể, có đời sống riêng

của nó mà linh hồn chính là ngôn ngữ văn chương đang trầm trử trong tác phẩm.

Đến lúc này, tác phẩm bắt đầu mang định mệnh mới, được cung chiều hay ghét bỏ do khách thưởng ngoạn.

Thưởng ngoạn là mang tác phẩm vào tâm hồn người đọc. Tác phẩm sẽ bị tan loãng, biến đổi, đồng hoá tùy theo khuynh hướng sở thích của người đọc. Tác phẩm sẽ biến dạng do hành vi chiếm hữu của người đọc, và kể từ nay cứ xem như tác phẩm không còn là sở hữu của tác giả nữa. Nó đã trở thành cánh chim rong ruổi trong cuộc đời làm văn học nghệ thuật của người cầm bút.

Người ta sẽ bêu riếu nó, bắn tên tiễn vào nó hoặc gắn huy chương, ban vòng nguyệt quế, trao giải thưởng cho nó một cách tùy tiện, mà thực chất của sự cung chiều hay ghét bỏ có khi hoàn toàn thiên lệch so với khuynh hướng, ý niệm khởi xuất của tác giả.

Người cầm bút cũng đã hiểu như thế rồi, nên an nhiên tự tại mà chấp nhận mọi khen chê khi tác phẩm của mình đang nằm trong tay kẻ khác. Tác giả sẽ bất lực trước cái sáng-tạo của mình là lẽ tự nhiên cũng là tất nhiên vậy.

Nhưng có một điều mà không ai tước bỏ được, đó là linh hồn ngôn ngữ văn chương, bút pháp của tác giả đã dựng nên tác phẩm. Và kẻ thưởng ngoạn luôn luôn là người nhận lãnh chứ không ban phát. Ngược lại, nhà văn nhà thơ là kẻ tạo dựng một thế giới mới ngay từ trong thế giới này.

Đây là phần thưởng do chính mình ban phát cho mình. Bởi thế, trong đời sống thực tại nói về vấn đề thưởng thức hay thẩm định một tác phẩm nghệ thuật thì rất khó.

Một số triết gia, đại văn hào cũng đã đóng góp ý kiến về cách trình bày nghệ thuật để chú giải nghệ thuật, không phải là thiếu vắng mà còn rất mầu mực nghiêm túc nữa là đằng khác.

Léon Tolstoi phát biểu rằng tác phẩm nghệ thuật dùng

những động tác, đường nét, màu sắc, âm thanh hoặc những thể cách khác được diễn tả bằng lời bằng chữ để chuyển đạt cái cảm giác đến mọi người, và họ hoà nhập vào cảm giác đó như người nghệ sĩ sáng tác vậy — có phần chủ quan.

Hoặc Martin Heidegger cũng thế, ông phát biểu rằng tác phẩm nghệ thuật phải là một biểu tượng.

Cho nên yếu tố tạo thành yếu tính nghệ thuật là sự xác định rõ công tác sáng tạo bao hàm các yếu tố kích thích, ẩn tàng, gợi cảm, chia sẻ mang nặng tính biểu tượng được chuyên chở bằng ngôn ngữ văn chương hay các phương diện khác của nghệ thuật như âm nhạc, hội hoạ mà tôi không lạm bàn trong bài viết này. Đó là thế giới riêng được sáng tạo bởi người cầm bút chứ không do ai khác cả.

Trong tiến trình nhận thức văn chương, con người tự nó hấp thụ thấm thấu nhiều hay ít là tùy theo sở thích, trình độ, kinh nghiệm trước yếu tố ngôn ngữ văn chương hay bút pháp trong tác phẩm mà mình thường ngoạn. Bởi thế cho nên có người thích đọc Thơ Đường hơn Thơ Mới, có người thích đọc tiểu thuyết xã hội hơn tiểu luận triết học...

Nói chung, trong sự thưởng thức văn chương nghệ thuật, con người thường có thói quen chấp nhận tiếp cận với những gì mà mình cảm thấy quen thuộc, gần gũi, dễ chịu, dễ thấm thấu, và nhất là họ không cảm thấy có điều gì bất an tạo sự khó chịu rồi chối bỏ.

Trong xã hội loài người, hiện hữu nhiều khuynh hướng khác nhau, như khuynh hướng hưởng thụ, khuynh hướng sáng tạo, khuynh hướng tôn giáo... Nhà văn này theo trường phái cổ điển, nhà văn kia theo trường phái hiện sinh... Những khuynh hướng này tạo nên tính nhiều vẻ — diversity —, đa dạng trong ngôn ngữ văn chương hay nghệ thuật hầu công hiến cho người thưởng ngoạn tùy theo mỗi nhu cầu hay sở thích. Và đây là khuôn diện của tự do tư tưởng, mà nó chỉ có trong thế giới tự do mà thôi.

Khi đọc thi phẩm *Bài Ca Niu Quan Tài* của Cung Trầm Tưởng, tôi liên tưởng đến sinh hoạt văn học nghệ thuật dưới chế độ Cộng Sản mà thương xót cho số phận của những văn nghệ sĩ tại quê nhà — ngoại trừ những văn nghệ sĩ cung đình.

Người cầm bút dù bất cứ ở đâu đều dùng ngôn ngữ văn chương để mở rộng khung trời tư tưởng hầu thăng hoa. Nhưng ở những xứ Cộng Sản thì không bao giờ có điều đó xảy ra. Và nếu có trường hợp đặc biệt nào xảy ra, thì người cầm bút sẽ không bao giờ có dịp được cầm bút trở lại nữa.

Hệ lụy từ đó bi thảm vô cùng.

Diễn hình như cuộc sống bần hàn cơ cực mấy chục năm qua của Quang Dũng, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Lê Đạt, Trần Dần, Phùng Quán... hay bị thủ tiêu như Khái Hưng, Xuân Quỳnh, Lưu Quang Vũ ...

Ngôn ngữ văn chương còn hiện hữu trong đời sống con người là còn góp phần thực hiện một vũ trụ nhân bản. Nếu phủ nhận nó thì thế giới sẽ trở thành môi trường đầy ác tính tội lỗi. Do đó, ở đâu có tự do tư tưởng, nơi đó chính là chỗ trú đậu tuyệt vời nhất của ngôn ngữ văn chương vậy.

● LÊ HỮU CƯỜNG

352 * CUNG TRÀM TƯỜNG

TẬP BỐN

**NHỮNG
DẦU CHÂN NGANG**

trên

**MỘT TRIÊN
PHIÊM ĐỊNH**

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 353

354 * CUNG TRÀM TƯỜNG

NGŨ GIỚI CUNG TRÂM TƯỜNG

● NGUYỄN THANH NHÃ

Cung Trâm Tường luyện thơ theo nghĩa luyện kim, luyện đan. Một thao tác nhằm biến ngôn ngữ thành một phương tiện biểu hiện thần hiệu. Nhào nhuyễn các thành tố ngôn từ thành thơ, hiểu như một khí cụ truyền cảm, truyền thông linh diệu. Cung Trâm Tường giải bày ý niệm đó trong bài thơ tuyên ngôn :

*Điền chế thơ bằng ngôn ngữ đôi,
Ý nâu xen lẫn nghĩa hung vàng.
Như trong xanh hứa của màu mặn
Nghe vỡ eo sèo trái nẫu đen.*

*Thơ là nho mà cũng là sim,
Mỗi chữ buông sang tiếng hạc cầm.
Như trong vó cát của ngựa bạch
Có nhạc chim hồng vỗ cánh cam.*

*Nên hãy lắng nghe tim vi vo
Trăm câu ong chúa tủa tung hồn.
Như trong nhưng nhức lửa hương thị
Tiếng hát son vàng của đăm mê.*

*Miết, mài, giữa gợn lên vân đá;
Chuốt gọt thi từ như bút hoa
Trong pho sách ngát hương kinh điển
Viết lại cho đời khí huyết thơ.*

*Hà hồn vào ấm miếu thiêng nghiêng,
Chiết tự ra xem cấu trúc thời.
Ngan ngát trầm và nhang kỷ niệm
Một vòng vu sử thom an nhiên.*

Ngôn ngữ thơ phải là một ngôn ngữ tổng hợp, thực hiện sự tương ứng giữa màu sắc, âm thanh, hương vị, hình ảnh và tình cảm. Một ngôn ngữ đầy vang vọng, giàu sức khơi gợi, liên tưởng, mai mối, so sánh và lay động.

Tự trung, không gì hiện đại mà bất biến cho bằng quan niệm chiết trung theo đó, thơ vươn tới một thực thể toàn diện tự sung tự mãn, mang tới một động thái nội tại, hàm chứa tất cả ma lực của sự phối hợp câu chữ, vần điệu, trầm bổng. Trong thế giới riêng biệt tự lập tự hành là bài thơ, các yếu tố của chất liệu ngôn ngữ được tôi luyện để hình thành, sau một tiến trình kết tinh, một cấu trúc phức tạp, diễn đạt thực tiễn vật chất hay tâm tưởng, qua những quan hệ tương giao nối liền và chuyển hoá các thành tố — làn điệu, nhịp câu, biểu tượng, cảm nghĩ — sang một kính vạn hoa óng ánh, vô tận bóng ảnh, sắc thái, phản quang, tiềm nghĩa, ẩn hiện, âm vang.

Để đạt mục tiêu tối hậu đó, luyện thơ phải là một thao tác liên tục. Cung Trầm Tưởng sáng tác khoẻ, nhất là từ mười mười lăm năm trở lại đây, nhưng cũng năng đều san nhuận. Anh đã xuất bản bốn thi tập : *Tình Ca*, *Lục Bát Cung Trầm Tưởng*, *Lời Viết Hai Tay*, *Bài Ca Núi Quan Tài* và mới đây, *Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Phiếm Định*. Hiện đang chờ in thêm bốn-năm tập gồm hơn hai trăm bài ngắn và đôi ba trường thiên.

Mặt khác, Cung Trầm Tưởng sao đi, sửa lại không ngừng. Mỗi bài thơ thường mang nhiều dị bản. Bởi vì, đúng như nhận xét của Mallarmé, “*chẳng bao giờ một chuyến gieo sùc sùc xoá nỗi vận rủi may*”, một lần gieo vần không đạt ngay tuyệt đối. Cho nên cần miết mài, chuốt giũa, nhào nặn, đúc kết, tạc luyện. Bài thơ luôn ở trạng thái sinh thành, hằng hướng đến tâm vận năng, gương muôn chiếu, sức nhìn nghìn mắt của bài thơ lý tưởng theo Platon, đi tìm công hiệu thăng hoa của một linh đan, phép ảo hoá của những hạt ngọc toả ngời, biến khoảnh khắc thành vĩnh cửu, bất tử hoá những xẹt xuyên, những vệt loé chớp thiên nhiên hay tưởng tượng bằng những thần cú, những châm ngôn, những ẩn dụ, bằng những hình ảnh, những nhạc điệu khắc cho thiên thu.

Tài hoa thiên bẩm luôn được chế ngự ở Cung Trầm Tưởng. Người ta còn nhớ vào đầu thập niên 60, cả một lớp đông công chúng đã diu dặt với tập *Tình Ca*, với những bản thơ nhạc hỗn hợp thủ thi những rung động xao xuyên của một tâm hồn trẻ thời đại. Khoảng một phần ba, gồm những bài sung sướng rõ nét nhất, gắn liền với kỷ niệm một chuyến Âu du, ngân nga, trong thoáng đượm cung giọng Verlaine, một chuỗi dài hoài tưởng, nhớ cái điệu rung rung độc nhất của mùa thu Paris. Nhớ công viên lá đỏ, những mây trời âm u, những gót nhỏ thăm thẳm. Nhớ thời đơm hoa kết mộng dưới vòm Provence, giữa cảnh vật độ lượng, giữa đất trời thuần lương. Nhớ nắng dốc, đường thôn, sân ga hun hút. Nhớ cố tri khóm hạnh, ngát ngậy bờ liễu, vun vút hàng bạch dương. Nhớ ngô đồng lá ngọn, hiu hiu từng rú, trời cao không đỉnh, mền thương không bờ. Nhớ những chuyến đi nối tiếp, những tiễn biệt héo hon, những trào dâng lòng lộng và những mối tình không vĩnh viễn. Ngay từ những ca khúc tưởng như tuôn từ mạch trữ tình hồn nhiên đó đã thất nối cuộc đời co với thế giới ngôn từ.

Nhưng “ngữ sự”, trước khi là cái bẫy khổ hạnh, đã tìm ở buổi ban đầu, thoả ước trong cái chiều xử dụng hài hoà mọi tiềm năng âm hưởng của từ ngữ và cú pháp: chẳng hạn khai triển giá trị biểu cảm của nguyên âm — *a* = đầy đặn; *i* = im nhẹ; *o*, *ô*, *ơ* = rộng mở; *u*, *ư* = chan chứa —, phát huy âm vang của từ điệp, từ cụm, từ láy, các biến dạng của láy, láy hình ảnh, láy cảm xúc, láy liên hoàn — một trong trăm thí dụ: sầu như sầu sợi tóc sầu lia da —, từ nước ngoài, thuật ngữ âm nhạc cùng là của các thể cách văn phạm như thể biến ngẫu hoặc cách sở hữu của văn phạm Anh trong bài Michèle diễn hình dưới đây :

*Bao quanh tôi đời êm như ấm ủ,
Mật đêm thương vừa ngọt đủ tuần trăng.
Lên vai tôi thêm thiếp ánh hoa đăng
Michèl' má, Michèl' môi thấp mộng.*

*Michèl' tóc vàng buông hờ suối động,
Hiu hiu đôi nét khép Michèl' mi,
Khuya nâng niu tôi im như vô tri,
Năm nghe nguôi nơi lời Michèl' yếu.*

*Michèl' mắt hồ mùa thu hé chiếu,
Đen đêm thương tôi thừa biết biếc xanh.
Michèle mơ, tôi chong bóng năm canh,
Đem tâm thân tình tôi dâng Michèl' giác.*

*Lửa thấu đáo khi ân tình nói bắc,
Tôi còn đi cầu trợ ánh trăng yên,
Xin lung linh thúy ngọc góp thần tiên
Nhập đoàn với sáng hôn tôi hộ tống.*

*Michèle hỡi, yêu cho hiền cuộc sống.
Anh đây khi mộng em sắp phai màu*

*Săn sàng soi đuốc thấp ngàn ngôi sao
Toả phấn chán, dắt dìu em phiêu lộng.*

*Hải đăng ánh hôn anh đêm toả rộng,
Gọi về anh khi biển động lay mơ,
Gọi về anh khi dương hạm quên bờ,
Anh phải đến trông em lời nồng mặn.*

*Câu đằm thắm sẽ ôm em ra khỏi phiền lận đận,
Về nhịp nhàng một óng ả đung đưa
Có lá thông xanh đan vòng lá xiêm dừa
Ru tình ái đôi ta vào thần thoại.*

Cuộc đời không chỉ dừng ở trò chơi thích thú, mà lan đến những mặt tiếp cận khác với tiếng chữ.

Tất cả các thể loại của thang âm đều được khảo nghiệm để đáp ứng nhu cầu diễn đạt không ngót tăng trưởng giữa thời đại đảo điên, hung bạo chúng ta sống suốt nửa sau thế kỷ hai mươi này. Những rung động êm ái, tinh tế mỗi lúc mỗi bị tràn lấn bởi những vùi dập dày xéo, quặn thắt, bởi những thác loạn cực đoan của cảm quan.

Tâm tư không chỉ nhân những tiết tấu du dương náo nùng, mà còn xào xạc trần trở, đau xót, giằng xé; chao động phần nộ, bất bình, căm giận; lay lắt những thao thức, ám ảnh, khắc khoải :

*Tim nào xót xáy tìm ra chữ
Ngang tâm thâm hoạ thế kỷ hung?
Dưới lưới bào trường*

Ngữ vựng thích hợp cho tiếp tục cuộc luyện thơ phải tập hợp toàn bộ chất liệu, không gạt bỏ bất cứ nguồn nào, cũ-mới, cố hữu-tân tạo, trong-ngoài nước, các phương ngữ, cũng không loại trừ bất kể từ nào mang một âm tố, một âm vị, một âm sắc đặc thù :

*Phủi sạch nguyên âm, chùi mầu tử,
Nhặt từng tử ngữ ba dan đen.*

— Tận Cùng Mán

Mỗi từ nộ đoạ cô đơn điên.

— Tận Cùng Tận

Một hướng tập hợp chính là gom góp để hội nhập những thành tố đối lập, đan xen nghịch âm vào hoà âm, động viên bên cạnh những thành tố dịu ngọt, những âm từ khổ độc, chát chúa, trần thô, gai góc, cốt:

Ngậm hoà tan đối lập

Vào yên áo huyền vi.

— Nghịch

Sau nữa, khối từ vựng được nói rộng nhờ sự tập hợp các thành tố diễn đạt mọi tín hiệu ngôn ngữ hiểu theo hai nghĩa :

Thứ nhất, ngôn từ thuộc diện riêng của bộ phận phát âm gồm trước hết những từ tượng thanh, mô phỏng các tiếng kêu — hét, reo, rên, than, gào, rống...— và hàm chứa nội dung tình-ý của những âm thanh đó.

Đặc biệt tiếng chim muông vừa là những trợ hành tâm tình, điểm xuyết quang cảnh sống với vàng anh ríu rít, sáo líu lo, sẻ chiêm chiếp, yến oanh làu làu; hoặc phụ hoạ ý châm biếm với chim bắc mục lải nhải lạp khẩu hiệu “khó khăn khắc phục” trong bài *Kỳ Cục* — vừa chuyển tải quá khứ với một hệ số cao — gọi về thời hoang sơ thú với người chung một môi trường; về những tiền kiếp xa xăm còn thảng thốt tiếng hồng, tiếng hạc, tiếng vượn, tiếng hoẵng, tiếng tê giác, hay vang vọng những mảng trầm luân lịch sử còn vất vương sầu lưu vong, sầu lữ thứ, oán diệt nòi, thù mất nước, những hờn Hời, hận Aztec.

Phải kể thuộc nhóm này, những từ ngữ làm chất liệu cho các câu kinh, chú, khấn vẫn giữ chút giọng nhịp phù

phép của chức năng tiên khởi là duy trì qua niệm thiêng, cầu hồn, gọi vía, quan hệ thân thiết với thiên nhiên, với thế giới thần linh vào thuở, nói như Vũ Hoàng Chương:

*Quý với người chung một mái nhà
Trăng bạn, hoa em, trâm mối lái.”*

Thứ hai, ngôn ngữ phát xuất từ sâu thẳm của cơ thể, từ tim óc, từ máu lệ, từ phé phủ và bộc lộ qua điệu bộ, qua nhảy múa, qua kịch câm, qua tiềm năng biểu tượng, biểu cảm của các tên hoa, các tên ngọc, qua cả, nếu xét rộng ra, các nghệ thuật tạo thanh và tạo hình :

*Lời rời phé phủ u ơ:
Huyết thanh đêm đọng im tờ ba tiêu.
Nón nao đòi nã nghìn điều,
Thế âm nuốt ngậm phênh điều kịch câm.
Xổ tuôn quán ngữ giam cầm,
Giọt lưng mắt, chữ của trâm tích quên.*

— Phúc âm đêm

Thế nên, cuộc luyện thơ liên tục tiến hành trong hành thân, trong khổ hạnh. Thơ Cung Trầm Tưởng không thiếu những câu, những đoạn trúc trắc, kịch cỡm, còn mang dấu tích của cuộc tra tấn, di chứng của những chùy nhục hình, những nhát cuốc hồn hển cắm vào tủy não của ngôn từ, còn rớm vết thương của những đòn giáng, những đột phá nhằm “*cắt lia lịch đại, báng bỏ thần linh, bầm giập rỗng không, chẻ tẽ thời băng, tách kết tầng.*”

Chính đây là giá phải trả hậu bất gặp “ngôn ngữ đôi”, bèn gần “uyên áo huyền vi”, quay tìm “nguồn suối khoáng, mạch nguyên sinh” hay ít ra cũng để hứng vại “giọt ngân vô lụy” kiêu:

*Người về trong lúc tàu đi
Rớt nhanh một nét tường vi hoang đường.*

Hoặc :

*Mắt nàng nắng quái từ bi
Bình vong ưu thảo lưu ly ánh chiều.*

Hoặc :

*Ở trong sóng xẻ canh đầu
Chua len lén một giọt sầu quỳnh bôi.*

Hoặc :

*Nhìn nhau thấu đáy Kỳ Cùng
Cho sau còn ngán thủy chung thì thâm.*

Sau hết tác động hoá sinh có tính cách quyết định cao bắt nguồn từ cuộc sống điều linh, từ mười năm tù đầy, từ cái lò tôi thanh lọc của gian truân và khổ ải. Kết quả là sự tạo dựng một âm điệu mới, một ngôn ngữ tinh khôi. Một ngôn ngữ vừa lộng lẫy, vừa chân chất, vừa an dịu, trầm lắng, nhưng vẫn chuốt sắc, bén nhọn. Đủ để phản ánh những thác loạn, biến thiên của thời đại cùng tỏ bày nỗi niềm to nhỏ của một tâm hồn trữ tình bao la.

● NGUYỄN THANH NHÃ

*NHỮNG DẤU CHÂN NGANG
TRÊN MỘT TRIỀN TƯ LỰ*

THÂM LẶNG

Người nhìn thuyền lượn quên nhìn sóng,
Sóng nhả lực đưa trót lọt thuyền.
Người ngắm buồm căng quên băng gió,
Sóng còng lưng, gió lả triền miên.

Hoa nở để chờ mùa kết trái;
Cành nằng tâm tiếp vận an lành
Nhựa từ rễ xoắn sâu lòng đất,
Hút mạch ngầm âm ỉ vô danh.

Trời khô ráo, nắng thiêu quang rực,
Đã trả mưa cho lúa được vàng.
Kiến tạo đơm đan dần thượng thặng,
Nắng lòng thâm lặng góp vinh quang.

Thiện nguyện hoá thân làm chén hứng,
Hứng nguyên điều đứng lệ ai đây.
Tim se rót trả về tinh khiết
Rượu ấm, rượu nồng, hiền ngát ngây.

Hãy nghiền ngẫm nào như nghiền nho,
Vắt kiệt cho trong nước rượu vò.
Nào hỏi ai ! xin cùng cạn chén,
Một ai đâu đó đụng chung đò.

Đau đớn lần hồi rồi biết ra
Lấy đêm im lặng làm ngôi nhà.
Đêm rơi trắng noãn, gieo trù mật,
Thơ phấn ngày rồi chữa sữa hoa.

Đêm tròn trĩnh ngực, hơi dâng hiến,
Bé úp mặt nhay vú mẹ hiền.
Sáng Thế truyền lưu gien bất tử
Như Thần Linh Lửa gửi lòng lim.

Suôi róc rách kêu rừng thức dậy,
Đêm quần quại dạ để vừng đông.
Một ngày như mọi ngày dương thế,
Eo óc kim kê gáy rặng hồng.

**NHỮNG
DẤU CHÂN NGANG
TRÊN
MỘT TRIỀN TĨNH LỰ**

Gửi lại bờ dấu chân ngang,
Mắt chong âm bản ngõ ngang hoàng hôn.
Gửi heo may phấn màu hôn
Rắc trong u tịch thoáng bồn chồn đen.
Gửi sông hồ tưởng thân quen
Lăn tăn luyến nhớ đan xen hải hùng.
Gửi sương giăng tang mộng lung
Một sao hôm khóc thẹn thùng mù khơi.
Gửi lao đao rớt một lời
Con chim cô thốt bão trời cuồng phong.
Gửi thu vãn vãn long đong,
Nhấp nhô bằng trắc trên dòng thơ xanh.
Gửi môi sẵn cổ tỵ lành
Nhấn lên cho bớt tròng trành cô phiêu.
Gửi lai do có một điều
Đón đau rồi cũng hoá trù tượng bay.
Gửi phong thanh nốt điệu này
Gói trong dấu lặng đủ đầy duyên cơ.

NGHỊCH

**Đổ trọn sức xuân xanh
Cho thu vàng chín mọng.**

**Kết ngọt tặng vô ơn
Mật đắng lòng đau thắt
Chua dào dạt.**

**Bàng vùng lên đỏ ngát
Chết trước lúc tàn đông.
Đêm hắt đen diệu ảo
Cho long lanh những diện mạo.**

**Dồn ấm ran sót chót
Làm nắng hạnh khuyên quanh.
Nỗi niềm tây giá lạnh
Kiệt kiệt vàng hôn ảnh.**

**Ngậm hoà tan đối lập
Vào yên áo huyền vi.
Kề màu thiêng liêng rêu cổ xanh rì ...**

ĐÂU TÁ

**Bầy nhầy xác thịt chán chường ôi,
Tóc tóc hom hem gõ cửa rồi,
Ham muốn lẫn tẩn xèo xám nã,
Đam mê hiu hắt trán đồi mồi.**

**Lóc cóc điêu tàn gỗ vó câu,
Thiu thiu vong phế bạc phơ đầu.
Hư vô hớn hở dòm ông lão
Khập khiễng đi vào năm cỏ khâu.**

**Trả thịt xương về hoá hữu cơ,
Nơi đêm đồng vị với im tờ.
Mối xông sầm uất gò u uẩn,
Trùng đắp sum suê đụn hững hờ.**

**Thời gian ngằm lậu nấu cường toan,
Búa lửa sương rêu giội đá tàn.
Ký ức hăm hăm đào hí hửng,
Vong tình bạc thếch màu thời gian.**

**Có một nhà thơ say uống ánh
Sao bôn, thổ huyết chữ trên đồi.
Nghìn sau có một rừng bướm bướm
Về vỗ đập diu đời cút côi.**

ÂM BẢN

La chose est ce qu'elle cache.

— *Vật là cái nó giấu.*

Mãn quang nhòa xoá dung nhan,
Tròng đen trắng dã, mi làn bạc phau.
Phẳng phiu tắt bật âm hao,
Đời khô ngô chết chìm vào vô cơ.
Phong phanh, lạt lẽo, mỏng tờ;
Phô phang giờ chuốc hững hờ giờ sau.
Khuya nghe đá tọng nôn nao,
Ngón đàn nhấn lệch còn đau máu bầm.
Nhìn trăng khuyết nghĩ trăng rằm,
Nguồn non nặng chứa thâm trầm biển khơi.
Môi xanh ca, dạ rối bời,
Hiếu sinh cúc dục mẹ vời vợi im.
Mân cô ba nổi bầy chìm,
Vàng kia chất chúa luyện kim giả vàng.
Gỗ thùng thiếc rỗng oang oang,
Thông già khô ẩm thâm hàng lệ châu. (1)
Sự này đi hỏi thiên thâu,
Thiên thâu cúi bóng ngang đầu hỏi ta.
Ta ra cầu hỏi nước qua :
Hồng bên bờ nở thịt da đầu đời.

(1) *Gỗ thông là loại gỗ quý được tinh luyện để làm thùng cộng hưởng cho cây vĩ cầm.*

KHOẢNG CÁCH

Dịch lệ nào cấm cố người thân
Đồng thuyền mà cách xa khôn tả.
Biệt ly nội trú ở ngay hôn,
Kẻ lữ thứ thường xuyên chung chạ.

Ta đi lạ lẫm gót tha hương,
Chiếc bóng đeo lưng suốt dặm trường.
Có một đi xa nào chẳng róm
Ngỡ ngàng đôi chút phiêu-lưu-vong !

Ngay từ lúc bước trượt ra ta,
Điểm bất quy hồi đã vượt qua.
Khoảng cách ngàn ngàn năm lãng đãng
Còn đi cầu khát một ngôi nhà.

Con tàu rời bỏ bến từ lâu,
Nên chuyển ra đi lại lối tàu.
Ta ở lại lẫn mò bất động,
Vẽ đồ trình ngược xứ trong sâu.

Bớt khoảng cách ly ta quá đôi,
Hâm hơi hôn buốt nắm thiên thu.
Chày khua mõ gõ vòm vong ức,
Thoáng gợn lẫn tẩn vầng nước tù.

NHỊ TRÙNG

**Người khùng hay chính ta điên ?
Vết nhấn đầu đã lĩnh phiên tiêu vong.
Tấm gương như nẻo đường vòng
Dẫn ta về cái dằm trong thịt người.
Ta, người tồn tại nhân đôi;
Không người ta chẳng thành tôi vẹn toàn.
Người là xác định không gian
Cái ta phiêu bồng như làn hương đêm.
Ta, người hình chụp nhất nguyên;
Nhìn người chẳng thể đứng bên mà nhìn.
Ta nằm mộng ở buồng tim,
Máu lên gõ cửa mang tin người về.**

MỘT NGƯỜI BẦU TRỜI CHIẾC LÁ và DÒNG SÔNG

— *L'homme, un creux toujours futur.*
Người, một lỗ hổng luôn ở phía trước.

Một người soi bóng xế mùa xuân,
Nhìn lá trôi sông luống tằm ngàn.
Hỏi người dưới có phong ba lắm ?
Thế sự trên này còn vương chân.

Thân xác tôi da liền thịt gấn,
Hình bóng người tôi kiếm triền miên.
Sẽ mây trần ai người nhuộm phải ?
Hân hoan pha lắm mấy ưu phiền ?

Sóng vỗ người đau quần chín khúc;
Nửa hình dị điệu, nửa hình tiên;
Chú bé già nua, ông lão sữ;
Dưới vết nhăn nheo dáng trẻ hiền.

Phải thế chẳng tuy hai mà một ?
Cái rành rành một lại là hai ?
Hay ta là khách đi chung vé
Lấn bóng xen chân một chuyến dài ?

Lá cuốn mây trôi sông lấp lánh,
Nhìn người sóng sánh tưởng mình say.

**Người lân la lối tôi thơ thẩn,
Lúi húi đong đo mộng đầu đầy.**

**Đá tằm rơi sâu dòng nước xoáy,
Hình người èo uột vỡ lênh đênh,
Lênh đênh nghìn mảnh trời nhả vỡ,
Chiếc lá trôi sông cuốn bập bênh ...**

**Ngay vui thanh sắc mau phai rụng,
Phút buồn ử lại mãi màu tro.
Thường tình phép toán chia là vậy,
Tôi muốn tìm tôi để chuyện trò.**

**Tôi bỏ dòng sông đi choáng váng,
Mất người bản rập hoá bơ vơ,
Máu se loang loãng như vơi nửa,
Trời hắt hiu phơi chiếc kính mờ.**

**Tôi chẳng là tôi khi mất bóng:
Lá bọc sương mù, lá sẽ rơi.
Tôi hằng muốn với xa thân thể,
Soi bóng dòng sông kiếm một người.**

**Giăng bóng mình đi đo dáng bóng
Một người ngoại trú chữa hề thân;
Một người sẽ ám ran hơi thở
Của chính người đang bước tần ngần.**

ĐÊM MÙI CỎ ĐAO

— *Niệm tưởng Tô Đông Pha và Apollinaire*

Đêm mùi cỏ dao
Thở nồng trang sách.
Gió cuốn ào ào
Mùa tất bật.

Vịnh ngoài lốc
Xoáy đêm.
Đêm,
Gió gào đập cửa
Mở cho tôi vào !
*“Ouvrez-moi cette porte
où je frappe en pleurant.”* (1)

Xưa quế hoa rơi,
Giờ sầu đông rụng.
Nhìn lên dạt cụm mây trôi
Lao đao viễn mộng một cô cút tàu.
Ngoảnh về ngõ gác phôi đau
Một trăng non ướp gầy hao ngô đồng.
“Khuyết nguyệt quải sơ đồng.”(2)

Đã đi là mất
Hút vào thiên thu
Trầm u bản bật
Hoàng Khủng! (3)

Nắng quái còn nam
Lẻ hồng gập cánh.
Hỷ Hoan Hỷ Hoan ! (4)
Tuyệt tuyệt bạt ngàn
Sa mạc bắc.

Thế sự nhiều khê
Ừ ừ chướng ngát.
Lữ sự bộn bề
Gót lừa mồi.

Vịnh ngoài lốc
Xoáy đêm.
Đêm,
Gió gào đập cửa
Mở cho tôi vào !

Mừng nào bằng gặp cố tri,
Nỗi xưa: hiện tại chia thì đã qua.
Thơ người phế phủ sàu ra
Lại gây sàu phế phủ ta bây giờ.
“*Thi tùng phế phủ xuất
Xuất triếp sàu phế phủ.*” (5)

(1) *Thơ Apollinaire.*

(2) *Thơ Tô Đông Pha.*

(3)-(4) *Địa danh trong thơ Tô Đông Pha.*

(5) *Thơ Tô Đông Pha.*

ẢO ĐĂNG

— Tặng NST vừa được ghép
thủy tinh thể vào một mắt.

Mắt trông quên, trông nhớ;
Rối ren mớ màu mè.
Tĩnh thì ngại, dại e.
Đành gàn gàn dở dở.

Chân đi đầu đụng đất,
Sóng sánh đất chềnh vênh.
Lôi thôi vấp chềnh ềnh,
Đòi lệnh bênh, chóng mặt !

Đi chắc gì sẽ đến
Hàm hồ bển thế ru !
Kì mài mãi âm u,
Ghép vào người ảo mộng.

Máu xương có rộng lượng ?
Tế bào có từ tâm ?
Dung tha cho cái dằm:
Giờ công kênh nghiệp chướng.

Hớt hao hồn xính vính,
Tật nguyên khéo như dao
Phẫu đầu ra hai mảnh :
Chân thân nấu mảnh nào ?

Khả ố và bi ca
Cách xa nhau li tấc.
Sầu rên thêm một nấc:
Hề lố bật đầu ra.

Dọc mũi cao ngấp nghé
Muốn tấp đường tên bay.
Thanh mắt ngang rười rượi:
Thánh giá cần mặt mày.

Mặt trời gương bầy én
Cánh sấp chầy long tong.
Mắt lừa lòng để sống,
Mặt nạ gấn sâu tròng.

Mắt quên thềm bói nhớ,
Mắt nhớ cần chôn quên.
Đường ra mù ngút trở,
Uống suối nào để quên ?

Mắt nghìn đêm mở lại,
Vàng vạc nắng thủy tinh.
Nhi nhiên nằm ngưỡng mộ
Trời đất mới sập sinh.

Dấu sao cũng một lần
Về nhìn gằn Sáng Thế,
Lô nhô rùng thiên thể
Đan veo quỹ đạo ngàn.

ĐƯỜNG VÀO TRONG VEO

**Tiếng muông chì chiết rú,
Ì xèo chướng lam mê.
Bít bùng ải sơn khô,
Cánh dơi may soàn soạt.**

**Mái gôi tre khúc khắc,
Tênh hênh lối mơ về
Một bình nguyên cam hoe
Chín mùa mười (1) phúc sĩ.**

**Mười năm cơm phong phí,
Khổ lực trường thao tâm. (2)
Vén mông lung thì thảm:
Con đường vàng reo mở.**

**Rực rỡ uất kim hương,
Nhịp máu hoà điệu xương,
Linh minh đôi não (3) xám
Viên tử ngọc phi thường.**

**Ma nghiền nhân vi tế :
Sáng tuôn vạn mỹ miều,
Nền hoa cương nhất thể (4)
Nâng nhảy múa phù điêu.**

**Đi vào đường ngắn nhất,
Băng băng ánh bôn tinh.
Một lát diên thần tinh :
Ô kìa ! phản vật chất.
Rơi nơi không là đất, (5)
Nhẹ tếch và vô can.
Buông quán tính trần gian,
Tháo dỡ dần lịch sử.**

**Bằng thuần khiết tạo sinh
Nhu Đức Mẹ Đồng Trinh.**

-
- (1) *Mùa gặt tháng mười, mùa gặt chính.*
(2) *Mười năm tù lao động khổ sai là một thao trường luyện tâm trí.*
(3) *Khối chất xám ở đáy não, tạo thành một trạm cho các đường cảm giác.*
(4) *Giữ vẻ thống nhất cho những nét khác khác biệt của bức phù điêu.*
(5) *Unground.*

CUỐI ĐƯỜNG GIÓ

Chúm môi huyết não tang thương,
Xô lay bất động hoang đường ngủ quên.
Thấp nhang đốt nến cho đèn,
Gõ giòn một tiếng chuông rền hư không.
Bóc han, kỳ gỉ, phà nồng;
Hơ đêm đầu ấy au hồng liêu hoang.
Vào rừng lật đá tìm hang,
Vén da tuế nguyệt ó vàng mà coi.
Về chùi thiên cổ gương soi:
Non quây vượn hú dứt rời dạ khan.
Nói thêm thêm nữa vô vàn,
Ngồi tâm tĩnh giữa ngút ngàn trùng vây.
Đi qua như gió qua cây,
Gửi sè sè nắm mộ gầy lưng la.
Tôi về tan tác trong ta,
Vượn sang eo óc canh gà còn kêu.

ĐÁP LỜI BIÊN GỌI

— *Nhân nghe tin một thi sĩ thuyền nhân
tự tử hụt sau khi bị cộng sản bắt*

Đi trong nắng cháy chiều thịnh hạ,
Nhìn bóng dơi nhào đảo lộng quê,
Ném tồm duênh chìm chim hút mắt, (1)
Hãy hãy cườm thảo gửi hương về.

Tóc khét khô rang lời cuộc nổ,
Hình hài này bụi búng cầu âu.
Giòn làm gỗ gõ oang thôn mạc,
Thắm tới cùng, thắm thấu thật sâu.

Lia luôn cái ngã theo đường lượn; (2)
Thuyền ngủ côn, biển giục ngoài xa.
Nắng đốt tan phiêu chiều mặt lý,
Tuần mình chuẩn nhậm bóng đêm qua.

Ấm áp đầy và nhẹ bỗng hương,
Giao thoa thuần khiết những con đường.
Mun lênh láng áng đêm rờn biển,
Phù phiếm buồm nhòa óng ánh đương.

Bừng làm lực sáng hồn lần chót,
Dợn máu ròng lên cuốn hải trình.
Khởi sự xong thì đà liễu sự,
Bọt bèo một thắm thoát ba sinh.

Ô hỡi ! chim kêu sao hệ lụy.
Ai sau cửa chẳng mở cho vào.
Linh phù buộc chặt hầu chữa tháo,
Phải trở về đời hót kiệt đau !

Mai ra bờ trụ đơm cành sứ,
Gọi biển kia vào đất hỏi han.
Ngọn gió nồm khuây sầu truất quốc, (3)
Chính quê dấy tự nẻo vô vàn.

Hót sáng dạt nguồn, chói lói sao;
Rực màu phượng lửa, hương hoa cau.
Như con chim chúí nhào gai nhọn
Chót vót hân hoan tiếng ngọt ngào.

— Sài Gòn
mùa hạ 1990

-
- (1) Loài chim rất nhỏ, bay nhanh như mũi tên lửa.
(2) Đường sóng lượn: đường lý tưởng.
(3) *Dépatrié*.

XUÂN HÀNH

Sao sút nút rơi xào xạc,
Chuôi tàu soạt vạt xác xơ,
Cút rúc chuông đêm xao xác,
Đàn hộ ai buông thẩn thờ.

Nam ai nam ai nam ai ...
Triệu nàng chúa quá quan ai.
Sầu khuấy ùn ùn chướng ngất
Khoáng ngất không gian vẫn chặt.

Lộ khụ nhái om sòm nhái,
Khô khan nấc cục tắc kè,
Vu quy cói rải lều che
Tê xá bạt căng mộ đại. (1)

Tuổi thợ mười ba hư trí,
Cà phê bắp, thuốc dỏm khè.
Túc tắc đậu sơn tùng trĩ, (2)
Khỉ rộc treo lơ ô khi ! (3)

Gái chạy ngược xuôi món ấy,
Mắt hau háu sắc dao cầu,
Miệng muống đay nhay chạy vạy,
Bì phân môi son lấy bấy.

Chân dép mủ, tay “cải tạo”:
Mười năm thêm bút như côm.
Vẫn ngậy ngô ấy thẳng Bờm
Mơ nắm chữ thơm nòng cảo.

Thảm hoạ dòm núu sau lưng,
Ma ám nào xui ngoảnh lại. (4)
Vì tiếng hát hay tiêu sái,
Bạc thêm nghìn sợi long đong.

Hoa chợ tết, xẹp túi tiền,
Khéo mua được cả vườn tiên.
Đứng nhẩn bàn cân “sức khoẻ”(5)
Cái chất vàng mười chẳng nhẹ.

Nửa đêm đốt pháo đuổi ma,
Khói nhang nghi ngút trừ tà.
Chúc non dai, già rảnh rỗi,
Nhân quần dây rợ gần xa.

— Sài Gòn
Tết 1986

-
- (1) Dân nghèo không hộ khẩu hay mất hộ khẩu phải cặng bạt làm nhà ở trong các nghĩa địa của thành phố.
(2) Ám chỉ giới trí thức lâu ngà.
(3) Ám chỉ người cán bộ CS quen lối sống rừng rú.
(4) Huyền thoại Orpheus.
(5) Tên bàn cân trên vỉa hè đường Lê Lợi, mỗi lần cân trả 10 đồng.

**TA VỀ
KHÔNG TẮM AO TA
hay
CẤU TRÚC SÁU TÁM
MỘT CỘI BUỒN**

**Buồn nòi búa lưới giăng tơ
Lênh chênh nhện nước con vờ lội ao.**

**Sòng đời chẵn lẽ thế nào ?
– Thừa con số hẩm gieo vào cửa tôi.**

**Nhau con úa dạ mẹ rồi!
Chôn làm mảnh đất mồ cô nhân tình.**

**Tà quyền phù thủy âm binh,
Nhà cò nhà vạc lục bình trôi sông.**

**Tiên thiên thù oán chất chồng,
Sống cùm kinh cộ, chết còng tân toan.**

**Phần tồn một cái búng tẩn
Ao tù diếc (1) quấy vết nhăn mặt người.**

Cái lì của tỉnh trên người,
Cái u của tịch mịch đời héo hon.

Mười đi chín mất một còn,
Máu trào cửa tử cờ son đầy đũa.

Quê cha trái đắng được mùa,
Quả lừa thu ấy còn chua đến giờ.

Vung tay đòi xoá ván cờ,
Vẫn lơ đời kiếp con vờ lợi ao.

Cái buồn huyền sử xanh xao
Ủ mầm trong máu, ngấm vào cung thương (2)

Ao tanh nước đọng chán chường
Ngủ liền thiên kỷ chưa bừng cơn mê.

Mười đi may có một về,
Đường mòn con vác nãi nề trên lưng.

Ba đời đời vẫn tối bùng !
Mẹ ơi kiếp tới Mẹ đừng sinh con.

(1) Cá nước ngọt, sống chủ yếu ở ao hồ, ít ở sông.

(2) Hai âm trong hệ ngũ âm : cung, thương, chủy, giốc, vũ; gọi chung là âm nhạc nghiêng về vãn than.

**NHỮNG
DẤU CHÂN NGANG
TRÊN
MỘT TRIỀN TỬ NGOẠI**

**Dẫm chân lên đồi úa,
Gió hắc mùi cỏ ôi.
Thu lăn lá bồi hồi,
Lê trời vùn sạt đất.**

**Khuân mây đi lặt đật,
Trùm ngày áo màu tro,
Rong con nước đi dò
Một mặt trời bội bạc.**

**Hè sang thăm cô bác,
Thu về thấp hương nhang.
Hành trang giờ quá tải,
Ủ ê nấu mùa màng.**

**Đá đâm cao, vách dựng;
Ngoằn ngoèo vắt chon von,
Quanh co lượn lối mòn,
Gót người trèo núi nản.**

Nghe đình đêm đóng ván,
Rền rền đẽo hút heo
Tiếng chim đèo lạnh lẽo,
Gió ngắt rụng lá vèo.

Ghét yêu rồi cũng vãn,
Khóc cười rồi cũng tan.
Ngủ trần một vốc than
Vào lãng quên phiêu tán.

Nơi trời cùng đất tận
Gỗ kiến nện thao thao,
Sao vung vãi dăm bào,
Bạt bạt ngàn ảo uất.

Hỏi mù, mù nói khuất.
Hỏi mộc, mộc chỉ than.
Hỏi rêu, rêu nhờ mốc.
Đế kêu tí tạt ngàn.

Ngẫu tình một hứng nắng
Rụt rè chết éo le.
Sông quay đĩa thu rì
Câu sề dài bất toại.

CHUYẾN CHÓT

Hãy đi chu tất đường này,
Cần khôn một túi chữa đầy ước mong.
Tử sinh chia cắt đôi dòng;
Chát, chua, bùi, ngọt chưa đong đủ hồn.
Nửa nằm nhiễm bóng hoàng hôn,
Nửa phơi huyệt não ngóng nguồn sương mai.
Hãy chơi chơi trọn canh bài,
Búng cho tròn tí con quay cuối đời.
Gửi lòng kết ước đôi nơi :
Cưới xin son trẻ, tiếc người nghĩa trang.
Tôi đi mua nắng huy hoàng
Về nung thành ngọc, thành vàng cho tim.
Lửa đời luyện thép rèn kim,
Thép già biết chảy khi chìm mền thương.
Hãy đi nao nức dặm đường
Trước khi về nghỉ chiếc giường âm u.
Nong tri thức, nối tiếp thu;
Chắt men rút cốt đắp bù công sinh.
Chúng ta giống vật tài tình
Biết nâng kích thước đời mình lên cao.

Ghép tim, chia xẻ tế bào,
Hân hoan đóng góp máu đào cuu mang.
Tôi xin ký thác ngân hàng
Gian truân còn lại chút vàng châu thân.
Sách đời dày nghĩa nhân luân,
Văn hay ý đẹp đánh vắn dạy tôi.
Quán vui chén đứng chén ngồi,
Xứ buồn lòng cũng bồi hồi lân la.
Dẫu là điệp khúc thường ca,
Tử sinh vẫn một *parabon* đời,
Sao tôi mắt vẫn sáng ngời
Khi nghe rộn tiếng nhạc mời hồn lên.
Lên lên ráp nối phi thuyền,
Ghép chung trí tuệ, nối liền cảm thông.
Hãy đi bốn biển tang bồng,
Kết cho bền mối tương đồng năm châu.
Nghe châu Mỹ, ngóng châu Âu
Dưỡng nuôi nhân bản, đỡ đầu hành tinh.
Hãy đi đan nối tâm tình,
Dẫn thân vào chuyến viễn chinh màu hồng.
Khẳng khiu một nhánh xương rồng
Giữa sa mạc cát vẫn nòng nhựa say.
Hãy đi son sắt phận này,
Ấp ôm nồng nhiệt tới ngày lạnh quên.

**LÁC ĐÁC
NHỮNG
GIỌT SƯƠNG ĐÊM**

— *Kỷ niệm ngày trở lại Sài Gòn
sau mười năm tù biệt xứ.*

– 01

Mới đây thôi rực nắng vàng,
Nay sương u ám trùm đường đìu hiu.
Mây chưa tỏ tận ráng chiều,
Gót đen thoăn thoắt dập dìu bước qua.
Mới trong một thoáng chiều mà
Hồn mang trăm bóng băng qua thành linh.

Tay đom đóm thấp lân tinh
Múa trong u tịch thế tình vẫn xoay.
Long đong nào chỉ có người,
Đá vô tri cũng khóc cười bể dâu.
Lỗ đen dấu hỏi bạc đầu
Vì chưa vẽ được sắc màu thiên thu.

– 02

Chân đi còn vương hận thù,
Thánh cầm thánh giá đập như Sa Tăng.

**Kinh Vô Đa lưới nhện giăng,
Đường lên thiên thất lát bằng xương khô.
Cửa trời hẹp khó lọt vô,
Vác dao thương nhập trận đồ chém dâm.**

**Trung hoà tử (1) nổ từ tâm,
Đã nghe long mạch vỡ ngầm đường tây.
Bánh xe bắc vực cuồn quay,
Đa đầu một bộ phóng bày hoại sinh.**

**Bài Ta Bà đồ chứng minh
Bằng khoa thuật ngữ, phương trình xảo ngông.
Ta về tìm Lão phương đông,
Hỏi xem hồn Ấn phiêu bồng ra sao.
Dường là đã thoáng chiêm bao
Hằng thu ngăn ngắt vàng au lối về.**

**Mai dường vạn diện phân ly,
Nghìn phương tan tác, triệu bề triệt tiêu.
Phôi hồn trót nám đầu hui
Từ khi kết hột hồng điều di căn.
Ta về tầm ngữ truy văn,
Thấp nhang trầm nghiệm lời răn Sách Vàng.**

– 03

Đã đi xông xáo dọc ngang,
Đã về bệch tuệch huênh hoang trợn cười,
Đã ghì bầu bóng huyệt hơi,
Đã phung phí não trò chơi siêu hình.

Hồ đồ cái đẹp giương nghênh,
Sau đêm bão chảy lênh bênh xấu xa.
Màu mè giấu giếm mờ ma,
Mướn tay quyền lực cái tà chuốt dao.

Cứ cân hết nước hồ ao,
Không bằng một giọt máu đào nuôi tim.
Cuối tây con ó hồng chìm,
Biển lô xô vó ngựa tìm về đông.
Một thì thào gió mông lung
Hơn nghìn lý luận kèn đồng chói tai.

– 04

Biển siêng năng hỏi hộ người,
Trời cao siêu khó có lời hỏi âm.
Rừng cần cù, lá lưu tâm;
Núi đa đoan đứng thông tâm phù du.
Mây che sương lấp khe mù,
Đế ca bù khú ngục tù muội mê.

Nhờ sao Giác (2) nhắ sao Khuê,
Hỏi sao Tâm lối ngược về Dực, Ngưu.
Ngược về tí tận hoang liêu,
Lữ hư vô có thì liêu hư vô.
Được thì hốt hết thiên thu,
Thua làm con trốt xoáy vù trần ai.

Đêm lang thang gã mộng ngày
Niu đuôi ánh sáng đu bay thiên hà.
Giật mình tỉnh giấc sao sa,
Chó say gió sủa là đà lá bay.

– 05

Múa côn vòn kiếm quen tay,
Rút trong miệng cóc con bài oái oăm.
Được, cầm tác rươi tiếng tằm;
Thua, phơi cháy túi trăm năm nghìn vàng.
Có ngày tù ngó kiến đang
Công kênh xác đế giun mang về rùng.
Có đêm nghe hoẵng ngập ngừng,
Trở thân nhìn vực trừng trừng mắt trông.
Đầu bên tây, tim bên đông;
Chân đi dây Chúa, tay bông Như Lai.
Bà Quan Âm hỏi bi ai,
Gỗ trong câu rút kêu nài khổ đau.

**Đêm thê thiết tiếng còi tàu,
Hiện sinh hậm hực, Khổng Khâu hằm hè.
Bát âm nào cũng ghé nghe,
Rau chay – thịt mặn, hội hè – tóc tang.
Thấp – cao, sáng – tối, quơ quàng;
Địa ti ném đá, địa đàng quất roi.
Tự do : mặt nạ tôi đòi,
Con tàu cứ ráo riết còi gọi ai.
Loay hoay cổ lục truy hoài,
Đẩn đo ngoạn ngữ, luận bài công danh.**

– 06

**Thừa nơi ấy dục tung hoành,
Loạn ly chín trận, thanh bình một cơn.
Ghét ghen cây nấm cắn hờn,
Hờn cắn cây nấm cắn hờn lớn lên.
Hờn cắn cháy Bắc Ai Len,
Uất ưu Bê Rút, tậ nguyên Việt Nam.**

**Vết thương rắn cắn nghìn năm
Sắt nung còn đỏ dấu xăm sọ đầu.
Buồn vàng, nhục ố đen, nâu;
Sóng duy vật đánh chân cầu trắng lay.**

**Thua cay cú tháu con bài,
Hồ lì biện chứng một ngày tiêu toi.
Sảng mê cơn sốt giống nòi,
Non nghiêng nước lật tiếng còi tàu la.**

– 07

**Đêm nghìn tình tự mạnh nha,
Đêm vai chống đỡ ngôi nhà hồn nghiêng.**

**Sao xa xôi cũng lảng giềng,
Đêm sang thủ thi sóng miền trùng dương.**

**Đêm chườm ướp lá thoa sương,
Thay băng tể độ vết thương chưa lành.**

**Đêm bàng bạc ước mơ xanh
Ra lông chấp cánh mô hình bình ca.**

**Đêm muôn gian một mái nhà,
Ấm bông đơn độc, để ra thiên tài.**

**Đêm bầu trời chứa ban mai,
Độ sâu con nước, chiều dài dòng sông.**

**Đêm mài thính lực tinh thông
Nghe lẫn siêu lý chiếc vòng càn khôn.**

**Ngày đi căng kéo sinh tồn,
Đêm về nghỉ võng linh hồn thời gian.**

**Ngày chàng, đục, chuốt, pha nan;
Đêm giăng hữu hạn đo đân phản đề.**

– 08

**Nhờ sao Kháng nấn sao Khuê
Hỏi thiên cơ lối ngược về sao Tiêu.
Ngược về tít tận phiêu diêu,
Lỡ hư vô có thì liêu hư vô.
Được thì hốt hết thiên thu,
Thua làm mây vẩn rồi bù đầu non.**

**Lá chào ngày, lá nỡn thon;
Ngày xanh lơ nước da non chào đời.
Sương trong châu noãn của trời,
Đêm đi ngoảnh lại, dậy lời kim kê.**

**— Sài Gòn
1985**

(1) Neutron.

(2) Những tên sao trong bài đều lấy từ tập Thiên Vấn của Khuất Nguyên.

*NHỮNG DẤU CHÂN NGANG
TRÊN MỘT TRIỂN ÁI DẤU*

AD LIBITUM

— *Tặng Nguyễn Thanh Nhã*

Nước dâng lớn, núi vươn cao phù phép,
Mỗi nhịp vào một vụ ghép ra hoa.
Tuổi ngân lên vi vút tiếng tre gà,
Tóc tiêu muối nhưng hồn xanh lá mạ.

Đời ngấm ngón tim sao rần ngứa lạ!
Búng một dây dao động cả đàn trời.
Kìa trăng đang vàng vạc khí chơi vui,
Khi mai sớm cũng thành sương nạm ngọc.

Gió dấm đuối cho cỏ say từng đợt,
Lá dạt dào hứng hết đợt mưa mê.
Rồi đêm khuya chiếc đĩa phép mang về
Trên mâm bạc vị đời ngon như yến.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 397

Vào tình ái như bước vào cung điện,
Tuổi bốn mươi (1) đội vương miện ở hôn.
Con thiên nga trong tím ngát hoàng hôn
Vẫn điệu nghệ hình thơ và dáng nhạc.

Vẫn mát mái bơi buông luồng hồ bạc,
Lối xuôi chèo cũng mềm vạt xiêm y.
Tuổi bốn mươi ôi! chuyén nữa dậy thì:
Một ad libitum nhuần nhã cảm.

(1) Cũng là tuổi n mươi.

**MỘT ĐỊA LÝ
CHO
TÌNH YÊU**

**Mở cửa đón em vào
Xem sông núi hồn anh
Màu xanh không năm tháng,
Hương lan, rừng cấm lai.**

**Anh trồng cây thao lao
Phương phi tâm mưa nắng.
Vào em xem thạch động
Tình yêu đội mũ hồng.**

**Vào em gieo thương điệu
Nhịp quỳnh dậy đêm trăng.
Em như dây đàn lục
Rung rung Tỳ Bà Hành.**

**Anh dẫn én về khơi
Cho tình em hoá biển,
Ngón tay em vẫy sóng,
Ngực môi em cá hồng.**

**Tóc em nuôi hương gió,
Mắt em ươm đường mây.
Anh nói nửa tâm gian
Cho tình ta lòng lộng.**

**Như thưở mới linh phong,
Trong trời anh ngậy ngất
Em lao như chim hộc,
Em vượng như mây hồng.**

DZOAN CA

hay

MẮT HÁT

**Ngọc đốm thuốc hồng rồi cầm thạch mắt xanh,
Chiều lãng dụ bằng những âm giai màu sắc.**

**Hoa ngát tím phát trên cây rườm lá lục,
Trời mỏng mạ những áng mây vân sơn mài,
Ngọc đốm thuốc hồng rồi khải dụ mắt ngậy.**

**Là vồn vã buồm loan chao con sông lặng,
Chảy nển sao mừng, bùng thấp kính vạn hoan,
Ngọc đốm thuốc tàn thì hiển đạt mắt Dzoan.**

**Một phụng vụ có nghìn chiêm hy tế,
Tóc kim hoàn nhiệm hiệp chiều thủy ngân.**

**Khi bề thế bung sương lồng nhũ bạc,
Anh bông lộng lấy thân em phi trong đêm
xà cừ.**

CHỦ NHẬT NIỀM TIN MÀU HUỆ TRẮNG

Huệ trắng trinh nguyên sau một đêm,
Huệ trong thừ các, huệ ngoài thêm.
Sớm nay chủ nhật thơm thương quá
Vì có Sài Gòn trong dáng em.

Chủ nhật niềm tin màu huệ trắng,
Dịu dàng nhẹ bước dáng thanh thanh
Em đi lễ nhất, trời trên phố
Rẫy tóc đen mềm ánh sao xanh.

Không cần chuông vang mà rung tim,
Thánh giá em đeo đáy mắt nhìn.
Chủ nhật cây me quỳ sám hối,
Rì rào chấp lá phượng *amen*.

Nhìn em đi vào nắng *kitô*
Lại nhớ đường xưa Thánh Phao Lồ.
Đọt nỡn chưa tên chờ rửa tội,
Sương trong như nước mắt tông đồ.

Huệ trắng trinh nguyên sau một đêm,
Huệ trong tâm ý, huệ ngoài thêm.
Sớm nay chủ nhật thơm thiêng quá
Vì có Nhà Thờ trong mắt em.

— Kỳ Đông Phố
1985

ĐỊA ĐÀNG CẦN LẠI HAI NGƯỜI YÊU

Mời em du lãm bên kia anh
Chờ đón tiên trăm thứ tốt lành :
Hào hiệp đương nhiên, hiền phú sẵn;
Mọi bề hào sảng, rộng và thanh.

Nét phát phau bay lên xuất cách,
Xuất thân hào phóng ngất thiên không.
Ở xa lơ lửng, sâu cùng lẩn
Anh thăm thiết chờ em hiển thông.

Ra ngoài trời hốt bụi bôn tinh,
Nhật nhụy đêm sa lẩn liệt cành.
Anh ghép hình lên từ lãng ảnh:
Em ngồi ngợi diệu ứng thân anh.

Hồn bổng bồng qua cơn bức xác,
Địa đàng cần lại hai người yêu.
Anh thăm thì bắc cầu trời lộng,
Lần hạt liên châu, niệm tín điều.

Khôn lường là biếc bên mời em,
Mươn mướt thiên lương chữa lẩn thềm.
Nhập định thơ anh thì sáng lảng :
Đèn thần có thật, thấp lên xem.

GIAO KHÚC

**Còn gì sau phút yêu nhau,
Trăm năm dây nghĩa quấn vào đời đời.
Trao đi da diết bồi hồi,
Đón về một ý nghĩa đời rộng hơn.
Nghĩa nuôi tình mãi xanh rờn,
Tình sâu nghĩa nặng, tâm hồn thêm cao.
Thường là tình trước nghĩa sau,
Lời tình nở muộn cũng ngào ngạt môi.
Trái chia, vị chỉ một thôi;
Tình san nghĩa xẻ nhân đời trái đào.
Tình nồng nghĩa mặn hoan trào,
Yêu nhau thấm thấu hồn vào với nhau.**

**ĐÀN THƠ
VỀ
MỘT NGÃ SÁU VÀ LÚA ĐÔI**

Trời ngoài mưa nhỏ hạt,
Ngói trùng điệp đan nhau
Nhân lên thành ngã sáu.

Quán trong toả đèn mờ,
Tình nhân tay gặp gỡ,
Đan lấp ngày bơ vơ.

Góc riêng tôi đan nối,
Cấu tứ một bài thơ.
Tình nhân đôi kim nhỏ
Đan nhau bằng mắt mơ.

Thơ đan đời ý nhị,
Vấn vú chỉ hiện sinh.
Một nắng quái vô tình
Vén lên trời hồ thủy.

Chuyện cũ đã nghìn năm,
Chẳng cần gì tiếng nói,
Chỉ lẫn tẩn thâm gọi
Rượu ấm nồng thâm tâm.

Ra, đầu trần lũi thũ,
Nhân ái bước vào đêm,
Mưa êm đêm trở bụi ...

**TIẾNG
TÀU
HẠ NON**

**Một chờ côi cút sân ga,
Hai mong đau đáu tình ta tang sầu.
Đợi đã goá chín thiên thâu,
Ta nghe đêm ấy tiếng tàu hạ non.
Nẻo hôn hồng đại chon von,
Nai hung lá với gác son giảng liềm.
Người dường thoáng mẹ nhiều em,
Hao hao pha liễu buông rềm cổ thi.
Người về trong lúc tàu đi,
Rớt nhanh một nét tường vi hoang đường.**

TIẾNG ĐÀN

sau

SỚM VĨNH LY

Ở trong sót xẻ canh đầu
Chua len lén một giọt sầu quỳnh bôi.
Rượu đầu sớm ấy đau môi,
Tôi về tôi lại là tôi vẫn từng.
Dây kiên búng máu bùng bùng,
Ngón đàn nhấn lệch bầm sưng đến giờ.
Còn gì sau cuối vang tơ :
Im xâm buốt thấm khò khờ đàn si.
Biết đầu sớm ấy vĩnh ly,
Mất đường vạn thuở còn đi tìm hoài.

CHIỀU BIỆT LY
hay
BÀI THƠ LÀM CHẬM
BA MƯƠI BỐN NĂM

— *Tặng S.S.*

Nhìn nhau qua tới vô hình
Cho sau xa cách còn tình nuôi nhau.
Người đi người ở lòng đau,
Sâu như sâu sợi tóc sâu lia da.
Mắt chiều hun hút sân ga,
Còn cầm tay đã mát và nhớ nhung.
Nhìn nhau thấu đáy Kỳ Cùng
Cho sau còn ngấn thủy chung thì thâm.
Tàu lẩn lẩn bánh âm âm,
Người về cúi mái chùa Trầm nhìn ao.
Có quên quên lửa đêm đầu,
Sao đành xao sót chiều màu biệt ly.

NÚI NHỚ

Chiều đầu sông ngóng cuối sông
Quê ai một rẻo lau bông lẻ loi.
Nước nguồn cuốn lá nguồn trôi,
Thừng côi cút buộc thuyền côi cút bờ.
Bơ vơ này níu bơ vơ
Kia mây núi vấn mây chờ nẻo mây.
Nhớ khôn nguôi với dặm dài,
Ngoảnh về lưng nhớ nhớ đầy nhớ thương.
Trước sau cách một miền trường
Còn chong đèn nhỏ lửa giường nhớ nhung.
Nhớ vời một thoáng chân dung,
Bao giờ hết được Vô Cùng thì thôi.
Thuyền soi nước cũng bồi hồi,
Núi kiên tâm vấn mây ngòi để tang.
Chim tha thế kỷ bộn bàng,
Chiều về trọ nghỉ nóc hoàng hôn cao.
Lung linh sóng bóng thuở nào,
Dập dìu nước tổ trường sao đậm đà.

I LOVE YOU

DIANE (1)

Mười tám năm ăn rừng ở núi,
Chán người về ẩn với đười ươi.
Bồng con bé cháu đàn Tôn Ngô,
Tay lú tíu tay, bẵng biệt lời. (2)

Diane Fossey Diane,
Do bà khí hoá thành nhân,
Nhân danh lại hoá nhân giả:
Nhân giả, giả nhân, ai dữ dần ?

Chúng (3) giết bà bằng tẩm thuốc
Mũi tên độc thổi tham lam.
Giữa cơn suyễn (4) thắt chặt hàm,
Chúng bẫy bà như sập khi.

(1) Tên một nhà sinh thái học người Mỹ bị bọn buôn đười ươi sát hại vì bà đứng ra bảo vệ đám đười ươi Phi Châu đang bị diệt chủng.

(2) Quên tiếng nói của loài người.

(3) Bọn buôn xác đười ươi.

(4) Bà bị bệnh suyễn nặng vì ở rừng nhiệt đới ẩm ướt.

Bà ngã ngực hô “Cấm bắn!”
Bạn ta những quả tim vàng.
Con chờ cháu ngóng hoang mang
Phát súng thi ân diệt chủng.

Nằm xẻ gió chia sương với
Mẹ bà thiên cổ rừng sâu,
Gối bên chú Berthe Làu Bàu. (5)
Núi thấm dần hao đến trọc chỏm.

Người ta đẽo tượng danh nhân.
Có ai tạc tượng bà đàn,
Ngớ ngần, gò ghề, vấp vấp !
Tôi yêu bà lắm, Diane.

I miss you so much Diane
My dearest so sweet in heart,
So great in mind,
And whose soul's fresh and serene.
I miss you the purest nymph of my dream.

— Sài Gòn
1987

(5) *Uncle Berthe Le Grincheux, một con đười ươi già bị bọn
săn thú bắn chết.*

GOÁ PHÒNG

Cả một vùng tà hồn độn êm,
Nắng vàng từng chuyén lún lần thêm.
Đêm lên còn ửng vời lưu luyến,
Lay lút, bụi ngùi chiều tóc đen.

Muộn phiền níu nắng chiều trong mắt
Gợn ánh thu hồ kỷ niệm lam.
Thương tích hồn rời hồn ráo máu,
Thời gian lưu chiều dấu xăm chàm.

Lửa quá khứ trong chiều goá bụi,
Thay nhang, nôi nhen, tiếp hoa đèn.
Thế gian nàng vỡ gương tư mã,
Nứt tiếng ri chòi đêm nhiều đen.

Tơ rèm rạn nhói nhất dao Mai,
Vết cắn ân tình mềm lịm vai.
Sương nồm phau như oa tiếng khóc,
Mặt trời sẽ vẫn ... Đền cù quay.

LỬA CHIỀU ĐÔNG

hay

CHÚC THU' GỬI NGƯỜI VỢ TRẺ CỦA MỘT TỬ TÙ

Hồn hấp hối chấp chờn vờn lửa ấm,
Anh cần môi thắm nhắc để hồi sinh.
Niệm đi nào, goá phụ, trọn bài kinh,
Sầu lắng xuống trong từng lời thướt mượt.

Từ mồ lạnh hồn bùng lên chót vót,
Tung chuông ngân lóng lánh ánh đồng ngân.
Khi gió về lùa lá chết ngoài sân
Cũng là lúc lửa lò trong sáng biếc.

Đừng trâm đọa dòng trường ly tiết liệt,
Đừng phủ mờ diễm tuyệt vẹn mùa hoa.
Anh cần em bước nữa lệ ngân hà
Một hôn lễ kim cương dài bất tận.

Anh ướp xác mùa đông mùa cận sản,
Nhờ em đan manh áo ấm đầu đời
Cho hài đồng màu nhiệm nhũ nồng tươi
Để mai lớn một vườn hồng túc nụ.

Về ngậm muối thiên thu trồng đại thụ,
Sống nương trời, nhờ đất, rất cần em
Mẹ lúa mùa mấy hạt, trĩu bông chiêm.

PHỒN THỰC CA

— Tặng cô giáo Huỳnh Thị Hậu Giang

Mắt nai sâu, vai buông tơ liễu;
Nữ Thần Rừng sóc đến vinh danh;
Lũng võng linh dương đêm về ngủ;
Sói gàn em sói hoá hiền lành.

Nhiệt đới đầu thai em tổ nữ;
Mít kê vú sữa, măng cầu gai;
Quít căng đầy nắng, cam dung dị;
Ngây ngất sầu riêng, sực nước soài.

Rời rì rào mạn, du dương nhã;
Gió mát trắng lên tưới hải đường;
Em rạng rỡ xuân, vàng trái tắc;
Em đầy đặn chín lúa nàng hương.

Me hoá lửa nuôi đêm sáng láng;
Phượng làm nhà tuất trợ đơn cô;
Em nghiêng tà áo xoan trường mượt,
Cho đứa trẻ hư một ghé ngôi.

Mộng kẻ ô vương hồn giấy lụa,
Tim nghèo nghèo viết chữ đầu tay.
Giữ đi lớp bụi từ khi thấy
Mẫu tự tình yêu đày mắt ngài.

Em cầm mưa xối xuống cần khô,
Nắng lúc đang đông vỡ bất ngờ.
Em ở trong, cùng ngoài giới hạn;
Nứt ngàm kiêu mạch, bật tằm ô.

Ô trú che mưa, dù chắn nắng;
Chính em mình mảy trận mưa giông;
Chính em gội nắng da đồng sậm,
Quy tụ âm dương một đoá hồng.

Về Nam Chí Tuyến làm mưa ngâu,
Em kéo băng sơn, tuyết địa đầu.
Bốn biển chất ra vừa chén mía,
Mười rừng miệng tách cà phê nâu.

Dừa dứa ngọt rân, kêu hướng dương;
Buổi ngân nga nước lịm hoang đường;
Xót the soài khóc lâm li kịch,
Em rót nam ai vọng cổ trường.

Em xanh gương nước ao hồ hạ,
Bão đến miền em chết dịu hiền.
Phấn núi, hương thung, đồng cỏ sữa
Bò về cúi lạy mẹ hằng nhiên.

Em ướp trầm hương ngan ngát Phật,
Ngồi trong đời cũng ngự ngôi trên.
Em gần gũi cũng thiêng khôn kể,
Dạy dỗ thi ca ý niệm đền.

Lửa vẫn nuôi giấu dưới rêu nhung;
Suối ấm ngâm hâm đất lạnh lòng;
Vân của đá, vòng năm của mộc:
Em thâm sâu, tốt đẹp vô cùng.

Bát quái thu trong lòng ngực nơn,
Ngũ hành tụ lại bàn tay thon.
Rốn em trái đất bày phương trận,
Vũ trụ trồng ươm mô thức tròn.

Là Khởi Sự cùng là Kết Thúc;
Đầu nguồn mạch nước, cuối dòng sông.
Em sinh sôi những áng cầu vồng
Trước Sách Ước đến sau cùng Lịch Sử.

ÂM TRƯỜNG

**Giơ tay vói lớn giọng kim,
Da non giống ngựa, thương tim hô lạnh.
Nhạc trào bát độ loang xanh,
Tím bung lất phát, hồng vành bật râu.
Xuân... xuân... cánh kiến xuân ngân,
Xuân son tía ngọt, xuân ngàn ngát cao.
Nhào chao ôi á ! liệt lao,
Đôi vào một mướt mát nào đó thôi.
Bồng, khèn, trúc, mộc sinh sôi;
Đá xanh trứng sáo, suối đôi môi tuôn.
Lụa hoàng yển xé véo von,
Phiên âm bướm bạc ra chờn vờn phau.
Dầm từ gập gỏi day nhau,
Ấm giâm phúc huyết mà trau nên hồng.**

Nghe, nhìn, nhớ thoáng dìng;
Mắt trong nhịp cái, đội đồng cùng cô.
Khờ như lối tím vi lô,
Đại như nước mắt ly bỏ đào đêm.
Má, môi, miệng, mậ đều em;
Em sinh hạ Chúa trên thềm âm thanh.
Xếp giáp khiên, cúi ngựa lành,
Con về áp não bờ thành mẹ xưa.
Trường canh nắng, trường canh mưa,
Anh tìm em cõi âm thừa còn bay.
Vui tai đi quá sự này,
Quen chơi số lẽ canh bài tài hoa.
Một vùng thế giới lên da
Từ sau mưa nắng đàn bà chứa chan.
Nồng nàn âm phối nồng nàn,
Rớt trong làn điệu hân hoan chứa từng.
Vỡ ra rừng móc rung rung,
Lênh đênh tiết tấu bốc mừng chào lên.

KHÚC CHU LAN

Kiều sa son chu lan phương;
Nông nàn thức ngủ hải đường, tường vi;
Hương vương giả, xạ quý phi;
Ngôn dung một đoá đồ mi tử tình.
Ở cùng cuối nỡn nương xinh
Hội hè múi thắm tấm mình bẽ hoan.
Phi dây loan, Trầm cung đàn:
Hình hài tấu cất lên ngàn tài hoa.
Chu lan phương rịn môi, và
Thành xiêu quách đổ đành là thế thôi !
Mình bông bé Tấm lên ngôi,
Bóng trắng lông cánh hoa môi (1) dậy dàng.
Trầm si như Đường Minh Hoàng,
Đêm xuân từng phút nghìn vàng đầy Khanh !

(1) Hoa có tràng chia thành hai bản hình môi.

VẬT TỒ

— *Gửi Viên Linh*

Mời em nghiêng cốc bỏ đào,
Lần theo men ấm đi vào tình say.
Mời em hãy áp bờ này
Để sau ly vỡ còn hay sự tình.
Rượu hồng cánh kiến lung linh,
Xoay hư uồn ảo cái hình kinh thuôn.
Mời em cạn cốc này luôn,
Buông con hoẵng chạy vào hồn nửa đêm.
Sương dầm tuyết dải rơi êm,
Trở thân con hoẵng chao mềm thịt da.
Mời em đến cuối cùng ta
Ngất ngậy chiêm trống, đậm đà trầm mê.
Cành vườn lá tược sum suê,
Cắn đôi trái cấm môi tê sẵn sờ.
Lông con hoẵng ấy vàng tơ,
Xin quỳ hai gối vái thờ thần linh.

LỄ CHIỀU

Khi anh đến thăm em thì trời hùng ám,
Nước suối hoen trong hang
 những nhũ thạch mềm,
Lược buổi chiều chải mượt tóc mây
 bằng dải rớt
Màu vàng chín của lúa chín chờ hái gặt.

Nắng dính a giao seo sệt quện ao hồ,
Hai dòng châu vào trào dan dúi bể xô,
Tiếng sông đổ vịnh một ngày đông gió lớn
Ứa xối mỡ đồng lầy
Và lai láng phù sa đục.

Khi ùa túa âm thanh rừng ré vỡ,
Anh rúc còi sừng thả bày rần trắng vào hang.
Em chửa hoa rộ nở lượng huy hoàng,
Anh quỳ chú chúa ơi ! kính hợp cần.

Môi rát rúa ê mê dòng khuấy dật,
Em bao dung bồi tổn trận mưa nguồn.
Cát khô cần ả rập ngập ơn tuôn,
Xanh tíu tíu tíu bờ xa sa mạc.

Buồm phấp phới, thuyền rong trong phong hậu.
Cổ áy đầm đìa, trời chắm đóm sao hôm.
Những ngón tay em mươn mướt
 những phím đàn
Chiều dẻo nhẹ nặn lên khối tượng tình la mã.

XUÂN ƠI MUỐN

Ngày vỡ ngọt lừ múi quả cam,
Khuyên lạnh canh, sáo gõ ran giòn.
Tháng giêng hội mở bằng bay bướm
Của cất nhào và én đu bay.

Nón quánh như sơn nhựa dẻo dòng
Mang xuân tình đất phát lên cành.
Sum suê cây tủa tân hình học,
Duỗi cánh tay thần đẩy mây lên cao.

Núi vắt vờn vai người truyền thuyết,
Một vùng lửa lộc lập lòe soi,
Nắng châm sen thấp son vu vạt,
Cúc giục mai đâm lốm đốm vàng.

**Đàn đúm, dập diu chợ bắc qua,
Lam len xen tím, lục leo chàm.
Gió như máu tươi nuôi cơ thể,
Nhiệt đới chang chang bật chốe hồng.**

**Muốn chạy choàng lên, trùm quần với;
Muốn bay bốc tới, liệng lao vào;
Muốn ma sát, muốn căng phần phật,
Mài thấu vi ti mình mấy đời.**

**Muốn lượn, luôn, leo, trèo sóng sánh;
Muốn trôi tuôn tuốt tuột màu mè;
Muốn thâm nhập tận tinh nguồn uống
Ngụm ngụm xuân ơi ! xởi lởi lòng.**

BẢO TRẮNG

**Hồ phách, xà cừ, vàng, mã não :
Thiên đàng nhấp nháy lửa trong thân.
Ôi chao ! xác thịt tây phương ấy:
Địa ngục nguy nga dựng rất gần.**

**Anêmôn chỉ nghe đã muốn
Dấu bầm tím miệng, rã rời vai.
Ngải linh lan cấy bùa trong mắt;
Sắc, nhọn, hân hoan, độc hơi lài !**

**Gợn biếc saphia, bùng tía ngọc;
Bông đùa như nhiều, đối bằng nhung.
Hơn trăm Đắc Kỷ cười tang tóc,
Khúc khích voan the toạc não nùng.**

**Trời ấp nuôi da giòn trứng bóc,
Mẹ truyền ưu ái tàn nhang thơm.
Cổ con khoái mã reo tràng nhạc,
Núng nính kiều sa, nhún nhảy bờm.**

**Đường đến hang đèn đêm rối ren,
Thấp ba bạch lạp, bốn tim đèn.
Sau cơn bão trắng rơi toi tả
Nhịp đập vàng và tiếng trống đen.**

**Một bữa ra khơi mò nguyệt tận,
Cánh vàng chói với đập chân không.
Đuôi con mú thắm khua lòng lộn
Một dải hồn tanh quấy máu hồng.**

LỄ ĐEN

Bất hạnh nào rên van dối trá
Xô ta sa ngã đáy lòng đêm.
Ngất ngậy tà đặng hương hươu xạ,
Bảng lảng bụi ngùi hối tiếc đen.

Thơm tho nền nã tủy xương pha
Thống ái cuồng dâm nọc nồn nà,
Một rót rầu phiền nhờn chán ngán,
Nồng dòng tu kín, tanh bê tha.

Mỏng mảnh màng dì quỳ hiến Chúa
Mà hồn dì rách mắt trinh nguyên.
Li ti hộp sọ chân chim rạn,
Tăm tối thêm sau phép khải huyền.

Ao tù bạc nhược bóng cô am,
Cá búng lẫn tẩn tĩnh toạ chàm.
Gỗ kiến nào sâu rùng phủ mị
Mồ đều tịch mịch, sao cam tâm !

Ý lý lạc đề, biện chứng sai,
Cồng công cộng hưởng inh long tai.
Bằng từ bộ nhớ còn vang vọng
Vượn đối làm nau lấu đấu hoài.

TÌNH HÃI

Nồng nàn diễm mị dạ lan hoa,
Mơn trớn van lơn dọn tóc xoà.
Từ xó thềm nào bỏ hóng phủ,
Kính cầu bái vật cất nghề nga.

Mạnh mẽ lại hề, đại cục thu,
Mãng thuần hoá thú, mắng man vu.
Đàn hương có một triền môn được
Đánh thuốc hồn si đáy mịt mù.

Sao đừng lai tỉnh cuối cơn mê ?
Lú lẫn nào quên băng đường về ?
Phước hạnh nào ban không hỏi tội ?
Dục tình hải lạp bóng răn đe.

Nhụy rửa, bình nhìn, rêu cáu nước;
Ánh tà pha ố ứ pha lê.
Đêm mang đấng phụ về xô cửa
Ngất nốt chùm còn khiếp đổ hoe.

TÌNH ĐÃM

Anh ôm em ấm mình đây;
Gió lay lỏng phở, mưa lầy lội tim.
Tóc rong rêu chảy vai mềm,
Lời xô lũ luyến quỳnh chìm môi mê.
Mán Mừng rùng rú lê thê. . .
Người tù núi lại thềm về trùng khơi.
Mây đem then đóng cửa trời,
Đêm đùn chướng Thượng mù Hời khoá nhau.
Thân ôm thân lảng lai dầu;
Còn hồn, một chiếc xe lao tuột đèo.
Lỡ sau kỷ niệm còn đeo
Thì coi như trận lá vèo rớt khe.
Dơi kêu đé gáy vàng khè,
Mưa đồng loã với lòng nghe lạnh lùng.

— Đà Lạt
một ngày thu mưa

TÌNH VÃN (1)

Mười năm bắt đắc dĩ tu,
Ta mang xuống phố thẳng tù ngô nghê.
Một khôn chín đại gồ ghề,
Hè cao phố thấp tù quê ngại ngần.
Ngắm người những muốn sa chân,
Xin câu đôi có cho thân bầu nhờ.
Mười năm nhiễm ngữ man sơ,
Ngựa môi đêm ấy tù khờ xỏ diên.
Xô chữ sấp, đập chữ xiên,
Ngã ba ẩn dụ sư liền vái thua.
Miệng rùng nào biết phân bua,
Nên đành mượn lối chạy chùa tháo thân.
Lạy đừng xé toác châu thân
Cho luân lý sãi còn quần áo che.
Lạy con cá biếc hoe hoe,
Hứa đơm quỳnh nguyệt ngày về hồng hoang.
Lạy chừa luôn máu hoang ngang,
Lạy kiêng nốt thối tàng tàng viễn vông.
Họa còn dăm chữ hư ngông
Tát như tát trái cầu lông lên trời.

(1) *Tự tử bằng thắt cổ.*

Tóc mềm xoã, ngã phân đôi :
Đàn bà nửa dưới, trên cười đồng trinh.
Thơ xưa sững ướm vằn tình
Nỡ sao hứng lấy môi xinh đòng đòng.
Ngữ này còn lấm long đong,
Ngán này còn đẫm hoen dòng lệ sương.
Kim xoay, đem xuống dị thường;
Cỗ xe độc mã, con đường rẽ đôi.

Quỳnh, mai tất yếu pha phôi,
Máu về ãm bụt lên đôi khốc sao.
Trong tôi xác thịt đương gào,
Tranh lời thánh gọi đòi cao linh hồn.
Một chân bám, một chân trơn;
Xa nguồn khao khát, kề gần dửng dưng.
Bước cao bước thấp lùng khùng,
Giết người mò mãi cuộn thùng lãng quên.
Tình yêu treo cổ trong đèn
Sau cơn ném đá cuồng điên phũ phàng.
Người về giường gói đoan trang,
Lòng tôi từ đây mang tang người tình.

TÌNH ĐIỀU

Ngày tiễn em về nghĩa đoàn thê,
Núi chơ vơ đứng sững ê chề.
Trong từng chiếc lá thu vàng rụng
Rơi úa lòng người lịm ủ ê.

Thứ trái gì sao chua đến xót !
Mắt cay giàn giụa, lưỡi khô cào.
Nếu yêu ngang trái là tân khổ
Thì cũng can trường ngậm chết đau.

Trót buộc thân vào thói hy sinh,
Nâng niu đạo đức đến siêu hình.
Dẫn em về trả thời gương mẫu
Trái cấm chữa hề lấm môi xinh.

**Chôn cất tình thôi, ôi ! bẽ bàng,
Hồn từ cảm nín chịu chạy tang.
Mặc trăm bêu riếu môi thiên hạ
Ném đá tình yêu đến phũ phàng.**

**Hạnh phúc ngay tay đâu dám với,
Quen kiêng da dụn, cũ môi mềm.
Mười năm thiên ngủ miền đơn chiếc,
Ta chạy trốn tình và xin quên.**

**Người vắng xa là người đã chết,
Chúc người chết sống đến dài lâu.
Tóc đen côi cút chòm ba sợi
Thấm thấu tang thương cũng đổi màu.**

HUYỀN THOẠI TRUNG DU

Ngai ngái mùi làng, đại lá tre;
Nương phơi ải nức nắng trưa hè.
Già đa còn ở trời đồng ấu,
Sói (1) tiếc hương người vú em quê.

Đôi tròn trĩnh dứa bím chè leo:
Hau háu tay xanh trẻ bầu trèo.
Khói Phủ Thọ Tường vùng nắng quái,
Nhớ người Áo Quốc (2) cuộc Nam reo.

Núi sẫm thâm thì lời cũ kỹ,
Áo rừng chàm nhúng bóng ngày xưa.
Vết thâm tưởng truyện thần Hy Lạp (3)
Ấm uất hồn con mãi đến giờ.

Đêm nằm giữa ướp chườm hương sói,
Gió máy loay hoay cục bạch xà.
Róng thẳng trời vầu sương sụt mướt,
Đầm ùa khướt hót ướt cơn mê.

(1) Hoa sói.

(2) Sigmund Freud.

(3) Thần thoại Oedipus.

MẶT TRỜI THUY ĐIỆN

Em bỗng đứng sang bưng bóc hạ,
Băng li vĩnh cửu cháy vừng đông,
Tóc vàng rạng bật rùng roi quất,
Đá mắt mèo xanh xẹt lửa nồng.

Sợi giòn siêu dẫn, đàn sành nung
Mười móng thần sa gậy bão bùng.
Nắng quật lật mồ con voi thác
Ngủ nghìn đông dựng thức tung bung.

Hí lộng *maelstrom*, cuồng túy tuyết;
Mặt trời đỏ rực giập *fjord*;
Lãnh nguyên nồn lột da vằn máu,
Địa cực cam hoe há miệng sò.

Quần cư từng bá níu vi veo,
Ngàn lãnh sam run rún nhựa xèo.
Một *rhapsody* màu óng ả,
Đình đang tràng nhạc tuần lộc reo.

Tán tóc vàng hươm dát địa đầu,
Nhũ đường rỉ giọt nóc châu Âu.
Dù lẫn lóc vụn cơn rờng trắng,
Cũng tách bạch ngon lá bách Tàu.

Bằng bằng hồng cuộn hồng thao thiết,
Roi rói nhân ngư quấy dập dòn.
Thôi nhé chào *bye-bye* Lão, Khổng !
Tuyệt vùi biển biệt Thiên An Môn.

GÃ ĐI SĂN
và
CON HƯƠNG GẤM

**Đêm nay lang thang săn lùng Em
Đột hốt con hương hãi chạy đèn.
Nạp chín mê tân mười bốn sáng,
Ta chờ khai hoá đã nghìn đêm.**

**Rừng trống không khi Em thất tích :
Hãi hùng mật độ của cô đơn.
Ta lao về phía hang huyền ảo,
Đập vỡ đầu trên vách chập chờn.**

**Cơn thèm thậm tệ đâm tia máu,
Mù mắt ửng đau đói khát môi.
Em chạy mà hồn ta hỏn hển
Tội đồ xiềng xích lét lòi thôi.**

Họng súng đen ngòm, ruồi nhấp nhô,
Cò lăm le lưỡi giục ta ãut.
Ta gào toạ độ Em đâu tá !
Một chấm kim thôi giữa ảo đồ.

Trèo sàm lội vực tìm hươu gấm,
Chửa bắn đợc mồi đòi bán nhung,
Lái mọng vàng kê khai khánh kiệt,
Đòi chề điếc móc, chữi thẳng khùng.

Bẽ bàng chỉ địa toanh nòng súng,
Làm gã sấn hươu đến bạc đầu.
Nếu quả Em là thần huyền mị,
Vẫn hoài vọng mối tình không đầu.

TÚ TÁU ĐẦU MÙA MƯA

Từ ngày em đến đời tôi
Xa nằm day dứt, gần ngồi thoả thuê.
Mắt em đêm ấy gọi hè
Cơn mưa sạ trắng đăm mê đầu mùa.
Cây mừng rỡ già nua,
Lá đon đả miệng, cành đùa rỡ môi.
Chạy nhanh lên núi lên đồi !
Cái tâm phiền tạm cất rồi tính sau.
Đồng hồ hạnh phúc quay mau,
Hứng cho nguyên lộc mưa đầu mùa mưa.
Lấy chi chứa chất cho vừa,
Mới đầy chưa đủ, mới thừa chưa dư.
Oái oăm mấy cũng thừa ừ,
Éo le lắm cũng không từ éo le.
Mạ mưa gieo trắng đêm hè,
Người, trời và đất hát bè cùng mưa.

NÚI VÀ SUỐI MỘT HUYỀN SỬ

Hãy chu đáo yêu nhau giờ cuối,
Hứng môi mê uống cả chiều tà.
Rồi mai anh chấp cánh bay xa
Gửi Núi giữ gìn em đơn chiếc.

Hãy nhìn Núi lung linh bất diệt
Tóc nửa đời ngời chói sương mai.
Rễ bắt sâu đáy tầng địa chất,
Nên nắng mưa Núi cũng chẳng sờn.

Hãy lắng nghe bằng lắng dịu dặt,
Suối vỗ về tình tự ngân trong,
Sáo trên cây hót nhảy vào lòng
Bài mi thứ mang mang trù tượng.

Sớm đến trong nhà chung tâm tưởng,
Anh quỳ làm lễ hỏi lòng em.
Ánh sao xanh, nước thánh rẩy môi mềm,
Tàn vũ trụ bay trong trời mắt thắm.

Em là vợ ngoan Thần Núi Thắm,
Chị của Rừng, di Đất, mẹ Bình Minh.

**Anh yêu em ngan ngát hương tình,
Hẹn tái ngộ sau truân chuyên nghìn nôi.**

**Núi bện lá se lau đấm đuối,
Nghiêng linh hồn rỏ mật mùa thu.
Tay tình yêu bẻ chấn song tù,
Giải thoát em về nơi ước hẹn.**

**Nhẫn cưới trao em là ý niệm
Địa đàng dựng hiện ở tâm linh.
Bên kia vời vợi cõi siêu hình
Còn ngát hương ngày đầu gặp gỡ.**

**Hãy nghe Núi xốn xang mừng rỡ,
Réo mạch ngầm, đon đả rừng sâu.
Núi được người yêu Núi cúi đầu
Hôn cảm tạ người nghìn ái dẫu.**

**Kiểm nửa đời hồn giờ mới đậu
Trên môi người hồng lịm mùa xuân.
Và mây với cả áng thu ngàn
Cũng đến lần khân trời mắt dụi.**

**Huyền ngọc nghìn sau còn linh diệu,
Người từ nghìn trước hiện về đây,**

Vấn lung linh nắng rót voi đầy,
Nét nét thiên tư đều mẫu mực.

Hiện hữu thai sinh từ ký ức:
Môi dường hư cấu ở trong tranh,
Mi như đã vẽ trước sinh thành,
Mẫu nữ qua em thành hiện thể.

Đáy mắt có chiều sâu tráng lệ
Tháp Chàm ảnh ảo ngậm hoàng hôn.
Tóc lăn tăn gió cỏ đuôi chồn,
Lời vuốt ve ru hồn ngủ võng.

Núi giải tâm tư, bày ước vọng,
Chở chiều vàng lộng nắng rùng buông, (1)
Ôm nguyên thanh thoát một vùng hồng,
Thụ phần lòng em tình lấm liệt.

Hãy nhớ và yêu nhau tha thiết,
Giữ tim cho hết cái tầm thường.
Lời thề cháy chỉ một vành hương
Cũng đã thơm thiêng mùi vĩnh viễn.

Sớm đến tìm nhau làm lễ hiến
Cái phần thần diệu của lòng sâu.

(1) Một loại cọ, cứ 60 năm chết một lần, rồi tái sinh.

**Xa nhau xin hãy hát kinh cầu,
Ngủ đắp cho nhau sầu dạ khúc.**

**So dũa (2) mùa thu vàng rạo rục,
Lá rơi luyến quỳnh ruồi chân người.
Nắng hồ như ngực thở đầy vui ...
Mắt, núi, mây, môi, mùa thoáng ngát.**

**Áo ngấn tay voan màu huyền hoặc,
Không ! Hình hài thật nõn nà da,
Tình yêu lấy lại hồn-là-nhà
Để trú chân thân mùa bão lộng.**

**Cần nhớ, cần yêu như cần sống;
Chiều ngòi ghé đá như cần hôn.
Ngó em dăm phút đủ bồn chồn
Cho một đêm căng tràn thao thức.**

**Rồi sớm đến thơm nguyên, siêu thực,
Đội nâng trời, bất chấp thời gian,
Cao, xanh hơn, chất ngát nồng nàn,
Núi mẫn đạt hồn người ngát trẻ.**

**Sự tích truyền lan qua thế hệ:
“Nàng là Thần Suối, bạn bầy chim;**

(2) Một loại cây ở Hàm Tân, có quả dài thon, treo lủng lẳng như quả lúc lắc.

Suối reo, con cát cũng gù mềm;
Trời mới lại như bảy ngày Sáng Thế.

Núi thắm đăm mê, ngời điệu nghệ,
Thất thời vương mắc cảnh lao lung.
Ngẫu nhiên xui khiến cuộc tương phùng,
Đôi lứa trao nhau tình lổ lạc.

Rồi tất yếu chia ly tan tác,
Suối buồn mi ướt lệ mùa thu,
Mang thai bên gối chiếc lao tù,
Tình Núi nuôi trong bầu khắc khoải.

Núi đặt tên con là Thần Thoại,
Rửa tội con bằng lệ nửa đời cha
Pha lưu ly ánh mắt mẹ chan hoà,
Nuôi lớn con ngang tầm huyền sử.”

Xin tặng em son vàng vinh dự,
Ngọc huyền tinh khiết, tình yêu thương,
Cánh hoa thiên lý, hương nghìn dặm
Về ủ tim voi nổi đoạn trường.

Một ngày xa em dài như thế kỷ,
Núi đứng lặng thẳm, đăm chiêu, kỳ vĩ.

— *Núi Mây Tào*
thu 1984

**NHỮNG DẤU CHÂN LIZ
TRÊN MỘT TRIỀN KÍNH
VẠN HOA**

– 01

Ngày tháng hao vơi dần cuốn lịch,
Mùa thu chớm úa lá hồn này.
Năm mươi tuổi dấy lên tàn lửa,
Nhấp chút men tình, chúc lấy say.

Lần giờ trang xưa tìm bóng cũ :
Thâm cung vọng nữ oán đêm dài,
Khuê trung sầu khúc ngâm chinh phụ,
Sự thể nàng Kiều cũng bi ai.

Bước bước lần khân thăm quá khứ,
Mắt xưa còn thăm bóng trong hồn,
Người cô họ ngoại còn son trẻ
Nửa giấu tư tình lá trúc thôn.

Tuổi lợ trai tân còn hoi sách,
Tối ngày bập bẹ nhớ và thương.
Rượu người mận ngọt hay mơ đắng ?
Dò dẫm chân đi chữa biết đường.

Một bữa về thăm quê giỗ ngoại,
Trúc thôn đến ngõ lá tâm tình.

Lao đao trời đất mờ trong mắt,
Gió thổi dạt hồn cậu học sinh.

Phút ấy qua nhanh như cánh én,
Trúc thôn khuất bóng tự bao giờ.
Con chim mào đỏ hoa dâm bụi
Cậu đứng lặng thàn, ngó ngẩn ngơ.

Trúc đến, trúc đi, hàng giậu nhớ :
Một dòng máu mới rói dòn thân.
Con chim mào đỏ về hong nắng,
Phút ấy đời trai chỉ một lần.

Áo nới thêm vai, quần xuống gấu,
Giữa trời lừng lững đấng mây râu.
Từ trong xương thịt người niên tráng
Mạo hiểm đi ra, dặm bước đầu.

Chấn gió che mưa, chồm cánh võ
Con gà cựa sũa gáy cường hoi.
Cậu trai đầu chít vòng nguyệt quế
Tưởng lấp được sông, vá được trời.

Rúc tiếng còi sương, đêm khuya rách
Một hồn con gái rớm tình yêu.
Gối chần nồng bén hương thân thể,
Biển dưới Trường Sơn khóc mỹ miều.

Anh hứng trần cam đời mển tặng,
Sim mua rừng tẩm suối đầu nguồn.
Em là tuyệt ý dòng nguyên thủy,
Thấp đước sao lòng lửa lệ tuôn.

Hồn tuổi hai mươi hoa bén nắng,
Hãy hãy ban trắng chói chang rừng,
Râm ran vô thức hăm lòng ngực,
Sứ rĩ nhựa nồng đêm cảm hung.

Lại với đam mê thường cấp tính,
Cơn yêu ngây ngất sốt hình hài,
Môi nhanh nôn nóng, tim vồ vập,
Nong nứt xuân thì, nở rạn đai.

Rồi nói nguôi ngơi, buông thư thái,
Nhân lên ân ái tới siêu hình.
Sau cơn lốc lảng dăng hoan hỷ
Trong vắt, xanh ngần nhạc thánh kinh.

– 02

Tuyết lộng trời tây thiên du ký
Giục tôi phiêu lãng xứ phong tình.
Ngôn, nhan, cốt cách người thanh lịch;
Ý nhị, đậm đà nếp văn minh.

Rượu ấm nồng môi, sần sóng sánh
Đêm đêm cuồng vũ nhạc loa kèn.

**Phương phi tình lớn lên như thổi
Trên cánh đu bông bênh Michèle.**

**Nàng gẩy đàn tôi say chéng choáng,
Cho tôi tình tứ ngón ân cần,
Móng son đậm thắm xoang và phách
Dậy nhịp tâm tình, nở lộng xuân.**

**Từ ấy tôn vinh thần Vệ Nữ
Tóc vàng màu rạ, dáng mình dây.
Xin quỳ bốn vái và ba lạy,
Trả trọn mây mưa xuống vện đây.**

**Màu trắng da em lê ướp tuyết,
Anh thờ thần thoại mắt hồ xanh,
Một hồ biệt cảm mình anh đến
Thả lịm hôn nương sóng tròng tránh.**

**Lá sũng sương tuôn vườn óng ánh,
Lao xao gió dậy đúng chu kỳ.
Anh yêu nàng chúa đi chân đất
Thả lộng bông bênh tóc hippy.**

**Khói thuốc tròn xoay con rắn trắng,
Em đem huyền bí vào pha hồng
Một dòng nhựa ấm hân hoan phúc
Giữa tiếng oanh chào lửa rạng đông.**

Cứ thế ngày đi và tháng tới ...
Yêu người yêu đến cả tình yêu.
Sông sâu, nước rộng, dài nhưng nhớ,
Em choán hồn anh đủ bốn chiều.

— 03

Ngày tháng hao vơi dần cuốn lịch,
Mùa thu vừa chớm ở chân trời.
Những gót chân Liz còn in dấu
Đẫn bước tôi vào tuổi bốn mươi.

Tuổi dất mây đi, dịu nắng tới;
Cái “nhi bất hoặc” quán lên đầu.
Tôi đi thu nghiệm thêm màu phép,
Núi giữ mặt trời đứng ngọ lâu.

Tiếng nhẹ lời êm, đàn búng ấm,
Dây vĩ đúng điệu, vũ trong ngân.
Hồn nay đã ngát rừng hương liệu
Mở tiệc son vàng dải mỹ nhân.

Một thứ nghiêng nghe pha lững thững,
Mua cô cháu ngoại chiếc dây chuyền,
Chiếc vòng ngọc lựu mang tên cháu :
Kỷ vật đeo mình cũng khó quên.

Chiều lót đường hoa mời cháu tới,
Chú làm hiền sĩ bói chiêm tinh :

Hồng loan người vện mùi hương sắc,
Cung mệnh đào hoa ắt tài tình.

Gái nồn thon vai thề tóc mướt,
Mãn phim về chú uống cam đường,
Chú pha ánh mắt nhìn âu yếm
Để má cháu hồng biết vấn vương.

Để nắng biết bay, mưa biết múa;
Con chim muốn tấp cánh lên trời.
Mây giăng lỏng lộng, triều dâng nước
Dẫn cháu giọng buồm vào biển khơi.

Để trái tim rung theo tiếng trống,
Nửa hồn sóng *surf*, nửa hồn *soul*.
Lui chân đỡ lấy bàn tay trẻ,
Tà áo tung bay nhạc lốc đôn.

Để chú nhìn ra trong mắt cháu
Yêu người cũng là để tìm ta
Trung niên một dáng *Tonton Luc*
Mái tóc hoa râm nhuộm đậm đà.

Hãy giữ tình đi cho đúng bước
Nư hồng má phớt chút mưa qua,
Nư môi pha thoáng màu sầu lự,
Phảng phất hương ngâu trước thềm nhà.

Để lỡ mai sau tình đã vỡ,
Cháu nghe tư lự mấy âm thừa,
Chú nhìn chạnh nhớ qua vai thím
Phố cũ hện thềm tiếng chân xưa.

— 04

Ngày tháng hao voi dần cuốn lịch,
Mùa thu chớm úa lá hồn này.
Năm mươi tuổi dấy lên tàn lửa,
Nhấp chút men tình, chúc lấy say.

Cái tuổi ba giờ trưa vẫn nắng,
Có lời tâm sự gửi thời gian,
Chúc tim tươi tắn xuân trường thọ,
Đôi lứa tình xanh mãi nồng nàn.

Em có nghe rơi thềm dạ khúc ?
Vui giờ mà rớm lệ ngày sau.
Yêu nay nhớ để dành lưu luyến,
Chờ hứng cho hay cái kết sâu.

Để có một đêm nao thiếu phụ
Trở mình nuôi tiếc một vòng tay,
Một hồn vẫn trước sau chu đáo
Còn rắc sương bay ướt dậm ngoài.

Còn thấp trăng soi mềm tóc xoã,
Đạt dào sóng vỗ gọi ngoài khơi.

Nao nao lòng muốn thêm lần nữa
Búng tí con quay dạt góc trời.

Anh muốn ươm hoa trong tóc ấy
Cho hương thơm muện mãi muôn giờ.
Em thành người mẫu xui tay vẽ,
Tuyệt tác người tình gọi hứng thơ.

Bút pháp anh tôn em quốc sắc,
Tóc lông huyền tích hồng nhung đen,
Em *fatale* sóng tình trong mắt,
Đổ những ngai vua, đắm chiến thuyền.

Anh chiếu em lên lộng lấy bóng
Ngôi sao kiệt xuất cuốn phim màu.
Em là dòng Grace, nòi Bao Tự
Khiến kẻ chai lòng cũng ước ao.

Anh dựng lầu son, đan lá thúy;
Thiết tha chăm bón đẹp khu vườn
Em vào diễm lệ bằng bướm bướm
Triển lãm cho đời ý nhị hơn.

Cho gió vay hương, hoa mượn sắc;
Sắc hương nhuần nhuyễn nét tương đồng.
Em thành tình lữ đi muôn thuở,
Đát ánh trắng vàng cát Biển Đông.

Gieo dẫu hài xanh lên đất hứa
Hoá thành cổ thụ toả tàn che,
Thiên thu cúi bóng nghe tình tự
Nhưng trái tim son đến hẹn thề.

Đến nắm tay nhau truyền ấm áp.
Tôi làm chiếc ghế lót trăng đêm,
Mời cô ngồi xuống nồng hơi lụa
Để đá như da cũng biết mềm.

Đá vắn vương hơi, gìn kỷ niệm,
Cưu mang tâm sự đến nương nhờ.
Tôi nhào luyện chữ như cao thạch,
Đắp bức tượng tình, tạc tứ thơ.

Tượng đứng phơi vân bày cốt cách,
Buông lan nhân ái đến môi trường.
Thiên nga chuỗi nhẹ cơn mơ trắng
Trên nước hồ thâm gợn ánh dương.

Tất cả không gian thành ấn tượng
Bức tranh hoà thắm sắc cho đời,
Người xem cũng muốn nao nao với,
Lửa sắp nguội tàn cũng dấy khơi.

Tay muốn tìm tay, lời muốn ứng;
Cho người hào hiệp đến quên thân.

Tình yêu, đôi cánh nâng nhân phẩm,
Bến ấm hồn vào thả neo tâm.

Bởi những người yêu hằng muốn thế,
Họ cần tiếng hát như bàn tay
Xoa bôi hung dữ trên nhân diện,
Âu yếm nhìn nhau dịu nét mày.

Yêu có trong yêu dường phép lạ,
Sắt danh đi mấy cũng buông mềm.
Qua môi tìm đến môi vinh hiển
Tiếng hát thiên thần hiển hiện lên.

– 05

Hãy dắt nhau đi tìm Vĩnh Viễn,
Chung lưng xây cất một cung đình,
Một Kim Tự Tháp, lầu Hoàng Hạc
Ủ ướp hồn người mãi hiển linh.

Tôi viết bài thơ thay bia đá,
Mai sau về nghỉ gốc cây phần,
Xin làm chiếc quán che mưa gió
Cho khách nòi tình đến trú chân.

Ngày tháng hao vơi dần cuốn lịch,
Mùa thu chớm úa lá hồn này.
Năm mươi tuổi dấy lên tàn lửa,
Nhấp chút men tình, chuốc lấy say.

NHÃ TỤNG
CHO MỘT THÂN XÁC VUI
hay
HÌNH HÀI TÁU CÁT LÊN
NGÀN TÀI HOA

— *Niệm tưởng cố thi sĩ Trần Hồng Châu*

Tuổi xế chiều mà hồn còn nắng sớm
Như mới vừa ngủ dậy.
Vẫn nhìn đời ở dưới nửa cốc rượu vui
Lấp lánh men thơm mùi nếp cẩm.

Lộc trái trần gian hái cát đầy một hũ nậm,
Đêm về mở nậm yếm diên hoa,
Nhắm vói trứng cá tầm ngậy,
Sò mồm mĩm,
Và nho môi thực phẩm.

Chúng ta chỉ có đời này thôi để hưởng thụ,
Để ăn bù, uống lịm, làm tình
Và làm ra sản phụ
Bú mớm lớn tương lai,
Cất lợp một vòm đài cho linh hồn trú ngụ.

Chúng ta giống vật thất tình, ngũ uẩn,
lưỡng ngã, phân tâm,

Nhưng chỉ có một bất hoán hình hài để sống,
Để xác định chủ quyền
Một riêng tư thiêng liêng, âm cúng;
Chăm chút, nuông chiều, mến yêu, kiêu hãnh,
thao nâng

Lên ngang tầm một lý tưởng
Như thoáng nhảy bay lên không gian rực rỡ
Ánh sáng nhiệm màu và âm thanh giao hưởng
Của yếu điệu hình hài một *ballerina* phiêu phát.

Chúng ta từ lưng gù, bốn chân lật đật,
Đứng thẳng dậy, mắt thương ngược trời cao;
Hai chân trước vói thành hai cánh tay cần cầu
Viết phương trình lên hỏi vạn vạn vì sao
Vì sao vì sao sao áo uẩn ?

Hai chân xỏ đôi hia nghìn nghìn dặm
Đi trong trời, bách bộ rõ mặt trăng;
Ngày oai nghi thẳng bước khúc quân hành,
Đêm luân vũ theo vòng quay trái đất.

Mười ngón tay thon chấp cầu lên tháp bút,
Mở xòe nỡn niệm bút thanh tâm.
Hai mươi ngón siết nhau thay trăm lời kể lễ,
Xác tín bằng thế ngữ hai bàn tay.
Diệu ngữ của vuốt ve, tu từ của đấm đui;
Nhấn phím ngà rõ nhạc mặt trăng tân hôn;

**Hoá cái hữu thiên hình và vạn trạng
Thành huê dạng muôn màu một phòng tranh
nhân bản.**

**Hai ngổ mắt, lửa châu thân xán lạn,
Chong lung linh đồng tử chiếc đèn thần.
Mỗi người là một siêu phẫu thuật nhân
Ghép đước tuệ vào nhãn bào phát sáng.**

**Gương muôn chiếu, nhiếp ảnh gia ưu hạng;
Soi xét vật thù, quan chú dung nhan;
Kiếm ý tứ ở đằng sau nhân diện,
Uyển ngữ làn mi cong,
Ẩn dụ một nụ cười,
Ngôn từ một khoé mắt.**

**Hiện thực hoá thành một kho tàng nhu liệu,
Cảm xúc mông lung, ý ảnh đậm nhoà
Được một thi sĩ trữ tình và rất là điệu nghệ
Phục chế thành ngôn ngữ kính vạn hoa.**

**Bài thơ tình giao thoa hai ánh mắt,
Từ bờ đào pha với chữ nàng hương
Ra trăm năm thơm tho thơ hợp cần.
Hiện đại mãi cái nhìn hoan lạc
Của một mỹ học màu hồng
Về một mẫu hình loã thể.**

Dâm sững, mê toi, mẫn thoả, an hoà, tự tại
Như sắc diện những cặp tình nhân ân ái
giao hoan

Của những pho tượng tiền cổ đại.
Thuở chưa có tiền đề tội gốc,
Những pháp đình khảo bức châu thân,
Em ngây thơ một tờ lá nỡn,
Anh sương ngời giọt nỡn thơ ngây,
Anh vui sương mai rơi đầm lá,
Em mừng lá sớm hứng đắm sương.

Hai ta bị giáng xuống một trần ai khổ ải
Không phải vì đã ăn lầm phải
Quả của cây tri thức,
Mà vì những trận đòn tan nát châu thân,
Những mỹ dược tâm linh đánh bả hồn
Của hơn một giáo điều đạo đức
Muốn trừng giới trái tim, dập lửa lòng
Của hai thân xác cần nhau da diết.

Như lúa cần mưa để trở hạt,
Quỳnh cần nguyệt ngắm để ra hoa,
Phổi cần khí trời để hô hấp,
Môi cần môi ngóng để giao hôn,
Tay cần tay đưa để đến với,
Mắt cần mắt đón để ở đời,
Một cần một nữa để chung đôi,

Tình yêu kỳ ảo một phép toán
Nhân lên trẻ mãi tuổi linh hồn,
Mãi mãi nắng ban mai,
Mãi mãi nửa dưới ly rượu đầy men nếp cẩm.

Anh mời em đêm nay lên chơi một địa đàng,
Non bồng điểm đỉnh của chất ngất giao dăng
Giữa hai thân xác vui,
Hai thân xác đẹp,
Hai thân xác lành,
Hai thân xác muốn,
Hai thân xác ở trường,
Hai thân xác tự thân không có tội
Nên chẳng có gì phải ăn năn sám hối.

Để thi sĩ trữ tình còn hứng làm thơ,
Bài thơ duy nhiên nhã tụng
Cho một thân xác vui,
Thân xác mừng,
Thân xác tự tin,
Có chủ quyền,
Không sợ hãi,
Chưa vong thân,
Không hổ thẹn,
Loã thể thăng hoa,
Mẫu điển hài hoà
Như của những vị thần tình yêu trong huyền thoại.

— 2/2004

MỘT LUÂN VŨ LUNG LINH

**Đánh chiếc vòng bện quyện hai cung thân
Lăn xoắn xuýt tới tít cùng điểm lửa,
Nôi nuôi ươm hứa thắm nụ hồng ngàn,
Dòng diễm nguyện của nguồn muôn chan chứa.**

**Bốn mắt thắp cho nhau tiêu điểm lửa,
Nẻo dập dìu của nhung nhớ gần nhau.
Hai tay dang hoán dụ một mời vào
Chờ cuối ngõ một dạt dào mở cửa.**

**Đêm đơn chiếc linh hồn cần gối tựa,
Vai lạc loài vai rất đối cần vai
Để thôi hững bốn bàn chân sánh bước,
Chạm đầu vào nghe củi lửa reo vui.**

**Ngã ba chôn của âm dương hội tụ,
Vườn thiên công ủ nộ đoá nhân quần,
Kỷ hà tròn kết nối hai cung thân
Lăn quán quýt tới tít cùng điểm lửa.**

**Bốn mắt thấp mặt trời đêm rạng rõ,
Bước nhịp nhàng một luân vũ lung linh
Với trăm thương nghìn mến nết ân tình
Toả sáng láng môi thơm men hợp cần.**

**Tình tú lệ ngón tay đeo chiếc nhẫn;
Thân hân hoan : người đẹp như thiên thần;
Má lệ ngàn lấp lánh sao sông Ngân,
Dòng túc nguyện của nguồn muôn chan chứa.**

Bốn mắt thấp cho nhau ân tình lửa.

*NHỮNG DẤU CHÂN NGANG
TRÊN MỘT TRIỀN NGŨ SỰ*

NGÔN NGỮ ĐÔI

**Điển chế thơ bằng ngôn ngữ đôi,
Ý nâu xen lẫn nghĩa hung vàng.
Như trong xanh hứa của màu mặt
Nghe vỡ eo sèo trái nẫu đen.**

**Thơ là nho mà cũng là sim,
Mỗi chữ buông sang tiếng hạc cầm.
Như trong vó cất của ngựa bạch
Có nhạc chim hồng vỗ cánh cam.**

**Nên hãy lắng nghe tim vi vo
Trăm câu ong chúa túa tung hồn.
Như trong nhung nhúc lửa hương thị (1)
Tiếng hát son vàng của đam mê.**

**Miết, mài, giũa gợn lên vân đá;
Chuốt gọt thi từ như bút hoa
Trong pho sách ngát hương kinh điển
Viết lại cho đời khí huyết thơ.**

**Hà hồn vào ấm miếu thiêng nghiêng,
Chiết tự ra xem cấu trúc thời.
Ngan ngát trầm và nhang kỷ niệm
Một vùng vu sử thơm an nhiên.**

(1) *Một chi của họ thi.*

TIẾNG GỌI

Ta đi trong chữ tình ta,
Thấp nhang trầm niệm đọc ra linh hồn.
Còn nồng ấm nụ đời hôn
Thuở tròn trĩnh mẹ đỏ hôn máu thơ.
Dấu âm môi ấy ấm ờ
Mà nghe tiếng gọi nứt bờ thời gian.
Con yêu tiếng mẹ vô vàn,
Một lời mẹ rót ra ngàn cổ thư.
Nhớ này rộn rục tâm tư,
Chữ thi nhân đốt hư vô lửa bùng.
Si ca ta cũng cùng dòng,
Vần thơ diên ném làm chùng không gian.

— *Saint Paul 1998*
Đêm nghe tin Bùi Giáng qua đời.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 463

**LỜI SÔNG TRONG
THẤU ĐÁO
MỘT BỜ THƠ**

**Nước cuốn nước trôi nhanh,
Sông xưa còn ở lại
Với bến đứng soi mình
Nhủ mình đừng xao lãng.**

**Thuyền chia tay bến nước,
Sông đặng đặng đeo bên :
Sông căn cơ từ xứ
Đã cru mang hình thuyền.**

**Sông tìm vào tá túc
Thấu đáo một bờ thơ
Chờ che lời mẫn trợ (1)
Nghe sông có gọi bờ.**

**Sông gom mùa kỷ niệm,
Hái phá gặt nguồn non :
Thời gian đánh vòng tròn
Đáy lòng sông chung thủy.**

Sông sâu bị quyến chú,
Lòng mẹ đá sinh ra: (2)
Trong sông có nền nhà
Thuở địa cầu chiêu khách.

Dòng rẽ chia đôi nước,
Sông vẫn cứ một sông,
Một sông yên ngữ thắm
Lâm râm nói hồn nồng.

Nước xuôi xuôi quán tính,
Thuyền vầy nước bờ sương:
Sông mang một con đường
Xui đưa về bản hạt.

Sông ân tình trác việt
Duy nhất tặng cho người.

-
- (1) *Parole secourable et protectrice (đối với Hữu Thế – Être)*
(2) *Thuở lập địa, đá nứt để nước trào ra, tụ góp thành sông để đón tiếp và nuôi dưỡng loài người. Vì vậy sông là yên ngữ thắm nhất của văn minh nhân loại, ta phải tri ân. Lời tri ân thâu đáo nhất là để sông vào ở trong một lời thơ miễn trợ.*

TẬN CÙNG TẬN

— *Gửi Thanh Tâm Tuyền*

**Gió từng cơn hỗn hên,
Dòng thường lưu xô sóng bất bình,
Nổ chùm kích phẫn,
Mỗi từ nộ đoạ cô đơn điên.**

**Bán quẫn,
Tận cùng đồ bán quẫn,
Bể đêm trắng hạ huyền trở dạ.
Hỗn hào bể,
Bể tung bung:
Những mu đảo sần lầy
Đẩy đùa ánh sáng đồng mai cua.**

**Cắt lia lịch đại,
Báng bỏ thần linh,
Hỗ hào quỷ sứ,
Bầm giập rỗng không.
Chứa trâu tang trống lòng tịch mặc**

**Tiếng dùi đập đoản thương,
Bàng hoàng, khô khốc, giòn tan.**

**Mỗi đột phá một lần vẫn tự, (1)
Khước từ nghi thức đời hằng tôn.
Hoài hơi, thất thố, cầm bằng !
Mỗi vùng thoát một chùm tử xạ,
Tủy ung thư,
Thảm họa đành !**

**Thi sĩ !
Có thể nào thụ hình trọn kiếp
Đôi ba giờ cùng của Chúa.**

**Chẻ tẽ thời băng, tách kết tầng;
Tìm nguồn suối khoáng, mạch nguyên sinh;
Thiên niên kỷ nhiệt tình :
Nước mắt mù, máu phong cùi lở
Còn rong ngân
Những giọt ngân vô lụy.**

(1) *Giết chữ.*

TẬN CÙNG MÁN

Mùa thu đi lang thang du ti;
Nắng cháy cật Nùng, nửa hạ khuy; (1)
Xuân trúc thai (2) đâm, chò trắng nầy:
Mỗi nơi tự truyện một ly kỳ.

Nước khoáng sôi rân, lời mộc đục;
Lim sôi nhưng nhưc, cấm lại rung;
Ở lam chàm xứ sim cùng cốc
Siu sắt vàng tâm thổ mật rừng.

Cổ đại ô kìa ! có cánh sao:
Ngõng đôi biên ngẫu, cò phong dao.
Trời là một viện hàn lâm lớn,
Nhà én uyên thâm thâu chữ Tàu.

Bói cá Khổng Minh lạnh lấu liệng,
Trôi mè Tào Ngụy xệt đường tên.
Tang thương một dải màu man quốc
Trong thấu kính trông mắt tiết điên.

Gió quạt sông bay lên bông lông,
Gió te tua xé biển ngô đồng.
Bằng lãng trắng hếu, phần du bạch;
Bướm níu nhau về ngủ kiệt đông. (3)

**Một linh hồn Hời di diên hận :
Buông (4) chết bi hùng, chết đứng ngay.
Một nghĩa trang buông, nghìn móng cụt
Vói tay Từ Hải bầu trời dày.**

**Tháp nát sêu đề, vượn xót xa
Chế Bồng Nga hỡi ! Chế Bồng Nga.
Biển thiên xé đã bao kinh sử,
Cóc ngồi đáy giếng Cổ Loa oa.**

**So dũa (5) Hàm Tân vàng bứt dứt,
Đũa toong teng quấy tín phong sang.
Găng gai lẩn thẩn mình cu ngói
Gù gật ai xui thiếp phụ chàng.**

**Chiều Buôn Ma Thuật mang oa oa;
Tối lú lia điều khước Thác Bà;
Hoá giải thời gian dần cối đói
Tiếng chày thành thạch bản Tây xa.**

**Phá xoắn quăn queo hình cốc đế;
Chó chòm vạ sửa vọng âm doi;**

-
- (1) *Chết*
(2) *Mãng tre*
(3) *Hàng vạ bươm bướm kéo về ngũ đông tại rừng núi, rồi chờ xuân để tái sinh*
(4) *Một loại cọ, cứ 60 năm chết một lần, rồi sống lại*
(5) *Loại cây cú quả dài thon, treo lủng lẳng như quả lúc lắc.*

Nhật khoan dùi bụp bì tru trầu,
Trống gióng tam nghiêm loé lửa chòi.

Phà mù rậm rú, hú thương mang;(6)
Nhà khí diêm sinh, ọc suối vàng;
Cổ lưỡi mèo lia dao lá trúc;
Đầm đĩa úa móc thịt liêu hoang.

Trống bọng bầu kêu, thau thất sắc;
Cổ bồn bợ ngợ gam đô sơ.
Màng tang ngậy ngấy u hồn gụ
Cho máu me rùng thẳm thấu thơ.

Vào đầu bật sáng nhũ nham quên,
Gỗ đốt xương nghe thớ thạch rền,
Phủ sạch nguyên âm, chùi mẫu tự,
Nhật từng tứ ngữ ba dan đen.

Đốt trắng đêm lên tìm vía Mán,
Mán vành vạnh đáy, Mán vuông chân.
Khí cuồng Bách Việt rần gân tấu, (7)
Ra rả thung sơn cước sượng sần.

— *Núi Mây Tào 1984 – Sài Gòn 1985*

(6) *Dồn dập*

(7) *Loại cây lớn, gỗ quý, cứng, màu nâu nhạt, dùng để làm nhà.*

TẬN CÙNG
PHONG DU THỔ CHU (1)

— *Je te rends pur à ta place première.*

Regarde-toi.

Ta gạn đục khơi trong dòng nguyên thủy.

Để người nhìn thấy người.

◆ HEGEL

Ngôi tựa đầu phong du cổ thụ,
Nắng chuỗi mình mướt cỏ thùy tươi.
Vườn xa lạ gửi hương quen biết :
Tạm biệt ly a! đã vạ đời.

Ngõng cô cao thốt thoát thiên thu,
Gió Thổ Chu du rú mịt mù.
Sóng cuộn hồ tràn lan gấp bội,
Dập dềnh ảnh đội thuyền mây du.

(1) *Thổ dân da đỏ (Redskin)*

Ánh sáng trời soi nuôi nắng lá,
Mẹ Trời con cái tơ trời bay.
Sắt siu nhựa hoá hương vẫn vẻ,
Nắng ấy ngủ trong giấc cỏ này.

Tung tăng sóc ấy giao du cũ,
Gặm hạt phong rơi ủ đất gần.
Mai một thu tàn ran rục lửa,
Một rừng phong đổ lá quyên thân.

Đầu ở trong phong du Thổ Chu,
Ngôn từ nhựa sốt vỡ da du.
Rễ sâu ngầm nghĩ phong tư tưởng,
Đảo ngữ từ trong cổ thụ gù.

Đầu ở trong phong du Thổ Chu...

— *Como Lake*
8/1996.

MIỆT TRONG

Hồn giòn từng sợi nắng thu hanh,
Một thoáng xô xa cũng trông tránh.
Tưởng tượng, con chim hồng vỗ cánh
Miệt mài chưa hết hải hồ xanh.

Núi đứng ngâm sương, dầm bóng tối;
Sông nằm duỗi sóng, cuộn vừng đông;
Đất bản khoăn nắng nuôi nghìn hạt
Chỉ để mong thơm một đoá hồng.

Địa hình đồi núi trong cheo leo,
Vất vả, đa đoan vó ngựa trèo;
Ham muốn non trưa, chiều đã ngã
Bóng thâm u quá nửa con đèo.

Đêm giá lạnh về làm ả sĩ,
Lệ ngoài đời rỉ thấu tâm xương.
Trong tôi bát quái mê hồn trận,
Tôi dẫn tôi đi cũng lạc đường.

Chữ chữ trùng xô rừng chữ chữ,
Tôi về hồ núi tĩnh tìm tôi :
Bóng ai phục chế trong âm bản
Lấn bóng thông kia đứng đội trời.

PHÚC ÂM ĐÊM LE VENTRILOQUE

**Xẹt xuyên đêm ánh tinh cầu,
Sênh môi ập úng nửa câu ngưng bờ.
Lời rời phé phủ u ơ :
Huyết thanh đêm đọng im tờ ba tiêu.
Nôn nao đôi não nghìn điều,
Thế âm nuốt ngậm phênh diều kịch câm.
Xổ tuôn quán ngữ giam cầm,
Giọt lưng mắt, chữ của trâm tích quên.
Đầu chùn đội đá tiên thiên,
Nghe anh ách gọi triền miên xác này.**

NGŨ YÊM
hay
BÀI VINH
CON KỶ NHÔNG

— *Gửi thi sĩ mặt cùi và những kẻ say bóng chữ*

Hiêm vì ngữ sự chưa xong,
Khó học tuôn nên thốn lòng.
Ngoái cổ, khò khè, nấc cục
Cái đầu tam giác kỳ nhông.

Nhớ nhác, ngô nghê, trào lộng;
Tròng banh ráo hoảnh nhìn *goài*. (1)
Mất tiếng kêu nên lấp bắp
Khác nào danh hoạ liệt tay. (2)

Ngữ sự kéo chùng bấy đây !
Da sần sùi cần trần ai,
Kiền khôn mấp máy họng mày:
Lịch sử dài một tiếng nấc !

(1) *Chữ hoài nói trại theo giọng miền Nam*

(2) *Họa sĩ N.G.T. cuối đời bị liệt tay và gần như á khẩu.*

CHUYỆN VỚI TẮC KÈ và HOA DÂM BỤT

Áp úng *goài* rồi lại í a,
Đêm ra thử thử cùng hoa nhà.
Tắc kè tặc lưỡi hiên hàng xóm:
Một tắc tường, nghìn dặm cách xa !

Chứng cạm này mắc do nhân định :
Người chẳng buồn nghe chuyện của người.
Họng phóng chít chiu toàn thứ cuội
Tôm ùm nước xoáy, bặt tăm hơi.

Sống ép lèn làm méo ốc sên;
Mắt lia thay mép, lạnh như tiền.
Cộng đồng, một mỹ miều ngoa ngữ,
Miễn trả lời người ỏi á đêm.

Tiếng Việt gì kêu như tiếng Tàu,
Hận thù tháo chốt thành tru ngao.
Liếc răng cõ máy cửa phạm phạm,
Kẻ rống người gào chẳng hiểu nhau.

Đành về chuyện với bà dâm bụt.
Mười mấy năm hoen gỉ tiếng người.
Hỏi tắc kè sao đặng tặc lưỡi ?
– Buồn thì tâm sự, Bắc Kỳ ơi !

— Sài Gòn
1987

BÀI HỌC PHÁT ÂM VỖ LÒNG

**Phát âm cho đúng từ đời,
Đừng rơi vào cái hột hời ỉ ôi.
Dạ đề tiếng khóc rung nôl,
Tiếng cười phúng nghịch tất rồi thấy đau.
Nhìn, nghe, nghĩ, nhớ đào sâu;
Bóc tang thương nổi, moi giàu cổ kim.
Xuống im lặng ngóng im lìm,
Nghe âm âm vỗ sóng chìm băng dương.
Soi đêm khuya khoắt cho tường,
Rào khoan rành mạch thiên đường, âm ti.
Đong hừng đông, đếm tà huy;
Mân mê lấy cái tiểu ly cân đời.
Khổ đau nặng, sướng nhẹ tôi;
Một vi trần cả đất trời chứa trong.
Vén mù gỡ mớ bong bong :
Vầng hồng quay cửi dưới dòng hằng lưu.**

NGÃU HỨNG HỒ SAO

Lung linh hồ lượn rấn vàng
Vói muôn tay múa nhịp nhàng của sao.
Nước luân vũ bước ba đào,
Sóng dung dăng nhảy dạt dào quang niên.
Nguồn ngầm: cổ tích khai thiên;
Mảnh trăng vàng dát làn trên nông sờ.
Ta nghe cầu lửa tinh sơ
Nổ nghìn vạn kỷ sau chưa nguội tàn.
Vào đầu bói não cời than,
Lần ra tang tích thời gian sinh thành.
Giếng thơi âm giọt sương thanh,
Nghe khuôn trời nở dẫn vành vô biên.
Đu đưa vông mép thềm huyền,
Buông luôn bất túc triền miên ngôn từ.

— *Como Lake*
1993

*NHỮNG DẤU CHÂN NGANG
TRÊN MỘT TRIỀN MỘNG THỨC
hay
MỘT GIẤC NGỦ TÁM MỘNG BẢN*

**TRÊN
MỘT TRIỀN
TĨNH ĐỘNG**

Ngủ trong hôn, mộng ngoài mây,
Cái mênh mông vãi bốc đầy bàn tay.
Ngủ phương lan, ngủ hiên dài,
Vóc sương lưng gió đã cài hoang liêu.
Ngủ chim sâu, ngủ *n* chiều,
Hình con én bốc mỹ miều mộng du.
Ngủ rêu bòn thêm nghìn thu,
Hôn, đôi cánh vạc bay tù không gian.

— *Việt Nam*
196..

LIMBÔ

— *Fou ne puis, sain ne daigne, névrosé je suis.*
Điên không thể, tỉnh chẳng thềm, ta gàn gàn dở dở.

◆ ROLAND BARTHES

Ngủ chập chòn miền trượt trơn,
Cái lênh đênh dính nhót nhờn lưng vai.
Ngủ la đà bờ cỏ gai,
Gió day dứt thổi rách dài hoang liêu.
Ngủ am thiu nám da chiều,
Màu vong ưu cũng có điều suy vi.
Ngủ làm lì trời *mômi*,
Tháo kim giờ giấc: xâm xì thời gian.
Ngủ tung tan, ngủ tụt tàn,
Mắc bông heo hút làm màn che thân.
Ngủ chân trơ dán trụi trần,
Nghiêng tai bắt lấy băng tần hư vô.

Ngủ phong thanh phượng huyễn hồ,
Mỡ côn trùng gõ nam mô gọi hồn.
Ngủ đôi giờ, khờ khạo luôn,
Lách lau thiu nguội, mù dòn khép quên.
Ngủ gieo loang sóng lên lên
Suối co quần cánh tay sền sệt lồi.
Ngủ thu phong cảm ơn đời
Đã cho lòng nếm lấm hôi chèo chua.
Ngủ cọ kỳ hạn già nua,
Đêm đêm sống rỡn chết đùa cũng hay.
Ngủ vô tâm vấp quàng người
Chiều xăm khuất mặt, hươ tay tiễn chờ.
Ngủ cạn hồn còn ngẩn ngơ,
Hà vào hổ phách bây giờ phù vân.

— *Hoàng Liên Sơn*
1978

MAL MAN

— *Thi sĩ, kẻ bị bệnh bìa*

Ngủ còng trời còng còng mây,
Cái chằm hăm gió róc gậy guộc mai.
Ngủ gù liễu vái hồn ai,
Đa điền lũng thông râu dài quỷ yêu.
Ngủ *mal man* lữ thừa chiều,
Lũ phù du múa máy nhiều thụ du.
Ngủ rùng già tuổi thiên thu,
Sông mê phố mẫn với mù Đồng Đăng.
Ngủ toang hoác lở đồng bằng,
Con giăng liềm vãi dải giăng mị kỳ.
Ngủ dò dục giấc tình si,
Mình dì si nhót cháu ghì cuồng điên.
Ngủ bèo chuỗi nhũ kinh đen,
Ngã ba ba nhớ bảy quên đường về.
Ngủ oà gạo mắt đổ hoe,
Đoi lau chau chém, cú xòe xập lao.
Ngựa chồn vó cuối nẻo lau :
Lửa làng lạnh lẽo, chỗ nào hử quê ?

CONTRETEMPS

— *Có một gã khùng vừa đi vừa ngủ*

Ngủ tạm đoài, mộng hoài đông,
Ghe mơ sóng mớ con sông nội dài.
Ngủ hình này trọ hồn ai,
Võng đu đêm bắc tướng hoài nam tiêu.
Ngủ thuê ván măn chợ chiều,
Sêu nông cuồng báo mộng nhiều vân du.
Ngủ đông chớp xé ần u,
Ồ! ai kia lấp ló từ viễn vông.
Ngủ trông ra gánh bênh bông
Giống quang lũng thông mùa đông quấy về.
Ngủ còng kéo bắc-hòn-lê,
Cơn mưa phùn đã dầm dề thu đang.
Ngủ đi bước trước mùa màng :
Lúa xuân con gái, mẹ sang ngủ hè.
Ngủ trùm vàng tán đỏ hoe,
Mai lên nhập với lập lòe tàn Sâm.
Ngủ nghi ngút khói hương trầm,
Long-lanh-khánh-ruồi-âm-âm-choé-ran.
Ngủ trăm hứa hiện muôn vàn,
Liu chiu cốt thắm, man man đồng ngàn.
Ngủ trần tháo khoá xiềng thân,
Thả rong hồn dạt góc trần nào quen.
Quan san xưa mưa lên yên
Ngựa đi thiên kỷ chưa quên lối về.

— *Minnesota*
1993

MINNESOTA MÙA BĂNG TAN

Ngủ nằm mộng寐 đầy vui,
Trong hơi giá có men trời ủ say.
Ngủ đông hôn ám hôn này,
Bóng phong già ngã sông soài dị yêu.
Ngủ ngồi mơ với cô liêu,
Sầu trong đầu lượn với điều thụy du.
Ngủ hồ lì điếc thiên thu,
Ngõng cô cao dính băng tù khổ sai.
Ngủ lâm thâm lối thôn hoài,
Sắc mù u lịm chưa phai lạnh lùng.
Ngủ ngà ngà ngủ mộng lung,
Nắng đêm thoát gầy nửa luồng xanh xao.
Ngủ bùng bùng tử nao nao,
Máu hừng đông đã úa trào quạnh không.
Ô ! con sâu hót nhả hồng,
Bập bùng nhún nhảy rừng bông tình cờ.
Trận cười sặc sỡ băng quơ,
Băng tan vánh vỡ âm bờ không gian.

— *Como Lake*
1994

MỘT THOÁNG HÈ THỔ CHU (1)

Ngủ hồ thêm thiếp hơi bay,
Rét trong phong cảnh ra ngoài hoang liêu.
Ngủ khờ Mễ Phố (2) thiu thiu,
Phong du lẫn căn khói chiều phù du.
Ngủ tàng tàng lửa *igloo*,
Tuyết diên đứ đởn, Thổ Chu đu bông.
Ngủ trời thoi thoát bật bông,
Đung đưa trống trênh, cuông nông im tờ.
Ngủ dạt nguồn khoáng thủy sơ,
Lung liêng trong vắt dòng thơ chưa đề.
Ngủ vùi lìa vỏ sên mê,
Đêm tuôn xán lạn cả bề bộn đêm.
Ngủ bùng dậy vực thân quen,
Đu bay chữ giữa đôi bên tròn thành.
Một đàn sẻ dạo lạnh canh
Hót chòm nỏ nuốt nảy cành sum suê.
Một vườn tộc hội hoan mê,
Vừa lê vừa sóc ê hê tiền thân.

— *Minnesota*
1994

(1) Một tiết hè về lúc đang đông, gọi là *Indian Summer*.

(2) *Rice Street*.

THU RỢ

— *Có một gã khùng ngủ ngồi*

Ngủ trọ vườn sương mượn cây,
Rét trăm móng nạy nứt trầy trụa mai.
Ngủ hè đường ghé cửa ai?
Dấu giày tất bật chạy ngoài cô liêu.
Ngủ hồng nhờ cuống khăng khiu
Gió càn rỡ thổi đổ xiêu mịt mù.
Ngủ xù bách gáy hi hu,
Ngõng tao loạn đắm lờng tù không gian.
Ngủ trườn cầu quá biên san,
Bóng hươu loăng bạt phiêu ngàn tuyết Nga.
Ngủ lung liêng đốm lửa phà,
Hớ hênh chiếc quán ngủ xa ngoài làng.
Ngủ trùm vùng tưởng hồng hoang,
Rung rinh cong tợn thời gian dợn mình.
Ngủ ngồi tựa vách trời vênh,
Lao vào ngẫu nhĩ bập bênh hiển nhiên.
Ngủ oà sể sỏi huyên thiên,
Sâu âm kim kéo về miền triển khai.
Lung linh vũ trụ lộng hài
Tùng giòn tuyết rộ trận cười kỳ khôi.
Tôi về rợ bắc thu tôi
Sau nghìn thu thất lạc côی cút hồn.

— *Minnesota*
1995

BỘ TAM

Ngủ bầm trời sẫm bầm mây,
Con dao gió róc tách dầy vỏ mai.
Ngủ còng liễu cồng trần ai,
Du nghiêng ngả một giấc dài buồn thiu.
Ngủ bên phố ngái ngủ chiều,
Bàn tay mù nóng nói nhiều âm u.
Ngủ hồ thêm thiệp cô chu,
Bóng nhả nheo nếp tử tù thời gian.
Ngủ trâm tích đá miên man,
Cánh chim nào vụt dọn làn hôn mê.
Ngủ quàn ván tít sao Khuê,
Vô can đến thế còn khô mùi phân !
Ngủ chập chờn lửa bồ quân,
Áo sương sữa vén ở trần mênh mông.
Một nà nỡn ngực thỉnh không
Vớ huyên thuyên sáo hót phồng ngày lên.
Vớ liên miên gió toàn miên;
Vớ thâm thì máu ấm liền thịt da;
Vớ trời, đất nhíp nhàng ta;
Vớ ba, một khải hoàn ca chào đời.

— *Minnesota*
Xuân 2000

**TÌM LẠI TÂM THỨC ĐÓN NHẬN
THƠ DU HỌC TRỞ VỀ &
THƠ LỤC BÁT ĐỔI MỚI
của CUNG TRÂM TƯỜNG**

● TRẦN VĂN NAM

— Trích bài phát biểu nhân dịp Cung Trâm Tường
ra mắt sách tại Quận Cam, California ngày 16/11/2003

Một bài viết trước đây của tôi về thơ Cung Trâm Tường đăng trong tạp chí *Khởi Hành* của anh Viên Linh. Trong bài đó, tôi nói về những ấn tượng đẹp mà chỉ trong ba bài thơ làm khi du học tại Pháp, và phổ biến khi Cung Trâm Tường trở về nước, nhà thơ tạo ra những ấn tượng khó quên trong tâm thức người thanh niên.

Chỉ nội ba bài thơ *Mùa Thu Paris*, *Chưa Bao Giờ Buồn Thế* và *Khoác Kín*, thi sĩ Cung Trâm Tường đã phác họa cả một vòm trời nước Pháp. Tính chất lãng mạn của các thi ảnh *Tượng Đá* và *Lá Mùa Thu*, *Người Em Tóc Vàng* và *Màu Mắt Tây Phương*, *Nhà Ga Đèn Vàng* và *Đoàn Tàu Tuyết Phủ*, *Khoác Kín Áo* và *La Cà Quán Rượu*, đến nay vẫn còn âm vang trong tâm thức những người ở lứa tuổi từ 55 đến 65, có nghĩa là tâm thức của người thanh niên 45 năm về trước, tâm thức vào thời giữa thập niên 50 cho đến giữa thập niên 60.

Nói như vậy không phải khẳng định tuổi trẻ hôm nay,

thế hệ trưởng thành tại các xứ văn hoá Tây phương, hoặc cả chúng ta ở tuổi trung niên hay quá trung niên nhưng đã sống nơi hải ngoại hơn hai thập niên rồi, tất cả không còn cảm thức các hình tượng đẹp lãng mạn trong ba bài thơ du học và vương vấn mỗi tình người thiếu nữ Tây phương hiện diện trong thơ Cung Trầm Tưởng.

Nhưng tâm thức mỗi thời mỗi khác, vì vậy hôm nay ta thử tìm lại đặc tính của thời kỳ mà ta đã ở trong cuộc, thời kỳ cấu tạo thành cảm thức tiếp nhận *thơ du học trở về* của Cung Trầm Tưởng.

Ta thử nhớ lại đó là thời kỳ gì?

Ta nhớ lại đó là thời kỳ đất nước Việt Nam mới bị chia đôi ở vĩ tuyến 17, tiếp theo là cuộc di cư lớn của người miền Bắc đi vào miền Nam, xây dựng miền Nam Việt Nam thành tiền đồn phòng giữ Đông Nam Á và trong vòng ảnh hưởng của Tây Phương.

Vậy thì có liên hệ gì đến thơ du học với mối tình đẹp ở nước Pháp của Cung Trầm Tưởng?

Có liên hệ vì luồng gió đi du học bao trùm thời kỳ này.

Pháp có Hội Việt-Pháp, Hoa Kỳ có Hội Việt-Mỹ, Tây Đức có Hội Việt-Đức, Anh mở ra các kỳ thi cấp phát bằng Tài Năng Anh Ngữ.

Thanh niên vừa tốt nghiệp trung học có một số vào ra những nơi này để nghe ngóng các kỳ thi huấn luyện sinh ngữ và cấp học bổng du học. Sách báo tài liệu do Phòng Thông Tin Hoa Kỳ, tạp chí *Thế Giới Tự Do* của Mỹ phổ biến trong quần chúng, ấn tượng đậm nét đối với giới thanh niên đang muốn tìm hiểu là những trường đại học đồ sộ danh tiếng, chất chứa bao nhiêu là tưởng tượng.

Trong khi đó, những gia đình khá giả còn đầy thiện cảm với nền văn minh lâu đời của Pháp vẫn tìm cách gửi con du học Pháp quốc mà bấy giờ điều kiện du học có phần khó hơn, do Miền Nam đang chuẩn bị đối phó với chiến

tranh, thanh niên ràng buộc với vấn đề quân dịch.

Tuy vậy không khí đi du học vẫn là điều mơ ước, vẫn âm ỉ. Người có điều kiện thì hy vọng một ngày nào đó lên đường, người chần chẫn không bao giờ có điều kiện thì ước mơ.

Nhà bên cạnh có anh bạn cùng lớp, được cha mẹ giàu có tìm cách gửi qua Paris, ít tháng sau đã thấy anh gửi hình về, ăn mặc chỉnh tề kiểu học trò xứ lạnh, cho biết anh được thu nhận vào trung học, vào lớp cùng trình độ như khi đang học tại Sài Gòn, chuẩn bị sang năm thi Tú Tài. Không rõ anh nói thật hay đùa.

Người anh lớn tuổi cuối phố nhờ có người đi trước mách lối, lo học Anh văn, đã thi đậu cuộc thi do cơ quan USOM mở ra để cấp học bổng du học Mỹ quốc, chuẩn bị lên đường vào một đại học lừng lẫy ở San Francisco ...

Vài ví dụ đó để thấy không khí đi du học của thời kỳ cuối thập niên 50 đến giữa thập niên 60. Những người không may mắn hy vọng thì chỉ còn ước mơ. Mà ước mơ được lưu giữ lâu dài, được dự trữ thường xuyên, là nhờ những bài thơ đẹp. Ước mơ tái xuất mỗi lần đọc lại bài thơ, không thoáng qua và mất đi như giấc mộng.

Chỉ ba bài thơ, thi sĩ Cung Trầm Tưởng đã khắc sâu vào tâm thức một thế hệ thanh niên vốn ham học hỏi, yêu chuộng văn minh, lại thêm một thời thế gây xúc tác hướng ra thế giới bên ngoài.

Ông không khắc vào gỗ đá như một điêu khắc gia mà khắc vào tâm tư của thế hệ đang ước mơ có dịp đi xa. Thơ ông đã khắc vào tâm hồn ta *Tượng Đá* và *Thu Vàng* nơi công viên lá đổ, tóc óng ả mượt mà và màu mắt Tây phương, nhà ga đèn vàng và đoàn tàu tuyết phủ, khoác kín áo và la cà quán rượu; hoà lẫn trong đó tính lãng mạn, lòng hiếu học, tâm hồn nghệ sĩ trước thiên nhiên.

Cùng với con sông Seine mặc áo sương mù và bến tàu

nhà ga cũng sương mù mênh mông trong thơ Nguyên Sa, cả hai thi sĩ Nguyên Sa và Cung Trầm Tưởng như có cái hẹn cùng thời, cùng một nơi du học, cùng một nơi thi thố tài năng trên tạp chí *Sáng Tạo*, cùng một cảm hứng làm đẹp Paris và Pháp quốc.

Nhà thơ Cung Trầm Tưởng không chỉ gây ấn tượng vòm trời nước Pháp vào tâm hồn thanh niên thời ấy, mà điều đáng kể thứ hai thì ông là người đầu tiên khởi xướng đưa ngôn ngữ tân kỳ vào thơ lục bát.

Không hẹn mà tạp chí *Sáng Tạo* ra đời vào cuối thập niên 50 đã hân hạnh thành nơi sản xuất bốn nhà thơ tài danh, Thanh Tâm Tuyền với Thơ Tự Do, Nguyên Sa với Thơ Tình Hiện Đại, Tô Thùy Yên với thơ bảy chữ tân kỳ, Cung Trầm Tưởng với lục bát tân kỳ.

Bây giờ đọc lại bài thơ lục bát đầu tiên được kể là tân kỳ đăng trong tạp chí ấy, bài *Khoác Kín*, ta thấy chỉ có vài từ ngữ tân kỳ như “*buổi chiều tiếp thu trời buồn*” hoặc “*tâm tư khoác kín*”, nhưng hơn 45 năm về trước đã có vẻ khác với ngôn ngữ quy ước trong những bài thơ lục bát chuốt lọc của Huy Cận, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Trần Huyền Trân ...

Song song với tâm thức đón nhận luồng gió du học là tâm thức đón nhận những đổi mới văn chương, khác với thời Thơ Mới. Cái tâm thức do tạp chí *Sáng Tạo* góp công tạo nên nhờ tương phản với những tạp chí văn chương chùng mực ít gây sôi nổi cùng thời.

Do đó thơ lục bát chỉ mới tân kỳ thấp thoáng của thi sĩ Cung Trầm Tưởng đã được đón nhận tốt. Tiếp theo, ông sáng tác nhiều bài thơ lục bát càng ngày càng thấy rõ chủ tâm sáng tạo từ ngữ tân kỳ.

Ta thử đọc lại một số câu thơ lục bát của ông trước năm 1975 để thấy mức độ tân kỳ càng ngày càng gia tăng, nhưng không đến nỗi khó hiểu và còn rất thơ mộng :

*... Đêm nay trời khóc trời mưa,
Gió lùa ẩm mực trời đưa thu về.
Trời hay thu khóc ủ ê?
Cổ cao áo kín đi về đường tôi.*

*... Ngày đi, chiều tới không nghiêm,
Khoan thai gió cõi phong niêm rĩ buồn.
Bờ nghiêng, nắng dốc, đường thuôn,
Thiết tha tiếng cũ nghe luôn không trung.*

*... Ngủ rêu bồn thềm nghìn thu.
Hồn, đôi cánh vạc bay từ không gian ...*

Ta cần nhắc lại một lần nữa là những câu thơ trên của nhà thơ Cung Trầm Tưởng đã xuất hiện hơn 45 năm về trước, lùi lại thời gian xa như vậy để thấy tính chất mấp mé rời xa quy ước so với lục bát đẹp trau chuốt nhưng khuôn khổ về từ nghĩa của các nhà thơ thời lãng mạn tiền chiến. Tuy nhiên, vì chú trọng về thi ảnh thơ mộng, mà thơ mộng nếu muốn độc giả cảm nhận ra thì tác giả như bị lôi kéo vào từ nghĩa quy ước sao cho dễ hiểu, do đó thơ tân kỳ của ông chưa đến mức độ quá tân kỳ.

Ấy là ta nói cái tân kỳ thấp thoáng của ông hơn 45 năm về trước, còn thơ lục bát đậm đặc mật độ tân kỳ mới sáng tác gần đây của thi sĩ thì ta cũng cần tìm hiểu chủ trương triệt để hơn nữa của ông.

.....

Bài nói này chỉ giới hạn thơ Cung Trầm Tưởng trước năm 1975, nhấn mạnh ở chủ điểm *Tìm Lại Tâm Thức Đón Nhận Thơ Du Học Trở Về và Thơ Lục Bát Đối Mới* của ông.

Lúc đó, tuy bài thơ đầu tiên chỉ mới tân kỳ thấp thoáng, nhưng thơ lục bát của ông đã hé cánh cửa mở đường thoát ra khỏi cái bóng bao trùm đầy hấp lực của lục bát Huy Cận.

Tiền đây xin kể lướt qua vài chủ trương triết để tân kỳ cho lục bát mới sáng tác nơi hải ngoại của Cung Trầm Tưởng, đó là tận dụng khai thác mật ngôn ẩn ngữ, ngôn ngữ đôi, ngôn ngữ cầu hôn gọi vía, ngôn ngữ kinh sấm, thậm chí còn mô phỏng tiếng kêu của thú rừng, chim muông, những vang vọng từ tiền kiếp xa xăm ...

Tại sao ngày xưa thấp thoáng tân kỳ mà ngày nay dày đặc tân kỳ, thiết nghĩ chắc có chủ đích. Thi tác giả bảo rằng làm thơ là luyện ngôn như luyện kim, ngày xưa luyện ít, còn bây giờ luyện nhiều, vậy dày đặc ngôn ngữ tân kỳ là đương nhiên theo hướng đi tới hoài của lịch sử, càng ngày phải càng hơn xưa.

Ta thử đọc một đoạn thơ lục bát sau đây để thấy mật độ đậm đặc ngôn ngữ tân kỳ :

*... Ngủ xù bách gáy hi hu,
Ngõng tao loạn đâm lông tù không gian.
Ngủ trườn cầu quá biên san,
Bóng hươu loãng bạt phiêu ngàn tuyết Nga.
Ngủ lung liêng đóm lửa phà,
Hớ hênh chiếc quán ngủ xa ngoài làng ...*

Ta thử so sánh đoạn thơ trên với bài thơ lục bát đầu tiên gọi là tân kỳ của ông đăng trong tạp chí *Sáng Tạo* cách nay hơn 45 năm, bài *Khoác Kín*.

Như một bàn cân nghiêng lệch, xưa nặng phía thi ảnh đẹp quy ước, chỉ điểm xuyết một hai thi ảnh tân kỳ; nay thì cán cân lệch về phía tân kỳ : chỉ hai câu cuối còn vương chút quy ước.

Cũng nhờ hai câu đó mà ta bắt gặp lại cái lúc tiên phong khởi xướng tân kỳ của nhà thơ Cung Trầm Tưởng. “*Hớ hênh chiếc quán ngủ xa ngoài làng*” có một chút tân kỳ như “*bâng khuâng chiều tới tiếp thu trời buồn*”, và “*Ngủ lung liêng đóm lửa phà*” có một chút tân kỳ như “*Tâm tư*

khoác kín sợ chiều lạnh thêm”, nghĩa là pha trộn tân kỳ và bình thường để tạo nên câu thơ có vẻ mới mà phẳng phất cái đẹp quy ước, để được tiếp nhận ngay tức khắc.

Cái tân kỳ chừng mực và dễ tiếp nhận ngay tức khắc đó cũng là tâm thức thời ấy đang ước mong một nền văn chương mới, nhưng chưa muốn tượng ra được những gì quá cách tân.

Tạp chí Sáng Tạo dẫn đường một nền văn chương mới, nhưng cũng là nhờ tâm thức thanh niên yêu văn chương lúc đó đang chờ đợi đón nhận vì sau 9 năm chiến tranh (1945-1954) chưa xuất hiện điều gì mới về văn chương ngoài những bài thơ kháng chiến chống Pháp.

Cũng như tâm thức hiếu học, ham đi du học của thanh niên giữa thập niên 50 đến giữa thập niên 60 đã mở ra sẵn sàng do thời thế gây xúc tác, nhờ vậy những *“mùa thu Paris, công viên lá đỏ, dòng sông Seine sương mù, ga Lyon đèn vàng, người em Tây Phương tóc vàng sợi nhỏ, những đường tàu mệnh mông nối kết các thủ đô văn minh ...”* trong thơ Nguyên Sa và Cung Trầm Tưởng được tiếp nhận nồng hậu. Lúc đó còn quá sớm đối với thế hệ du học Hoa Kỳ nên trên tờ Sáng Tạo chưa có những bài thơ đẹp gợi về từ Cựu Kim Sơn hay Hoa Thịnh Đốn.

Bài nói về tâm thức người thanh niên hơn 45 năm về trước khi đón nhận thơ tình du học từ nước Pháp và thơ lục bát hé mở tân kỳ của thi sĩ Cung Trầm Tưởng đến đây xin dứt lời.....

● TRẦN VĂN NAM

GIỮA TRƯỚC VÀ SAU

● GIANG HỮU TUYÊN

— Bài nói chuyện về Thơ Cung Trầm Tưởng
trong buổi sinh hoạt của tạp chí
Kỷ Nguyên Mới ngày 19/10/2001

Đêm nay trời khóc trời mưa,
Gió lùa ẩm mục trời đưa thu về.
Trời hay thu khóc ủ ê ?
Cổ cao áo kín đi về đường tôi.

Đó là Cung Trầm Tưởng của thế hệ chúng tôi, thế hệ sinh ra giữa thập niên 40. Có thể nói không sợ ngoa ngôn rằng hầu hết học sinh, sinh viên, thanh niên lớn lên trong lớp tuổi ấy đều ít nhiều chịu ảnh hưởng bởi, và rung động mãnh liệt với dòng thơ Cung Trầm Tưởng, nhất là những bài sáu, tám bát ngát những phương trời viễn mộng.

Lục bát cổ điển, lục bát truyền thống, lục bát xa xưa ở trong tay Cung Trầm Tưởng đã trở nên vô cùng tân kỳ, vô cùng long lanh, vô cùng diễm lệ.

Thơ Cung Trầm Tưởng mới về ý, lạ về từ, khác về hình tượng, về nhịp điệu lẫn thanh âm. Những bài thơ lục bát như thể chẳng những đã thổi vào nền văn học miền Nam lúc bấy giờ một luồng sinh khí mới mà còn đã làm “mềm lòng” cả thế hệ của chúng tôi. Ngoài lục bát, Cung Trầm Tưởng còn nổi bật ở các bài 4 chữ, 5 chữ :

*Lên xe tiễn em đi
Chưa bao giờ buồn thế !*

*Trời mùa đông Paris
Sướt lướt làm chia ly.*

*Tiến em về xứ mẹ
Anh nói bằng tiếng hôn
Không còn gì lâu hơn
Một trăm ngày xa cách.*

*Ga Lyon đèn vàng,
Tuyết rơi cuồng mênh mang.
Cầm tay em muốn khóc,
Nói chi cũng muốn mang ...*

— Chưa Bao Giờ Buồn Thế

Những sân ga xa xôi, những đường phố xa xôi, những tuyết rơi phủ con tàu xa xôi, bỗng dừng gần lại, và trở thành thân quen, sống động, dạt dào cảm xúc.

Cảm xúc đến độ có thể nói rằng chúng tôi đã yêu mê, say đắm luôn cả màu vàng của ánh đèn ở ga Lyon, luôn cả màu tuyết mênh mang của khung trời mùa đông Paris, dù chưa thực sự tận mắt nhìn thấy nó vàng cam, nó đỏ mờ hay trắng đục.

Chúng tôi đã yêu mê, say đắm như yêu mê, nghiện ngập một mùi hương quý.

Ai đòi lại đi phân tích một mùi hương.

Ai đòi lại lời thôi, vãn vẹo điều này, điều nọ, cái này Tây, cái kia Tàu.

Cung Trầm Tường trước biến cố 1975, đối với cá nhân chúng tôi là như thế, là một Cung Trầm Tường tài hoa, lãng đãng, phóng túng, lãng mạn, trữ tình ...

Cách đây hơn ba tuần, các anh Hoàng Song Liêm, Vương Đức Lệ, Uyên Thao có trao cho tôi hai tập thơ mới của Cung Trầm Tường sáng tác sau biến cố 1975 : *Lời Viết Hai Tay* và *Bài Ca Núi Quan Tài*.

*Trữu gánh đời em theo bước chị,
Bây con chia gửi mấy cô dì.
Xưa anh không súng bị thù bắt,
Em thành thiếu phụ của sâu lỵ.*

*Tóc vấn phong ba em đứng mũi
Một thuyền lèo lái cõi càn khôn.
Đau thương nhuộm mắt em kỳ diệu
Ngồi tỏ lưu ly tuyệt bích hôn.*

— Và Em

Ở các trang 68, 69, 92, 93 tập Bài Ca Níu Quan Tài,
Cung Trầm Tường viết :

*Mẹ xưa khóc níu quan tài,
Nàng giờ lệ đổ nói dài trường giang*

*Mẹ ru con ngủ à ơi
Nghìn câu vãn tổng góp lời nuôi con*

*Có mưa rơi trả ơn đời?
Hành vân lưu thủy nói lời ba sinh?*
Chúng ta đã đọc thấy gì nơi những vần thơ ấy?
Tóc mà làm sao vấn được phong ba, làm sao phất phới
phù sa bão bùng ?
Nàng, làm sao mà lệ đổ nói dài trường giang?
Con cái làm sao không nuôi dưỡng mà phải chia gửi
cho cô, dì, chú, bác ...?
Khúc lưu thủy hành vân của miền Nam và miền Trung
làm sao là lại nói lời ba sinh?
“Khí huyết” thơ của Cung Trầm Tường đã khác.
Tại vì sao khác? Cái gì đã làm nên điều khác biệt đó?
Thời thế hay con người?
Nguyễn Bính trong thời gian đầu cuộc kháng chiến

chông Pháp đã có một tiểu đoạn thơ 8 chữ như sau :

*Trái vú sữa thẳng căng niêm uất ức
Gai sâu riêng nhọn hoắt ý căm thù.
Cây cau già ruột yếu cũng sôi lên
Thân lão đây mau chuốt lẩy làm tên...*

Nguyễn Mậu Lâm, năm 1986 cũng đã lên tiếng :

*Có người mẹ nào tiếp tục đọc ca dao ru con
khi chiếc võng đưa con mình đã đứt?*

Có người con gái nào thản nhiên ngâm thơ “*Áo Lụa Hà Đông*” khi người yêu của mình vừa chết trận?

Phùng Quán, một kiện tướng của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm cũng đã viết :

*Giấy bút tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao khắc thơ lên đá...*

Kẻ thù không chỉ cướp đi bút mực của Cung Trầm Tưởng, kẻ thù không chỉ giam cầm ông, chúng đã cùm kẹp, khoá chặt đôi tay ông, hành hạ thể xác ông.

Chân tay ông có thể thúc thủ, thân xác có thể ghe lở, tê đau, nhưng thần trí ông vẫn trong vắt, thơ ông từ đó lẫm liệt, từ đó cuộn cuộn, từ đó dững mãnh cất lên. Nhân cách nhà thơ rạng ngời giữa xám xịt, giữa cùm gông, giữa đói khát ...

*Hãy mài cho sắc lưỡi dao tôi.
Hãy nung cho tới quăm tôi hồng.
Thù nay góp gió, mai làm bão
Về xáp tăng thù hất chống mông.*

— Cấp Số Nhân

Từ khước, đoạn tuyệt, quay lưng với tháp ngà văn nghệ, thơ đứng lên trực diện chống trả bạo lực.

Cung Trầm Tưởng chuộng cái thiên chức cao đẹp của người nghệ sĩ chân chính. Cung Trầm Tưởng đã cùng rung

động với những rung động đón đau của đất nước, cùng đứng về phía người bị thống trị, dù có phải nát thân mình.

Bằng vào thái độ đó, nhà thơ đã coi chết như là một sự quay về. Bình thường, thoải mái quay về chốn cũ, quay về nhà xưa. Đó là cái chốn cũ, cái nhà xưa của kiếp con người.

Còn cái nhà xưa, cái chốn cũ của cõi tạm thì sao?

Về người bạn đời — một trong muôn vạn nàng Tô Thị thời nay — nhà thơ uất nghẹn :

Em là nàng Mạnh Quan thời Hán

Mặc quần vải bố, cài gai trâm.

Ngày xưa Tô Thị trông chồng hoá đá; ngày nay Tô Thị trông chồng nhưng không hoá đá, vẫn phải sống để thay chồng tần tảo nuôi con :

Khoảng cách Sâm-Thương bao ánh sáng,

Tình em chẳng ngại nước sông dài.

Em điếm màu lê lên rêu ám

Của đời nhạt mặn, rửa đào phai.

.....

Biển động thuyền lay em vững lái,

Anh thương hạt gạo xẻ làm đôi.

Tình nghĩa em như sau bão thổi

Bãi yên bể lặng, cát về bồi.

Mỗi nhà thơ có một cơ duyên và “lộ trình” riêng để đến với độc giả, đến với người thưởng ngoạn thơ mình.

Cung Trầm Tưởng trước: diễm lệ, khuê các.

Cung Trầm Tưởng sau : hoành tráng, phẫn nộ.

Nhưng thủy chung như nhất, nằm tận sóng đáy tâm hồn tác giả là dòng “dưỡng trấp” trữ tình. Nhựa nguyên thủy trữ tình này đã làm lớn vượt, làm hoa mộng, làm xanh cao vườn-cây-thơ Cung Trầm Tưởng.

Năm 1990 — xin nhấn mạnh làm năm 1990 — trong bài *Chiều Biệt Ly* còn có cái tựa khác nữa là *Bài Thơ Viết*

Chậm Sau 34 Năm, có bốn câu 6, 8 như thế này :

*Người đi người ở lòng đau
Sâu như sâu sợi tóc sâu lia da.
Mắt chiều hun hút sân ga,
Còn cầm tay đã mất và nhớ nhung.*

Mắt chiều hun hút sân ga. Còn cầm tay đã mất và nhớ nhung. Chỉ xót xa hơn, chỉ bớt khuê các đi, nhưng chất lãng mạn, tính trữ tình vẫn còn nguyên nồng độ. Chủ nghĩa và chế độ thực dân đã bị đánh bại.

Thơ Cung Trầm Tưởng ở giai đoạn đầu của cuộc kháng Pháp đã trở thành thơ của một thời kỳ. Nó có giá trị và đóng góp cho thời kỳ ấy. Tôi vẫn vững tin rằng chủ nghĩa và chế độ Cộng Sản rồi sẽ bị tiêu vong ở đất nước ta.

Lời Viết Hai Tay và Bài Ca Niu Quan Tài của Cung Trầm Tưởng sẽ trở thành thơ của một khúc quanh, của một giai đoạn.

Khi nhìn lại giai đoạn lịch sử ấy, người đọc thấy có một Cung Trầm Tưởng khí phách, một Cung Trầm Tưởng đứng lên, lưng lững hiên ngang giữa vòng vây bạo lực.

Lúc bạo lực bị bại vong, thi ca của giai đoạn đó cũng sẽ đóng lại. Cái còn mở ra là những điều còn lại sau khi đã bị thử thách, bị bào mòn bởi thời gian và bởi cảm quan người đọc. Tôi muốn nói đến những bài thơ ngọt ngào tình cảm của Cung Trầm Tưởng. Đã nửa thế kỷ qua, kể từ năm 1950, Cung Trầm Tưởng vẫn là “nhân vật” hô phong hoán vũ trong dòng sống của thế hệ chúng tôi.

Ngày nay, sau bao nhiêu dập vùi, dâu biển, Cung Trầm Tưởng chẳng những đã giữ nguyên vị ngôi cao mà còn điềm xuyết thêm vào đó những giọt lệ hân hoan, những cường toan tân khô.

Thơ làm lớn dậy con người.

Thơ là cái nặng, cái gậy, cái chống là như thế.

500 * CUNG TRẦM TƯỞNG

Giữa “bão bùng” hôm nay, thơ Cung Trầm Tưởng là nơi trú ngụ êm ái, là hơi ấm trong ngày đông lạnh giá.

Ở đó, người ta không chỉ bắt gặp một Cung Trầm Tưởng khuê các, diễm lệ, một Cung Trầm Tưởng hoành tráng, phần nộ. Ở đó, người ta quên mất không gian và thời gian, quên luôn một Cung Trầm Tưởng thanh xuân hay đã tuổi tác.

Tất cả chỉ còn một Cung Trầm Tưởng man mác thơ mộng, rầu buồn. Tất cả hài hoà đẹp sáng như sóng lúa xanh rờn chạy dài theo ngọn gió quê hương.

● **GIANG HỮU TUYÊN**

502 * CUNG TRÀM TƯỜNG

TẬP NĂM

THI BÁ,
CON TẮC KÈ
và
BÀ GÓA PHỤ

TÂM SỬ THI

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 503

504 * CUNG TRÀM TƯỜNG

ĐẠO

ĐÊM SƯƠNG SỮA ẤY TANH TAO, CÓ MỘT THIÊN THẦN GÃY CÁNH

**Đến từ phía trước ê hề bùng rộ
Một mặt trời phổ độ chôn dung thân.
Sớm tinh sương đã rách rưới phong trần,
Màu thế tại đã đậm đà quá khứ.**

**Chim tốt hót mừng rộn cùng vượn hú,
Quý biện ồn ào, biện chứng lao xao.
Trên mong manh chiếc bóng ngắn thì thào
Úc thuyết một hành trình rạn vỡ.**

**Hồng lẩn át xanh xao, chùi trắng sữa.
Nắng bồi mờ tường kỷ hoạ lên rêu.
Ngày phô phang một kiến trúc ba chiều
Trên què cụt những thần linh thất vận.**

**Cả vũ trụ hỗn mang thành hệ luận
Một kỷ hà vương vức, đẹp hân hoan,**

**Đường nét đan thanh, kỹ thuật chu toàn:
Thần Ý Lý (1) lên ngôi vàng độc trị.**

**Máu xối xả trong từng cơn hoán vị,
Từ điêu tàn bộ lạc người đi ra,
Đêm cô đơn leo lét thấp đèn nhà,
Chông tự vụng Tôi ngôi ngôi thứ nhất.**

**Bé nhìn gương sờ sợ ô kìa ai !
Hình bên trong đồng dạng dáng bên ngoài.
Tôi bỡ ngỡ ghép gom tôi từng mảnh,
Chơi cái trò ẩn dụ một mà hai.**

**Tim tức nghẹn ngào, Tôi giành giật kéo
Đứa em đang nhai vú mẹ hồng ngân.
Trong tờ mờ hình ảnh của tha nhân
Có mã số một tương tàn cốt nhục.**

**Đã nhờ nợ một cơ đồ bất túc;
Đã lạc loài từ phút đứt lìa nhau;**

(1) *Lý trí*

**Còn xốn xang tiếng kéo xẻo trong đầu;
Đã chằng hẵng từ ngày cai sữa mẹ.**

**Đã mộng hoạn dây như vùng húy kỵ,
Vú đòi chồi, khe rẽ cỏ phân mao,
Lỡ một đêm mộng muội ngã môi vào,
Còn lờm lợm mùi tanh tao hổ thẹn.**

**Còn ăn năn canh cánh mãi bên lòng
Tội chương này chung thắm
miễn khoan dung !**

**Mơ đôi cánh thần linh bay bất tuyệt
Để chân chim với đất khởi trùng phùng.**

**Đất nghìn vạn cái lò xo muốn bật,
Kích thích ngòi, giục đứng thẳng, gào đi.
Qua mạnh nha một dự phóng ly kỳ,
Nhân cách ló chông chênh từng bước tập.**

**Tay bầu khí, lòng còn e trượt vấp;
Đất trông tránh trở mặt, đất làm đau;**

**Đất khai tâm từ cái ngã lần đầu
Khái niệm một an toàn phiếm định.**

**Đất tiềm phục dung nham, hèm dán dính;
Đất dây dưa dài nhót, rớt bùn mùn;
Đất oa tàng, trụ sở lũ trùng giun;
Đất chứa chấp xà mang hoa bôn tập.**

**Những tâm động thất kinh nằm rình rập;
Sục sôi lòng, ngoài mặt đất khờ ngây;
Qua cơn mê vùng thoát lớp mền dày,
Đất ẩn ngụ một chôn vùi chết ngộp.**

**Phổi dẫn, mũi phì phò, tim thóp bóp.
Đêm về làm hàm lượng đất ngào cao,
Máu lôi thôi hiếm khí lết thều thào,
Lếch thếch lăm cái hoang đường ngọt ngọt.**

**Miệng há hốc, hang thẳm ngòm quá quắt,
Đất ma nghiền kền quặng sắt thành than.
Trên quăn queo cổ chỉ khột (2) khô tàn
Hần dẫu chém trận khai trừ khốc liệt.**

(2) *Hang*

THIÊN MỘT

BUỔI LÊN ĐƯỜNG CHÂN ĐÀ LẠC LỐI

Từ những vụ mùa xa xưa thất bát,
Một nếp buồn chua ngát ủ thâm môi.
Trăm bản khoản loã xoã tóc luân hồi
Trên trúc trữu vai đau mềm thiếu thưở.

Lời lồm lỏi chân leo trèo quá độ,
Mộng giống nòi chữa quá ải sơ khai.
Vết đinh ba treo vắt mắt hình hài,
Nên lệ phần cảm pha hờn huyết đỏ.

Tay quờ quạng, hồn lẩn theo hướng gió,
Ngày sinh con trời đất dẫm sương mù.
Con đâm chồi nảy hạt giữa âm u,
Cánh bướm mắc trùng trùng tơ lưới nhện.

**Con quẫn quấy đời con trong cõi nghiêng,
Tội tình gì phải ba kiếp tru di ?
Ngoắt ngoéo quanh co suối nghẽn rừ rì,
Chẳng hoá được sông, nói gì biển lớn !**

**Sau trúc gốc trận cuồng phong dữ tợn,
Núi cúi lè tè, cỏ xệp te tua;
Đá trơn trơn mờ nhạt dấu chân rùa:
Lịch sử đã hơn một lần thế tận.**

**Con giun lại đùn gò, con trùng lại nhả tằm;
Đất khô cần lại lấy bầy bông lô;
Sỏi lạnh canh vó sắt lại đặng đồ,
Rong ruối lồi chinh biên rừng rục lửa.**

**Xa hơn nữa, ở ngọn nguồn trí nhớ,
Một mơ hồ nhay nháy ánh tà dương,
Như đã ly khai trước buổi lên đường,
Vàng lấm tẩm những sơ toan huyễn mị.**

**Mẹ rẽ lá men theo đường sấm ký,
Bụng mỹ miều lả tả trứng rồng tiên.**

Lũ lên non, lũ xuống biển thề nguyện
Trận sóng mái nghìn sau còn khóc liệt !

Còn vón vện trơn lì màu đá chết
Giữa kỳ kèo gió cát nạo quê không.
Bỗng một đêm tiếng thú vọng về đồng,
Gọi thăm hoạ bữa thiên lia nguyên thủy.

Hận tướng đã mốc meo rêu cũ kĩ,
Mấy nghìn năm còn kéo kẹt bờ làng
Dúm tre què mảnh khảnh cật bồng mang
Những tật lụy một giao đơan trái khoáy.

Nên vận nước cứ loay hoay chạy vạy,
Vẫn từ nguồn, đục khuấy khắp châu thân.
Nghìn truân chuyên chữa có lấy một lần
Dừng bước lạc, cúi đầu, quỳ sám hối.

Tay quý rỗng bịt cam môm tạ tội;
Giọng tam bành lục tặc át lời kinh;
Những sân Trình cửa Khổng vắng môn sinh;
Hiền thi bá về am mây ẩn phận...

THIÊN HAI

ĐÊM TRĂNG ẤY BIẾN MÀU HUYẾT DỰ

**Động nử ê hệ hờn huyết trắng,
Trận cười giòn vắng quỷ tru ngao.
Rắp tâm mụ nặn làm con bé,
Mật cát chung từ thịt hỏn đau.**

**Bó chân, cột dạ, trói gô hờn;
Ngó ngoáy khô lê sán não buồn.
Chuồng luyện vật ô kìa Trái Đất !
Lột bì rồi khỉ có tinh khôn ?**

**Nàng, nữ khổ tu – con hãn phụ,
Rủ mò rón Chúa, vú hần roi.
Người sa cơ hoá kỳ lân hủi,
Tì vết tiền tông, tậ giống nòi.**

Sinh tồn ì ạch kéo hòn lê,
Lúc nhúc ăn năn máu nặng nề.
Ngắm độc “thần đơn” không đã thuốc,
Phỉnh phờ một túc lý mông mê.

Hình phạt lẳng trì còn xót óc,
Lửa giàn thiêu nám xám hồn nay.
Vàng hoe mộng mị rợn rùng ấy
Búi tóc củ hành gáy Úc Trai.

Vác reo dầu sủi, thùng thông lọng;
Tê nhuyển kìm còng bó vác theo.
Khiếp đảm hồng thành con cánh cụt
Vai xo lóng cồng mảnh hèn nghèo.

Lúng ngúng thân lơn nằm trốc thót,
Lâm bầm chết lịm đã đòi con.
Mấy nghìn năm vẫn vầy đày đọa,
Làm đũa con tin của quý hờn.

Nàng lu loa, ta thốn lòng đau;
Vết quất lành da, nứt ở đầu.
Ký ức dai như dạ dày quả khế,
Nhai hoài vụn cổ sấu Tiên Âu.

**THI BÁ BỎ ĂN,
TRỞ VỀ PHỐ THỊ
GẶP TÊN MA THUẬT**

Gấp sách u cư về bến đò,
Bụi hồng cuồng đảo phố thâu quan, (1)
Gặp tên ma thuật bày bùa chú,
Léo mép chào hàng thuốc trị căn.

Eo sèo Chợ Bọ lũ gian nhân,
Léo néo đường quan đấm nịnh thần.
Đối trá bùng lan thành dịch lệ,
Chiên chen máng cỏ Cộng Hoà đần.

Lên đứng *Olympe* nhìn biển xôn,
Xuống ngồi vực ngó hạc trời bay,
Tình thông dối suốt chiều lịch đại
Ngôn ngữ điêu ngoa thế kỷ này.

Ỉ ôi gà ác vọc niêu tôm,
Phơi phóng lãng viên váy đỏ lòm,
Làn quốc ca trầm hùng thảm thiết,
Mộng thằng Tí choắt còm lom khom.

Nó khóc hay hơn là hát hồng,
Đời phèn họng nó cũng đùn chua.
Rồn vừa xót xáy lia lòng mẹ,
Hồn đã tanh tao bị bỏ bùa.

“Xung phong uống máu thù phanh xác!”
Lời hát đeo như một bớt chàm.
Nó tắm trong nồi da xáo thịt,
Sinh làm nô Bắc, tử binh Nam.

Chín kị mười răn gắng thuộc lòng,
Quên liền bị rút phép thông công.
Mỗi ngày một dải dầu hôi úa,
Tổng kết đời thành chuỗi số không.

Đi mua một đĩa đàn không có,
Bán tháo vua trong lầy chúa ngoài,
Mật gấu *Misa* (2) về ghép tủy :
Trái tình quả thị vỡ vàng khai.

Lúa lép bông vì rầy ở giống,
Đồng cày con sáo còi kính niên.

**Phiên là Giáp có điền chân Ất,
Vạn lỵ giai do nhất cốc điền !**

**Trâu phì phò, vịt quác ao tanh;
Lõm bõm ì òm lũ trẻ ranh.
Trăm mái nhà đùm một phận hằm,
Thêm trăm túi cực cũng cam đành.**

**Nguyễn dất nhau đi, giếng vẫn còn
Nước ngẫu vục mãi cái gầu con.
Cúi soi méo mó hình kỳ dị,
Âm bản nghìn mùa dọn héo hon.**

**Cây đa rũ tóc đầu làng Tó,
Quả bàng đập giập móc ăn nhân.
Ngôi ngoai con đói dài thi sĩ
Chả phượng nem công phịa bút thần.**

**Vét thóc trầy kho Giáp bỏ làng,
Tháng ngày lượ lợi bạc quê hương.
Lệnh bênh Giáp Ất đời rơm rác,
Xơ xác phù phao dạt dậm trường.**

Phố xá lêu bêu bày Giáp Bát, (3)
Bà **xờ** thiện nguyện cũng chào thua.
Người giàu chẳng giấu lời khinh miệt,
Cắm vận cơm ơn với cháo chùa.

Con đen bần hạ chết như rạ,
Tổ trác nhà đòn khảm khá ra.
Nó bán linh hồn cho quỷ Bắc,
Miền miền xứ xứ ma tha ma.

Khốc hoạ vậy, nó ca như khướu !
Phật tái sinh e cũng phát khùng.
Ngài sẽ quy gia làm thái tử,
Lấy đời tu lý lại khoan dung.

“Người tát ta, ta cho tát nữa.”
Phách này phung phí máu nhân sinh.
Từ khi khỉ đột lên ngôi Chúa,
Hiệp sĩ dài dài bị đóng đinh.

Hận thù hiếu sát như viên đạn
Đường ngắm thẳng vào gáy thẳng ngay.

**Bắc khấu vênh vang bày tiểu tượng,
Con Long cái Lạc gặm xương cây.**

**Quý tộc rụng như lá mùa thu;
Hiền nhân bức tử chốn lao tù;
Bần dân củ chuối, khoai mài bới;
Bắc phủ cứu trùng Lý (4) thụy du. (5)**

**Khán đất cầu xin mùa trù phú,
Hoán vũ hô phong biện chứng hồng.
Ô nỡm ! nôi kê vàng áo mộng,
Giật mình tỉnh giấc vẫn tay không.**

**Thuần nát xương do hách khí Tàu,
Thẳng rời râu cũng giập đầu râu.
Ngôn ngang đóng sắt quần kinh dị,
Chiến quả thời gian gở hắc lò.**

(1) *Quan tài.*

(2) *Tên con gấu biểu tượng của nước Nga.*

(3) *Trại ăn mày gần Hà Nội năm 1945*

(4) *Một bí danh của Hồ Chí Minh.*

(5) *Đi trong khi ngủ : một chứng bệnh tâm trí hay bị thôi miên. Trường hợp Hồ Chí Minh bị thôi miên bởi chủ nghĩa Mác-Lê hoang tưởng.*

THIÊN BA

THI BÁ và CON TẮC KÈ

*Giờ gần nửa đêm. Vành trăng chiều đỏ nay sáng bạc
ngời. Thi bá đến ngồi trên chiếc chõng tre ngoài sân. Có tiếng
tắc kè bên hàng xóm vọng sang giòng tan. Cảm khái, thi bá cất
giọng ngâm sang sáng như giọng tên mõ làng thuở xưa :*

**Ấp úng gọi rồi lại í a,
Đêm ra thủ thi cùng hoa nhà.
Tắc kè tặc lười hiên hàng xóm :
Một tắc tường, nghìn dặm cách xa.**

**Chúng câm này mắc do nhân định :
Người chẳng buồn nghe chuyện của người.
Họng phóng chít chiu toàn thú cuội
Tôm ùm nước xoáy, bật tằm hơi.**

**Sống ép lên làm méo óc sên,
Mắt lia thay mép lạnh như tiền.
Cộng đồng, một mỹ miều ngoa ngữ,
Miễn trả lời người ối á đêm.**

**Tiếng Việt gì kêu như tiếng Tàu :
Hận thù tháo chốt thành tru ngao,
Liếc rãng cổ máy cửa phạm pháp,
Kẻ rông người gào chẳng hiểu nhau.**

**Đành về chuyện với bà dâm bụt,
Mười mấy năm hoen gỉ tiếng người.
Hỏi tác kè sao đặng tặc lười ?
– Buồn thì tâm sự, Bắc Kỳ ơi !**

*Giờ trăng bạc lên đầu ngọn cau. Tiếng tác kè vẫn vọng
lại từ bên hàng xóm. Cảm hứng, thi bá ngâm tiếp, giọng vẫn
sang sảng trong đêm khuya vắng.*

**Giọng vẫn hương âm, hồn truất quốc,
Ta về gõ cửa có ai nghe ?
Vần thơ cảm cảnh phiền lân lý,
Chờ nửa đêm ngâm nhẩn tác kè.**

**Một bấp bênh đời dù ngắn ngủi
Hơn mười bằng phẳng giấc trường sinh.
Ta về mở nắp rương thai đố,
Làm thứ nhân sư hỏi chính mình.**

**Lão già mắc chứng tâm phân liệt
Nổi lửa đốt thành, nướng triệu quân.
“Thần dược” nó ban dân uống phải,
Phỉ nguyên được sống kiếp nô nhân.**

Xã Hội Cộng Hoà lại cái hề !
Trai thành lờ loẹt phấn son què.
Ca nhi giọng lí la pha giấm,
Đêm đóng nam ngồi vái tử tê.

Để non thằng bé liễu quan âm, (1)
Uốn nó thành tên bắn ngoại xâm,
Khích nó con gà tre háu đá,
Giành quanh cối nẻ cám gia cầm.

Lạch bạch chân đi xoạc chữ bát, (2)
Ngồi chồm hồm gối gặm vành tai.
Nhì nheo (3) hiện thực thơ văn phía,
Cụ Tố Như nghe ất thờ dài !

Độc nghiên ngoáy bút Hán ra Nôm,
Lộn Hán lằm Nôm nói trại môm.
Việt ngữ hoá thành trò phá bĩnh,
Trèo làm tiến sĩ khỉ đầu tôm.

Khật Ngài (4) kiếp tới tôi tu kín,
Đấu bẩy bát giờ còn muốn đong.

(1) *Loài liễu bách mảnh khăn, yếu ớt. Nguyễn Du ví thân phận người phụ nữ không nơi nương tựa như “lênh đênh chiếc bách giữa dòng.”*

(2) *Kiểu đi hai bàn chân xoạc ra hai bên.*

(3) *Nói nhiều lời nhai, nghe phát bực.*

(4) *Tức cụ Tố Như.*

**Nheo nhéo nhặng reo khôn nhĩ thuận,
Ngồi bên than đỏ khó nguôi lòng.**

**Giọng trúc, kim, ti (5) vẫn bổng trầm,
Tai giòn thạch, thổ (6) còn quan âm.
Nhân tình gạn đục dây cầm bén
Búng nảy trời cao, vọt suối ngầm.**

**Ngón bầm máu bầm giã dây oan,
Sắt, (7) đáy (8) đầm ìa sỏi lằm than.
Mỗi giọt âm hồn trào khôn quẩn:
Ca ngâm của mã rã vàng tàn.**

**Khấp khốc dây dưa bầu với nhị,
Phần bần này lết tự nghìn xưa,
Thế tình này thách tài thi bá,
Ba bảy gian truân mới xứng vờ.**

**Chín tầng địa ngục giống công ngân,
Tính sát thương ta quá một lần.
Chết chẳng là điều ưng ý lắm,
Ta về tu tạo lại chân thân.**

*(5)-(6): Năm âm sắc của tám thứ âm sắc (bát âm do tám thứ nhạc cụ cổ truyền tạo nên, gồm bào (âm senh), thổ (âm trống đất), cách (âm trống da), mộc (âm mõ), thạch (âm thanh đá), kim (âm chuông), ti (âm dây tơ đàn) và trúc (âm sáo tre).—
Trích Đại Tự Điển Tiếng Việt, Nguyễn Như Ý chủ biên.*

(7) Đàn gồm 25 dây.

(8) Đàn có bầu cộng hưởng, đáy lớn ở trên, có 3 dây tơ se.

Chiều rữ rượi; đêm chồi lộc nở,
Nhụy banh đài bú nhũ vừng hồng;
Ngày bươn chải giữa vòng vây nã
Cầm cố ta vào chuồng đấm đông.

Phẫu ta một lưỡi dao lạnh ngắt
Tách óc ra hai mảnh rạch rời.
Cứ thế mà đi thò nội tạng,
Một hồn hao hụt từ thoi nôi.

Khúc thể âm này mềm phé phủ,
Chập chờn giấc ngủ bóng sầu đầu. (9)
Chân Tây phớ, dạ còn ngợ ngần
Ở với Đông xa nửa địa cầu.

Biệt ly vận ám từ bài thơ
Bé vỡ lòng mang nặng kế thừa:
Lưng súng hoả mai, đầu nón chóp,
Xuống thuyền lính thú khóc như mưa.

Bài giáo khoa thư trò ứng nghiệm,
Mẹ chờ, vợ đợi bến chinh ly.
Áo sờ sờ gấu hai đời trái,
Măng trúc măng mai đắng lạ kỳ !

Tổ quốc, ngôi đình muôn dân cất,
Chung lưng đấu cật không ai nề,

(9) *Cây xoan.*

Nó mang bán đứng cho cuồng tướng
Chủ nghĩa hoang đường tằm thuốc mê.

Lê dân bản cổ say thần chú,
Máu xối đỏ làm rượu lễ dâng.
Bến đợi người đi không trở lại,
Xác phơi trận địa mỗi đùn tầng.

“*Con quyết tử dựng Mẹ (10) quyết sinh*”
Gài hồn mộng mị mìn tà kinh.
Anh hùng lạng phát như lau lách,
Quãng cách tử sinh bạc hếu tình.

Thờ ơ sớm đắp rêu bia đá,
Hí xát cuồng phong, chóng lụi tàn.
Đất nghĩa vô tâm chim tóc tóc
Nhà đều mộc mạc viên khô khan.

Nắng tháng Năm thui cùi cỏ lác,
Nồm nồng tháng Bảy thả buông cương:
Cát bay, sỏi chạy, mưa chồm vó
Mai táng miền màu bạc phếch xương.

Chồn bỏ lỗ tha phương biệt tích,
Chim lia mò thất thiếu vô tung,
Đèn ai còn để trơ vợ vất
Như một cơn mê bắt tử khùng...

(11) *Mẹ Tổ Quốc (câu của Hồ Chí Minh)*

THIÊN BỐN

NGÀY ĐẾN NAM ĐÔ CỜ ÓI MÁU

Chấn thiên động địa lập phù đồ, (1)
Ngã lũy san thành, phạt cố đô.
Ngày đến hoàn môn (2) tàn nguyệt quế, (3)
Mỗi trường đình (4) lát trắng xương khô.

Trước tháp cờ ưng nay kiệt sức,
Lông trần trụ lủ lửa rùng thiêu.
Mấy mươi năm ruổi đường Nam tiến,
Áo ảnh phồn vinh đổ rục điều.

Từ đồn nén khát khao còn ruột,
Nay được thời xi vấy phủ phê.
Chủ nghĩa nôm na còn có thể:
Áo cơm cướp đoạt làm chung đề.

(1) Do tiếng Phật Đà dịch âm trạnh ra thành phù đồ, đời sau gọi tháp của Phật là phù đồ.

(2) Cổng chiến thắng.

(3) Biểu tượng của vinh quang.

(4) Đoạn đường giữa hai binh trạm.

Bộ đội thi đua nghề dĩ bợm,
Anh hùng kèn cựa bả phù hoa.
Máu me sinh vật giờ phơi phóng,
Thú tính vô luân cán thả đà.

Ca nam động cữn gào í ới,
Đú đờn cô nạng ứ hự theo,
Ông ãnh (5) con đồng hồn Bác ớp, (6)
Hí trường Bà Huyện (7) đúm (8) trèo leo.

Đôi lúá hôn nhau khung cửa sổ, (9)
Ái tình nhạt thếch, nhũn vô sinh.
Hận thù vát nhọt mặt gà mái,
Xấu từ trong ra tới ngoại hình.

Bức tranh mây chó trường nông nống, (10)
Bả lả, hồ đồ đập mắt xanh

(5) *Điệu bộ nói năng uốn éo, nũng nịu, nhi nhảnh thât thường như người bị ma ám.*

(6) *Âm ảnh, chiêm đọt, điều khiển.*

(7) *Bà Huyện Thanh Quan, tác giả bài Thăng Long Thành Hoài Cổ.*

(8) *Lối hát dân gian do nhiều thanh niên trai gái tham gia, thường ở dạng đối đáp.*

(9) *Chủ đề một ca khúc tình yêu ủy mị của một bộ đội và một thiếu nữ Sài Gòn một thời thịnh hành ở Việt Nam.*

(10) *Quá lộ liễu, thô tục.*

**Thi bá vung thơ lồng nét cọ
Sơn đời còn nhẽ nhại tươi toanh.**

**Phóng ướ bày đơ hè lở lói,
Kênh đờ dẫn sệt quánh bùn đen.
Cảnh luôm nhuôm khách đều xa lánh,
Bậy bạ lem nhem lấm cỏ hèn.**

**Kẽm gai cũ vẫn quán đờn xưa,
Sử đã sang trang xóa ván cờ,
Bụng trứng bà tiên còn mẩn đẽ
Gi quền phế liệu nằm chơ vơ.**

**Trùm áo mị bà mò xuồng núi,
Con chào đời đã mồ côi cha.
Tình yêu mẹ hóa tình thờ đá,
Vô nhiễm lạnh như tượng Thánh Bà.**

**Chúng đang tâm giết mẹ sinh lý,
Cái cửa mở ra vạn sự đời.
Chúng nhốt mẹ vào lồng ngoặc kếp, (11)
Mỹ từ biến mẹ thành ma trời.**

**Mẹ ruột dâng con cho huyễn hồ
Mẹ mìn Tổ Quốc, Mẹ Hư Vô.**

(11) Tức là biến mẹ thành một hiện hữu trừu tượng như ma trời

**Thúng xương, thúng thịt thay tô tức,
Một lệnh Hồ ban, vạn nắm mồ.**

**Giáp may đến được bến hàng mong,
Át chẳng may ghe đắm giữa dòng.
Giáp phục viên đơn xin hộ khẩu:
Vĩa hè đãi ngộ Giáp long đong.**

**Hành khát vòng vo lại khát thực,
Ba đời ám hãm một vì sao.
Tây đi, Nhật đến, đi nhường Việt
Vượt Quảng Châu du nhập một Tàu.**

**Pha Nga, trộn Đức, luộc rau muống :
Nước sấu đỏ chua loét đến giờ.
Món nặng lai căng gan dị ứng,
Dạ quần thổ tả, mây xanh lơ.**

**Đầu bếp vẫn mài dao cạo thớt,
Nghĩ sau làm trước thịt người tươi,
Thái em thằng Át tung vào vạc :
Buổi tiệc mừng công vắng triệu người.**

**Sát sinh sinh sát lò ê hề,
Át Nhất, Át Hai máu chẳng về.
Mẹ ruột sát se, tim rúm ró:
Mỗi món cây muỗm đợi đường đê.**

**Chinh phụ ba lần hội tiến quân,
Tin đưa sương phụ khóc ba lần.
Chồng còn huyện báo, hai con chẳng:
Sử trát vong tình, xóa dấu chân.**

**Đời bòn thịt máu bốn rêu tươi,
Thứ cỏ khô ăn máu thịt người.
Mỗi chặng chinh hành rừng rú gặm,
Đèo cười rộ với trời chim dơi.**

**Xa heo eo óc bới mương nhà,
Mót lúa sân nghèo bầy sẻ sa.
Vắng trẻ trai tay vườn cỏ lấp,
Đường tre kéo kệt mẹ chiều tà.**

**Xác lá ngập vườn chờ Ất đốt,
Muối vo vo, kiến lửa leo trèo;
Đống rơm lụ khụ chồng trao gánh,
Chiếc cày kỹ vật gác gieo neo.**

**Bàn thờ gỗ tạp chung ba ảnh
Mốc ẩm thời gian mắt nhạt nhòa.
Giấy chứng nhận chồng là liệt sĩ,
Hai con : bướm mộng về cùng cha.**

THIÊN NĂM

THI BÁ, CON TẮC KÈ và BÀ GÓA PHỤ

Trăng giờ xé đầu cây cau. Có tiếng đàn bà thở dài xen lẫn tiếng chông tre kẽo cà kẽo kẹt vọng từ ngôi nhà kế bên. Tiếp đến là tiếng tắc kè tặc lưỡi nghe như tiếng người nấc chậm, khô, vọng lên từ đáy mộ. Tiếng này nói với bà góa phụ:

**Thưa bà, tôi mới qua hầu chuyện
Trưởng lão đông lân, Thánh hạnh đàn, (1)
Thi bá khuya sang làm lãng tử
Tàng hình đi cứu khổ nhân gian.**

**Ngài dặn tôi rang ngô túc tắc (2)
Làm quà biếu tặng bà cô đơn,**

(1) Ám chỉ Khổng Tử “tuyên thánh hạnh đàn”, tức giảng đạo thánh hiền từ trên đàn phủ bóng cây hạnh.

(2) Tiếng tắc kè kêu.

**Chỉ thâm giao với ai không ngữ
Biết lắng nghe trăng chuyện với vườn.**

**Nghe sương tí tách gieo liều đá,
Búng tịch mịch lên, khuấy bột gàn.
Mỗi ngón đàn tay cong nhấn lệch
Tất còn ngân buốt hồn thi nhân.**

**Ngóc từ đáy đất gò trâu ngữ
Rễ muồm trở mình nứt bờ đê;
Giòn rụm sành toang và sủ toé;
Lũ dim xì xụp mồm bò quê.**

**Móng cú vên vè bời cốt thán,
Hiền bằng Hà Bá, ác ngang tiên.
Mỗi âm tiết rớt âm khuya thẳm :
Máu chảy ngoài da, ruột rối mềm.**

*Thi bá ngắt lời con tắc kè. Giọng ông khi gay gắt, khi
ngọt ngào, khi hờn hờ, nhưng luôn luôn sang sảng.*

**Tắc kè ! tôi thấy ông cường điệu,
Khóc mướn thương vay tặt ướt dầm,
Nội hoạn nhìn khe, xa đích nhũn:
Chuyện này đâu để kể mùi tâm !**

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 531

**Ai oán long jơ, mòn lưỡi vệt;
Bao giờ phá được vận sông nâu ! (3)
Bao giờ thấy được đường bùng sáng,
Thoát bóng mê cung vạn cổ sầu !**

**Bao giờ vận hội, đến bao giờ
Tang tóc thôi trùm đầu trẻ thơ,
Nước chảy xuôi, sông trôi đúng mạch,
Chân đê đóng chắc những chân cừ !**

**Bến bắc lặn ra ngoài biển lớn,
Hồi lên nguồn để trứng ngậy bùi,
Cửa thông ra núi trời hoành tráng,
Giá sách hồn bầy kiến thức vui !**

**Tâm tư nội thất hồng trang trí,
Phòng kỷ niệm nhô sẵn nút đèn
Vào bật bùng lên hồn điệp thảo, (4)
Mình nhìn mình hết tủi thân đen !**

(3) Áo nhuộm bằng củ nâu, lá sông của nông dân Bắc Việt.

(4) Hoa bướm, hoa păng xê - pensée: hoa tư tưởng.

Ý niệm vàng đâm hoa kết trái,
Rạng nụ cười một tâm thái phong niên, (5)
Mỗi đời một tích sản trông lên
Từ ủ ươm xanh ròn lá mạ !

Nối đuôi nhau mút mùa trù mật,
Những xóm làng vườn quả sum suê,
Đường cái thênh thang gió đồng lộng thổi,
Xe bon chở vụ tháng mười về !

Mắt trẻ lấp la sênh tiền mới,
Lão già ngồi gõ cổ bòn ca.
Sử thi này lấy tâm mà viết,
Tức cảnh đời tô nét đậm đà !

Thi bá vẫn tiếp tục tung hứng ca ngâm tự sự với một giọng hào sảng. Ánh nguyệt lung lay xào xạc trên tàn lá cây cau bên vườn nhà bà góa phụ.

Đã may mắn bước qua trẫm cửa,
Cửa cuối cùng ráng thế kỷ sau. (6)
Đã một lần sa chân sập bẫy,
Tưởng thương lành, sẹo vuốt còn đau.

Đã tạt qua thăm lãng khát sĩ ?
Miệng hề ngộ chữ mưa lôi thôi.

(5) Năm được mùa.

(6) Thế kỷ 21.

**Cắt đi cái mặt già thương khó,
Phơi phóng thơ lam là đủ rồi !**

**Đã nòng nặc bia ôm dốc cốc,
Gặp cha tóc nhuộm muốn bơi rùng :
“Cháu ơi ! à Sáu ! Mười cung Sáu”,
Sáu đảo, Mười đâm, cát lộn vừng.**

**Thuyền ra biển, (7) biển mừng rên rĩ;
Mẹ ngọt ngào chòm khế (8) nỉ non;
Sống viết “thơ tình chui”(9) sợ Tố, (10)
Chết chôn Văn Điền (11) chẳng ai dòm.**

**Giọt Thúy Kiều hoang mồ mả Đạm
Rỏ sùi sụt mũi súng sâu âu.
Hùng ca nghe ối a buồn chết,
Mị được hư vô nhiễm độc đầu.**

**Gián ngoáy học mòn, chuột chính thiu;
Đĩa đèn giẻ bắc lửa riu riu;**

(7) Chỉ để một bài thơ tình trai gái phổ nhạc thịnh hành ở Việt Nam.

(8) Chỉ để một bài thơ yêu quê hương phổ nhạc thịnh hành ở Việt Nam.

(9) Câu của Xuân Diệu lúc cuối đời, ám chỉ phận thi nô của mình.

(10) Tố Hữu.

(11) Nghĩa trang dành cho các đảng viên cộng sản cấp dưới.

**Chõng tre một nạo vang khô khác;
Tiếng vạc kêu sông cuốn thủy triều...**

*Tiếng tắc kè buông giòn một chuỗi, ngắt lời thi bá.
Tiếng bà góa phụ thở dài ngao ngán, xen tiếng chõng tre kéo
kẹt. Lại như có tiếng người vọng lên từ đáy mộ.*

**Thi bá! tôi e ông tọc mạch,
Mặc bầy cá diếc rửa bè ao.**

Thi bá ngắt lời tắc kè; giọng ông bỗng trở nên gay gắt:

**Tắc kè ! Đừng giả ngơ vờ diếc,
Xác nhập thơ tôi cũng biết gào !**

**Địa ngục trần gian đất nước này,
Một phường nạ quỷ máu đầy tay.
Bàn thờ Phật nó ngồi chồm hồm,
Phóng uế ngay trên định nghĩa người.**

**Bình quân chủ nghĩa cưa hai chân,
Tháp cũ bia xưa phá trụi trần.
Giết triệu người vì dăm khẩu hiệu,
Tội này xí xóa là vô luân !**

**Trước cảnh đạo đòi quỷ bức xâm, (12)
Nhà chùa sao nữ ngồi vô tâm.**

(12) *Xâm phạm và bức hại.*

**Đại khái xuề xòa Thầy có tội,
Bác ái lung tung Đại Đức lắm.**

*Tiếng tắc kè lại ngắt lời thi bá. Như có tiếng nấc cụt
vọng lên từ đáy mộ:*

**Thi bá ! tôi e ông nói quá,
Coi chừng cực hữu đẩy hiền nhân !**

Thi bá ngắt lời tắc kè :

**Tôi đã nửa dang làm thánh giá
Vác cùng đồng cảnh vạ sinh linh; (13)
Mây non làm mái, rừng làm sạp;
Leo “Đỉnh Trời”(14) nghe máu sập sinh.**

**Độc “Bò Rồng” (15) bằm, rau phong phi
Nhét phỉnh phờ lòng đói lắt lay.
Chống cuộc bên mồ hoang tiễn biệt
Anh em ngã xuống vực tù đày.**

**Đã đây đó đổ đen khôn đại,
Thơ tử lệ xuôi với vóc đời.**

(13) Tù chính trị bị lao động khổ sai.

*(14) Tên anh em bạn tù đặt cho một ngọn núi cao ở Hoàng
Liên Sơn.*

*(15) Tên anh em tù đặt cho một con dốc đứng khi ta leo tới
đỉnh thì thở hổn hển như một con bò rồng.*

**Có lúc muốn làm con nhận bấc
Bay về xứ tưởng có ngôi ngơi.**

**Có lúc ngôn từ ta bất cập
Trước điều mắt thấy và tai nghe.
Nỗi niềm ghen nghịu đầu ùn tắc,
Ta gửi lời trong tiếng tắc kè.**

**Áp úng *goài* rồi lại í a,
Đem ra thủ thi cùng hoa nhà.
Tắc kè tặc lưỡi hiên hàng xóm :
Một tắc tường nghìn dặm cách xa !**

**Chứng cạm này mắc do nhân định :
Người chẳng buồn nghe chuyện của người.
Họng phóng chít chiu toàn thứ cuội
Tôm ùm nước xoáy bật tằm hơi.**

**Sống ép lèn làm méo ốc sên,
Mắt lia thay mép, lạnh như tiền.
Cộng đồng, một mỹ miều ngoa ngữ,
Miễn trả lời người ối á đêm.**

**Tiếng Việt gì kêu như tiếng Tàu :
Hận thù tháo chốt thành tru ngao,
Liếc rảnh cỗ máy cửa phạm phậ,
Kẻ rống người gào chẳng hiểu nhau.**

**Đành về chuyện với bà dâm bụi,
Mười mấy năm hoen gỉ tiếng người.**

**Hỏi tắc kè sao đặng tặc lười ?
– Buồn thì tâm sự, Bắc Kỳ ơi !**

Từ ngôi nhà kế bên vọng sang tiếng bà góa phụ trở mình trên chiếc chõng tre kêu kẻo kẹt. Rồi thì bá nghe thấy tiếng chân bà bước nhẹ trên sàn đất.

Ba đóm lửa nhang lập lòe cháy trên bàn thờ, hắt ánh sáng xanh qua khung cửa sổ mở sang nhà thi bá. Tiếng tắc kè tấp muỗ, giòn tan. Suong rơi tí tách trên đá vườn ngoài. Cảm cảnh, thi bá cất tiếng ngâm :

**“Thuở trời đất nổi cơn gió bụi” (1)
“Du du bỉ thương hề, thùỵ tạo nhân.” (2)
“Khứ khứ lạc mai (3) thanh tiệ̣m viẽn,
Hành hành chinh báĩ sắc hã man.” (4)**

**Mai rơi khúc sáo não nề,
Hành hành khứ khứ ngựa về yên không.
Cờ xa khuất cỡi bụi hồng,
Khuê phòng góa phụ khóc chồng tử ly.
Mắt nàng nằng quái từ bi
Bình vong ưu thảo lưu ly ánh chiều ...**

(1) Thơ Đoàn Thị Điểm, diễn nôm Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn.

(2) Này xanh thắm, hỡi ai gây nông nổi. – Thơ Đặng Trần Côn.

(3) Đặng Trần Côn trích thơ Lý Bạch : “Kim dạ hà nhân xuy ngọc dịch / Giang thành ngũ nguyệt lạc mai ba”: Đêm nay người nào thổi sáo ngọc / Chồn thành bên sông tháng Năm hoa mai rụng. — Chú thích của Vân Bình Tôn Thất Lương : “Hoa mai rụng là nghĩa khúc Lạc Mai.”

(4) Vơi lãn tiếng sáo khúc Mai Rơi / Lất phất cờ xa khuất mịt mù.

THAY KẾT TỪ

BẢN CHIÊU HỒN TỬ CHINH NHÂN

Từ thuở người đi tìm tá túc
Cho tâm ám cúng một ngôi nhà,
Hành trình dài đã bao thiên kỷ,
Gối mỗi, chân chôn, đích còn xa.

Ta đi giữ ánh tà hiu hắt,
Bỏ lại lao xao lốc bụi thành.
Cả túi càn khôn còn nửa chữ,
Sáng đường ta lửa của phiêu linh.

Ta hất đầu rơi tan tác thánh,
Sách vàng bỏ úa mục lầu son.
Ta đi về xứ u huyền sử,
Tiếng thú hu vang vách vực mòn.

Con sông cuộn sóng gầm nô nức :
Hội mắt trùng phùng hỏi chuyện ta.

**Chuyện kể trần luân kia khú rữ
Địa đảng rục rĩa giống anh hoa.**

**Ta vào tận hóc hang (*ta*) cùng cóc,
Bóc lớp cùi dày tảo địa y, (1)
Cạo nắm ký sinh, bùn bợn bám,
Bất thần gặp lại chàng uy nghi.**

**Trận địa càn xua còn bốc khói,
Đá bia phả hệ (2) vẫn còn gìn,
Một thanh gươm cấm mờ kiêu hãnh,
Chàng ngã xuống vì lòng cả tin.**

**Đã hào phóng quá đôi khoan dung,
Thả đám hàng binh, lũ giặc rùng.
Đường đến siêu nhiên chàng té sấp,
Hình hài bầm sẫm vết vằm lưng.**

**Lịch sử dim bằng luật số đông,
Mực đen tà khí phà tanh nồng.
Tích nhân đọa mã do khinh suất,
Uất huyết nghìn sau chữa cạn dòng.**

(1) *Dạng thực vật hình thành do cộng sinh giữa tảo và nấm.*

(2) *Các thế hệ nối tiếp nhau trong một dòng họ.*

Còn tồn phần nộ bùng tia thép
Rớt giữa bùng nhùng đám giòi nhoi.
Thân xác chàng nát tan ngựa xéo,
Anh hồn chàng hồ thủy gương soi.

Chiến tích chàng tâm nay vẫn tỏ,
Ta vào cời lại bản năng son.
Ôi chao ! là nóng ran hào hãn,
Ủ giá nghìn đông lửa vẫn giòn.

Phương phi, mãnh liệt và tinh khiết;
Chữa lăm mê luân, bản giáo điều.
Chàng khắc gót sâu đường thụ sử,
Tóc ngẫu cuộn cuộn sóng phù điêu.

In dấu đời lên dốc gập ghềnh,
Ngươi màu lục quắc, mắt mèo linh
Nhìn sâu sát đáy, cao vời vợi,
Thấy được du ti (3), đôi hải kính.

Lời gào át thác : beo hùm chạy,
Hoả diệm chàng phun bật nóc trời.

(3) *Tơ nhận bay.*

**Hô hấp chàng gằm rung khí quyển,
Ngủ bờ gáy dậy sóng trùng khơi.**

**Đêm ấy miêu ly tru sói hú,
Tùng phong du gió thổi phì phù,
Tiếng rơi của một loài chim hiếm
Đập núi tròng trành, vỡ tịch u.**

**Toé tung bụi bắn trắng tia lò
Nạm sáng phòng hồn kỷ niệm ta.
Đêm ấy phong nghi chàng lấm liệt,
Chết còn trác tuyệt chum hào hoa.**

**Dũng khí chàng tro lòng ta vẫn ủ,
Anh hồn chàng về dấy lửa ưu sinh.
Có mùa ta héo hon buồn chết,
Phách lực chàng bơm huyết nhiệt tình.**

**Ta vào nội ngục phá mê cung,
Ám chướng nhận giăng lưới mịt mù,
Bấm nút đèn soi hồn điệp thảo,
Một hồn hời chữa khổ lưu vong.**

— *Sài Gòn*
1990

Trích Đoạn

BÀI PHÒNG VẤN

của

VIETHOME MAGAZINE

ngày 22 -1- 2003

– **VIETHOME:** *Nếu được, xin thi sĩ cho biết về những gì đã xảy ra cho ông và gia đình sau ngày 30-4-1975?*

– **CTT :** Trước hết, xin nói đến hoàn cảnh gia đình tôi trong lúc tôi bị cộng sản bắt đi ở tù trong 10 năm. Dù ở ngoài tù, vì bị xếp loại thuộc gia đình “ngụy”, vợ con tôi bị theo dõi, canh chừng, đối xử kỳ thị về nhiều mặt, kinh tế, giáo dục, công ăn việc làm, và tất nhiên là chính trị, nên phải sống cơ cực và lo sợ thường xuyên. Hai đứa con trai lớn của tôi đã phải đi trốn khi bị cộng sản trưng tập để gửi sang làm mồi cho súng tại chiến trường Kampuchia.

Đại khái hoàn cảnh gia đình tôi là như thế.

Xin miễn tiếp tục việc kể khổ về vợ con mình.

Bi kịch Việt Nam có tính cách cộng nghiệp: nó tác động đến hàng triệu gia đình ở cùng một mức độ khắc nghiệt và thâm trầm như nhau. Một cuộc thanh tủy giai cấp xảy ra trong lòng dân tộc. Qua sự kiện mọi người dân bị tước đoạt những quyền tự do cơ bản và thường xuyên bị theo dõi, canh chừng bởi một mạng lưới công an xã, công an phường, an ninh chìm, chỉ điểm viên dày đặc, giăng bủa khắp nơi, ta có thể nói cả một dân tộc bị ở tù dưới hình thức

này hay hình thức khác: thứ tù giam lỏng trong một nhà tù vô hình vĩ đại là Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Riêng bản thân tôi đã phải trải qua mười năm trong cái cộng sản gọi là “trại tập trung cải tạo.” Một cách gọi khôi hài đen cho một hiện thực là đời sống mà các trại viên “cải tạo” được hưởng không khác gì hơn đời sống của những người bị đưa đi an trí, đày ải, khổ sai, hành hạ, bứt, tách ra khỏi thế giới bình thường bên ngoài của những con người bình thường, với những chuẩn mực văn minh bình thường họ đã từng quen thuộc với và đã góp công bồi đắp cho nó tốt đẹp hơn.

Trọng lượng của nhân tính rơi đi trong không gian bất bình thường ấy, với những người tù bị điều kiện hoá theo phương pháp Pavlov, bị đập đầu xuống hàng súc vật bởi những tên cai ngục súc sinh — sự lại giống của quỷ.

Mỗi một thể xác vì lao động khổ sai và suy dinh dưỡng hay sự hành hạ của bệnh tật vì thiếu thuốc men và không được chữa trị đúng mức, và gì nữa, không ghê gớm bằng cái đói, nó tra tấn bụng và tàn phá nhân cách người tù một cách khủng khiếp.

Xin dẫn ra một trường hợp điển hình. Có những người tù vì đói quá nên đã phải ăn vụng, vôi, vốc chút cám hầm của lợn hay chút cơm thừa canh cặn của bọn cai ngục vô ý một cách cố ý bày ra trước mắt họ. Cảnh tượng này nói lên bi kịch của phận người khi bị kéo xuống mức những bản năng sơ đẳng nhất, mà đồng thời còn là một bản cáo trạng hùng hồn về sự trả thù đê mạt của cộng sản đối với những người tù quốc gia của chúng.

Theo những nhà làm luật cộng sản, người tù quốc gia ngoài là một thường phạm còn là một kẻ thù giai cấp. Quan niệm tội phạm học danh tiếng nói chung thậm chí cho ý hệ chính trị này, theo thiên ý, là nguyên nhân của nguyên nhân những hành xử nhẫn tâm của tên cai ngục cộng sản đối với

nạn nhân của y.

Xét đến cùng kỳ lý, y cơ bản là một *con bệnh nhân cách* — *psychopath*. Cấu trúc tâm lý của y bị phá vỡ, phân liệt, khiến y không cảm thấy có tội khi làm điều ác, mà đồng thời cũng làm y mất đi khả năng tạo được các liên hệ cảm xúc với những người khác, kể cả những người gặp nạn, cô thế, cần sự giúp đỡ của đồng loại. Nói cách khác, y không biết mùi lòng. Tình cảm thương ảm này, nếu có, phải bị bóp chết : một điều kiện tiên quyết để được cấp thẻ đảng và tiến thân. Chức vụ càng cao càng phải chai sắt hơn. Bất nhân tội cùng khi lên tới đỉnh quyền lực.

Trường hợp sau là một bằng cứ hùng hồn: Để ém nhẹm việc làm đồi bại của mình, một chủ tịch đảng kiêm chủ tịch nước đã ra lệnh cho một bộ hạ hãm hiếp rồi thủ tiêu cô sơn nữ bằng tuổi cháu y đã bị ép làm nô lệ tình dục cho y và đã có con với y.

Sự sụp đổ của thể cân bằng tâm lý cần có cho một đời sống tinh thần lành mạnh xoá đi khả năng tự kiềm chế và mở van cho những xung lực tối tăm, hung dữ ủa ra, không cưỡng nổi. Trong trường hợp đối tượng là một *apparatchik*, tức người của guồng máy *apparat* của cộng sản, bệnh gia trọng vì có thêm yếu tố hoang tưởng, muốn “xê dọc” thực tại người, và lịch sử — như xê dọc Trường Sơn — bằng những nhát cuộc của một chủ nghĩa hư vô, miên du, nha phiến, được tên phù thủy *shaman* nhồi nhét có hệ thống vào sọ não con bệnh, biến hẳn thành một *kẻ kỳ người*, đối nghịch với người — một con quỷ.

Cũng như mọi thể nhân khác, người *apparatchik* cần có niềm tin để sống. Để thế chỗ cho niềm tin tôn giáo mà hẳn không có, hẳn tôn sùng cái hẳn gọi là bạo lực cách mạng và dựng nó thành một thứ nhà thờ ở đó lãnh tụ đóng vai một Thượng Đế nhân chủng, đảng kỳ thay cho đạo kỳ và khẩu AK làm cây thánh giá. Dưới chiêu bài đấu tranh

giai cấp học vẹt từ ngoại nhân, nôm na là sự sử dụng bạo lực của gậy gộc, tầm vông, mã tấu để cướp đoạt tài sản của người bị đầu tó, hấn “trọng thị” việc giết người như một nhiệm vụ cao cả.

Tội ác của cộng sản, nghĩ cho cùng, xuất phát từ một giải thích lệch lạc về lẽ tiến hoá của loài người.

Từ thế giới tự nhiên chuyển sang xã hội người, người cộng sản đã võ đoán và đơn tương rút nhỏ học thuyết “*Tuyển lựa tự nhiên các giống*” của Darwin thành một quy luật đào thải tàn bạo, mạnh được yếu thua, kiêu cá lớn nuốt cá bé.

Qua lăng kính nhân sinh quan tạt nguyên này, hấn chỉ thấy toàn màu đỏ, màu đỏ của máu người, màu chủ của lá quốc kỳ của hấn. Với cảm tính của một con bò mộng trong trường đấu, hấn bị úm và loá mắt bởi vẻ đẹp chói chang không cưỡng nổi của cái màu nguyên ma chướng ấy, không hiểu rằng nụ hôn nồng thắm nó ban cho cũng là nhát gươm giết chết nhân tính hấn.

Dưới tác động ma thuật của chủ nghĩa và sau một vòng biện chứng duy vật lịch sử lẫn quẩn, hấn thoát sinh thành một người — cộng sản — nguyên thủy sống bằng những giáo điều thần chú, bằng cái liềm, cái búa, ngôi sao vàng vật tổ, và bằng máu đồng loại, kể cả máu loãng của những người bản cố nông đã chót một thời hy sinh xương máu cho hấn và là thần hộ mệnh của hấn.

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã triệt để khai thác nguồn nhân lực dồi dào và quái gở ấy để thực hiện ý đồ cuồng sát của nó. Trên thực tế, nó đã giết hại hàng trăm ngàn người nông dân trong cuộc cải cách ruộng đất của những năm 1950 và đã ném hàng triệu sinh linh vào lò lửa một cuộc chiến tranh khốc liệt, phi lý và dài nhất thế kỷ mà không chùn tay.

Lịch sử Việt Nam bảy chục năm qua kể từ lúc nó ra

đời là một *orgie* ê hê máu. Và, lời “*thề phanh thây uống máu quân thù*”— ngoại bang và giai cấp — một thuở hát lên vẫn còn vang đau tâm thức Việt Nam như một lời nói gở. Lời nguyện rửa của quý. Sự trượt ngã của nhân cách trong tha hoá vì chủ nghĩa của người nghệ sĩ. Mà cũng là nhát dao chém vào lương tri dân tộc.

Cảnh tù ngục cộng sản, cảnh của một địa ngục trần gian. Ai cũng biết điều này.

Ở đây tôi chỉ xin bổ sung một số yếu tố nghiệm sinh của bản thân và đồng phạm để bức tranh toàn cảnh được hoàn chỉnh hơn.

Ý tôi muốn nói : câu chuyện tù không chỉ đơn thuần một màu ảm đạm, yếm thế, vãn than mà còn là của những trải nghiệm nhân sinh thâm thía và khích lệ. Chẳng hạn như sự vươn dậy trước nghịch cảnh của một nhân cách chín muồi trong đau khổ, vũng vàng, sâu lắng, tự tin, tự tại, khoan dung, chu đáo, hữu nghị, trân quý tha-nhân-kẻ-qua--đó-và-nhờ-đó tôi sống được đầy, đủ, tốt và đẹp con người xã hội của tôi; hay sự nảy nở giữa những người tù đồng cam cộng khổ với nhau của một ý thức cộng đồng cao độ và một tinh thần tương thân tương ái khăng khít; hay sự cảm nghiệm vai trò cần thiết — đặc biệt cho những tâm hồn bơ vơ lạc bước trên nẻo vô thân — của một niềm tin tôn giáo để không rơi xuống hố thẳm của tuyệt vọng. Và, sự cứu rỗi đã xảy ra : đức tin này đã trang bị cho người đắc quả một sức mạnh tinh thần để đương đầu hữu hiệu với chủ tâm muốn đánh gục nhân cách người tù của tên cai ngục xa địch và nham hiểm.

Chiến thắng được hiểu ở đây một cách khiêm tốn là sự sống sót của nhân tính trước những thử thách cực độ, để làm điên mà những người tù phải thường xuyên đương đầu với. Đây là ngưỡng tối đa mà hấn phải và chỉ có thể vươn tới được trong một hoàn cảnh bị giải giới, câu thúc, bị rút

thành một hiện hữu tối thiểu, tồn tại với một khẩu phần tối thiểu cung cấp khoảng 700 calories một ngày, và bị “đóng hộp” trong một không gian tối thiểu mà mật độ dân số là 1,25 người trên 1 mét vuông, chung sống với rệp và tấm bằng mồ hôi của chính mình khi nhiệt độ phòng giam lên trên 40 độ C vào mùa hè, làm liên tưởng đến những hầm tàu biển nhưng nhúc nhứ những người Châu Phi bị bắt đi làm nô lệ tại Châu Mỹ của những thế kỷ xa xưa.

Sống trong một tình huống o ép cực độ đến vậy chỉ còn vồn vẹn là một động thái vụn vặt mà trọng đại là làm sao chế ngự được cơn thú chột trong mình. Nó nằm ở bụng. Mà một khi bụng đói không được ăn, nó gõ búa lên đầu và làm rung chuyển nhân cách ở cấp 7 thang *Richter*. Sự sụp đổ có thể xảy ra trong một nháy mắt, như phản ứng tức thì của một đầu gối bị một cái gậy gõ mạnh vào. Chẳng có cách chống đỡ nào hữu hiệu hơn phương pháp khổ tu và sự khắc kỷ. Một thứ hành xác tự áp đặt lên bản thân nhằm làm vơi đi tới mức có thể chịu đựng được lực đè của vật chất lên tinh thần và chấm dứt tình trạng nhân cách bị giữ làm con tin của thân xác. Kể cả trường hợp luyện sinh là kẻ ngoại đạo, khổ tu này là một thứ thiền luyện tác động lên trung khu khí lực và thần kinh nhằm giành lại cho cái đầu quyền điều khiển cái bụng và các bộ phận khác của cơ thể, chứ không ngược lại như hiểm ý của bọn cai ngục và các quan thầy trung ương của chúng muốn.

Nói cách khác, điều kiện tự cứu rồi là trước hết ta phải giữ cho tâm hồn được thanh khiết, rồi lấy sự thanh khiết này để tẩy rửa thân xác mình đang ngập ngụa trong một vũng đời ô trọc. Chẳng có cách nào khác : đường cứu rồi là một con đường một chiều — con đường duy ý chí.

Trên một khía cạnh nào đó, nhà tù là một thứ chủng viện thế tục — một nghịch ngữ — ở đó người tù chủ yếu không học làm một thầy tu mà học làm một động vật thẳng

được chính nó. Hiểu như là ở đó, để sống sót như một nhân cách, người tù phải học làm một người khắc kỷ.

Ernest Hemingway có một nhận xét mang tính châm ngôn : “*Man can be destroyed but not defeated — Con người có thể bị giết chết nhưng không thể bị đánh bại.*” Bởi con người là một động vật duy nhất có văn hoá.

Văn hoá là một giá trị tinh thần mà một phần do thể hệ hiện tại làm ra; phần còn lại kế thừa từ tổ tiên thông qua ngôn ngữ và một di thể văn hoá gọi là *neme* khắc in trong tâm khảm mỗi người dân và làm nên tính dân tộc của họ. Giá trị tinh thần này trường tồn với dân tộc cho đến ngày dân tộc bị diệt chủng nếu có. Vì vậy, những trận đòn tra tấn dã man của tên cai ngục có thể làm tan nát hình hài người tù nhưng không thể phá vỡ được sự nguyên vẹn của giá trị tinh thần ấy. Hồ Dzếnh viết “*Nát thân không nát nổi hồn.*” Bởi văn hoá, cơ bản, là hồn. Là một cái bóng, một hiện hữu ảo nhưng không hư vì kết tinh từ thực tiễn lịch sử, truyền từ tâm thức người tử tù bất khuất sang tâm thức các bạn tù còn sống và tâm thức triệu triệu người dân ngoài xã hội. Nó là một sức mạnh bất khả bại.

Đời tù, như vậy, đâu chỉ toàn chuyện tiêu cực và yếm thế. Đối với những người không chịu thúc thủ trước nghịch cảnh — không thiếu những người này trong tù — nó còn là một trường huấn nhục đào tạo người nên người hơn.

Tất nhiên, không chỉ đời tù mà còn những cảnh đời khác cũng đưa ra những thử thách cam go mà con người phải khắc phục để vượt lên trên mình. Điểm then chốt của vấn đề không là thắng hay bại mà là ta có dám dốc hết nghị lực, trí năng, tâm thức, tức trọn vẹn ta, vào việc thực hiện dự án làm người của ta không. Ta sống trong hoàn cảnh, và nghệ thuật sống là sống làm sao để có thể tự nở hoa trong hoàn cảnh, kể cả trường hợp hoàn cảnh là một vũng lầy muốn chôn vùi nhân cách ta.

Những khổ nạn và oan khiên mà những người tù bại trận phải gánh chịu đã đào xới châu thân và đảo lộn nhân sinh quan của tôi. Dưới tác động của cú sốc toàn thân này, tôi bỗng cảm thấy sự hiện hữu của tôi gắn liền với những người đồng phạm trong một quan hệ liên đới không có chỗ cho những toan tính vị kỷ hay giẫm đạp lên kẻ khác để giành đất sống cho riêng mình.

Tâm thức này, tôi nhận thấy, cũng là của các bạn tù của tôi và đã giúp chúng tôi bảo vệ được nhân cách mặc dù bị xua, lừa vào một hoàn cảnh sống bầy đàn như muông thú. Còn khắc in tâm thức tôi cử chỉ của một người tù đã nhường cho người bạn đang bị trọng bệnh của mình tất cả những viên thuốc hiếm quý còn lại mà người vợ đã chất chiu gửi cho anh ta.

Hỷ xả này làm tôi nhớ lại một câu của Saint Exupery đại khái như sau : *Văn minh nhân bản là một trăm người thợ mỏ sẵn sàng hy sinh tính mạng để cứu một đồng nghiệp đang mắc kẹt trong lòng đất.*

Đến lượt nó, sự thay đổi nhân sinh quan trên lại tác động mạnh đến và làm thơ tôi chuyển sang một hướng sáng tác mới và những chân trời nhân văn rộng lớn hơn. Bởi vì thơ một phần nào là chiếc bóng và tiếng vang của đời sống thi nhân với tư cách một người của hoàn cảnh và của thời đại.

Xin dẫn chứng với một thí dụ về sự chuyển hướng trong quan niệm luyện ái của tôi chẳng hạn.

Cuộc đảo lộn nếp sống một cách mãnh liệt và ghê gớm cũng có khía cạnh tích cực của nó cho thơ tôi.

Tôi tự cảm thấy không thể cứ tiếp tục giam hẹp thơ mình vào trong khuôn hạn của một cái tôi lãng mạn thuở trước với những biểu tượng nào là căn gác trọ vắt lưng trời ở Xóm Học Paris, nào là chiếc ghé đá vườn Lục Xâm, nào là công viên lá đổ trước một quán nhỏ hện hò trên tả ngạn

sông Seine, hay một sân ga đèn vàng một chiều đông tiễn em về xứ mẹ.

Những dấu ấn này dù có đậm đà đến đâu chẳng nữa thì cũng đã sống xong đời sống hữu dụng của chúng rồi.

Cõi thơ của tôi bây giờ mở về những chân trời bát ngát hơn của đất nước, vũ trụ và lịch sử :

*Phố ấy Đông Đãng trùng điệp núi,
Đá mòn thành tượng của tình chung :
Em đứng ôm con, bông mưa nắng,
Sắt son, dững cảm đến Kỳ Cùng.*

hoặc :

*Tóc vấn phong ba em đứng mũi
Một thuyền lèo lái cõi càn khôn.*

hoặc :

*Em là lửa ấm đêm đông rét,
Trận gió đem mưa giữa hạn hè.*

hoặc :

*Là khởi sự cùng là kết thúc,
Đầu nguồn mạch nước, cuối dòng sông,
Em sinh sôi những áng cầu vồng
Trước Sách Ước đến sau cùng Lịch Sử*

Chủ ý của tôi khi làm những câu thơ trên là muốn bút ra khỏi từ trường của cái tôi lãng mạn thuở Tình Ca và để tạo hình cho một hướng trữ tình mới phản ánh cái ta chung có tầm vóc huyền sử của hàng trăm ngàn nàng tù phụ thủ tiết chờ chồng.

– **VIETHOME:** *Không còn lãng mạn, tức thi sĩ muốn nói là đã quay lưng lại với hiện thực?*

– **CTT :** Nếu hiểu hiện thực là tả chân, thì thơ tôi không hiện thực. Xin dẫn chứng với một thí dụ. Cảnh tượng trại tập trung cộng sản là một hiện thực quái đản. Nơi

cưỡng trú của những bộ xương “cách trí” khảng khiu di động là những người tù khổ sai; nhẹ nhõm, bông bênh như những bóng ma; nhất cử nhất động đều bị theo dõi, canh chừng bởi những cặp mắt đỏ như mắt cá chày của bọn cai tù mặt búng da chì, môi thâm như bị vắt hết máu — sự hiện thân của quỷ nhô lên từ địa ti. Một hiện thực nhoè lẫn với cái thế giới hoang đường, điên sáng, phi lý của những cơn mộng dữ. Làm thơ về nó, theo thiên ý, là làm sao nêu bật được sắc thái siêu thực này của nó. Là tái tạo nó thành một thứ tranh daliesque qua lăng kính của một ngôn ngữ hình tượng giàu tính ẩn dụ và có sức truyền cảm mãnh liệt.

Tập *Lời Viết Hai Tay* có những câu thơ cố gắng trình bày lao cảnh dưới một ánh sáng siêu — *hiện* — thực :

Gió lắt lay lau đau thoi thóp;

Chang chang pha quét bãi mìn ngâm; (1)

Trời thêm thiếp nhói sao lồng ngực;

Con dím hoang đường cọc gi đâm. (2)

Ngôn ngữ thơ này phản ánh một thế giới kinh dị.

Làm sao mà không kinh hoàng trước một hiện thực như vậy! Đối với một hồn thơ bấn nhay và bị thương, những tia sao hoá thành những mũi kim chích nhói thấu tim, và dưới góc độ một cái nhìn toàn cảnh từ trên cao và với một trạng thái lơ lửng giữa tỉnh và mê, quần thể trại tù mang dáng dấp một con quái vật tiền sử.

Ngôn ngữ thơ như trên không tả chân hiện thực mà nâng cấp nó lên thành một siêu — *hiện* — thực. Một hiện thực ngoài đời xấu xí, nhưng khi vào thơ như một đối tượng nghệ thuật thì có thể trở thành “đẹp”, tức là có một giá trị nghệ thuật. Cái đẹp không xuất phát từ tự thân đối tượng mà là của cái ngôn ngữ người thi sĩ khoác mặc cho nó. Nó trở thành một hình tượng nghệ thuật.

Xin tiếp tục câu chuyện về hiện thực qua cách nhìn của

nghệ thuật. Trong con mắt người nghệ sĩ vật *vừa là cái nó là vừa là cái nó có thể là.*

Khoảng cách bản thể này cho phép người nghệ sĩ sáng tạo lại thế giới. Với óc liên tưởng phong phú của mình, người thi sĩ có khả năng “làm khác” hiện thực thành cái nó khác, chứ không phải cái khác nó, bằng cách bố trí nó vào trong một quan hệ tương tượng chặt chẽ và hữu lý giữa nó và những hiện thực khác. Thao tác tiến hành với một thủ thuật ngôn ngữ gọi là hoán dụ : dùng tên gọi của vật này để chỉ một vật khác. Khả năng hoán xưng này vô tận.

Với tính cách một môi trường thuận lợi cho sự tung cánh của liên tưởng, thơ là một phương thức thể hiện tối ưu tính muôn hình muôn vẻ của một nguyên lý tối thượng thống soái mọi động thái tồn tại trong vũ trụ : nguyên lý Thần Ngôn, tức Logos. Cơ bản, thơ là một giấc mơ nhân văn hoá hiện thực :

*Nồn quánh như sơn nhựa dẻo dòng
Mang xuân tình đất phát lên cành.
Sum suê cây túa tân hình học
Duỗi cánh tay thần đẩy mây lên cao.
Núi vắt vơon vai người truyền thuyết,
Một vùng lửa lộc lập loè soi.
Nắng châm sen thấp son vưu vật,
Cúc giục mai đâm lóm đóm vàng.*

– **VIETHOME** : *Trong giai đoạn ở tù, thi sĩ có sáng tác thơ tình nào không hay chỉ toàn là thơ tù thôi?*

– **CTT** : Có chứ, và khá nhiều đấy. Chất trữ tình nó ở trong máu mình rồi, có muốn cai nó cũng không được.

– **VIETHOME** : *Trữ tình trong trí tưởng?*

– **CTT** : Tất nhiên thôi. Một thứ trữ tình “chay trường” đượm màu tôn giáo, có hình thái của một tụng ca

vinh thăng các tù phụ Việt Nam Cộng Hoà lên hàng những nữ thần huyền sử. Bởi vì, với sự hy sinh lớn lao và tấm gương đức hạnh sáng ngời của mình, họ xứng đáng được vinh danh như vậy. Cảnh sầu ly “*có chồng mà tưởng như chồng mất / hương nhang đã cháy ở trong lòng*” của họ là một mảng màu sẫm của thảm kịch dân tộc do cộng sản gây nên một cách quy mô và có hệ thống. Câu nói “*nước mắt nhà tan*” của ông cha ta quả là thấm thía. Xin trích dẫn một số câu thơ tôi làm trong tù tiêu biểu cho dòng trữ tình vừa miêu tả :

*Nhớ em trông ngóng hằng đêm
Màn lay tưởng tóc, gối mềm tưởng da.*

hoặc :

*Chín năm tinh khiết tình ta
Ướp uơm tim một hương hoa nồng nàn.
Trời vào thu thở mơn man,
Người yêu dấu đến gợn làn hơi may.*

hoặc :

*Người đi khuya khoắt rì rào,
Thướt tha sâu lắng, thanh cao bông bênh.
Chín mùa trái gió lênh đênh
Sắt son chưa lạt, thệ tình chưa phai.*

hoặc :

*Em về giữa lúc khuya sang
Mênh mông đức hạnh, dịu dàng ưu tư.
Em đoan trang dáng hiền từ
Tóc rùng thu liễu rũ bờ vai thương.
Em gồm chín cội xanh dương
Lòng đôi mắt thắm khôn lường vị tha.
Em vào lớp lánh sương sa
Và mang ơn phước nguy nga từ trời.*

hoặc :

554 * CUNG TRÀM TƯỚNG

*Mai sau ngủ gốc cây sồi
Làm thiên thu chiếc miếu ngôi thờ em.*

Bức tranh không chỉ đơn thuần một màu ảm đạm, nó còn có những gam màu hoành tráng của sử thi :

*Hạnh phúc vò đau tay thú ác,
Án tình chà nát gót đười ươi.
Em vẫn hiên ngang từng lông trúc,
Vút roi quất ngã kẻ thù người.
Tóc vấn phong ba em đứng mũi
Một thuyền lèo lái cõi cần khôn.
Đau thương nhuộm mắt em kỳ diệu
Ngồi tỏ lưu ly tuyệt bích hôn.*

– **VIETHOME** : *Xin cho biết tính chất phản kháng và chống kháng trong thơ của thi sĩ.*

– **CTT** : Cũng như thơ của nhiều người tù khác, thơ của tôi có những vần phản kháng và chống kháng mãnh liệt. Giáo sư Nguyễn Ngọc Diễm gọi những vần thơ này của tôi là nô thi. Tôi tự nghĩ rằng, nếu không làm những vần thơ phản uất như vậy, tôi sẽ là một kẻ đạo đức giả.

Theo tôi, sự im lặng của người chứng kiến tội ác nếu không là một hành động a tông, thì cũng phải bị lên án ở mức độ nhẹ hơn. Xin trích dẫn một số câu thơ điển hình cho đồng nô thi của tôi :

*Cái đau vì nắng rần rần,
Vì thâm thù mới mười lần gớm hơn.
Mồ hôi tuột cán cuốc tron,
Nắm cho chặt nổi cãm hờn này nhe!*

hoặc :

*Một nhát quắm sâu dang đứt phứt
Nghe vùi hun hút một phiên âu.
Hai nhát tông bay rên xiết nửa*

Nghe chôn u uất bốn buồn rầu.

hoặc :

Một quắm. Hai tông. Ba phạt núi.

Bốn tông. Năm quắm. Sáu băng rừng.

Tùng ấy rừng băng chân cứng đá

Mai về đập vỡ cửa lao lung.

hoặc :

Vầu đanh dang cứng lia cho xót,

Nửa giòn tẻ ngọt lưỡi dao choang.

Đời khi mục khú trong chum kín,

Chỉ chút trời xa cũng thiên đàng.

hoặc :

Hãy chặt chặt sâu tông phất phất,

Hãy phang phang gắt quắm ào ào.

Mai về đạn nhảy ngay nòng súng,

Trục chỉ đầu thù nổ thật mau!

– **VIETHOME : Thi sĩ bất chấp hiểm nguy?**

– **CTT :** Vâng. Sự thúc giục của nàng Thơ và của lương tâm đã lấn át được nỗi sợ hãi tiềm ẩn trong tôi. Nhờ sự bảo mật và cảnh giác tối đa của các bạn tù yêu thơ tôi và của chính bản thân mình, và nhờ may mắn nữa, tôi đã lọt qua được sự kiểm soát chặt chẽ của bọn cai tù và sự dòm ngó đến hiếu kỳ của lũ ăng ten.

Nếu không, chắc tôi chỉ còn là một nắm xương khô nằm ở một nơi đèo heo hút gió nào đó của Hoàng Liên Sơn.

Xin kể ra một vài trường hợp cuu mạng thật cảm động. Hiền thê của một bạn tù khi đến thăm chồng đã giấu cất thơ tôi trong cuộn băng vệ sinh tùy thân của chị và đã mang nó an toàn ra khỏi trại giam, rồi sau đó chuyển lại cho vợ con tôi ở Sài Gòn.

Có một bạn tù khác đã chong đèn suốt mấy đêm liền

trước khi rời Việt Nam để học thuộc lòng trên 1000 câu thơ của tôi, rồi ngồi chép lại khi tới được bến bờ tự do. Nếu không có sự giúp đỡ tự nguyện và chu đáo của bộ nhớ siêu việt ấy, tập tâm sử thi *Bài Ca Niu Quan Tài* của tôi đã không thể ra mắt ở hải ngoại dưới dạng vẹn toàn của nó được.

Nhân đây, tôi xin bày tỏ thêm một lần nữa lòng biết ơn sâu xa và không phai lạt của tôi đối với hơn một quý nhân đã không quản ngại gian nguy để bảo bọc thơ tôi như bảo bọc chính châu thân họ. Họ thực sự là những anh hùng âm thầm, khiêm tốn, hèn hậu, sống đúng cái nghĩa “trương thân trương ái” của đạo lý cổ truyền Việt Nam cho dù có phải chuốc lấy những hiểm họa khó lường.

Từ các sự việc vừa kể xin đưa ra một số nhận định về văn hoá văn học, tức là mối quan hệ giữa sáng tác văn chương và sự đón nhận của người đọc.

Khi thơ hoà vào nhịp đập của đời sống hiện thực và qua nó xây dựng được những hình tượng nghệ thuật khái quát có tính điển hình cao, tức là những mẫu hình lý tưởng tạo khoái cảm mỹ học, người đọc với tư cách một thành viên của xã hội sẽ đến và ở lại với thơ, giữ nó vào lòng, tức thuộc lòng nó, rồi muốn chia sẻ khoái cảm này với người khác để cùng nhau chung hưởng.

Phản ứng dây chuyền lan đến bất tận trong không gian và thời gian, làm nên trí nhớ tập thể, lịch sử văn học, lịch sử ngôn ngữ, đặc biệt là trong giai đoạn thơ giữ vai trò chủ đạo trong văn học, và đồng thời cũng làm nên một phần của lịch sử dân tộc bởi vì qua thơ ta đọc được tâm tư của dân tộc.

Để giúp cho việc lưu truyền trong dân gian được dễ dàng và trung thực, thơ phải kiện toàn cái cơ chế gọi là thi pháp của nó, tức là cách tổ chức các yếu tố tứ, lời và nhạc thành một chỉnh thể mỹ học bền vững, ngoài tạo khoái cảm

tinh thần còn kích hoạt nơi người đọc khả năng lưu nhớ và ham muốn san sẻ hạnh phúc này với tha nhân. Như vậy, ta có thể nói thơ là một viện bảo tàng lý tưởng, một câu lạc bộ ưu tú, nền cộng hoà, chốn hẹn hò của những tâm hồn nhạy cảm và đồng điệu.

Trên mặt bằng nhân quần, thơ với tính cách một nghệ thuật của tâm hồn có khả năng nối kết nhân tâm và tạo đồng thuận tinh cảm cao hơn và bền vững hơn chính trị. Vì vậy chính trị kiểu độc tài độc trị bá đạo và vô văn hoá kỹ sức cuốn hút dễ sợ này của thơ và tìm cách vô hiệu hoá nó. Bằng giết chính người thơ, hoặc phát lưu hẩn khỏi cộng đồng, hoặc cải biến hẩn thành thi nô.

Cả ba cách đều nhắm vào một mục tiêu tối hậu : dập tắt tiếng nói của nàng Thơ, nữ thần của tự do — tự do tư tưởng, tự do phát biểu, tự do sáng tác. Ta hãy nhìn vào tình hình văn học Việt Nam mấy chục năm qua để có một ý niệm về tội sát thi ấy.

Thoạt tiên, ta không thấy có một bài thơ nào đáng được gọi là thơ xuất hiện trên văn đàn chính quy kiểm soát bởi nhà nước cộng sản. Lý do là vì, khi hồn thơ bị bóp chết bởi những giáo điều chính trị cứng nhắc, vô cảm, người làm thơ chỉ còn là một cái máy để chữ. Dưới búa rìu của khủng bố tinh thần phối hợp với một chính sách kiểm soát bao tử tinh vi, để tồn tại hẩn phải làm thơ theo chỉ thị của quan thầy chính trị, người chủ trả lương và cấp tem phiếu thực phẩm cho hẩn : hẩn hoá thành thi nô.

Ta hãy bàn về một tiến trình tự hủy.

Trên hiện trường bản thể của thi nô đã xảy ra hai vụ án mạng đưa đến cái chết của con người thơ và cái chết của con người đạo đức. Hung thủ không là ai khác ngoài chính thi nô : hẩn tự giết chết nhân cách của chính mình. Hẩn từ đấy tự rút nhỏ thành một bán hữu thể, một nửa người. Mà sống như một nửa người có còn là người hay đã hoá ngợm?

Ta hãy nhìn vào trường hợp đám thi nô cung đình Đồ để tìm câu trả lời. Vụ việc trở nên tồi tệ — cực kỳ tồi tệ — khi thi nô thừa lệnh của những tên chủ khát máu như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ... và băng đảng : hấn giết người bằng những vòn thơ cuồng sát của mình. Trường hợp điển hình là vụ hấn nhúng vào phong trào cải cách ruộng đất phát động ở miền Bắc trong thập niên 50 của thế kỷ trước và đã tàn sát trên 200.000 người dân vô tội. Tuy tay hấn không trực tiếp nhuộm máu đồng bào, nhưng một khi đã hành xử như vậy, thi nô có còn là ngọm, tức bán quý, hay đã hoá quý một trăm phần trăm?

Hỏi tức là trả lời.

Và, toà án của lương tâm dân tộc đã phán quyết.

– **VIETHOME** : *Thơ khác nhạc như thế nào và tại sao thơ cần phải phổ nhạc mới được nhiều người biết đến?*

– **CTT** : Sự khác biệt giữa thơ và nhạc là do có sự khác biệt về cung cách thẩm mỹ. Âm nhạc, như tên gọi của nó cho thấy, là nghệ thuật biểu hiện bằng âm thanh. Và cũng như sơn dầu của hội họa, gỗ, đá, đất thó của điêu khắc, âm thanh là vật chất. Nó được chuyển đến tai ta dưới dạng sóng do sự dao động và lượn sóng của các phân tử không khí tạo thành. Ta tiếp nhận nó bằng thính giác, tức là bằng giác quan trực tiếp. Trên phương diện cảm thụ nghệ thuật, hiện tượng này có một ý nghĩa quan trọng : Sự thể hiện vật chất, tức là bằng âm thanh, của âm nhạc chính là sự xuất hiện hình tượng nghệ thuật của nó.

Cung cách thẩm mỹ thay đổi khi ta chuyển từ nhạc sang thơ. Cho dù câu thơ hay bài thơ có hiện ra trước mắt ta hay được xướng lên để những lời, những chữ của nó vang lên trong tai ta, không phải vì thế mà ta có ngay được một cảm thụ nghệ thuật trọn vẹn. Điều này chỉ xảy ra nếu ta

hiểu cái nội dung tinh thần ẩn dưới mặt bằng của văn bản. Chỉ đến lúc này thì hình tượng nghệ thuật của thơ mới xuất hiện. Nó xuất hiện trong cái đầu nghĩ chứ không trong mắt nhìn hay tai nghe của ta : nó xuất hiện trong ý thức đảm nhận vai trò của một người chú giải. Hai câu thơ sau của Ôn Như Hầu được chọn làm đối tượng của phân tích nhằm làm sáng tỏ vấn đề.

*Cầu thệ thủy ngòi tro cổ độ,
Quán thu phong đứng rữ tà huy.*

Một người đọc với một trình độ thẩm mỹ trung bình cũng hiểu rằng tác giả không có ý định chỉ ngừng ở việc tả cảnh khi làm ra hai câu thơ trên mà còn muốn nói đến một điều gì khác nữa. Đối với ta, dù không được nói ra, điều này rất quan trọng, bởi vì không có nó, hai câu thơ trở nên rỗng tuếch, thứ kỹ thuật máy móc dừng lại ở việc chơi chữ và chọn âm. Cái chiều kích không thị hiện này, nó là cái nội dung tư tưởng trầm trử trong lòng câu thơ mà ta có thể hình dung ra bằng liên tưởng, dựa vào sự gợi ý của những con chữ ưu tuyên, hàm súc, phối kết với nhau khéo léo khiến thông báo trở thành một chỉnh thể ngôn ngữ có giá trị nghệ thuật cao.

Về mặt ngữ nghĩa học, hai câu thơ của Ôn Như Hầu có một cấu trúc hai tầng : tầng nghĩa đen và tầng nghĩa ẩn. Tổ chức tầng này được diễn tả bằng sơ đồ sau :

| | | |
|--------------------------------|-------------------------|-------------------------------|
| <i>Cầu thệ thủy</i> | <i>ngòi</i> | <i>tro cổ độ</i> |
| Cảnh vô thường | thế sống | Cô đơn tuổi già |
| <i>Quán thu phong</i> | <i>đứng</i> | <i>rữ tà huy</i> |
| Đời tạm bợ, hiu hắt | Cách tồn tại | Thiếu nảo cuối đời |

Bây giờ thì ta đọc được nội dung tư tưởng của hai câu thơ. Đó là một nhân sinh quan bi đát, nỗi buồn thấm thía của một tuổi già cô chiếc. Về mặt thi pháp, phân tích trên giúp cho ta có cơ sở để đưa ra một định nghĩa về phẩm chất của thơ : Thơ hay vì hình tượng nghệ thuật của nó đẹp; hình tượng nghệ thuật của nó đẹp vì tứ của nó sâu, lời của nó sang, chữ của nó đắt và nhạc của nó dìu dặt.

Theo Hegel, chức năng quan trọng nhất của nghệ thuật là tìm ra những hoàn cảnh lý thú và phát huy chúng thành những giá trị có trọng lượng và có chiều sâu, nhằm tạo ra một nội dung đích thực cho tinh thần. Khả năng phát huy hiện thực lý thú thành một giá trị tinh thần hàm súc này thường hạn chế trong điêu khắc, phong phú hơn trong hội họa và âm nhạc, nhưng vô tận trong thơ — *L'idée du beau, trang 187*. Ưu thế này khiến cho thơ được coi như nghệ thuật có chất tinh thần cao nhất. Vì thế không phải là vô cơ khi người ta bảo rằng cái đẹp tinh thần đẹp nhất là đẹp như thơ — một lý tưởng. Bây giờ thì ta hiểu lý do tại sao thơ lại khác nhạc. Còn về câu hỏi tại sao thơ cần phải phổ nhạc mới được nhiều người biết đến, ta có thể tìm câu trả lời qua việc nhận diện ra thị hiếu của thời đại chúng ta đang sống.

Đa số quần chúng bây giờ đến với nghệ thuật chủ yếu là để giải trí, thư giãn thần kinh, mua những cảm giác biểu bì, nếu có khóc thì cũng mau ráo nước mắt, chứ không phải để tìm kiếm những tư tưởng sâu xa, những phẩm giá mỹ học tinh tế mà để cảm thụ được, người ta phải tập trung tâm trí, có một trình độ thường thức trên mức trung bình và sự nhạy cảm. Nói cách khác, con người hiện đại đến với nghệ thuật bằng lựa chọn con đường ít cản kháng nhất.

Hơn thế nữa, họ còn tỏ vẻ tự mãn, đắc trí về cung cách thâm mỹ của mình. Đối với họ, nghệ thuật phải phục vụ nhân sinh nói chung và đời sống hiện đại nói riêng mà một trong những nét nổi bật là sự ngự trị của chủ nghĩa tiêu thụ.

Nghệ thuật, xét dưới góc độ này, phải là một thương phẩm, thứ *pop art*, tức cách biểu đạt những vật tượng của đời sống bằng kỹ thuật của cái gọi là *commercial art*, nghệ thuật thương mại. Người ta vẽ tranh, làm nhạc bằng nhu liệu của máy vi tính điện tử.

Trong một bối cảnh sinh hoạt văn hoá lạ lẫm như vậy và dưới sự chuyên chế của một đa số áp đảo vô cảm và vô ơn, thơ với tính cách một nghệ thuật của chiều sâu, của trầm tư mặc tưởng, của trí nhớ thủy chung bền lâu, *trí nhớ Mnemosyne*, khó có chỗ đứng. Thi sĩ chính thống, tinh tuyền có nguy cơ bị loại ra khỏi cộng đồng. Hắn trở thành một thứ *endangered and dangerous species*. Để được quần chúng chấp nhận, để không bị bỏ quên, thơ vì vậy phải mượn phổ nhạc. Bởi vì như đã nói ở trên, nhạc tác động đến thính giác, một giác quan trực tiếp, nên dễ cảm thụ. Nhưng phải là thứ thanh nhạc dễ nghe, tức là chỉ cần động não một chút là hiểu được, cảm được. Trong thực tiễn, có những bài thơ khởi sắc nhờ được phổ nhạc. Nhưng cũng có những trường hợp nhạc bất cập, không ngang xứng với nguyên tác thơ. Một hai nhạc sĩ mon men đến Kiều, nhưng chưa ai dám đụng đến *Cung Oán Ngâm Khúc*. Quả không mấy dễ dàng khi người ta muốn tìm một tương đương nhạc cho những vần thơ đầy ắp chất trí tuệ — *spiritualité* — như “*Hình mộc thạch vàng kim ó cổ*”, hoặc “*Đền vũ tạ nhện giăng cửa mốc*”, hoặc “*Cái quay búng sẵn trên trời / Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm*”, hoặc “*Tiêu điều nhân sự đã xong / Sơn hà cũng huyễn, côn trùng cũng hư*.”

Để nhạc ứng với thơ, người phổ nhạc phải nắm được cấu trúc âm thanh đặc thù của bài thơ và dựa vào đó để khai triển bản nhạc của mình thành một *poème chanté* — bài thơ được hát lên — chứ không thành một *chanson poétique* — ca khúc có chất thơ. Sự xâm lấn thô bạo của âm nhạc vào bài thơ có thể làm cho căn cước của bài thơ bị xoá nhoà tới

mức nó không còn có mặt trong tâm trí người nghe nhạc nữa : nó bị vong thân. Hành xử thiếu văn hoá này không chỉ là riêng của người phổ nhạc, nó còn lan rộng ra ngoài xã hội, trên sân diễn và trong DVD : người ta thường chỉ giới thiệu tên người phổ nhạc, chứ không nhắc tên tác giả bài thơ. Nói chung, cái giá mà thơ phổ nhạc thường phải trả là nó bị đẩy vào hậu trường hoặc bị xuống cấp thành một người phụ diễn mờ nhạt cho âm nhạc.

Vòng nguyệt quế, nếu có, được trao cho người phổ nhạc chứ không cho thi nhân. Nhiều người, trong số này có hơn một nhạc sĩ, cứ nghĩ rằng phổ nhạc cất cánh cho thơ. Nhận định này, theo ngu ý, nặng tính chủ quan. Bởi vì thơ tự nó có một nội lực thâm hậu khiến cho nó có thể tự bay lên bằng đôi cánh nhạc của mình. Mà nghĩ cho cùng, thơ là một tiếng hát. Nó là hoá kiếp của uyên ngữ vô thanh bàng bạc khắp vũ trụ. Uyên ngữ của “*cái quay búng sẵn trên trời*” khi nhập vào một hồn thơ mẫn cảm và giàu tưởng tượng thì hoá “*Đêm nghe tiếng ếch bên tai / Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đờ*” — Trần Tế Xương — hoặc “*Như trong vỏ cát của ngựa bạch / Có nhạc chim hồng vĩ cánh cam.*” — CTT.

Hoặc hoá cuộc hàn huyên của “*long lanh tiếng sỏi*” với “*lung linh ánh sáng bông rung mình*”, hay cái làm dọn hồn của “*lá hồng rơi lặng ngõ thôn*”, thú “*lệ ngân*” của những giọt “*sương trinh rơi kín tự nguồn yêu thương*” vang thấu châu thân Xuân Diệu của thuở hồn thơ ông ta chưa bị bóp chết bởi con quỷ chính trị giáo điều. Thuở Huy Cận chưa điếc nên nghe được cái “*nặng*” của “*trái sầu rụng rơi.*” Thử hỏi với một nội lực nhạc thần sầu như vậy, thơ có cần phải nhờ phổ nhạc mới cất cánh lên được không?

Bây giờ thì ta có lý do để tâm đắc với nhà ngôn ngữ học Nguyễn Phan Cảnh khi ông ta ví von về nhạc lý của thơ: “*Thiên chức tự điều chỉnh thiêng liêng đã làm nhạc*”

thơ hoá hồn thơ! Và bây giờ thì chúng ta hiểu, cùng “tiếng trùng” mà “đông nã hơn thu”, vì sao nhạc thơ còn dễ sợ hơn nhạc nhạc.” — Ngôn Ngữ Thơ, trang 119. Ông mượn hai câu Đường thi do Hoàng Tạo dịch để minh hoạ cái cảm giác sững sờ của mình trước vẻ đẹp “dễ sợ” của nhạc thơ :

*Ta già nghe chẳng sao đâu,
Tuổi xanh nghe, khéo bạc đầu như chơi!*

Thơ ca quả là một rong chơi lãng mạn mà thâm trọng.

● CUNG TRÀM TƯỜNG

(1) – (2) : *Trại tù bao quanh bởi một bãi mìn ngầm, một hàng rào kẽm gai và những cọc sắt gỉ.*

TẬP SÁU

**MỖI DẶM ĐƯỜNG
MỘT NGHÌN VẤN
CHO THƠ**

hay

**LINH SỬ CA
MỘT SÁNG THÀNH**

La racine de ce qui nous éblouit est dans nos coeurs

— *Gốc rễ cái quyến rũ ta nằm trong tim ta.*

◆ FRANCIS PONGE

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 565

566 * CUNG TRÀM TƯỜNG

– 01

**Chào liên hoan tuần tú;
Chào đại hội khôì ngô;
Chào anh em sông hồ;
Chào non cô núi bác.**

**Chào bang giao tuyệt tác
Nhà cầm chướng, păng xê,
Hôn nhân cục đề huề.
Chào bạn bè anh túc.**

**Chào thông reo gió giục
Đất chồi ngực nâu ra
Biển xanh đến khóc oà
Hân hoan giàn giụa ứa.**

**Chào lim lưng trời tựa,
Lấy lưng rừng bạch dương,
Phi lao lớn phi thường.
Chào hào hùng trác bá.**

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 567

Chào đêm trăng trở dạ
Giáng thế quỳnh-nàng-tiên
Đơm thơm sứ sần thiên.
Chào phù dung ủy mị.

Chào đồ mi thâm thúy,
Lan Công Chúa Huyền Trân.
Chào cỏ đỏ Chiêu Quân;
Chào tuyết lê Tây Tử.

Chào mẫu đơn Bao Tự,
Thánh nữ thập tự hoa.
Chào liễu, mi mô sa;
Chào mai vàng hiển đạt.

Chào *glai-on* ngôi nhất,
Rất đắt uất kim hương.
Chào thiên lý thuần lương;
Chào anh đào văn vẻ.

**Những liên bang tráng lệ,
Những đại lục sum suê,
Những vĩ tuyến ê hề,
Những cộng hoà rạng rỡ,**

**Những mùa màng vạm vỡ.
Chào chắc bắp-tu-mi;
Chào lúa-gái-đương-thì;
Chào đẩy đà đại mạch.**

**Chào đứng ngay thân bách;
Chào bắt khuấy xương rồng;
Chào phượng điệp, sấu đông;
Chào thiết tha thực dược,**

**Nắng hoa trang rước đuốc,
Lấp lánh cánh tầm xuân.
Chào bá tước kim ngân;
Chào nữ hoàng hồng trẻ.**

Chào nguyên câu ngâu, huệ.

– 02

Chào tung tăng rất sẻ;
Chào nhún nhảy sâu tiêu
Huyền thuyên đến hết điều;
Chào đu bay rất én.

Chào ném lao phi yến,
Thế vận hội vàng anh.
Chào khướu, khách đua tranh,
Vành khuyên giòn kỷ lục.

Chào sếu mưa thao thức,
Quyên tuôn ướt địa cầu.
Chào í ới hồng âu
Những chiều giông bão biển.

Chào lê thê oanh tiễn
Đôi đường lệ sâu rừng.

**Chào xuân trao én lại,
Sơn ca mở tiệc mừng,**

**Chích chòe vui vanh vách,
Rành mạch rót mai hoa.
Chào lia thia ác là
Với rất là giẻ quạt.**

**Chào hoạ mi lưu loát,
Đàn đúm sáo cụng ly,
Câu lạc bộ uy nghi
Những âm trình lộng gió,**

**Những ví von vào đố,
Những xoè mở ra cam,
Những pháp phối lên chàm,
Những vàng lừng hưng thịnh.**

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 571

– 03

Chào con hươu lúnh quýnh,
Con hoẵng hốt bay ngang
Gây sâu ấn tượng vàng
Trong vòm đầu lãng mạn.

Nghe con nai ai oán,
Con sóc khóc mông lung,
Con diều quấy hải hùng
Một chiều nào ảo não.

Một đêm lao đao máu,
Dãi trắng vãi cùng đường,
Tê giác chạy thê lương,
Mốc meo sừng cổ tích.

Nghe vang vang u tịch
Sơn dương rú rừng đèo,
Mèo núi hú cheo leo,
Vượn đầu gào hổ thẹn.

Lạc mò côi con mẫn
Nhớ nhạc gọi bầy em
Con mang hãi chạy đên,
Một thoát vùng đơn độc.

Con cọt cần kiếm nước,
Con gấu cóng tìm hang,
Con beo đói lang thang,
Sa cơ mùa lũng diệt.

Ôi ! kẻ sao cho xiết
Triệu thất tích vô tung,
Cuộc giành tranh khốc liệt,
Trận huyết chiến thur hùng.

Gọi hồn voi răng máu
Dưới triền đá rêu phong.
Như một sấu khủng long
Trong lằm rằm quãnh mạch.

Như thêu thào quẩn bách
Cắt từ lòng xích thạch.
Chiều bùng lên biệch bạch
Một thoáng loáng lân tinh.

Ngừng dao nghe óc ách
Suối âm rĩ rên khe,
Lãnh sam rót xè xè
Huyết thanh hờn ma mút,

Nhấn qua lời cánh cụt
Xao xác oán than van.
Chớ biển tru băng tan
Suốt mùa hè thọ yếu.

Vạn sọ mùn trắng hếu
Đường tuần lộc tanh tao.
Sói ngao hoài hận điệu,
Thê phong cào cuồng tiếu,

Quất thích trôi ai ca,
Vút phong gào mặt vậ,
Ngựa cuồng phì tuấn phần,
Tuyết ngư tuyết ngư oa !

– 04

Đông li dài tàn nhẫn,
Máu mẹ bụm sum suê,
Bóng nhẩy đỏ ê hề
Mỏ quẳm con kiêu điểu.

Vạn vạn đời phúng điếu
Cho lục lạc rung rinh
Đinh đang luống hành trình
Băng xa (1) siêu linh trưởng. (2)

Chùm lông nào nghiệp chương
Hoá nhũ đá dầm dề.
Lõng thông vòm *nê vê* (3)
Nướu nanh hùm thái cổ.

Ánh sáng hang rặng rỡ
Lửa tiền sử lung linh.
Những pho, thiên lưu huỳnh
Viện sách bừng phúng dụ.

(1) *Xe trượt băng.*

(2) *Động vật thông minh, linh hoạt hơn con linh trưởng (khỉ), tức là con người.*

(3) *névé : băng vĩnh cửu.*

**Dơi chó rầu khuyết xứ
Tru tréo náo thiên thu
Thứ hàm hồ mật ngữ
Của vong sinh tự sự.**

**Một biển tấu lưng còng
Trối dưới gót thê phong.
Nghìn trùng bạc phận rửa,
Thác cú đồ lệ ròng.**

**Mỗi đời sam cái miếu
Nghỉ ngút khói càn đông.
Hương du còn lưu chiếu
Ngát ngậy thiên cổ liệu.**

**Cả đàn bò khuyếch điệu
Chu môi rống thành linh
Phiếm thần giáo cầu kinh.
Ốc tù và chữ đồng,**

**Đuổi tà ma ra động,
Bướm phá kén chơi vui.
Đến từ phía ngời ngời
Một vùng hồng pha sữa.**

**Những phi hình quây cựa,
Móng xé toác móng lung
Trăm thiên kỷ thẹn thùng:
Phượng hoàng xoè vĩ cánh.**

**Đập trời ra ức mảnh,
Mỗi vĩ một chùm reo.
Ánh sáng lướt vèo vèo,
Bạch xà trườn lướt thướt.**

**Thuồng luồng tuôn lũ lướt,
Tới tấp phóng thình không.
Tương như dầu bông lông
Có luật nào thống soái.**

– 05

**Thái ất (1) nào tự tại
Lộng phá nét phi thường,
Nảy bật uất kim hương,
Kỷ hà vàng trắng lệ.**

**Vật lý hạt an bài
Cho từng tí trần ai,
Âm ba và quang lãng,
Nhịp cánh phượng hoàng bay.**

**Ổng bề nào thổi lửa,
Lách tách nổ vô vi.
Kỷ nguyên châu băng li
Phân tan thành thủy thể.**

**Hồng thủy phủ mênh mông,
Khói triều sinh (2) nghi ngút.
Triền phong (3) nghìn cú vụt
Quất trốc nóc trời bung,
Tứ tung cả nghìn trùng.**

**Chuyện nghìn sau còn kể
Muôn sinh chạy hãi hùng**

**Tưởng như ngày tận thế
Trong linh tri kinh kệ.**

**Nghệ sĩ nào tinh tế
Hoà địa lý thiên văn
Tạo nên con kỳ lân
Sừng mài từ vẩn thạch.**

**Dòng kỳ lân ngấn ngùi,
Mắt rửa mù sông nâu,
Lưu ly trả tinh cầu,
Quy trình tròn muốn vậy.**

**Viên quang (4) nào quyết lấy
Trập trùng bóng thiên châu
Ghép ra tích (5) bảy màu
Xuống địa cầu làm đuốc**

**Soi đường bay con hộc
Phiêu lãng kiếm con hồng
Theo đề án am thông
Của lưỡng nghi hạnh ngộ.**

-
- (1) *Nguyên lý tối cao.*
(2) *Thủy triều lên.*
(3) *Gió xoay tròn hình tròn ốc.*
(4) *Ánh sáng tuyệt mỹ.*
(5) *Thần lân.*

– 06

Huyền đồ giải thai đồ :
Gió tạnh, tuyết ngừng rơi;
Mây quang, nắng về trời
Hồng muôn tia rạng rỡ.

Về đây miền đất hứa
Con học gặp con hồng
Nhịp nhàng cánh thình không,
Hai tim một luồng thờ

Của tân hôn đôi lứa
Nõn trắng và nguyên trinh:
Một vũ điệu tượng hình
Của giao thoa phân tử.

Như hạt móc rung rinh
Với lung linh cỏ chỉ.
Như cú xoáy thần tình
Của con quay thuật sĩ.

Như có đấng thần linh
Lấy tinh túy con học
Cấy vào noãn con hồng
Ủ ấm lửa hừng đông,
Kết thành gien, thành nhựa,
Mộng mầm đời bất tử.

Ngày ấy nghìn sau vang
Trong thi nhân tiềm thức
Viết nên tấu khúc vàng
Nồng nàn tình tưởng nhớ.

Thuở hồng nguyên rạng rỡ,
Hồng reo nắng tinh tuyền,
Sinh lý học thần tiên
Của lưỡng nghi hạnh ngộ.

Từ hiệu ứng con quay
Tay ai búng trên trời

**Hình thành một văn hoá
Của nghĩa đền ân trả.**

**Nước nguồn gom làm suối;
Suối cuốn góp làm sông;
Đem sông ra làm biển;
Biển sâu muối mặn nồng
Hoá thành giông, thành chớp,
Mang mưa trở lại nguồn.**

**Mưa nuôi đời phồn thực,
Làm thành thế giới xanh.
Người ngoan, đất cũng lành
Vì Trời hằng muốn thế.**

**Trời Đất chỉ biết cho
Nên Đất Trời bất tử.**

– 07

Hồng học khuất từ lâu,
Dư âm cơ duyên ấy
Còn vang thấu nghìn sau
Một hồn nồng chung thủy.

Một niệm tưởng thiên thu
Trong ân ca thi sĩ.

Cổ tích này thú vị
Học trò nào thấu lý
Trời chấm làm cách riêng
Cho đăng khoa thi sĩ.

Hậu huyền sử ra sao?
Các em đặt nghi vấn.
Hãy xem phần ngẫu trận :
Sáng ký người tình đầu.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 583

584 * CUNG TRÀM TƯỜNG

TẬP BẢY

SÁNG KÝ
về
NGƯỜI TÌNH ĐẦU

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 585

586 * CUNG TRÀM TƯỜNG

THIÊN MỘT

XUẤT BÚT VĨNG MỘNG ĐIÊN TRỜI XE MÂY BỆN KHÍ TẠO CHIM BẰNG

Cỏ sóng sót sau khốc tàn trận lụt,
Đá trơn tru tí tách giọt sương ngời,
Nắng hào cuồng thẳng góc ném ban mai
Đâm ngập lụt đáy hồ chàm thắm hút.

Đầu băng trôi gù gật bật phù điêu,
Thất thểu gió, lang thang mây mù dạt;
Chim lao vào ốc đảo hót liu chiu
Nguôi khát rát nỏ điều sa mạc cát.

Bong bóng vỡ tím tung trời mảy hạt;
Mưa hồng tạnh ngọt, bạch hạc bay ra;
Sông la đà gạo đỏ xoáy phù sa;
Chiều lấp loá dòng ngân hà loáng bạc.

Đất gằn gũ, trời chắc gì bần bật.
Võng đung đưa mộng thức dạt hai đầu,
Ưu mãi miết phía đầu trời ngan ngát
Vói hương trầm chia sẻ gói thiên châu.

Võng lực đẩy hồn du cơn xuất thế,
Đi cũng đã vô vàn thiên thế hệ,
Nghìn sau chưa là lúc muốn trở về,
Rong ruổi tiếp thêm mười nghìn dâu bể.

Tung con quay, bán bông thi. Lộng. Và
Đầy đà sắc thủy tiên diên ngào ngạt.
Hồn thoát sáo (1) ra ngoài khung tiếng hát,
Thả chữ về cố lý cầu Lam xa.

Đi đi quá miếu xiêu, thành đồ vỡ,
Phế tích mốc, thêm mòn, bia phong lở.
Lang thang đi tìm ngọn nguồn xanh ngắt
Rửa hồn sạch bụi cơ cầu nhớp nhúa.

Liên miên đi tìm một bình minh vạm vỡ,
Búng chiều tà, phải giữ bóng mộng lung,

(1) Thoát sáo : bỏ khuôn sáo.

Đến nơi có mặt trời luôn đứng ngọ,
Vườn thơm tho tức nguyện vị diễm nùng.

Đốt nhang trầm, đội đá chạy trên sông,
Đung đưa võng bờ đàn hương mộng tưởng.
Lửa lòng đá bùng lên vô trọng lượng,
Tít tắp xa thoãn thoắt bóng phi hồng.

Vong ưu thảo, uất kim hương diệu ảo
Vạn đại đời kết một nhị anh hoa,
Phép cao sang đối xứng, luật hài hoà
Sau rồi rắm trăm nghìn lần đảo động.

Ngọc hào hoạt tinh linh ngời lạng sáng,
Óng ả chùm hạt – sóng uốn trong veo,
Chất ngất hoát thông, trùng trùng choáng lộng,
Im lìm bay cánh bạc soạt giây vèo.

Chấp ánh sáng, hồn lao siêu vận tốc,
Toả hào quang quanh ghé lái siêu hình.
Ở thâm cùng, cuối lớp lớp u minh,
Hồng lất phát lung linh nguồn lửa phách.

Thủy, thổ, mộc, hoả, kim, tiền khoáng thạch...
Cuộc hành trình góp nhặt thán nguyên sơ,

Lốc tinh vân bệc bạch xoáy khù khờ,
Quay hun hút hành lang hoang thơ thẩn.

Linh nhi thảo, bách nhật hồng, (2) bụi phấn,
Noãn sào siết, phôi ôm chằm, NGÃU TRẬN. (3)
Nước đầm đìa hang hóc lựt triều sinh, (4)
Vách đội bật ba đào âm phần chấn.

Mộng tắt bắt, mằm nao nao, nụ bận;
Chồi đâm ôi, lộc nảy ôi, dậy dàng;
Cả một vùng đồng ấu ới oang oang;
Đá ứa sữa nông nuôi thân thảo mọc.

Cuộc hành trình vào ngõ ngách uyên sinh
Kỳ bí tiên thiên, lạ lắm siêu hình.
Túi lý ngữ (5) ôi chao nghèo thảm hại !
Trước ngời ngời chẳng chịt lưới linh minh.

Đung đưa vông lại bờ đời khuất lấp,
Hồn trở về sau chốc lát đi xa.

(2) Hồng thơm trăm ngày.

(3) Cuộc phối ngẫu.

(4) Nước triều dâng.

(5) Ngôn ngữ của lý trí.

**Một sát na đủ tát cạn thiên hà,
Triều lũ rút, màu phù nhiều gửi lại.**

**Cỏ sống sót, phồng phao vươn cương, đại;
Phương phi phong, dậy trác bá xô bờ;
Sam ham sóng thoát lấp bờ trống trải;
Tử hỗn hào nôn nả, bách lô nhô.**

**Ốc bòn chòn mở yếm huyết vi vu,
Trĩ chiu chít tùng đầu non vi vút,
Linh dương chập chững, rùa đi hẫng hụt,
Nước mạch ngấm phun hoá suối ngao du.**

**Thế giới mới dựng lên từ róng thẳng
Lục thiết sỏi, lim, sến, tấu, đình, sao.
Nhà hát thiên không (6) gió thổi khai mào
Giao hưởng lá nguy nga chào thế kỷ.**

**Gió gió thổi dàn phong cầm kỳ vĩ.
Ô kìa ! con bạch hạc thốc băng băng.
Trời xe mây bện khí tạo chim Bằng
Xương cấu kết từ vôi nham tiền thạch...**

(6) *Vòm trời.*

THIÊN HAI

VIÊN TÂM ⁽¹⁾ CA CƠ LÝ HÌNH, HỒN

Âm ĩ thác lợc gom còn tí tách
Sương trinh rơi mỏng mảnh lá mộng màng.
Lá vô tình nghe được bước mai sang,
Thính lực dậy từ nhịp nhàng vông nắng.

Băng tan trôi phá nhiệt: áo đầu đời;
Bách nhật hồng rụng đổ nước băng tươi.
Máu nhuộm đầm hồ, vết thương còn mở;
Ào đầu đời băng bọc, máu ngừng trôi.

Từ có chôn nương thân, hơ hớ,
Bén hơi đời, máu hết muốn ra đi.
Máu luân lưu khép kín một chu kỳ,
Nuôi cốt cách sườn khung nhà máu ở.

Tự nuôi mình bằng lãng khí lao xao,
Chất vụn vật vào bồi tu nội lực.

(1) *Tâm của đường tròn tuyệt hảo.*

**Xương tăng nhanh vì máu trẻ dồi dào,
Chuẩn bị gặt một mùa đời phú túc.**

**(Kể từ thời bông bột tách nhau đi,
Vẫn khát khao khôn xiết một ôm ghì,
Một ấm áp ở hai đường chụm lại,
Mỗi giao thoa cho đơn chiếc trở về.)**

**Trời thấy, lấy chim Bằng làm tế vật,
Moi tim son gửi tặng máu hình hài.
Máu rún rẩy mân mê mùi chất ngát,
Thêm nồng nàn ở cuối mỗi vòng quay.**

**Máu tự nguyện nuôi tim non phổng pháp;
Tim ghen ngào gọi máu, máu về mau;
Máu tung tăng, tâm thất nở căng bầu:
Một ăn ý đã từ đầu điểm tuyệt.**

**Cuộc vương vấn ngày một thêm khăng khít,
Hôn phối triền miên, ngẫu hợp đều đều.
Cuộc tương phùng chưa biết rên kêu,
Dòng suối lệ âm thầm đỏ chót.**

Một viên tâm điều tiết lượng ra vào,
Nhịp đung đưa triều thấp với triều cao,
Bài song tấu của hai đều nhỏ nhỏ,
Ngũ nguyên chìm của xoắn xuýt ghì nhau.

Tiền cấu trúc của ưu sinh đẳng thức :
Hình hài thở nhịp khí thiên không,
Tim bơm máu nói thực quỳ hồng,
Ngũ lý của trao nhau trọn vẹn.

Sắt son máu gọi, tim hồi âm;
Se sắt tim mong, máu vọng thâm.
Khúc dạo của hồn nhiên níu nuôi
Ran xương, ứa tủy, ẩm bề trầm.

Xương trắng muốt, máu bồi vôi, tráng kiện;
Tủy nõn càng tươi, máu thấm càng nồng.
Hình nảy nở từ máu xương dâng hiến
Cho tim đời nhịp đập nhẹ như không.

Hồn hậu, trữ tình, giàu vật lực,
Sinh tồn ngoài chất lọc còn tinh hoa.

**Dẫn thịt, tăng xương, phòng nhức ngực,
Tâm thất sưng vì khí tích bão hoà.**

**Trời thấy, chưng dung nham làm phổi,
Đặt bên tim bộ máy chạy hai chiều,
Thải ô ứ, hất phế thừa hư thối,
Hút nồng nàn một phách lực phiêu du.**

**Cuộc chất lọc thương vờn theo tiếng gọi
Từ dạt dào gió cuốn nóc thao lao.
Hình hài chồm phản xạ ngóng trời cao
Để mặc sức cuồng điên tim nhói vói.**

**Trời nghe, ghép tặng một bình cầu
Đúc từ hoá thạch đầu Bằng âu,
Điều máu tới nuôi tế bào hồng cần,
Nâng tầm đời mỗi lúc một thêm cao.**

**Cơ chế kiện toàn, hình thành não bộ :
Cốt con Long tán nhuyễn ướp hương trầm,
Nạp ánh sáng vào bồi tăng nội lực,
Hoá luồng hồn điều phối từ viên tâm.**

Tạo sự sống từ đa nguyên trừ mật
Tuyệt mịn trứng hồng, nõn quánh nhạ sam,
Sắc nhũ tinh lương, (1) nước ngọc siêu phàm :
Tập đại thành của khô nguyên phẩm chất.

Những vẩn thạch quy tâm vào ủ lửa
Bộ nhớ hồn nạp ánh thạch lam anh,
Thạch đông hồng, thạch nảo, thạch ngân tinh,
Thạch tím, bạch kim, huyền, bích lục.

Rồi đình đám hoa hương nghìn dị thảo,
Mối tổng hoà ngây ngất với trăm lan,
Tạo cho tim một xu hướng nồng nàn,
Thúc giục máu trào dâng đòi mãnh liệt.

Một khí thể bốc từ băng hoàn nhiệt
Những tinh cầu thả đậu đất trần gian.
Lửa từ đá hoá xung năng da diết
Thấp bình cầu thao thức đuốc chằm hăm.

Một ham muốn cầu toàn dâng náo nhiệt
Mở đường cho máu, mẫu thức cho tim,

(1) *Ưu tú, tuyệt vời.*

**Khuôn thước cho xương, mãi miết đi tìm
Một mô dạng tân kỳ và ưu việt.**

**Gien Bằng ủ mấy nghìn năm lại giống
Kích thích hồn vu viễn mộng vân du.
Từ đâu xa, cuối típ tấp tù mù,
Có tiếng gọi con chim nào vọng khách.**

**Một ý niệm phôi thai về khoảng cách
Với sơ toan một dự án lên đường
Về miền trời thoáng đặng gió thanh lương
Cho phổi dẫn, tim khuấy, hồn xởi lởi.**

**Máu còn ngấm bụi duềnh tràn thác bắn,
Tủy còn thâm xao xác tiếng uyên ương,
Sương tí tách màng tai hồn thắm nhuận,
Giục hồn tìm trú ấm hướng hồng dương.**

**Xương chân tay ngày một thêm cứng cáp,
Bồi đắp bằng nhũ trấp đá can xi.
Song thạch trụ giữ mô hình đứng thẳng,
Đôi hia thân bầy dậm chở hồn đi ...**

THIÊN BA

ĐĂNG TRÌNH CA LÂM HÀNH KHÚC (1)

Tim tấp tễnh, hồn phiêu lưu vu viễn
Gặp đất trời bằng linh tính tai nghe;
Bằng chân giẫm, tay sờ mò thô thiển,
Mỗi dặm qua một dặm bước e dè.

Thính lực dắt hồn vào vùng ánh sáng,
Dò hành trình theo hướng dấy âu ca
Vượn ví von lạnh, hồng phi sang sảng
Giữa nghề nga thủy thể chảy mượt mà.

Khí chuyển từ vu liêu (2) về đón khách,
Gió dặt dìu thổi vượt tiêu huyền êm,
Láy luyến phong du, hò lim sam bách,
Gió : huyết thanh xanh tuôn nghìn mạch.

(1) *Khúc chuẩn vị lên đường*

(2) *Xa xôi và hoang liêu.*

**Gió là suối bông mang theo róc rách,
Gió cuốn đầu nguồn sinh hoá cuồng lưu.
Trời triều dương (3) điều gió đến hiu hiu
Rỏ máu xuống thành sương reo tí tách
Gõ bình cầu, gọi dậy lá thiu thiu.**

**Trời tặng gió, một kho tàng vô tận,
Thai giáo hồn ý niệm viễn du xanh.
Gió mời hồn hãy cùng gió đi nhanh:
Mỗi phía trước một hện hò áo uẩn.**

**Gió thấm hồn thêm màu bát ngát;
Gió bơn tim muốn lực dồi dào;
Gió bồi máu khát nồng quang hạt,
Bão hoà tiềm nhiệt, sốt nôn nao.**

**Trời đợi lúc máu căng phì não xám
Chiếu cực quang chọc thủng trán bình cầu
Hai hốc lỗ dài thon hình quả trám,
Ghép cho hồn cặp mắt sắc Bằng âu.**

(3) Mặt trời mọc buổi sáng.

Bình minh ấy vẫn còn là vô sử,
Nắng chói loà làm mí mắt hồn teo.
Trời ghép tiếp lung linh hai đồng tử,
Bộ điều hoà quang lực gió đìu theo.

Trời chuốt đá hắc đan làm đồng tử,
Đào xói từ hun hút đáy viên tâm,
Nơi trầm tích thiên thu còn ủ lửa
Than băng tinh, tro vẫn thạch rì rầm.

Mài thúy thạch làm thiên thanh giác mạc,
Tráng mỏng màng kết mạc men tinh khôn,
Một ống lệ khơi thông đầu võng mạc
Cho tuôn voi nhãn áp lúc hồn buồn.

Trời rực sáng lúc ngoài trong đồng nhịp
Bắn tia vào hoàng điểm (4) võng u minh,
Kích thể thủy tinh, châm ngòi thị lực,
Thắp hoa đăng đồng tử lửa tâm tình
Hắt trả Trời ánh sáng hồn lung linh...

(4) *Điểm vàng, fovea: một hố cạn trên võng mạc ở phía sau mắt, có khả năng nhìn lớn nhất vì là vùng chứa số lượng lớn tế bào nón; sau đó hình ảnh được chuyển một cách chính xác nhất từ hoàng điểm lên não bộ. — Từ Điển Y Học Anh-Việt, Bs. Phạm Ngọc Trí.*

**KHAI THẦN KHÚC (1)
và SỰ GIÁNG TRẦN
NGÔI NHẤT THI NHÂN**

Lạ lẫm, rợn rùng, bình minh choáng ngợp;
Hồn hoảng hồn trước cảnh trí uy nghi :
Đốc sơn leo chót vót núi xanh rì,
Oắc thỏ vắt triền thung vàng quái đản.

Sóng-hạt mặt trời (2) hồng tuôn tứ tán,
Nhiều từ trường, cả cõi trống rung rinh.
Thái phong (3) lay vũ trụ vỡ tan tành,
Trăm xán lạn, nghìn ly tâm, vạn hướng :
Một xung thế hào cuồng, rùng rĩnh lượng.

Cột thác bạc từ trời cao đổ xuống,
Suối nguồn âm ĩ cuốn sóng ghềnh va.
Gió bạt phong thúc bách cú rập, và
Hồng hộc cánh chao đao chùng muốn lật !

Voi răng máu, tê ngưu (4) chạy tất bật;
Nắng lung liêng loé bật, vượn rùng mình.
Giữa muôn loài hiển lộ một sinh linh
Ngươi sáng quắc đưng đưa như muốn vỡ !

(1) *Khúc buổi sáng đầu (đời).*

(2) *Ánh sáng mặt trời cấu tạo bằng sóng quang hạt (photon).*

(3) *Gió mặt trời — (4) Tê giác.*

Óc hiều dị át xua lần hãi sợ,
Đẩy hồn tìm miền nắng ấm chiêu tân,
Đất màu mỡ, sum suê rừng hoa trái,
Nơi uơm nha mầm mộng một nhân quần.

Ý muốn thăng hoa làm hồn trẻ mãi,
Ước ao xanh nuôi trí tưởng dồi dào.
Ngưỡng sinh cầu mỗi lúc một thêm cao,
Biến hoá lượng thành tinh hoa phẩm chất.

Sự tiến hoá Trời nâng thành nghệ thuật,
Khoét bình cầu một lỗ miệng tròn xoe,
Hai vành môi đôi cánh bướm bung xoè,
Trong cứng nướu, danh răng, mềm mại lưỡi.

Chiếc mũi nặn thon, vom trên, bè dưới
Thở khí chiều vàng, hít nắng hừng đông.
Trong khoang thân Trời khéo khít khao chồng
Vị, gan, lách, thận, thùy, (5) mô, (6) tạng, tụy...

Phép cấu trúc mê cung đòi tỉ mỉ,
Thuật an bài siêu kỹ, lý cao sâu.
Chuyến viễn du khởi tự kiếp đơn bào
Lâu cũng khoảng chừng mười nghìn thiên kỷ.

(5) Phần tròn và lõi của cơ thể : thùy phổi, thùy não

(6) Tập hợp nhiều tế bào giống nhau cùng đảm nhận một chức năng : mô thần kinh, hoành cách mô

Sự giáng thế một diệu kỳ sinh học,
Một gien loài mẫn cảm nhất trần gian:
Giống thi nhân nghe được tiếng nòng nà
Trời nói với qua vi ba thủ thi.

Từ có miệng, ngoài phong sương lãng khí
Vẫn bươm vào qua nghìn lỗ chân lông,
Thân nuôi thân trái chín nhựa thơm nồng,
Tay hái lượm vườn địa đàng suôn sẻ.

Uống nước suối lòng bảy màu ánh sáng,
Ánh sao cò (7) gửi lửa lúc băng ngang,
Ánh Ngân Giang lấp lánh sóng trăng vàng :
Hồn in ủ cả huy hoàng vũ trụ.

Trái Đất chỉ cho không nên bắt tử,
Quả cam vàng (8) tròn nở giữa bao la
Biểu thi nhân ý niệm một ngôi nhà,
Nơi khách đến dừng chân rồi ở lại.

Thính lực hồn ngày càng thêm bén nhạy,
Biết nghe ra cả lúc gió thì thào,
Tiếng chim nào thao thức giục hồi âm,
Hồn mở miệng khai trương lời đối thoại.

(6) Sao có đuôi dài; sao chổi.

(7) Từ vũ trụ nhìn xuống, Trái đất trông giống như trái cam vàng. Hình ảnh này được dựng làm biểu tượng của sự sống cho đến bây giờ được coi là duy nhất của vũ trụ.

THIÊN BỐN

NGÔI LỜI NHẬP THỀ KHÚC QUAN THỂ ÂM

Âm sương tí tách lá
Ôn tồn.
Thanh sắc của trâm nguồn
Chầm chậm;
Của trâm đá rỉ tuôn
Âm ảm;
Của trâm thềm đất ảm
Tân hôn ...

Rồi lâm râm bức xúc
Lời mộc đục.
Lục phủ nôn nao,
Ngũ tạng nghẹn ngào.
Âm lượng chữa căng buồng phổi nhưc,
Nước mắt tuôn trào, miệng túa hài thanh ...

Tở mở hồn chào bình minh
Ríu rít
Nguyên âm từng, phụ âm bá nghê nga
Pha
Sam bách vút.

Nhị trùng âm sam bách vút
Và
Sáo náo, vượn bưng, khướu hót trút
Sương sa
Với hươu sao gọi nắng đến
Rừng và

Với bè chìm của vãn thạch xưa xa
Mang
Vang
Âm vũ trụ xuống chan hoà
Khúc dạo của những âm nền kỷ niệm.

Những âm sắc của uyên ngôn huyền nhiệm,
Của nguồn ngầm và gió nóc trời cao
Đã uơng in vô thức, khắc tế bào,
Sau trời trở thành thâm thì kinh kệ
Của con Trời giáng thế làm thi nhân.

Ngôn lực cấu âm từ dồi dào trữ liệu
Gió dày – mỏng,
Nguội – bỏng,

Rú vi vu,
Thổi phì phù.
Sinh hoá triển miên, vô thường mạnh – yếu,
Gió lịm vời trong lát sững thiên thu.

Rồi gì nữa, những tiền đề áo diệm
Đũa thần nào múa tấu thành âm thanh
Bản Tâm Ca thứ nhất, nhịp linh hành
Kinh Sáng Thế của Ngôi Lời Nhập Thế.

Một Tiếng Nói khai tâm từ Tĩnh Lự,
Hoá điệu đà một thể ngữ tinh anh.
Khúc giao thoa âm sắc đượm ân tình
Hồn thi lữ cất lên lời hiếu tử. (1)

Chông ngữ vụng ngày một thêm phong phú,
Tai nghe ra phía trước nước (2) thăm mời.
Con chim nào gọi đợi hướng tương lai,
Mắt mở rộng nhìn phương hồng nói “tới.”

Chân chập chững mà hồn thì nóng vội,
In lộ trình những dấu bước nôn nao.
Khướu giục bên tai, bướm lượn ngang đầu,
Hồng chót vót chín tầng trời rỗ rỗng.

**Gió gió thổi phôi phồng, tim căng, sang sảng;
Đi đi thu, hái, với, lượm mùa màng,
Trái chín vàng hươm lung trời lũng lảng
Rớt xuống bờ cỏ đợi hồng ân ban.**

**Cỏ chuốc mật (3) ren đan triền oắc thổ,
Bảo thạch hồng viền nẹp mép hồ xanh.
Bóng cây lung liêng, gió động sóng tròng trành
Bóng chiếc một hình hài bé nhỏ.**

**Thoạt ngấm bóng hình hồn đăm bỡ ngỡ,
Tảng đá triền rớt đập vỡ tan hoang,
Hồ thiên thu chợt tỉnh giấc bàng hoàng.
Hồn hãi sợ chạy lên bờ cỏ rợp
Sau thoáng đầu sơ ngộ với chân thân.**

**Róng cổ hứng thác nguồn cao rạng rỡ,
Nước trời ban trong vắt dịu ngời lòng.
Gió mượt mà diu dặt hoá linh phong
Lướt thướt thổi buổi chiều đầu mát rượi....**

(1) Thi nhân là đứa con cách riêng của Thượng Đế và được Thượng Đế truyền cho Ngôi Lời Nhập Thể. Vậy để xứng đáng với ân sủng này, thi nhân phải sáng tạo ra một thể ngữ ưu việt và hiểu thảo, đó là ngôn ngữ thơ.

(2) Một trong những nguyên tố cần thiết để sự sống có thể phát triển trên Trái Đất..

(3) Còn gọi là cỏ Ren phu nhân – Lady's laces

KHẢI MỘ

KHÚC (1)

Sắc trời dần ngả ráng vàng phau,
Mép lũng sau sam bóng gối đầu.
Nhưng dặm đầu đời dài lưỡng lự,
Mười mùng rạo rục, mười lo âu.

Bách chớm hiu hiu tàn lá sẫm,
Thích thăm thì lục thắm tà dương,
Du lâm râm rữ lam màu biếc
Của sớm ra đi lá dậy dàng.

Thình không chậm lại nhịp phi hồng
Vỗ thảnh thơi về nóc đỉnh thông.
Cô chiếc miêu ly nguôi giục già
Để nhường tiếng nói cho linh phong.

Linh phong mười ngón tay ngàn nỡ
Vuốt lướt trời reo quang tử vàng,
Cuốn sóng từ về từ vũ trụ
Là trần thế vượt lưng rừng vang.

(1) *Khúc buổi chiều đầu.*

Cả cõi chiều reo theo lĩnh xướng
Cửa tùng tấu cất khúc linh phong.
Sương gieo gõ nhịp đặt diu lá :
Tủi nỡn trời thoa mát rượi lòng.

Vàng lờm (2) ngả tím ngát thình không.
Chót đỉnh non đang gập cánh hồng.
Gió hất hiu lay hồ gợn sóng,
Bóng rừng xao lẫn ánh Cày Nông.

Nghìn mắt hồ trầm ngâm muốn khép,
Lờ mờ một huyền bóng mây vương.
Trời thu hồi chút vàng còn lại,
Toả tím huyền lan khắp nẻo đường.

Thần thờ hồn thốt tiếng lâm râm,
Nhìn chéch gương hồ chiếu bóng câm.
Tay khoáng khua kêu giòn nước sấm,
Tai nghe u uẩn bóng thì thâm.

Hồn thấy giữa lô xô lấm bóng
Bóng này lạ lẫm mà như quen.

(2) *Vàng hơi sẫm.*

**Một búng tay êm hồ khẽ động,
Bóng vang vọng thẳm đáy lòng mềm.**

**Cuộc đối thoại lầm rầm và thích thú,
Bóng với hồn giờ đã thân nhau.
Hồn nay chẳng còn là hồn cô lữ,
Có bạn đồng hành chuyến viễn du.**

**Hồn thở nhẹ cũng rung rinh chiếc bóng;
Hồn dang ra, chiếc bóng áp vào hồn.
Trời đợi lúc chiều vàng tàn lụi lửa
Kéo thâm giao chiếc bóng nhập hồn luôn.**

**Hồn lặng lẽ giờ đeo mang chiếc bóng :
Trên lưng hồn một độc thoại hàn huyên.
Khi linh phong về ngủ giấc bình yên,
Hồn nghe chính tiếng lòng mình thủ thi.**

**Hồn với bóng một cội nguồn hai phương vị;
Hai đồng tâm thông báo một Tin Mừng :**

**Đời sau này có tiếng hát ưu lương
Cất từ miệng chàng thi nhân lãng tử.**

**Khúc triêu mộ của phong reo tình tứ;
Âm giai du, tùng, tử, bách, lim, phần;
Hồng nam cao vang, hộc nữ kim ngân;
Ô boa gió, vĩ cầm rừng giao hưởng.**

**Linh phong vượt cả nghìn trùng liêu lượng, (3)
Khí mát mơn man, cảm giác mượt mà.
Tiếng con bằng hện đợi cuối trời xa
Bơm kích chất vào lên men trí tưởng.**

**Đã nhen nhúm một phiêu lưu xu hướng,
Đã ươm in tiềm thức mặt trời hồng,
Vẫn giữ gìn kỷ niệm sớm vùng đông,
Mai đi tiếp cuộc thế đồ vừa mở.**

**Đi chăm chút cho mai mùa rục rỡ,
Khắc lộ trình vạm vỡ bước thẳng sinh.**

(3) Liêu : xa thăm. – Lượng : véo von, trong treo, vang xa.

**Đi khai trương một thế giới nhân hình,
Khơi thấp lại một địa đàng bỏ phế.**

**Đi tạo lửa khêu châm lên tiềm thế,
Xán lạn Đường và âm cúng muôn nơi.
Đi rong ca hoa trái những chùm lời,
Đi lĩnh xướng một tiền đề nhã nhạc.**

**Đi hữu nghị bằng dang tay tiếng hát
Hoạ suối và hoà điệu đã sơn ca.
Đi bông bênh trầm bổng thanh nghệ nga,
Ru êm ái bằng âm rừng ngái ngủ.**

**Tai mộng thức nghe như Lời Vũ Trụ,
Hồn lơ mờ một nhưng nhớ không đâu.
Hơi lâm râm đã có hướng kính cầu,
Làn áp úng đã ươm màu thánh vịnh.**

**Đi phiêu lãng bao la qua linh tính,
Tiếng con bằng vọng từ nóc trời cao,
Lời chào mừng: một xứ sáng muôn sao
Lộng lẫy quá và uy nghi khôn tả !**

KHÁI DẠ KHÚC (1)
và
THI NHÂN THIÊN SỨ
ĐẢNG VIÊN NGÔN
PHÁI XUỐNG NHÂN GIAN
CỨU ĐỘ HỒN

Võng đu trở lại chiều đầu đã
Tím rìm (2) tà huy, huyền bóng hình.
Gối mối, chân chôn, hồn chập chững
Đi vào huyền bí đêm yên sinh.

Hồi hộp, âu lo pha háo hức;
Tai nghe, mắt ngóng, bước dè chừng.
Sương đêm đầu ấy giăng mờ lối,
Trời chớm canh đầu đã tối bùng.

Bỗng dựng nổi trận cuồng lương phong:
Nghìn mảnh trời giòn vỡ tứ tung,
Sỏi vó tê ngu cơn chất chúa,
Voi răng máu rống toác mịt mùng.

(1) *Khúc đêm đầu.*

(2) *Tím ngắt, tím đậm.*

**Gió động kinh la, rùng giãy giụa,
Nghìn trùng ú ó, thú tru ngao.
Gió, cơn bão hạt trời xô xát,
Thối tự cơn điên vũ trụ nào.**

**Buốt nghìn móng cầu bầm da thịt,
Buốt ngấm cân cơ, thấu não bào.
Máu nặng nề lê, tim héo hắt;
Thều thảo, hẫng hụt hồn lao đao...**

**Một giọt sương rơi lòng giếng thăm
Bất thần bùng thức giấc miên mê.
Hồn chao – đáy giếng khơi khuya ấy
Xao xuyên liêu vu kỷ niệm về.**

**Nhiệt từ vụn kỹ phả hoang sơ,
Vũ trụ chưa ngưng nổ dẫn bờ :
Một chuyến thiên di đường bất tận
Tìm về tạnh ngắt một hư vô.**

**Những mảng du tình bay tít tắp
Vẫn ngồi sáng thấp Lý uyên thâm.
Những sợi tơ trời huyền nhiệm nói
Hồn vào rốn Mẹ hằng từ tâm.**

Trời ngẫu hứng thả rong hồng ngoại gió
Thổi buốt trần gian, giá lạnh hồn.
Hồn từ cùng cực nổi cô đơn
Bỗng nghe thấy lời thi nhân cát bồng.

Một độc thoại hồn nghe trong thức mộng,
Cuộc tương phùng cùng một nhịp tim rung.
Tim chan san máu thấm ấm hai buồng,
Lời tự truyện trong thẳm thì thổ lộ.

Lời thủ thi của thần linh diu dõ,
Uý lạo hồn, bốc hốt men phiêu linh.
Một tự tại bên kia bờ tiếng hát,
Hoá kiếp nào của uyên ngữ vô thanh.

Trời sắp đặt cho tai nghe thấy lối
Dẫn hồn vào một thạch động lao xao.
Nhiệt nguồn may tấm áo ấm đêm đầu
Phủ kín lấy thân hồn dần yên ả.

Máu lại chảy son tươi từng tác dạ,
Máu dồn về bồi tổn quả tim thương.
Thán, sắt, muối, can xi xương lại phả
Nhiệt cho thân khoái cảm ấm mịn màng.

Võng mộng tưởng đung đưa hồn cổ đại
Đêm tân khơi ngai ngái nhớ bèo bồng
Suối nguồn ngậm vạ đại rên tuôn thông,
Trầm tích đá thiên thu đòi kể lể.

Hồn trầm lự, băng khuâng, tai chăm chú...
Trời hốt nhiên xẹt chớp, bắn tia hồng:
Trận bão bùng điện hạt xé thiên không,
Xuyên suốt núi, nhập hang hồn trú ngụ.

Lửa thạch nữ nghìn băng niên tích ủ
Giờ bùng mời một yến tiệc hoa đăng:
Cốc-tay màu của vàng ánh sao băng
Pha ngũ sắc chiếc cầu vồng mộng tưởng,
Pha lam tím những tinh vân phiêu bồng.

Mỗi lưu tinh một ấn tượng vàng ngân,
Đã lạc lià vạ kiếp còn lần khôn
Chờ giáng thế thi nhân về gửi tặng
Ký ức chàng vằng vặc diệu linh quang.

**Trời kết tủa tinh vân thành nhũ tráp
Rỏ thấm hồn một siêu ngữ tinh lương
Nghĩ từ màu và phiêu hốt từ hương,
Từ lấp lánh một yên ngôn thâm lặng.**

**Thuở hồng hộc tìm nhau trong liêu vắng
Chàng nghe khuya im ắng tiếng gọi đàn
Khuất nghìn đời còn vọng dội tim gan,
Gây man mác buồn cô đơn lẻ chiếc.**

**Luồng cảm xúc trào dâng tim mãnh liệt,
Dòng cuồng tình thao thiết cuốn châu thân.
Cần có hai để khởi lập nhân quần
Cho phải phép lưỡng nghi trong trời đất.**

**Kể từ ngày bỗng bột tách nhau đi,
Vẫn khát khao khôn xiết một ôm ghì,
Một ấm áp ở đôi đường chụm lại,
Mỗi giao thoa cho đơn chiếc trở về.**

THIÊN NĂM

KHẢI HUYỀN CA

Trời thấy, bắn tia hồng lòà thạch động.
Bỗng hiện ngời kiều lệ một tha nhân
Tóc óng ánh vàng hươm buông lỏng thông,
Bờ vai thon yếu điệu trắng da ngần.

Tròng mắt thúy lưu ly hồ thủy bích
Những chao xao bên lển với bồi hồi,
Trầm tích nào thao thức cháy khôn nguôi,
Tưởng như thấp đáy hồ một cầu lửa.

Hay khát vọng đêm tân hôn đôi lúa?
Nhu xưa nao hồng học đã từng mong,
Tiếng gọi nhau xao xác cả nghìn trùng,
Làm kỷ niệm cho nghìn sau nhưng nhớ.

Mắt biếc ấy một khung trời huyền sử
Thuở vườn trần vừa nhú uất kim hương
Đã manh nha đâm thắm một con đường
Chờ sánh bước một cuộc tình tú lệ.

Trời chu đáo chăm lo cho nhân thế,
Lấy thịt da con hộc, ức chim bằng
Ghép hình hài một cặp nhũ hoa căng,
Hai trái cấm dâng thi nhân hoàng tử.

Bụi vắn thạch nghìn năm còn tích tụ,
Chưng đan sa thành hai núm hồng ngần,
Cho sau này thân cúi xuống quên thân,
Dòng sữa chảy nuôi nhân đời bất tận.

Môi chín mọng sim mua son hồng cắn,
Đêm thiêng im môi ấy chính là lời
Lấp khoảng cách nhân gian bằng mấp máy
Sự chào đời của tiếng nói hai ngôi.

Của ngữ pháp yêu đương bằng liên đới
Hai mệnh đề và tay siết tay nhau.
Mỗi nụ hôn một ngữ nghĩa ngọt ngào,
Yêu là nói bằng động từ tha động.

Bằng lấp lánh pha lê đôi cánh mỏng
Những ngôn từ bướm bướm phát phơ thơ.
Cùng bông bèo chung giấc một cơn mơ,
Yêu là chụm hồn nhìn cùng một hướng.

Trời điệu nghệ, tinh vi, giàu trí tưởng
Nặng hình hài theo đúng phép linh khuôn.
Giữa đời vòm cỏ mịn suối khe tuôn,
Nơi cát giấu một nguồn đời phồn thực.

Tiêu điểm ảo phát ra luồng ái lực
Hút hồn vào một cơn lốc cuồng quay
Noãn ngọc ngà dâng hiến trong mê say,
Men yêu mên trong dung môi ngây dại.

Một điểm sử dấy lên từ phút ấy,
Đặt tên cho nhan sắc ấy là Nàng.
Cuộc tình đầu trên dương thế khai trương,
Vú đá thấp hoa đăng đêm hợp cẩn.

KẾT TỪ

Vượn ríu rít gọi nhau chờ nắng tới,
Trời ngoài từng bước ló dạng hùng đông.
Khí ngào ngạt hương thơm, đời xởi lởi
Nức nô theo phơi phới ánh trời hồng.

Suối dậy sớm ngón tay cong gõ cửa
Đánh thức rừng và nhắc nhở chim muông
Xù lông tơ, róng cổ hót ngông cuồng,
Lá trút móc long lanh bùng giắc cỏ.

Hồng cất cánh từ chon von đỉnh gió,
Vỗ dạt dào một chuyến viễn du xanh
Về chốn hứa lương ngon và trái ngọt,
Những cơn mưa ấm nhú mộng đời lành.

Kể từ đó, trên phong nhiêu Trái Đất
Những mùa vàng ủ dọt cuối đường hoa.
Không gian xanh gió lộng, nắng chan hoà
Giục giã bước người đi làm lịch sử.

— Sài Gòn 1988
Saint Paul 2008



622 * CUNG TRÀM TƯỜNG

VÌ SAO NHIỀU NGƯỜI VIỆT LƯU VONG THƯỜNG HAY LÀM THƠ ?

● CUNG TRẦM TƯỞNG

Có một hiện tượng làm nức lòng những người Việt Nam làm văn học hay yêu văn học, đó là sự nở rộ bên bờ và trên quy mô toàn hải ngoại của phong trào sáng tác thơ. Chỉ cần đếm số những thi phẩm, tuyển tập thơ văn đã xuất bản và điếm qua những tuần báo, nguyệt san, tạp chí trong đó thơ được dành cho một chỗ đứng trang trọng là có được một khái niệm về tầm mức đại chúng của phong trào ấy.

Hiếm thấy một thời đại nào trong đó thơ ca lại được hưởng ứng rầm rộ như vậy. Bên cạnh một số nhà văn chuyên nghiệp hay lão thành chuyển sang làm thơ — có những bài thơ phải gọi là rất đạt — có rất nhiều kẻ “ngoại đạo” trước kia khi còn ở Việt Nam chưa hề đụng đến thơ, nay cũng háo hức gia nhập vào phong trào. Điều khích lệ là số lượng không làm hại đến phẩm chất.

Giữa đám đông quần chúng tung bừng và nhộn nhịp ấy, ta nhận thấy một số không ít khuôn mặt nổi bật, sáng tác đều đặn, tác giả của những bài thơ có nội dung hàm súc, kỹ thuật vững vàng và ngôn ngữ điêu luyện, được giới thưởng ngoạn đánh giá cao.

Ta hãy tìm hiểu những động cơ nào đã thúc đẩy sự ra đời của phong trào làm thơ tại hải ngoại.

Xin khởi đầu với một định nghĩa : thơ cơ bản là gì?

So với những loại hình nghệ thuật khác, thơ là một nghệ thuật có tính tinh thần nhất. Bởi vì chất liệu ngôn ngữ mà thơ sử dụng, tức con chữ, là một sản phẩm tinh thần thuần túy. Một hiện hữu ảo nên tránh được lực cản của vật chất vốn là một thuộc tính của những chất liệu nghệ thuật khác như sơn dầu, màu nước của hội họa; gỗ, đá của kiến trúc; thạch cao của điêu khắc và âm thanh của âm nhạc.

Hai hệ luận được rút ra từ sự khác biệt cơ bản trên:

— 1/ Phong cách cảm thụ hình tượng nghệ thuật tùy thuộc vào chất liệu ngôn ngữ sử dụng. Nếu chất liệu này là vật chất như trong trường hợp của các nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật âm thanh, sự cảm thụ có thể thực hiện bằng những giác quan trực tiếp như mắt nhìn và tai nghe. Vì vậy sự thể hiện vật chất của các nghệ thuật ấy cũng chính là sự xuất hiện những hình tượng của chúng.

Tình hình đảo ngược khi ta thưởng thức thơ. Dù cho ta có đặt bài thơ trước mắt ta và xướng nó lên để tai ta nghe thấy vần điệu của nó, những hình tượng thơ không vì thế mà tự động nhô lên từ đằng sau những con chữ. Điều này chỉ xảy ra với điều kiện ta phải hiểu những gì ta nhìn thấy và nghe thấy trước đã.

Nói cách khác, nơi xuất hiện của hình tượng thơ là trong tâm trí ta sau khi ta hoàn tất một quá trình suy nghĩ và liên tưởng khá phức tạp. Đó là lý do tại sao thơ được coi là nghệ thuật có tính tinh thần nhất. Hiểu càng sâu, cảm thụ càng thâm thía, khoái cảm mỹ học càng đậm đà. Thứ lương duyên giữ bài thơ ở lại với lòng ta như một kỷ niệm khó phai pha. Thi sĩ John Keats nói: “*A thing of Beauty is a Joy forever — Mỗi cái Đẹp là một Niềm Vui vĩnh cửu.*”

— 2/ Ưu thế có từ sự sử dụng một chất liệu ngôn ngữ

không bị níu xuống bởi trọng lượng của vật chất trang bị cho thơ một khả năng biểu đạt tự do hơn, phong phú hơn, uyển chuyển hơn các thể loại nghệ thuật khác. Nó tạo điều kiện cho sự tung cánh của trí tưởng thi sĩ lên những vùng trời siêu hình bàng bạc, bát ngát, nhằm thể hiện một giấc mơ tuyệt đối mà bất cứ thể nhân nào, kể cả những người vô thần, cũng có. Ngay chính một người vô thần triệt để như Sartre cũng phải nhìn nhận dù giấc mơ này là ảo tưởng, nhưng vắng nó thì đời không có ý nghĩa.

Ưu thế trên của thơ đã khiến cho hơn một tôn giáo phải mượn nó để siển dương những ý niệm trừu tượng khó định hình như ý niệm Thượng Đế là một hiện hữu tinh thần tuyệt đối chẳng hạn. Mà trong nội dung tinh thần của một ý niệm tuyệt đối có một khả năng ngôn ngữ tuyệt hảo. Và, qua sự thể hiện khả năng này, ta thấy được một vẻ đẹp tuyệt hảo: *vẻ đẹp như thơ – beau comme un poème* — một lý tưởng — Hegel.

Trên thang giá mỹ học, vẻ đẹp của thơ ở nấc cao nhất. Vì vậy, khi nghe được một bản nhạc bất hủ, người ta bảo đó là một bài thơ giao hưởng.

Khác với vẻ đẹp của thế giới tự nhiên, vẻ đẹp của thơ, và của các loại hình nghệ thuật khác, có hồn hơn. Vì vậy khoái cảm mỹ học nó gây ra thâm thía hơn, da diết hơn, gần gũi hơn. Qua thơ, ta có dịp trở về tiếp xúc với cái ý tượng ban đầu — *chose idéelle* hay *idée choséifique* — của cảm thức trước khi có sự xâm lấn của lý trí bạo hành và lãnh cảm. Vì vậy, với cái chất liệu ngôn ngữ bén nhạy và ấm nồng của nó, thơ là một phương thức lý tưởng để biểu đạt những nội cảm sâu kín, những rung động đầu nguồn, những phát sinh nguyên thủy.

Thơ cần thiết để lấp những trống trải gây ra cho tâm hồn bởi những mất mát lớn lao. Như mất một quyển thuộc, ngôi nhà tuổi ấu thơ, chôn thờ phượng, chiếc ghế công viên

chúng vật của một tình yêu lứa đôi dầy thì; mất một thành phố thân quen, một cố quận, một cố thành, một con sông kỷ niệm, một quần thể địa lý nhân văn ở đó mình cảm thấy như ở nhà mình; mất một bản quán, một quê hương, mất tổ quốc. Vì thế lẽ tự nhiên là chúng ta những người Việt lưu vong cảm thấy có nhu cầu làm thơ.

Trước để khuây nổi sầu nhớ nước, sau để dịu xoa cái tình cảm lạ nước lạ cái của một trú khách vì dị ứng nên không hội nhập vào được nếp sống bản địa.

Thêm vào đó, phải kể đến sự khác biệt màu da, chủng tộc với những hệ lụy tiêu cực của chúng và một rào cản ngôn ngữ khắt khe, tất cả có tác dụng đẩy trú khách vào một tình trạng cô lập âm đạm mà tối hậu quả là sự ra đời của một phức cảm phần tôn, yếm thế, trở vào xói mòn nội tâm, quay ra ly gián cộng đồng và coi tha nhân là địa ngục.

Là như thế cái giá người lưu vong tị nạn chính trị phải trả để hưởng được những nhân quyền và dân quyền hiện vẫn còn là những điều cấm kỵ bên quê hương bản quán của mình. Trú khách có muốn thay tên đổi họ hay nhập quốc tịch mới nhưng không vì thế mà chạy trốn khỏi được phức cảm trên. Nó như một chất nhờn vô hình rịn vào hồn và gây nên một cảm giác khó ở triền miên. Và, kinh nghiệm chỉ cho thấy một trong những phương thức hữu hiệu để giải toả nó là làm thơ bằng tiếng mẹ đẻ.

Làm thơ trong tình huống này cơ bản là để tái lập cho bản thân mình sự toàn vẹn tinh thần đã bị phá vỡ và đồng thời cũng là một cách trở về nguồn tuyệt diệu. Bởi vì với sự xử dụng ngôn ngữ thơ Việt Nam — một thành tựu ngôn ngữ xuất sắc của dân tộc và của nhân loại — ta có được một con đường về gần nhất với tinh hoa của tiếng Việt mà cũng là của hồn Việt.

Phức cảm yếm thế trên thực chất là một bệnh tâm thần. Bệnh gia trọng với một thực địa mong manh, dễ xúc động,

giàu lòng yêu nước và nhiều tự ái dân tộc.

Ở đây, cái đau lưu xú của kẻ đơn phận cộng sinh với nỗi sợ là tôi và con cháu tôi sẽ mất đi một ngữ tịch và một bản lai dân tộc. Sự mất mát hai cơ sở tinh thần này gây ra một cảm giác hẫng hụt như mất chính một phần cơ thể của mình. Và, theo ý kiến của những nhà nhân loại học, sự tiêu vong văn hoá của một dân tộc cũng là một hình thái diệt chủng của dân tộc ấy.

Địa bàn có thể chuyển từ trong nước ra ngoài nước nhưng mức độ của hiện tượng vong thân không vì thế mà suy giảm. Chúng ta đang sống trong một kỷ nguyên mà một nét đặc trưng là sự mâu thuẫn gay gắt giữa cái phúc lợi vật chất có được và sự nhỏ gốc hàng loạt và trên quy mô hành tinh đối với con người, thông qua một chủ trương vị lợi hẹp hòi, thiên cận đang chi phối nền kinh tế toàn cầu hoá và đang được hỗ trợ bởi một xu hướng bá quyền ngôn ngữ.

Để có một ý niệm về hệ lụy của sự mất ngữ tịch trên, ta hãy nhìn vào số phận của những người Mỹ đen đang sống chung quanh chúng ta.

Sự những người Mỹ gốc Phi châu ấy nói nhịu, nói lắp, nói trại tiếng Anh dù họ có sinh trưởng ở Mỹ theo thiên ý là một hành động cố ý để bày tỏ sự khước từ của họ đối với cái ngôn ngữ ấy.

Bởi vì họ coi nó chỉ là một vật lạ mà những người chủ nô da trắng xa xưa đã tọng vào cổ họng tổ tiên họ. Hệ quả của sự cưỡng hôn giữa một tâm thức đen và một ngôn ngữ trắng này là sự ra đời của một bi kịch ngôn ngữ, hiểu như dù có xử dụng nó một cách trơn tru, thuần thực, lưu loát, người Mỹ đen vẫn cảm thấy khó ở trong cái không gian ngôn ngữ màu cà phê sữa ấy. Lý do là vì dù có là tiếng nói của người mẹ sinh học, nó vẫn không phải tiếng mẹ đẻ, tức là ngôn ngữ của dân tộc hay bộ tộc mình, trong quan hệ với các ngôn ngữ khác.

Đối với họ, tiếng Anh cơ bản không phải là một quốc âm, tức cái quê hương thứ hai của con người.

Hơn nữa, người Mỹ đen còn hiểu rằng sự họ mưa ra tiếng Anh chỉ là một hành động đề kháng tiêu cực, không giải quyết được tận căn cơn khủng hoảng ngôn ngữ họ đang phải kinh qua, nó đã có từ mấy trăm năm rồi. Họ thấy cần phải đi tìm một phương thức biểu đạt khác tích cực hơn, và họ đã tìm thấy nó qua âm nhạc, một biến hình muôn điệu của tiếng nói và là ngôn ngữ chung của nhân loại.

Sự ra đời của nhạc Mỹ đen gồm *Jazz*, *Blues*, *Spiritual*, *Gospel* và *Soul* bắt nguồn từ một nhu cầu tinh thần muốn lấp khoảng trống do sự mất ngữ tịch trên gây nên, nhằm qua đó khẳng định gốc gác của mình và củng cố niềm tự tin dù cho có bị lừa vào một kiếp sống bầy đàn như súc vật, bị ngược đãi, đánh đập, lao động khổ sai; bị chà đạp nhân phẩm, bị treo cổ vì định kiến kỳ thị màu da bởi một thứ công lý “nhân dân” tự phát, kiểu Lynch, phi pháp, thô thiển, giản lược, tức thì.

Hơn nữa, ngoài chức năng tiêu sái hay văn ca về một cộng nghiệp hăm hiu, nhạc của người Mỹ đen còn là tiếng nói của một ý thức chính trị nhân bản đòi quyền được đối xử công bằng và bình đẳng, đòi quyền được sống như một người tự do, tự do lựa chọn, tự do làm chủ bản mệnh của mình. Ta có thể ví nó như một bản tuyên ngôn nhân quyền du dương, phối hưởng tiếng hát, tiếng đàn, tiếng kèn, tiếng trống thành một phương cụ đấu tranh bất bạo động mà hữu hiệu, thứ “*We Are The World*” lan truyền và được đón nhận nồng nhiệt trên khắp thế giới.

Xin đan cử một thí dụ điển hình về sự đóng góp của nhạc Mỹ đen đã làm rạng danh cho nền văn hoá Mỹ trên quy mô toàn cầu. Khi được hỏi về xuất xứ của những nhạc sĩ và ca sĩ da đen lừng danh như Louis Armstrong, Duke Ellington, Lionel Hampton, Count Basie, Nat King Cole,

Ella Fitzgerald, Stevie Wonders, và v.v., rất nhiều người trên thế giới đã trả lời vanh vách với một giọng điệu ngưỡng mộ rằng đó là những tinh hoa của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Điều trớ trêu của lịch sử là cái văn hoá đen của người nô lệ da đen ấy đã được chính những hậu duệ của người chủ nô da trắng niềm nở đón nhận, say sưa hát nó lên, chăm chút, tôn kính nó như một di sản vô giá của tổ tiên mình để lại. Lý do họ hành xử như vậy là vì họ muốn chuộc tội cho cha ông mình đã đối xử tàn tệ với người đồng bào khác màu da của mình, những người đã đổ mồ hôi và nước mắt để làm nên sự thịnh vượng chung của đất nước mình.

Vẻ đẹp nhân bản của tâm hồn những người Mỹ trắng ấy đồng thời cũng nói lên sức cảm hoá thần diệu của những làn điệu *jazz*, *blues*, *spiritual* mà các nghệ sĩ da đen đã làm ra chủ yếu là để giải toả cơn bế tắc ngôn ngữ cho cộng đồng sắc tộc của mình như đã nói ở trên.

Sự thành công vượt bậc của họ làm chúng ta nhớ lại một lời nói bất hủ của văn hào Dostoevski: “*Nghệ thuật cứu rỗi loài người bằng vẻ đẹp của nó.*”

Nhưng có một quy luật bù trừ, đó là điều không may cũng có cái hay. Cái hay ở đây là từ nỗi bất hạnh mất đi tiếng nói tổ tiên của mình, người Mỹ đen đã qua âm nhạc sáng tạo được một thể vị quốc âm ưu việt và nhiệm màu – châu báu của kho tàng âm nhạc nhân loại – vừa để làm vui đi cái sầu khuyết xứ và khuyết sử, vừa giúp phục hồi niềm tự tin sắc tộc của mình.

Hiếm có một nghệ thuật nào lại đậm sắc siêu hình và giải phóng như vậy. Nó đã phản ánh được cái chân lý về Mặc Khải theo đó Thiên Đàng là bến đến tối hậu của một hành trình nhân sinh biện chứng, trầm luân, than bùn, kiên tín và giác ngộ.

Ở điểm đỉnh hoá sinh của tiếng hát linh ca thô, mộc,

cách — da —, trúc của ca nhân Mỹ mun đen mặt nhễ nhại những giọt mồ hôi — hay nước mắt? — long lanh và một nụ cười để lộ một hàm răng trắng toát hân hoan khó tả, ta cảm thấy thấu khúc ấy là hiện âm và hiện thân của một Tin Mừng lấp lánh như một chùm pháo hoa đêm Khải Huyền.

Dĩ nhiên, do có những thay đổi tích cực trong chính sách về di dân của nước tiếp nhận và cách đối xử với di dân của người bản địa, hoàn cảnh của chúng ta là những Việt lưu vong đến sau sáng sủa hơn nhiều so với hoàn cảnh của người Mỹ đen trước kia. Nhưng mức độ nổi trăn trở của chúng ta trước viễn ảnh của sự mất ngữ tịch mà con cháu chúng ta sẽ phải gánh chịu sẽ không vì thế mà suy giảm, nhất là đối với các bậc phụ huynh vốn hằng tha thiết với sự bảo tồn văn hoá Việt Nam viết và nói tại hải ngoại.

Do đó, chúng ta vốn thuộc một nòi mẫn cảm và kiêm ái khó mà không chạnh lòng khi nghe những ca nhân Mỹ đen hát *blues* và *spiritual*.

Nếu chúng ta chưa sáng tác được một thứ linh ca vàng tương đương với linh ca đen của họ, thì ít nhất chúng ta hãy cứ tiếp tục làm thơ như đã làm từ mấy chục năm nay. Trước để giữ gìn nét tinh hoa của tiếng mẹ đẻ, sau để bảo tồn căn cước Việt tộc và chữa căn bệnh khó ở mãn tính gây nên bởi một kiếp sống lưu vong lạc loài giữa một miền đất lạ.

Làm thơ bằng tiếng Việt là lấy lại niềm tự tin dân tộc của mình.

● CUNG TRÀM TƯỜNG

Minnesota, một ngày đông tuyết.

Cuối năm 2000

THAY LỜI BẠT

Là một hoá kiếp của uyên ngữ vô thanh, thơ hàn gắn vết thương toang hoác của con vượn mẹ thái cổ, thăng hoa tiếng kêu sinh lý và trấn an cuồng âm nhân loại. Thơ phối điệu tâm hồn, trong khi nhạc, hoá thân muôn điệu của nó, hoà âm vũ trụ. Làm thơ là sống một đam mê ngôn ngữ. Là một thứ mơ đứng, lằm bằm, khùng; một cuộc hành xác phờ phạc, trện vật lộn cam go với những bóng ma tiền ngôn ngữ lờn vờn trong đầu.

Nghĩ cho cùng, làm thơ là một rong chơi lãng mạn mà thâm trọng. Một thứ công nghệ

*Miết, mài, giữa gợn lên vân đá,
Chuốt, gọt thi từ như bút hoa
Trong pho sách ngát hương kinh điển
Viết lại cho đời khí huyết thơ.*

Làm thơ, ở kích thước hạt, là làm ra những con chữ lưỡng thù lấp lánh

*Ý nâu xen lẫn nghĩa hung vàng.
Như trong xanh hứa của màu mặn
Nghe vỡ eo sèo trái nâu đen.*

Làm thơ, cơ bản, là làm ra một không gian ngôn ngữ ảm cúng để những kẻ lãng ngữ về tìm lại ở đó chính mình thưở chưa đi hoang; thưở người ta chưa leo lên Tháp Rối Lời Babel để đôi co với nhau; thưở ở nội tâm mình, cảm thức chưa bị sách nhiễu bởi một lý trí ưa lý sự, thích bắt bẻ, ham phân tách, mổ, xẻ, giảm, trừ, vì vậy dễ gây ngộ nhận,

bất hoà và hay đối đầu.

Hiển nhiên, để có được sự trải rộng những vần thơ của mình trên mặt bằng của một trần thế lao xao, bụi bặm, thi nhân phải mất đi ít nhiều tính ngây thơ trong trắng của những vần thơ đầu đời.

Mất mát này khôn nguôi, không tránh được, như mất một thiên đàng. Là cái giá mà tuổi tác, lịch sử và cuộc trải nghiệm qua một cõi nhân sinh rối rắm, lăm hệ lụy bắt thi nhân phải trả.

● CUNG TRÀM TƯỜNG

PHỤ LỤC

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 633

634 * CUNG TRÀM TƯỜNG

CHO MỘT HỒN KHÔNG TUỔI

**Dưới lớp trán nhăn nheo
Một luồng niềm đam thắm
Lưu niên hồn mẫn cảm.**

**Như nhựa nỡn lưu xuân
Trên rung rinh tán biếc
Nguyên sinh rừng cổ thụ.**

**Sống bắc qua tha nhân
Một chiếc cầu lân trợ.
Xích ghé lại kê gần
Bằng nụ cười niềm nở.**

**Ánh mắt ngời nồng hậu
Sưởi ấm giá băng tim.
Dây từ đáy lòng mềm
Lời tỏ tình hiền nhất.**

**Mỗi lần nói yêu nhau
Là cách tân ngôn ngữ,
Làm mới lại tu từ,
Đổi thay cả thế giới.**

**Đĩa đàn đang cần lại
Trót dại cặp tình nhân.
Hiển lộ một thiên thân
Khi hân hoan thân xác.**

**Như sương vươn lá sớm,
Như gió cuốn buồm căng,
Nở chùm nắng hoa đăng
Đêm âm dương giao hưởng.**

**Có sắc diện nào già
Khi tình yêu thấp nển
Đáy mắt mền người yêu !**

**Anh trẻ ra không tuổi
Khi em nói yêu anh.
Yêu em anh nói với
Tiếng nói đáy lòng mình.**

**Một trinh nguyên ngôn ngữ
Của bảy sắc cầu vồng,
Của chiếu thấp thình không
Một chiều vàng rực lửa.**

— *Minnesota*
Mùa Phục Sinh 2012.

ĐÓA QUỲNH CUÔNG THI

— *Tưởng nhớ Bùi Giáng,
thi sĩ của những thi sĩ.*

Ta đi trong chữ tình ta
Thấp nhang trầm niệm đọc ra linh hồn.
Còn nồng ấm nụ đời hôn
Thuở tròn trĩnh mẹ đỡ hôn máu thơ.
Dấu âm môi ấy ấm ở
Mà nghe tiếng gọi nứt bờ thời gian.
Con yêu tiếng mẹ vô vàn,
Một lời mẹ rót ra ngàn cổ thư.
Nhớ này rộn rục tâm tư,
Chữ thi nhân đốt hư vô lửa bùng,
Si ca ta cũng cùng dòng,
Vần thơ diên ném làm chùng không gian.
Ngủ lẽ phố mở quan san,
Chập chờn cổ quận sương ngàn chiêm bao.
Tĩnh diên diên tĩnh như nhau,
Cái diên ngan ngát một màu thơ lam. (1)

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 637

Tĩnh khôn mãi cũng sinh nhàm,
Hất tung từ ngữ người làm cuồng nhân.
Mua vui cho đám nhân quần,
Câu thơ ngật ngưỡng, bước chân nhẹ bồng.
“Ở trong từng giọt máu hồng,
Hồn hoa phong nhã vun trồng phục sinh.”(2)
Ở trong từng giọt sương trinh
Lập lòe vô thức đóa quỳnh cuồng thi.
Ở trong hồn chữ lưu li
Tuổi thơ vũ trụ, ấu thì hồng hoang.
Thơ người lặn giở từng trang,
Tri âm ta thấp nén nhang niệm hồn.

— *Minnesota,*
chớm thu 2018

(1) *Bùi Giáng gọi thơ mình là thơ lam, tức thơ già lam*

(2) *Thơ Bùi Giáng làm lúc điên*

HỘI CHÚNG TIỀN ĐÒN

** CĂN ĐO*

Đồn thu quân, nắng giới chiều.
Thuyền lia bến ở với đìu hiu không.
Vang núi dội sông
Muông tru rừng rú
Cổ sào lính thú
Oán thù đầu sông.
Trời căm phẫn quát cờ lòng,
Bắc chì chiết thổi mùa đông xám về.
Giật mình tỉnh giấc xưa mê,
Lửa lên cho bớt não nề nguồn cơn.
Vượn than vãn trũng cung đồn
Vẫn thuần đơn một điệu hồn miên du.
Đồn này lưu đã thiên thu,
Cái sào trần thủ bấu u nắm hôn.

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 639

*** DI CHÚNG**

Về nơi giá phủ rừng gầy (1)
Một vung trời nặng, đất nhầy nhựa mưa.

Miếu thương tích mở dạn thừa,
Xác tảng quỳ gổ, thân dừa ngửa hoang.

Rét cửa xẻ xám đôi dềng,
Nửa dàn sông quạnh, nửa giếng bãi buồn.

Ngày tàn lẽ lạnh lữ đồn
Triền trơn đứng tuột, nóc hồn nằm ươn.

(1) *Lá trụi vì thuốc khai quang.*

**MỘT ĐÓA HỒNG
HUYỀN DIỆU
GỬI NGƯỜI TÌNH
NGHÌN THUỔ**

**Trời muộn về nhỏ hạt
Mây chập vào mây : mưa,
Đêm lâm râm khái quát.**

**Quán khuya nhỏ thì thảo
Tình nhân môi gặp gỡ
Muối nồng lời vơi hao.**

**Nhìn nhau khơi quên – nhớ
Ngõ ngang thoáng duyên do.
Tìm nhau hòa nhịp thở
Xưa như có cùng đò.**

**Chuyền che nhau êm ái
Dưới mái đò chuỗi mơ.
Đường xưa sông mưa trải,
Khuya nghe nước dạt bờ.**

**Tìm nhau trong yên áo,
Nhìn nhau tới siêu hình.
Một bóng hình huyền ảo
Lấp ló nẻo u minh.**

**Trong hai thân ân ái
Trú ngụ một linh hồn,
Một huyền nhiệm linh khuôn :
Tình yêu là thần thoại**

**Những phiêu hốt linh minh
Với đăm đúi siêu hình
Đạt dào hồn cảm tác
Những vắn thơ ngan ngát
Nhuộm hương sắc tâm linh
Một đóa hồng huyền diệu
Thấm thiết gửi người tình,**

**Một người tình nghìn thuở
Xuôi chung một chuyến đò
Trên mông lung sâu lắng
Khuya vắng một dòng sông
Linh diệu.**

— *Minnesota*
Valentine's Day 2018

MỘT TIẾNG HÁT UÛU LƯƠNG (1)

— *Ngôn ngữ thi ca, nhà ở của Chân Lý Siêu Hữu Thể.*

* *SỰ CHÀO ĐÒI* *MỘT THỂ NGŨ TINH ANH*

Âm sương tí tách lá
Ôn tồn.
Thanh sắc của trầm nguồn
Chậm chậm;
Của trầm đá rỉ tuôn
Âm âm;
Của trầm thâm đất ẩm
Tân hôn...

Rồi lâm râm bức xúc
Lời mộc đục.
Lục phủ nôn nao,
Ngũ tạng nghẹn ngào.
Âm lượng chữa căng buồng phổi nhưc,
Nước mắt tuôn trào, miệng túa hài thanh...

Tở mở hồn chào bình minh
Ríu rít

(1) Trích từ thi tập Sáng Ký Về Người Tình Đầu của Cung Trầm Tưởng

**Nguyên âm từng, phụ âm bá nghê nga
Pha
Sam bách vút.**

**Nhị trùng âm sam bách vút
Và
Sáo náo, vượn bùng, khướu hót trút
Sương sa
Với hươu sao gọi nắng đến
Rừng và
Với bè chìm của vãn thạch xưa xa
Mang
Vang
Âm vũ trụ xuống chan hòa
Khúc dạo của những âm nền kỉ niệm.**

**Những âm sắc của uyên ngôn huyền nhiệm,
Của nguồn ngầm và gió nóc trời cao
Đã ươm in vô thức, khắc tế bào,
Sau trời trở thành thềm thì kinh kệ
Của con Trời giáng thế làm thi nhân.**

**Rồi gì nữa, những tiền đề áo diêu
Đũa thần nào múa tấu thành âm thanh
Bản Tâm Ca thứ nhất, nhịp linh hành,
Kinh Sáng Thế của Ngôi Lời Nhập Thế.**

**Một Tiếng Nói khai tâm từ Tĩnh Lự
Hoá điệu đà một thế ngữ tinh anh,**

Khúc giao thoa âm sắc đượm ân tình
Chàng thi lữ cất lên lời hiếu tử. (2)

*** MỘT ĐỘC THOẠI**
HUYỀN NGÔN

Cỏ chuốc mật ren đan triền oắc thổ.
Bảo thạch hồng viên nẹp mép hồ xanh.
Bóng cây lung liêng, gió động sóng trông tràn
Bóng chiếc một hình hài bé nhỏ.

Ngỡ ngàng chàng thốt tiếng lâm râm.
Chăm chú chàng nhìn chiếc bóng câm.
Tay khoáng khua kêu giòn tiếng sóng,
Tai nghe như thể bóng lằm rằm.

Chàng thấy giữa lô xô lấm bóng
Bóng này lạ lẫm mà như quen.
Một búng tay êm hồ khẽ động
Bóng vang vọng thắm đáy lòng mềm.

Cuộc đôi thoại thì thâm và thích thú,
Bóng với hồn chàng giờ đã thân nhau.
Hồn nay chẳng còn là hồn cô lữ,
Có bạn đồng hành chuyến viễn du.

(2) Thi nhân là con cách riêng của Thượng Đế. Thi nhân báo hiếu Thượng Đế bằng những vần linh thi ưu lương, diễm lệ, uyên áo và huyền vĩ mình sáng tác để ngợi ca Chúa Cha vinh hiển.

Hồn thở nhẹ cũng rung rinh chiếc bóng.
Hồn dang ra, chiếc bóng áp vào hồn.
Trời đợi lúc chiều vàng tàn lụi lửa
Kéo thâm giao chiếc bóng nhập hồn luôn.

Hồn lặng lẽ giờ đèo mang chiếc bóng:
Trên lưng hồn một độc thoại hàn huyên.
Khi đêm về rừng ngủ giấc bình yên,
Hồn nghe chính tiếng lòng mình thủ thi.

** MỘT TIẾNG HÁT
ƯU LƯƠNG*

Hồn với bóng một cội nguồn hai phương vị;
Hai đồng thanh thông báo một Tin Mừng:
Đời sau này có tiếng hát ưu lương
Cát từ miệng chàng thi nhân hiếu tử.

Bản hợp xướng uy nghi và huyền vĩ,
Âm giai du tưng tử luyện lim phần,
Hồng nam cao vang, học nữ kim ngân,
Ô boả gió, vĩ cầm rừng giao hưởng.

Linh phong vượt cả nghìn trùng liêu lượng, (3)
Khí mát mơn man, cảm giác mượt mà.

(3) *Véo von, trong trẻo, vang xa thăm*

**Bóng con bằng hện đợi cuối trời xa
Bơm kích chất vào lên men trí tưởng.**

**Đã nhen nhúm một phiêu lưu xu hướng,
Đã ươm in tiềm thức mặt trời hồng,
Vẫn giữ gìn kỉ niệm sớm vùng đông,
Mai đi tiếp cuộc thế đồ vừa mở.**

**Đi chăm chút cho mai mùa rục rỡ,
Khắc lộ trình vạm vỡ bước thẳng sinh,
Đi khai trương một thế giới nhân hình,
Khơi thấp lại một địa đàng bỏ phế.**

**Đi tạo lửa khêu châm lên tiềm thế,
Xán lạn Đường và ám cúng muôn nơi.
Đi rong ca hoa trái những chùm lời,
Đi lĩnh xướng một tiền đề nhã nhạc.**

**Đi hữu nghị bằng dang tay tiếng hát,
Họa suối và hòa điệu dã sơn ca.
Đi bông bênh trầm bổng thanh nghệ nga,
Ru êm ái bằng âm rừng ngái ngủ.**

**Tai mộng thức nghe như Lời Vũ Trụ,
Hồn lơ mờ một nhưng nhớ không đâu,
Hơi lâm râm đã có hướng kính cầu,
Làn áp úng đã ươm màu thánh vịnh.**

Đi phiêu lãng bao la qua linh tính.
Tiếng con bằng vọng từ nóc trời cao.
Lời chào mừng: một xứ sáng muôn sao
Lộng lẫy quá và uy nghi khôn tả.

* *KẾT TỪ*

Vượn riu rít gọi nhau chờ nắng tới.
Trời ngoài từng bước ló dạng vùng đông.
Khí ngào ngạt hương thơm, đời xởi lởi
Nức nô theo phơi phới ánh trời hồng.

Suối dậy sớm ngón tay cong gõ cửa
Đánh thức rừng và nhắc nhở chim muông
Xù lông tơ, róng cổ hót ngông cuồng,
Lá trút móc long lanh bùng giắc cỏ.

Bằng cất cánh từ chon von đỉnh gió,
Vỗ dạt dào một chuyến viễn du xanh
Về chốn hứa lương ngon và trái ngọt,
Những cơn mưa âm nhú mộng đời lành.

Kể từ đó, trên phong nhiêu Trái Đất
Những mùa vàng ử đọi cuối đường hoa.
Không gian xanh gió lộng, nắng chan hòa
Giục giã bước người đi làm lịch sử.

— *Minnesota một đêm xuân trăng xanh
năm Mậu Tuất 2018*

CUNG TRÀM TƯỢNG MỘT HÀNH TRÌNH THƠ

● HOÀNG YÊN LƯU

Người yêu thích thơ hẳn có mối quan tâm tới nhà thơ cho dù có thể xa cách về thời gian và không gian. Từ mối quan tâm này, người yêu thơ muốn tìm hiểu hoàn cảnh sống của thi nhân để bắc nhịp cầu cảm thông. Xưa kia thi hào *Nguyễn Du* sống trong thời nhiễu nhương cuối *Lê* đầu *Nguyễn*, đọc thơ *Vy Ứng Vật* đời *Đường* tìm thấy cảnh ngộ của họ *Vy* giống như mình nên viết hai câu thâm thúy:

*Thi nhân bất đắc kiến
Kiến thi như kiến nhân*

— Khách thơ nào thấy được,
Đọc thơ như thấy người.

Tại sao vậy? Thì ra thơ là chân dung nhà thơ vẽ bằng lời và hơn thế nữa là bức phác họa lược sử thi nhân. Dĩ nhiên người xây dựng vần điệu phải đa cảm và mẫn cảm, và sáng tác của họ phải là “mực mài nước mắt” và cung bậc thốt ra dễ khiến người đọc “*khi tựa gối, khi cúi đầu, khi vò chín khúc khi chau đôi mày.*”

Mặt khác, thơ là một chuỗi hình ảnh xã hội hay những trang sử thời đại mà thi ca phản ánh, và nếu dùng từ của *Nguyễn Mạnh Côn*, thì nhà thơ thường “*đem tâm tình viết lịch sử.*” Hiển nhiên, sử này không hoàn toàn khách quan

nhưng lại thắm hơn, đậm hơn những dòng sử biên niên khô khan.

Nếu xã hội thanh bình, cuộc đời thi nhân êm ả thì nhà thơ có thể mãi mãi mơ màng trong tháp ngà với những vần điệu cũ, thiếu sáng tạo, vắng hơi thở thời đại. Nhưng lịch sử trong thời đại chúng ta biến chuyển rất mau, rất khốc liệt, quá bi thảm và nhiều nhà thơ chẳng khác chiếc lá còn xanh mà bị cuốn theo chiều gió. Chiếc lá bay, chiếc lá rơi, với muôn hình ảnh, đẹp có, bi hùng có và vì thế thơ không thể không nhuộm màu sắc “*trải qua một cuộc bể dâu.*”

Cung Trầm Tường, nổi tiếng từ cuối thập niên 50, vào mùa hè 2012, đã cho phát hành toàn tập thi ca của đời ông mang nhan đề *Cung Trầm Tường, Một Hành Trình Thơ 1948-2008*.

Nhờ thế chúng ta có dịp đọc lại gần như toàn bộ thơ *Cung Trầm Tường* và thử xem ta biết gì về ông và những thăng trầm lịch sử qua thơ ông. Đọc một lúc bảy tập thơ của nhà thơ từng quyển rũ tuổi trẻ thập niên 60 thế kỷ trước, đọc giả vừa hào hứng tìm lại tuổi thơ đã mất vừa mong đợi hòa đồng vào hơi thở của thời đại có quá nhiều biến cố.

Tuyển tập *Hành Trình Thơ* gồm bảy thi tập ghi lại hành trình hơn nửa thế kỷ của một nhà thơ dân thân và được nhiều người yêu mến:

- *Sóng Đâu Dòng, Tình Ca Và Quá Độ.*
- *Lời Viết Hai Tay*
- *Bài Ca Niu Quan Tài*
- *Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Phiếm Định*
- *Thi Bá, Con Cắc Kè Và Bà Góa Phụ.*
- *Mỗi Dặm Đường Một Nghìn Vần Thơ.*
- *Sáng Ký Về Người Tình Đầu*

Đúng là một hành trình phong phú vì “*mỗi dặm đường một nghìn vần thơ*” và cũng là tuyển tập đặc sắc mang dấu

vết một con người tài hoa bị đày đọa trong một đất nước trải qua cơn đại hồng thủy.

Cổ nhân có nói: “*thi hữu cùng nhi hậu công*”, nhà thơ có nếm trải khổ đau thơ mới hay vì độc giả vốn tâm thường, nhưng có thể có nỗi đau, nỗi đoạn trường, mà không nói nên lời nên có xu hướng thích nhà thơ nói giùm tâm trạng mình. Người đọc có thể tìm thấy bóng hình mình và tâm trạng mình trong những vần thơ trong tập *Lời Viết Hay Tay* và *Bài Ca Núi Quan Tài*.

Nhưng ta dùng khuôn thước nào để hướng dẫn việc thưởng thức hàng nghìn vần thơ mà mới xem hình như cảm xúc và vần điệu có chỗ biến đổi tới mức đối lập? Trước hết, ta phải làm quen với ngôn ngữ của Cung Trầm Tưởng như ông đã từng chủ trương từ những vần thơ đầu tiên.

Khi chưa tròn ba chục, vào năm 1960 trong một cuộc thảo luận về thơ ca trong nhóm Sáng Tạo với Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sĩ, Duy Thanh, Lê Huy Oanh và Nguyễn Sỹ Tế, nhà thơ Cung Trầm Tưởng đã bảo vệ ý kiến: “*Ngôn ngữ thời đại nào cũng có cái thần diệu riêng. Thời đại chúng ta có ngôn ngữ thần diệu của chúng ta. Ngôn ngữ không bắt di bắt dịch. Nó biến đổi theo tâm trạng thời đại. Mỗi thời đại có một tâm trạng riêng thì ngôn ngữ biểu hiện tâm trạng thời đại tất nhiên mang một sắc thái riêng.*”

Cũng không thể không quen với quan điểm về thơ của tác giả *Một Hành Trình Thơ*: “*Nên quy định thơ hiện tại vào ba vấn đề: đức lý, tư tưởng và thẩm mỹ. Đức lý: thơ bây giờ có những yếu tố chống đối, trái ngược hẳn với thi ca trước. Tư tưởng: thơ bây giờ lại phảng phất có nỗi khắc khoải của con người. Thẩm mỹ: chúng ta có quan niệm thẩm mỹ khác hẳn thời trước... Điểm khác biệt rõ ràng là rung cảm về thơ ngày trước thiếu cái say sưa mà người ta thấy trong rung cảm về thơ bây giờ.*”

Và khi đọc thơ Cung Trầm Tưởng nếu ta có dịp thưởng thức những vần lục bát mới lạ thì đừng nên quên tác giả đã từng ca tụng thể thơ này: “*Thể lục bát, một thể thơ thuần túy Việt Nam vẫn còn có thể diễn đạt được khát vọng của người thơ hôm nay. Ngôn ngữ thơ bây giờ vẫn có thể biểu hiện qua thể lục bát mà không bị cưỡng ép và rơi vào cạm bẫy thơ lục bát thời trước.*”

Đã có kim chỉ nam đọc thơ Cung Trầm Tưởng chúng ta hy vọng tìm được về bản chất có sự đồng nhất trong cảm xúc, trong vần điệu từ *Sóng Đầu Dòng* tới *Sáng Ký* cho dù khi tâm tình phóng ngoại có hình thức khác biệt.

Nói tới bản chất, phải khẳng định Cung Trầm Tưởng là nhà thơ trữ tình. Đọc toàn thi tập hẳn rõ ông không phải là thi sĩ có khuynh hướng tôn giáo, đạo đức, triết lý hay chính trị mà cho dù có lúc dùng thơ để tố cáo bất bình thì cũng chỉ biểu lộ tình cảm bị chèn ép quá mức nên thốt ra lời như người xưa đã từng nói: “*Đại phạm vật bất đắc kỳ bình tắc minh.*” Hiếm có thi nhân trung thành với cảm xúc từ sáng tác đầu đời tới sáng tác cuối đời như Cung Trầm Tưởng. Phải chăng ông là mẫu người đa cảm, mẫn cảm sâu lắng mà tâm lý học gọi là mẫu đam mê EAS — *emotif-actif-secondaire*? Căn cứ vào những “chỉ nam” đã kể, hy vọng nếu ta chong đèn suốt đêm đọc toàn bộ *Hành Trình Thơ* của Cung Trầm Tưởng, sẽ không đến nỗi có lúc phải mang tâm trạng băn khoăn như Kim Trọng khi nghe Thúy Kiều gảy đàn ở sân Lãm Thúy hoặc chẳng khác du khách tới thăm Lư Sơn mà không tìm được chân diện mục của Lư Sơn. Tình trạng này xảy ra với không ít độc giả khi tóc còn xanh chỉ biết Cung Trầm Tưởng qua những bài thơ trữ tình được phổ nhạc. Nay có dịp vào khu vườn thượng uyển “*Một Hành Trình Thơ*” có thể lạc lối và cũng có thể băn khoăn. Lúc đó e rằng có thể uống phí biết bao vắn huyết lệ mà nhà thơ đã gửi cho đời như trong những tập thơ *Lời Viết*

Hai Tay và Bài Ca Núi Quan Tài...

Trở lại Cung Trầm Tưởng tuổi hai mươi và cảnh đời thanh bình trên đất Pháp những năm trong thập niên 50 và đầu 60. Khi ấy thơ tình ướt át của ông ca tụng phong cảnh ở nơi xứ lạ quê người chỉ là một phần nhỏ trong thơ ca của Cung Trầm Tưởng. Ngừng lại ở những bài như *Chưa Bao Giờ Buồn Thế* và *Mùa Thu Paris* là không thấy “chân diện mục” của Lư Sơn nghĩa là chưa thấy hết tài hoa và “tác lòng để ngàn đời” của Cung Trầm Tưởng.

Trong tác phẩm đầu đời của ông, *Sóng Đầu Dòng*, tình cảm thể hiện bằng mơ mộng, nhuốm vẻ lãng mạn nảy sinh trong hoàn cảnh khói lửa, khi bao chàng trai theo tiếng gọi của núi rừng, máu sôi sục muốn ra đi để giải phóng giang sơn, bảo vệ tổ quốc. Đó là giai đoạn của phong trào Nam tiến, và của thế hệ trẻ nơi “Ba mươi sáu phố phường” ngày xưa muốn “xếp bút nghiên lên đường tranh đấu.” Đối với họ, đó là dịp thực hiện cuộc phiêu lưu hào hùng, giấc mơ tráng sĩ, thoát khỏi cuộc sống tẻ nhạt của Hà thành hoa lệ. Nguồn thơ dâng lên mọi trái tim, từ đó ra đời *Đất Nước* – Nguyễn Đình Thi, *Bên Kia Sông Đuống* – Hoàng Cầm, *Đôi Mắt Người Sơn Tây* – Quang Dũng.

Cung Trầm Tưởng ở thế hệ đàn em so với các thi nhân trên, nhưng cái hùng khí của chàng thanh niên còn cấp sách tới trường ngun ngút cháy trong tim không kém.

Sóng Đầu Dòng là sóng lòng vì đời của chàng tuổi trẻ họ *Cung*, sau năm 1946, khi còn tay trắng mộng đầy — ông sinh 1932. Những vần thơ sau đây sáng tác tại Việt Bắc năm 1948 cho thấy lòng gắn bó với quê hương khăng khít như thế nào trong hồn nhà thơ trẻ. Đây là vẻ đẹp của núi rừng đất nước trong bài *Theo Nhịp Đường Về*:

*Ra đi từ Phú Thọ
Tôi ngược nước sông Thao.*

*Một thoi trời nắng ngọ
Tôi đà đến rừng cao.*

*Những dãy chè có gió đến lao xao
Song song chạy lên đồi tròn núp vú
Một khóm trắng giương vành và mở nụ
Cũng nghiêng nghiêng đón gió lả loi cười
Tôi thấy thơm cả cái nắng trong trời
Mùi lá dứa, mùi rừng ngậy cỏ dại*

*Một gánh bướm mang màu vàng đóa cải
Vỗ lên đồi một vũ khúc mê điên
Nhạc, hương, màu làm hội cưới đương nhiên
Ôi! Cái vẻ không tô mà diêm dúa...*

Còn đây là tình chàng trai Hà Nội với em gái hậu
phương:

*Anh Hà nội về thăm em cố huyện
Người em hiền chàm áo vải Tuyên Quang
Lam non cao, xanh lũng thấp đèo ngang
Pha mối đợi lòng em màu vạn cổ.*

*Mai thiêu nắng hay trời giông bão đổ
Mai anh về như máu trở về tim
Dâng lên em, người xóm trúc đồi sim
Tình phố thị thương núi rừng trọn nghĩa*

*Chân hài xảo, vai ba lô, đầu mũ lá
Tôi lên đường đến khổ sớm hôm sau
Những hoa dằm, những lá thắm chen nhau
Lay rối rít tiễn đưa người xứ ngoại.*

*Vâng xin hứa rồi đây ngày trở lại,
Khi trăng vàng vừa đủ để liên hoan*

*Tôi sẽ về ôm lấy cả rừng ngoan,
Xa thèm khát mới gần mong thỏa mãn*

Lòng yêu quê hương không được đón nhận như mong đợi và thực tế khiến bao lớp trẻ ngã lòng. Họ, những người trưởng thành sau 1945 — sinh khoảng trước sau 1930 — đã nói lên điều uất ức vì bị lừa lọc, bị lợi dụng như *Tạ Ký* — sinh 1932 — viết trong bài *Thế Hệ Bốn Lăm*:

*Chúng tôi thế hệ bốn lăm
Vui chưa bao nhiêu nhiều lúc khóc thầm
Một phần tư thế kỷ
Lừa lọc, gian ngoa, một bầy ác quỷ
Tuổi thanh xuân tàn như một giấc mơ...*

Bước sang giai đoạn thứ hai của đời thơ, Cung Trầm Tưởng tiếp tục sống tuổi hoa niên và cấp sách tới trường. Đây là lứa tuổi mà tình cảm phóng ngoại thành khát vọng yêu đương nhất là lúc ông sang Pháp du học.

Trong giai đoạn nhà thơ trữ tình dần thân vào con đường tình ái, tiếng lòng của ông là tiếng tha thiết của con tim. Yêu thì buồn nhiều hơn vui với những cái buồn nhiều khi vô cớ, đôi lúc có nguyên nhân vì nhớ nhung, ghen tuông, vì xa cách, vì giận hờn.

Con tim thổn thức trong phong cảnh đẹp như thơ của Paris, Nice, Aix-en-Provence, Les Houches... và những vản thơ tình yêu thuộc loại tươi nhất và thâm thía nhất trong thơ ta ra đời và cùng với thơ tình của *Nguyễn Sa*, chúng đã được các nàng “*Hoàng thị*” xinh xinh nắn nót chép vào vào trang tình sử rồi quên học hành vì thiu thiu ngủ trong điệu tình ca.

Ngày nay đọc lại, chẳng mấy ai không nhớ lại chuỗi ngày xanh điểm nét u sầu nhưng rất mộng:

*Lên xe tiễn em đi
Chưa bao giờ buồn thế*

*Trời mùa đông Paris
Sướt sướt làm chia ly*

*Tiến em về xứ mẹ
Anh nói bằng tiếng hôn
Không còn gì lâu hơn
Một trăm ngày xa cách*

*Ga Lyon đèn vàng
Tuyết rơi cuồng mênh mang
Cầm tay em muốn khóc
Nói chi cũng muốn mang*

*Hôn nhau phút này rồi chia tay nhau tức khắc
Khóc đi em, khóc đi em
Để luôn qua tóc rối
Những vì sao rụng ướt vai mềm
Khóc đi em, khóc đi em
Hỡi người yêu Xóm Học
Để sương thấm bờ đêm
Đường anh đi ngùi ngậm lệ nồng em...*

*Ôi! đêm nay
Chưa bao giờ buồn thế
Trời mùa đông Paris
Rét cắt nghìn phân ly*

*Tàu em đi tuyết phủ
Toa em lạ lẫm đầy
Làm sao em yên thắm
Cho ám mộng đêm nay
Và xuôi ngon trên trống trải đường dài
Trời nơi em có sao?*

*Mình anh đêm ở lại
Trời mùa đông Paris
Đêm thường hiem hoi sao,
Trời mùa đông sinh ly
Chưa bao giờ buồn thế*

Chép theo đúng bản in của *Hành Trình Thơ*, có nhiều chữ khác với bản nhạc. Nên chú ý lời nhạc đã bỏ mất nhiều chi tiết trữ tình, mộc mạc của thơ.

Người yêu thơ một thuở đã hòa lòng vào *Chưa Bao Giờ Buồn Thế*, và người chưa tới Paris cũng cảm thấy cái đẹp của thành phố trong mơ và cuộc tình vu vẩn:

*Mùa thu Paris
Trời buốt ra đi
Hẹn em quán nhỏ
Rung rung rượu đỏ tràn ly*

*Mùa thu đêm mưa
Phố cũ hè xưa
Công viên lá đỏ
Ngóng em kiên khổ phút giờ*

*Mùa thu âm thầm
Bên vườn Lục-Xâm
Ngồi quen ghé đá
Không em buốt giá từ tâm*

*Mùa thu nơi đâu?
Người em mắt nâu
Tóc vàng sợi nhỏ
Mong em chín đỏ trái sầu*

*Mùa thu Paris
Trần dăng đôi mi*

*Người em gác trọ
Sang anh gót nhỏ thâm thì*

*Mùa thu không lời
Son nhạt đôi môi
Em buồn trở lại
Hờn quên hối cải cuộc đời*

*Mùa thu! Mùa thu!
Mây trời âm u!
Yêu em độ lượng
Trông em, tâm tưởng giam tù
Mùa thu! Trời ơi! Tình thu!*

Ngòi bút của nhà thơ họ Cung dù nói về mùa thu hay mùa đông *Paris* đều tạo thành những tình khúc tuyệt vời, những ca khúc diễm lệ vì thơ ông bản chất đã là những điệu nhạc và những bức họa.

Tuy nhiên, không phải thơ Cung Trầm Tưởng chỉ có những vần thơ tiền biệt lãng mạn nhẹ nhàng mà sau này thơ ông đi sâu hơn, sầu buồn chất ngất trong từng chữ từng vần trong nhiều vần thơ khác trong *Tình ca*. Ngoài ra thơ ông, không phải chỉ thành công với loại câu dài ngắn khác nhau mà siêu việt hơn cả với các bài lục bát, như trong bài *Khoác kín*, tả được nỗi cô đơn của nhà thơ và vẻ ngoạn mục của *Les Houches*, một vùng thắng cảnh ở *Rhône-Alpes* trong vùng đông nam nước *Pháp* mà mùa tuyết phủ thường đón mời du khách và kẻ hâm mộ môn trượt tuyết:

*Mùa đông tuyết xir hoang vu
Bâng khuâng chiều tới tiếp thu trời buồn
Nhớ ngày tàu cũng đi luôn
Ga thôn trơ nổi băng nguồn héo hon
Đường xuôi nhịp sắt bon bon
Tàu như dưới tỉnh núi còn vọng âm*

*Sân ga mái giọt âm thầm
Máu đi có nhớ hồi tâm đêm nào?
Mình tôi với phố non cao
Vời còn tuyết tinh buốt vào thịt da
Vời mây xuyên nhọt ánh tà
Vời đèn sớm hẹn cũng là tịch liêu
Tôi về bước bước đăm chiêu
Tâm tư khoác kín sợ chiều lạnh thêm.*

Trước khi bước sang tập *Quá Độ* ghi lại cảm xúc của thi nhân trong giai đoạn 1958 tới 1975, chúng ta hãy tạm ngừng thưởng thức thêm những vần lục bát mượt như tơ, êm như nhung trong bài *Ngôi Nhất*, tả tình yêu ngây thơ, thẳng hoa trong phần *Tình Ca* làm nhớ tới Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Xuân Huy và Nguyễn Bính trước kia:

*Hoa xuân nồng, trái xuân ngon
Mùa xuân công chúa hương còn ở đây
Em đi hài biếc chân mây
Sao tua diêm dúa đong đầy mắt nâu
Da mơn tóc mượt chưa sầu
Gió tung lên trái tú cầu của vua
Hân hoan cửa Phật nô đùa
Đường nho nhã cũng thêu thùa lá đũa
Anh ngồi nghĩ nắng rồi mưa
Vẽ thêm thơ thần cho vừa mẫu em
Nghìn đời sau tám tắc khen
Dung nhan ngôi nhất vẫn em trị vì.*

Bước sang *Quá Độ* là lúc nhà thơ quay trở về quê hương, vào lúc thời cuộc biến chuyển quá vũ bão, khiến “tuổi thanh xuân tàn như một giấc mơ.” Từ đây, tâm hồn nhà thơ có sự chuyển hướng như thi nhân từng tỏ bày trong một bài phỏng vấn: “Sự thay đổi nhân sinh quan trên lại tác động mạnh đến và làm thơ tôi chuyển sang một hướng

sáng tác mới và những chân trời nhân văn rộng lớn hơn.

Bởi vì thơ một phần nào là chiếc bóng và tiếng vang của đời sống thi nhân với tư cách một người của hoàn cảnh và của thời đại. Xin dẫn chứng với một thí dụ về sự chuyển hướng trong quan niệm luyện ái của tôi chẳng hạn. Cuộc đảo lộn nếp sống một cách mãnh liệt và ghê gớm cũng có khía cạnh tích cực của nó cho thơ tôi. Tôi tự cảm thấy không thể cứ tiếp tục giam hẹp thơ mình vào trong khuôn hạn của một cái tôi lãng mạn thuở trước với những biểu tượng nào là căn gác trọ vắt lưng trời ở Xóm Học Paris, nào là chiếc ghế đá vườn Lục Xâm, nào là công viên lá đổ trước một quán nhỏ hẹn hò trên tả ngạn sông Seine, hay một sân ga đèn vàng một chiều đông tiễn em về xứ mẹ. Những dấu ấn này dù có đậm đà đến đâu chẳng nữa thì cũng đã sống xong đời sống hữu dụng của chúng rồi. Cõi thơ của tôi bây giờ mở về những chân trời bát ngát hơn của đất nước, vũ trụ và lịch sử.”

Đừng nên quên Cung Trầm Tưởng vốn mang truyền thống nho gia khoa bảng, tuy được giáo dục theo Âu Mỹ, ông vẫn thường băn khoăn về chí làm trai. Có sự giằng co nội tâm, một hướng về nghệ thuật, một chiều là nhiệm vụ kẻ sĩ trước vận nước chông chênh, trong một hoàn cảnh đất nước phân ly và chiến tranh lại ló dạng kể từ 1960:

*Tuổi ba mươi phiến đá chồng lệch vai
Nửa đeo thơ, nửa thò đời
Một tâm hồn loạn hai người đo găng
Say đờn còn lấm hung hăng
Kéng thua dứt cuộc, gã nằm trọng thương
Sớm sau hao hụt lên đường
Ôm nguyên cái vực khó lường trong ta
Đêm về thành phố tha ma
Giới nghiêm tiếng súng từ xa vọng về.*

660 * CUNG TRẦM TƯỜNG

Cũng cần nhấn mạnh, phần *Quá Độ* ra đời vào lúc nhà thơ trở về Việt Nam khoác chinh y, thời điểm này nhà thơ vừa là kẻ dấn thân vừa là chứng nhân của cuộc chiến. Con người vốn đa tình, đa cảm xúc, dễ bén nhạy với những biến cố đầy máu lửa và nước mắt diễn ra chung quanh mình. Lãng mạn trong thơ giờ đây thể hiện dưới hình thức buồn sâu day dứt, bằng hoài nghi vây quanh, với những dấu hỏi mà chỉ có lời giải đáp chủ quan. Trong *Đêm Sinh Nhật* 1961, ông viết:

*Mưa rơi đêm lạnh Sài Gòn.
Mưa hay trời khóc đêm tròn tuổi tôi?
Mưa hay trời cũng thế thôi!
Đời nay biển lạnh, mai bồi đất hoang.
Hồn tu kín xứ đã mang
Chóng hao tâm thể, sớm vàng lượng xuân.
Niềm tin tay trắng cơ bản
Cuối hoàng hôn lịm bóng thần tượng xưa
Đêm nay trời khóc trời mưa
Gió lùa ảm mục, trời đưa thu về.
Trời hay thu khóc ử ê ?
Cổ cao áo kín đi về đường tôi.*

Đây cũng là giai đoạn ông viết bài *For Rent* với những câu thăm thía, đượm ý mỉa mai xã hội có phần băng hoại vì chiến tranh và kim tiền:

*Sống là một thứ đi buôn
Mang thân bán vốn, còn hồn cho thuê .*

Và đây cũng là thời gian bài *Việt Nam 1968* ra đời với hình ảnh chiến tranh tàn khốc:

*Mới đêm nao con vùi khóc với mẹ cha
Sớm hôm sau pháo rót chết cả nhà
Núi đứng câm, sông cũng không ngủi nước mắt!
Gây xúc động tới tâm can nhà thơ:*

*Sao mắt tôi còn ám lệ
Hay tôi khóc vì đứng nghe
Rồi thấy mình không ngoại cuộc
Đời reo lên như một giác đấu trường*
Để rồi con người tình cảm cảm thấy chưa lúc nào cô
đơn và bi quan như thế:

*Người sang người bằng những cái nhìn nửa nhọn
Rào đời cao như một chiến áp
Vội mỗi nửa đêm linh hồn kẹt đạn
Đôi mắt chờ mà không thấy hỏa châu*
Không thấy ánh sáng dù chỉ là ánh hỏa châu mau tàn
mà chỉ thấy ám ảnh chết chóc và tuyệt vọng:

*Nếu ngày mai cam phận tôi lên đường
Rồi bị hút vào từ trường phía trước
Viên đạn nào vô giác xoáy tim tôi
Xin các người đừng trông kèn âm ã
Đừng đọc điệu vãn, trương cờ xí
Bởi sinh thời thường tránh chốn lao xao
Tôi muốn được chết âm thầm và thất tích
Giữa vô danh
Một vết xước nhọt nhòa
Trên vô tình lịch sử*

Ngày nay, vào lúc “*lung chừng cuộc đời*” — Nói theo
kiểu Dantes: *Nel mezzo del cammin di nostra vita* —, Cung
Trầm Tường đã nhìn lại những sáng tác đầu đời và tìm thấy
ở đó có dự “*dàn trái tiên định*”:

“*Sóng đầu dòng, Tình ca và Quá độ là bộ ba ghi
những dấu chân lên đường còn giữ được của một hành
trình thơ mà mục đích tiên khởi là chỉ để tiêu dao, cảm
cảnh và tỏ tình bông lộng. Nhưng nay, sáu mươi năm sau,
khi cuộc chơi sắp tàn, ngoảnh lại và giật mình thấy hành
trình này lại là một dàn trái tiên định có lớp lang của một*

xâu chuỗi những liên lụy hệ trọng và phức tạp hơn thế nhiều. Nói rõ hơn, đây là một tập hợp ngôn ngữ có tính thống nhất cao chứ không phải là một lắp ráp của những con chữ ô hợp hay lạ giống với nhau. Trong dòng chảy miên viễn của thời gian, một hướng đi và một đích tới đã “vô tình” được vạch sẵn và làm nên một bản sắc.”

Phần thơ mộng nhất nằm trong tập thơ là *Sóng Đâu Dòng, Tình Ca Và Quá Độ* nhưng phần mang chất lượng nặng và thâm thúy hơn cả, hy vọng giúp tác phẩm vượt qua thử thách của thời gian chính là *Lời Viết Hai Tay* và *Bài Ca Núi Quan Tài*.

Khi miền Nam rơi vào vòng luân hãm, cuộc đổi thay bất ngờ và lớn nhất trong lịch sử đất nước còn ghê gớm hơn thời Lê mạt – Nguyễn sơ.

Nhà thơ ném trái con gió bụi và tình cảm phóng ngoại bằng con phần nộ và thơ ca là phương tiện để thể hiện con bất bình này như thi nhân đã viết: *“Làm thơ là để giải phóng ản ức, tìm một quân bình phiếm định trong một bất trắc triền miên. Ức chế càng tích lũy, càng o ép, anh ách như chữa trâu, sự lâm bồn càng khó khăn, đau đớn toạc xé, và thơ ra đời như một chiến thắng hân hoan.”*

Tác giả giải thích tại sao lại có *Lời Viết Hai Tay* như sau: *“Khi hai tay bị còng khóa số 8, khi hai chân bị cùm gông thiết diệp, khi thân xác bị trói gù lưng tôm, cái tâm người thơ cũng trực tiếp bị xúc phạm, nhức nhối và khôn khổ. Tâm chập vào thể, ra một nhất nguyên. Người thơ tù biệt giam-tù của tù-lấy cái đầu viết hộ cho hai tay bị còng.”*

Thơ là sản phẩm của một trái tim nổi giận trào ra bằng lời, bằng tiếng hét gào thống thiết. Nhiều tác phẩm của ông từ đó ngổn ngang trăm mối vì thơ của ông không phải do lý trí hướng dẫn cấu thành mà do tình cảm từ trái tim bị trấn áp tràn đầy mà trào ra, nó thể hiện bằng ngôn ngữ sắc như

dao, nhọn như chông, cứng như thép chứ không phải bằng từ hoa chải chuốt. Cảm xúc lại diễn tả không theo trật tự bình thường, có thể là những tiếng nấc, tiếng than tiếng hờn căm, tiếng khóc chen lẫn, nên kẻ đồng cảm dễ dàng thờ dài, nhỏ lệ còn người chưa từng nếm trải nỗi khổ đau khó mà thấu hiểu. Ở đây lại thấy rõ con người tình cảm của Cung Trầm Tưởng học được đạo lý “uy vũ bất năng khuất” và tình cảm cô đọng lại thành một khối sắt thép, tạo thành hình ảnh cây vầu trong một bài thơ *Biểu tượng* khá điển hình:

*Lòng ta đứng vững như vầu,
Thân cao lỏng thẳng giữa bầu trời xanh
Sum suê cây hút nhựa lành
Nguồn sâu đất dưới hóa thành lá trên
Cực hình thú ác gây nên
May bằng nửa tép đứng bên vầu già
Mỗi ngày vầu mỗi cứng ra
Đổi thay lá mới, đậm đà lỏng tươi
Vầu đanh như thép sáng ngời
Nắng mưa thì cũng trợn đời đứng ngay*

Tình cảm dâng trào với những nét phác họa sự thực của địa ngục sống, nơi người tù chiến bại phải nếm trải:

*Áo tù thấm máu đôi vai
Bàn chân nửa chém, vành tai gió lùa
Ngó tay bông thấy già nua
Cửa êm thân xác mấy mùa thu qua
Môi cần, má hóp thịt da
Ngô voi miệng chén, canh pha nước bùn...*

Trong đói lạnh và khổ đau, nỗi buồn càng thấm thía khi nhớ người thân:

*Đêm nằm ruột rỗng, vai run
Đầu kê tiếng suối, chân đùn bóng đêm*

*Mỗi ngày hận tui chồng thêm
Thương con, nhớ vợ đến mềm ruột gan!*

Trong tận cùng của đày đọa, những vần thơ thương bạn đồng cảnh ngộ và nghĩa bạn bè dâng cao như trong bài *Đèo này tuyến trước và Vạn vạn lý*. Đặc biệt là những vần ca ngợi tình mẫu tử — trong bài *Bóng Mẹ Chiều Thu* —, nghĩa phu thê và những gương hồng nhan trong cuộc phong trần vì chồng mà truân chuyên hay thủy chung với chồng đến trọn đời như “hàng triệu nàng Tô thị đời nay”:

*Nhớ em trông ngóng hằng đêm
Màn lay tưởng tóc, gối mềm tưởng da
Người từ cách trở trời xa
Hôn thơm yêu dấu về ta bụi ngùi
Đất buồn khó có tình vui
Chát chua quen vị, ngọt bùi kiêng khem
Chín mùa thua thiệt đời em
Gian truân chuyện kể nghìn đêm chưa vừa
Đội nghìn nắng, gọi nghìn mưa
Gương em tiết phụ thời xưa chờ chồng*

Các nhà viết văn học sử sau này không thể không nhắc tới trường phái thơ tù trong văn học VN hậu bán thế kỷ XX với những đại diện như Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên, Nguyễn Sỹ Tế — *Khúc Hát Gia Trung* — và Thanh Tâm Tuyền... Tiếp đó, thêm một tấn bi kịch trước mắt ta có tên là *Bài ca níu quan tài*. Tên tác phẩm này nghe lạ tai nếu không được tác giả giảng giải: “*Nhan đề Bài Ca Níu Quan Tài được chuyển sát nghĩa từ văn ca, tức hát níu quan tài. Văn còn có nghĩa là một điệu hát buồn dùng để khóc than. Sự kết hợp nhuần nhuyễn của ba động tác khóc, hát và níu đã cung cấp cho người khóc Việt Nam một khả năng lột tả tới ưu nổi đau đớn ê chề, bẽ bộn của cảnh sinh ly tử biệt.*”

Từ mang tình cảm riêng tư để nhớ *Michèle*, để tiễn em,

để trải hồn với cái buồn mùa thu *Paris*...Nhà thơ bị quay cuồng trong cơn lốc lịch sử bạo tàn và chứng kiến biết bao bi hùng kịch xảy ra chung quanh nên ông quên cái riêng mà dàn trải tình mình ra cái chung và cất tiếng khóc tiếng cười với thiện ý:

*Tiếng kêu nửa khóc nửa cười
Tiếng cười khóc hộ triệu người quên kêu.*

Trong văn học Việt Nam có bài văn nổi tiếng là *Ai tư văn*. Bài văn này là tiếng khóc của công chúa *Lê Ngọc Hân* khóc vua Quang Trung. Còn *Bài Ca Núi Quan Tài* là *tiếng kêu thấu trời, thấu đất* của Cung Trầm Tưởng khóc cho toàn thể dân tộc và đất nước trong buổi trầm luân.

Tác phẩm vì thế có thể gọi là *Tiếng Khóc Việt Nam*, một tiếng khóc dài như bất tận vừa có giá trị một cáo trạng, vừa là kẻ lể bao nỗi oan khiên với chốn cao xanh và với toàn thể nhân loại. Thể lục bát vốn như những giọt tranh đều đều rơi từ mái hiên, lục bát trong bài *Bài ca núi quan tài* là những giọt lệ máu, tuôn tràn, rồi cô đọng lại bằng lời uất nghẹn làm điếng lòng người. Ta hãy thử đọc khúc 19. Khúc cuối cùng trong 19 khúc đoạn trường làm người ta gọi nhớ tới *Chiêu hồn ca* của Nguyễn Du và như nghe lại bản *Con Đò Đưa Xác*:

*Kim, cò, sáo, nhị thê lương
Cỗ xe khổ ải, con đường mồ côi
Quan lay, nển lắc bồi hồi
Hồn oan hồn cũng trối lời biệt ly
Sống mòn xiềng xích âm ty
Chết đù đưa chiếu sáng về đoàn viên
Xác thân trả bến ưu phiền
Cùng cây đa đứng ngó thuyền qua sông
Thuyền về huyệt hãng mệnh mông
Lá sông lẫn bóng mây không bóng bênh*

Trông tránh nổi với trông tránh
Thuyền về tắt tiếng hò mình gọi ta
Minh về bằng láng mù sa
Minh đi mình để tha ma lại đòi
Sáo rên rên riu chân người
Cò rên rĩ quặn rói bời trần ai
Mẹ xưa khóc níu quan tài
Nàng giờ lệ đổ nổi dài trường giang
Trường giang dài một lời than
Mảnh thuyền chết đuối, sàu mang đôi bờ
Hương bình khói tóc bạc phơ
Cơm bông gổ tạp bơ sờ tang vân
Hoa tung đất ném âm phần
Âm âm quan dưới đám rân hồn trên
Hò, xừ, xé, cúng đồng điền...
Sầu con lòng mẹ nào yên suốt vàng!
Lệ em thuần phác đưa chàng
Sống thân cách trở, chết ràng hồn nhau
Bồng bênh, bồng bển, bồng nao...
Chờ em đi thả neo sao biển trời
Mẹ ru con ngủ ả ơi!
Nghìn câu văn tổng góp lời muôi con.
Nếu mai sau Đất Mẹ còn
Nhìn mây khuyển vấn tang Hòn Vọng Phu.

Ngày “Ta về” như cách nói của Tô Thùy Yên, tâm sự của Cung Trầm Tưởng dàn trải trong nhiều phần thi tập *Những dấu chân ngang trên một triền phiếm định — triền tư lự, triền ái dẫu, triền ngữ sự, triền mộng thức.*

Nghe cái tên của tập thơ cũng thấy nổi băng khuâng và hoài nghi của thi nhân sau những thăng trầm gây hao mòn thân xác và tâm tư:

*Lóc cóc điêu tàn gổ vó câu
Thiu thiu vong phé bạc phơ đầu*

*Hư vô hớn hờ dòm ông lão
Khập khiễng đi vào nắm cỏ khâu...
Có một nhà thơ say uống ánh
Sao bôn, thổ huyết chữ trên đời
Nghìn sau có một rừng bướm bướm
Về vỗ đập diu đời cút côi.*

Trong *Chuyến Chót* ta lại gặp những vần lục bát trào chất thơ, chất buồn, nhưng tình còn đậm, niềm tự hào còn mang, phảng phất tâm trạng của một kẻ từ cõi chết trở về, để lại những dấu chân cuối đời nơi quê hương:

*Tôi đi mua nắng huy hoàng
Về nung thành ngọc thành vàng cho tim
Lửa đời luyện thép rèn kim
Thép già biết cháy khi chìm mền thương
Hãy đi nao nức dặm đường
Trước khi về nghỉ chiếc giường âm u*

Bản sắc tình cảm của thi nhân cũng được ghi lại bằng những dấu chân nhưng lần này là *Những Dấu Chân Ngang Trên Một Triền Ái Dấu*. Ở đây tình yêu lại có dịp hồi sinh ở mức cao hơn, rộng hơn, thoáng hơn với *Một Địa Lý Cho Tình Yêu, Mắt Hát, Địa Đàng Cần Lại Hai Người Yêu...* Cũng ở đây chúng ta lại gặp những vần lục bát mặn mà triết lý và đạo lý về tình yêu trong bài *Giao Khúc*:

*Còn gì sau phút yêu nhau
Trăm năm dây nghĩa quấn vào đời đời
Trao đi da diết bồi hồi
Đón về một ý nghĩa đời rộng hơn...
Tình nồng nghĩa mặn hoan trào
Yêu nhau thâm thấu hồn vào với nhau.*

Cũng ở đây nhà thơ viết nhiều bài tình-luận đặc biệt nào là *tình hã, tình đấm, tình vãn, tình điếu*, Xem thế mới thấy nhà thơ có trí tưởng tượng vô cùng phong phú chẳng

khác Phùng Mộng Long ngày xưa trong bộ *Tình Sĩ*.

Làm sao quên, thơ tình cảm dịu dàng buổi đầu của thi sĩ trở lại nhưng với nỗi u hoài và thất vọng khi cất bước trên đường xưa lối cũ với bài *Lác đác những giọt sương đêm*. Bà huyện Thanh Quan chỉ có nỗi bâng khuâng trong *Thăng Long thành hoài cổ*, còn Cung Trầm Tưởng trải nỗi trầm thống khi trở lại Sài Gòn:

*Mới đây thôi rực nắng vàng
Nay sương u ám trảm đường đìu hiu
Mây chưa tỏ tận ráng chiều
Gót đen thoăn thoắt dập dìu bước qua
Mới trong một thoáng chiều mà
Hồn mang trăm bóng băng qua thình lình
Tay đom đóm thấp lân tinh
Múa trong u tịch thế tình vẫn xoay
Long đong nào chỉ có người
Đá vô tri cũng khóc cười bề dâu
Lỗ đen dấu hơi bạc đầu
Vì chưa vẽ nổi sắc màu thiên thu*

Lại một bài lục bát rất hay vì mới lạ về hình thức, đẹp về hình ảnh, tạo cảm xúc gần gũi với những người từng ngâm nga *Hoàng hạc lâu đài Đường* hoặc vận điệu bảy chữ *Tràng giang* thời tiền chiến:

*Chiều đầu sông ngóng cuối sông
Quê ai một rẻo lau bông lẻ loi
Nước nguồn cuốn lá nguồn trôi
Thùng côi cút buộc thuyền côi cút bờ
Bơ vơ này níu bơ vơ
Kìa mây núi vẫn mây chờ nẻo mây
Nhớ khôn nguôi với dặm dài
Ngoảnh về lưng nhớ nhớ đầy nhớ thương
Trước sau cách một miền trường*

*Còn chong đèn nhỏ lửa giương nhớ nhung
Nhớ vời một thoáng chân dung
Bao giờ hết được Vô cùng thì thôi
Thuyền soi nước cũng bồi hồi
Núi kiên tâm vấn mây ngòi để tang
Chim tha thế kỷ bộn bâng
Chiều về trọ nghỉ nóc hoàng hôn cao
Lung linh sóng bóng thuở nào
Dập dìu nước tỏ tường sao đậm đà*

*Những dấu chân ngang trên một triền mộng thức hay
giác ngủ tám mộng bản:* Họa hiêm trong thơ ca Việt Nam mới có một khúc trường thiên về ngủ. Ngủ không phải chỉ là một hành vi sinh lý bình thường mà là một biểu lộ của bậc ẩn giả hay bậc hiền triết.

Trước đây người ta thường nói tới bài ca tụng ngủ của *Na sơn tiêu tử* đời Trần mạt, sau này nhiều người nhắc tới thái độ chán nản của nhà nho ái quốc Nguyễn Đình Chiểu sống trong giai đoạn *Lục tỉnh Nam Kỳ* rơi vào tay ngoại xâm — 1862-1867:

*Khỏe mắt Hy Di đời ngũ quý
Môi lòng Gia Cát buổi tam phân
Công danh chi nữa ăn rồi ngủ
Mặc lượng cao dày xử với dân*

Cung Trầm Tường với giấc ngủ chập chờn vì thân xác rã rời kể từ còn trong nhà tù *Hoàng Liên Sơn*:

*Ngủ chập chờn miền trượt trơn
Cái lênh đênh dính nhót nhờn lưng vai
Ngủ la đà bờ cỏ gai
Gió day dứt thổi rách dài hoang liêu...*

Cho tới giấc ngủ ở nơi tạm dung:

*Ngủ hồ thêm thiếp hơi bay
Rét trong phong cảnh ra ngoài hoang liêu*

*Ngủ khờ Mẽ phở thiu thiu
Phong du lẫn cần khói chiều phù du.*

Tuy nhiên giấc ngủ luôn luôn xáo trộn giữa thực tại và dĩ vãng, giữa hoan vui và đau khổ, giữa an lành và bão táp, đó chính là tâm trạng của một người đa cảm sống sót từ cơn thử lửa, qua cơn gió bụi, còn vương lại những triệu chứng rối loạn tâm lý hậu chấn động PTSD không bao giờ nguôi.

Những ám ảnh của chuỗi ngày đen tối mà thi nhân đã sống, nỗi hận không tan vì lý tưởng bị chà đạp, quyền sống bị tước bỏ và lòng khắc khoải trước tình trạng hưng vong của đất nước, nhà thơ lại có dịp trình bày trong phần *Tâm Sử Thi* — Thi bá, con tắc kè và bà góa phụ. *Tâm Sử Thi* phải chăng là tóm lược hành trình tâm lý của thi nhân từ lúc dùng vần điệu phô bày thổn thức của con tim nhân ái, trải qua đắng cay của thế cuộc, bi ai và sắt máu của thời đại cho tới lúc viết *bản chiêu hồn tử chinh nhân?*

Nếu thi ca trong *Sóng Đâu Dòng* là dòng êm đềm, thơ thuần màu tươi xanh thì tác phẩm trong phần cuối tuyển tập *Mỗi Dặm Đường Một Nghìn Vần Cho Thơ* và *Sáng Ký Về Người Tình Đâu* là nguồn nước khi bình thản, khi cuồn cuộn, chất tươi xanh bên cạnh chất khô cứng của thân cây vầu, tất cả quyện với nhau, tình và ý, xúc cảm và suy tư, cá nhân và thời đại tạo thành một tổng thể nghệ thuật Cung Trầm Tưởng.

Cũng nên nói thêm, có cơ hội đọc toàn bộ tác phẩm của Cung Trầm Tưởng mới thấy chất thơ trong tâm hồn Cung Trầm Tưởng không những không cạn, cho dù trải bao biến cố, cho dù tuổi cao, mà còn lan tràn, sinh sôi nảy nở, nhờ trí sáng tạo kỳ diệu của một “cây đàn muôn điệu,” nên đủ hình đủ dạng và tạo ra sợi dây nối dài, xuyên suốt nguồn cảm hứng từ thuở tay trắng mộng đầy “triều như thanh ty” cho tới mái tóc “mộ như tuyết” của thi nhân.

Ngừng lại trang cuối của *Một Hành Trình Thơ* không mấy ai không cảm thấy dư âm của hơi thơ, từ thì thầm lời yêu đương trong *Tình Ca*, thành tiếng kêu gào, tố cáo biết bao oan khiên và oán hận trong *Lời Viết Hai Tay* và *Bài Ca Niu Quan Tài*.

Cuối tập, tình cảm chuyển thành tiếng hoan ca nên hơi thơ có tính chất hào hùng, khi khoan khi nhặt, ca tụng sinh lực của vạn vật sau cơn hồng thủy, ở đây có cái đẹp hùng tráng và sáng tạo — đề ý tới những từ ngữ như tạc với vết đục, đẽo mạnh, sắc và khéo léo của một điêu khắc gia tài ba:

*Cỏ sóng sót sau khốc tàn trận lụt
Đá tron tru tí tách giọt sương ngời
Nắng hào cuồng thẳng góc ném ban mai
Đâm ngập lụt đáy hồ chàm thắm hút...
Bong bóng vỡ tím tung trời mấy hạt
Mưa hồng tạnh ngọt, bạch hạc bay ra
Sông la đà gạo đỏ xoáy phù sa
Chiều lấp lóa dòng ngân hà loáng bạc...
Thế giới mới dựng lên từ róng thẳng
Lục thiết sôi, lim, sến, tấu, đình, sao
Nhà hát thiên không gió thổi khai mào
Giao hưởng lá nguy nga chào thế kỷ...*

Sau đó tâm lại bình, khí lại hòa, mộng đời tràn lan, niềm tin bừng sáng trong phần *kết từ* như vẽ:

*Vượn riu rít gọi nhau chờ nắng tới
Trời ngoài từng bước ló dạng hùng đông
Khí ngào ngọt hương thơm, đời xởi lởi
Nức nô theo phơi phới ánh trời hồng.*

*Suối dậy sớm ngón tay cong gõ cửa
Đánh thức rừng và nhắc nhở chim muông
Xù lông tơ, róng cổ hót nông cuồng*

Lá trút móc long lanh bưng giắc cỏ.

*Bằng cất cánh từ chon von đỉnh gió
Vỗ dạt dào một chuyến viễn du xanh
Về chốn hứa lương ngon và trái ngọt
Những cơn mưa âm nhủ mộng đời lành.*

*Kể từ đó trên phong nhiều Trái đất
Những mùa vàng ủ đợi cuối đường hoa
Không gian xanh gió lộng nắng chan hòa
Giục giã bước người đi làm lịch sử.*

Nhiều nhà thơ làm thơ cho mình, một nhu cầu không thể không giải tỏa, nhưng cũng có thi nhân sáng tác vì đời. Cung Trầm Tưởng làm thơ cho mình ở tuổi thanh niên và khi đã trải mùi trần thế, dần thân trọn vẹn vào cơn gió bụi, trái tim ông mở rộng ra, dành cho cuộc sống chung quanh.

Đọc thơ ông người ta liên tưởng tới hình ảnh “*Một con nhện nhả nãi thầm lặng — A noiseless patient spider*” trong thơ của nhà thơ Walt Whitman.

Thi nhân được ví như con nhện kiên nhẫn âm thầm giăng tơ. Tơ giăng dày làm thành màng nhện, nếu bị phá hủy thì nhện lại tiếp tục dệt công trình từ cõi lòng mình. Nhà thơ có khác chi con nhện, giải tỏa khát vọng sáng tác, dệt những vần hoa gấm để làm đẹp cuộc đời và những khúc đoạn trường vì đời. Từ đó thi nhân đã bác nhíp cầu vồng thế giới bên ngoài và người đồng điệu.

Đất nước ta lắm đổi thay, dân tộc ta lắm truân chuyên, người Việt chẳng mấy ai không có một trời tâm sự, nên thi nhân gặp bước khảm kha bất bình như Cung Trầm Tưởng càng ngày càng được nhiều người cảm thông là điều dễ hiểu.

● HOÀNG YÊN LƯU

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 673



674 * CUNG TRÀM TƯỜNG



Tủ sách Tiếng Quê Hương

P.O Box 4653 – Falls Church – VA 22044
E-mail : uyenthao174@yahoo.com & uyenthaodc@gmail.com

Chủ trương : UYÊN THAO

với sự cộng tác của

✿ HÀ THƯỢNG NHÂN ✿ VƯƠNG ĐỨC LỆ ✿ THÁI THỦY ✿
✿ LÊ THIỆP ✿ VŨ ANH ✿ HỒNG DƯƠNG ✿

DOÃN QUỐC SỸ * MINH VÕ * TRẦN PHONG VŨ * LÃ HUY QUÝ
* HOÀNG SONG LIÊM * HÀ THẾ RUYỆT * PHAN ĐIỀN *
ĐÀM QUANG LÂM * HOÀNG HẢI THỦY * PHẠM TRẦN
* TRỊNH ĐÌNH THẮNG * HOÀNG NGỌC LIÊN * LÊ PHÚ NHUẬN *
TRÙNG DƯƠNG * PHÙNG THỊ HẠNH * NGUYỄN TUYỀN
* NGUYỄN HỮU ĐIỀN * TRƯƠNG CAM VĨNH * CHU TẤN *
THANH THƯƠNG HOÀNG * NGUYỄN THIÊN AN
* ĐẶNG ĐÌNH KHIẾT * DƯ THỊ DIỄM BUỒN * MẠC LY HƯƠNG *
PHẠM QUỐC BẢO * VIỆT DƯƠNG * PHÓ HỒNG HÀ



- Tác phẩm do TQH giới thiệu thuộc mọi thể loại : sưu tầm, khảo luận, dịch thuật, sáng tác văn học... đặc biệt là tác phẩm của các tác giả trẻ và các tác giả đang sống tại quê nhà.
- Tủ sách hy vọng mang lại điều đặn cho bạn đọc các tác phẩm giá trị, đáp ứng đúng yêu cầu tìm hiểu mọi mặt đời sống của đất nước, đồng thời hy vọng sẽ trở thành nhịp cầu nối kết mọi người Việt hăng tha thiết với tiếng nói quê hương và vận mạng chung của dân tộc.
- Tủ sách rất mong nhận được sự chung lo của các bạn qua mọi hình thức tiếp sức như cổ động bạn bè cùng mua sách, đóng góp tác phẩm, nhận xét về công việc ... để giúp Tủ Sách nâng cao khả năng đóng góp vào sinh hoạt cộng đồng.



Mọi giao dịch xin gửi thư về :

Tủ sách TIẾNG QUÊ HƯƠNG
P.O Box 4653 — Falls Church — VA 22044 — USA

hoặc e-mail về :

tiengquehuongbookclub@gmail.com & uyenthaodc@gmail.com

● *Bưu phí giao sách tới nhà :*

3 USD tại Hoa Kỳ — 15 USD gửi ra nước ngoài.

● *Thanh toán bằng Check hoặc International money order
xin ghi trả cho : VLAC/TIẾNG QUÊ HƯƠNG*

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 675

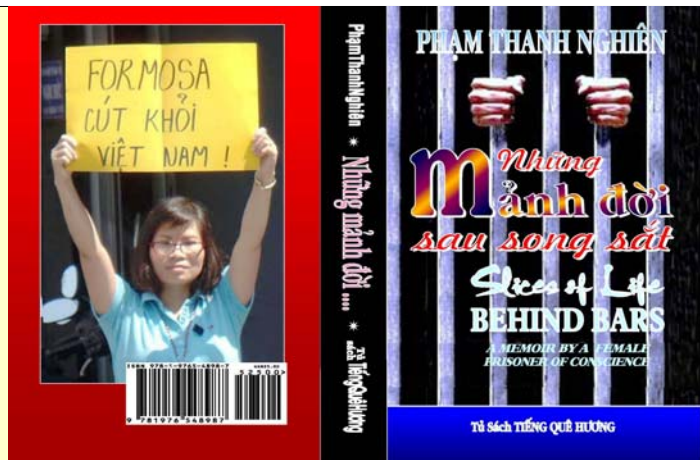
VỀ TỦ SÁCH TIẾNG QUÊ HƯƠNG

Tháng 9-2000, khi hai tác phẩm *Giữa Đêm Trường* và *Thân Phận Ma Trơi* của Nguyễn Thụy Long vừa ra mắt, đài VOA đã giới thiệu Tủ Sách Tiếng Quê Hương là "cơ sở xuất bản với chủ đích đem lại cho độc giả Việt Nam hải ngoại những tác phẩm phản ánh trung thực cuộc sống quê nhà." Chủ đích ấy cũng chính là tâm nguyện của nhóm chủ trương như đã trình bày: "Ước mong Tủ Sách trở thành nhịp cầu nối kết mọi người Việt Nam tha thiết với tiếng nói quê hương và vận mạng chung của dân tộc" và "ước mong tiếng nói thiết tha tự đáy lòng những người gắn bó trọn đời với mọi thăng trầm cay nghiệt của quê hương sẽ không trở thành tiếng kêu trên sa mạc."

Sau đó, các đài RFA, RFI, SBS, BBC cũng như báo chí liên tục nhắc về Tủ Sách TQH với các tác phẩm đánh dấu sự mở đầu cao trào đấu tranh dân chủ ngay giữa lòng chế độ độc tài đảng trị như *Hồi Ký Của Một Thăng Hèn* của Tô Hải, *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên, *Gửi Lại Trước Khi Về Cõi* của Vũ Cao Quận, *Sinh Ra Để Chết* của Tạ Duy Anh, *Hãy Ngẩng Mặt* của Nguyễn Đắc Kiên, *Nhảy Múa Để Chết* của Nguyễn Viện..., các tác phẩm lật trần bộ mặt thật một chủ nghĩa phi nhân và tập đoàn lãnh đạo man trá như *Nhân Văn Giai Phẩm Và Vấn Đề Nguyễn Ái Quốc* của Thụy Khuê, *Hồ Chí Minh - Nhận Định Tổng Hợp* của Minh Võ...và các tác phẩm tầm vóc quốc tế đã vẽ lên các bức tranh thời cuộc sắc sảo, nhạy bén như *Tử Tội* của Chóe, *Việt Nam Quê Mẹ Oan Khiên* của Pierre Darcourt, *Dạ Tiệc Quý* của Võ Thị Hảo, *Chuyện Kể Năm 2000* và *Viết Về Bè Bạn* của Bùi Ngọc Tấn vv...

Nhà văn Uyên Thao, sau hơn 10 năm trong nhà tù cộng sản, và chỉ đúng 1 tháng sau khi vừa đặt chân đến Mỹ vào cuối năm 1999, đã trình bày lý do đưa tới quyết định sáng lập Tủ sách Tiếng Quê Hương: "mong góp phần lưu lại những cảnh ngộ cùng tâm tư của người dân Việt Nam đắm chìm giữa bão táp lịch sử, hầu giúp thêm chứng liệu cho những người muốn tìm hiểu thực tế giai đoạn mà chúng ta có mặt, và xa hơn là lưu lại cho các thế hệ mai sau tiếng nói chân thực nhất của các chứng nhân về một giai đoạn của đất nước mình".

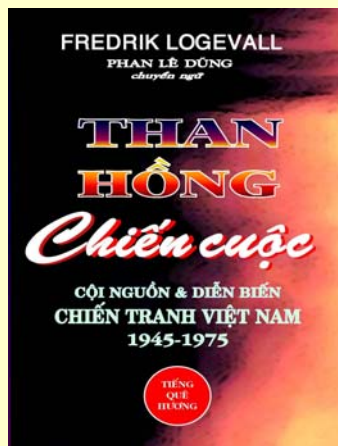
Trong giai đoạn lịch sử quyết liệt ấy của dân tộc, Tủ Sách TQH ước mong được tiếp tục công việc đang làm hầu góp phần nhỏ bé của mình cho nỗ lực tạo dựng một vận hội mới. Với rất nhiều gian nan, Tủ Sách đã cố gắng để tồn tại nhờ sự ủng hộ tự nguyện của các văn hữu cũng như độc giả bốn phương. Nhóm chủ trương Tủ Sách không kỳ vọng gì hơn là sẽ được tiếp tục đón nhận sự ủng hộ quý giá đó, vì tấm lòng chung của tất cả chúng ta cho một Quê Hương đã gánh chịu vô vàn oan khiên nhưng mãi mãi vẫn tràn đầy sức sống. ●●●



NHỮNG MẢNH ĐỜI SAU SONG SẮT

Bút Ký Song Ngữ Việt - Anh * PHẠM THANH NGHIÊN

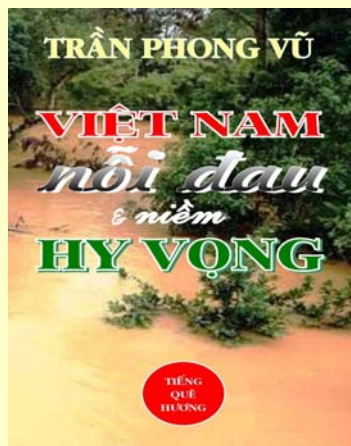
— 500 trg. — 25 Mk



THAN HỒNG CHIẾN CUỘC

CỘI NGUỒN CHIẾN TRANH VN 1945-1975

* FREDRIK LOGEVALL - PHAN LÊ DŨNG dịch
— 760 trg. — 30 Mk



Việt Nam : NỖI ĐAU và NIỀM HY VỌNG

* TRẦN PHONG VŨ
— 660 trg. — 30 Mk

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 677

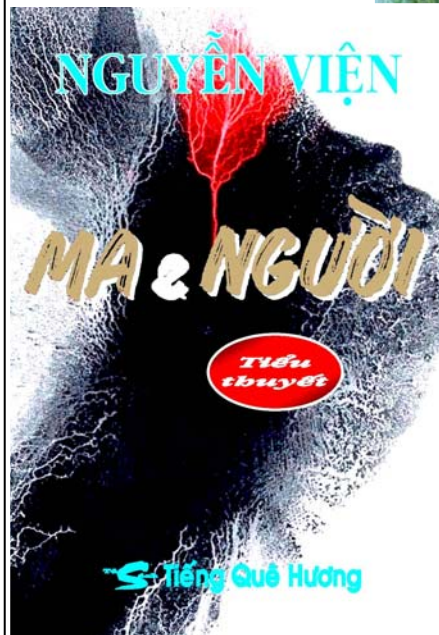
XIN TÌM ĐỌC
sách mới
**TIẾNG
QUÊ HƯƠNG**
đang phát hành

*Đứa con tinh thần chào đời
một tuần sau ngày
người cha vĩnh viễn ra đi*

* Tác Phẩm
Cuối Cùng
của
BÙI TÍN

– Chính Luận

460 trg. – 25 Mk



* Tiểu thuyết
NGUYỄN VIỆN

— 360 trg. – 20 Mk

Muốn có sách xin gửi thư về :

TIẾNG QUÊ HƯƠNG

P.O. Box 4653

Falls Church – VA 22044 – USA

hoặc Email :

uyenthaodc@gmail.com

tiengquehuongbookclub@gmail.com

678 * CUNG TRÀM TƯỜNG

**MỘT HÀNH TRÌNH THƠ
1948 – 2018**

● CUNG TRÂM TƯỜNG

Ấn phí : 30 Mỹ kim

Mọi giao dịch xin gửi thư về :

Tủ sách TIẾNG QUÊ HƯƠNG

P.O Box 4653 – Falls Church – VA 22044

Email : uyenthaodc@gmail.com

tiengquehuongbookclub@gmail.com

● *Sách giao tận nhà, thêm lệ phí Bưu Điện
3 Mk (tại Hoa Kỳ) – 10 Mk (ngoài Hoa Kỳ)*

● *Check, Money Order xin ghi trả cho :*
VLAC/TIẾNG QUÊ HƯƠNG

**Giao Dịch Trực Tiếp Với Tác Giả
*xin liên lạc :***

CUNG TRÂM TƯỜNG

4333 Garden Trail

Eagan * MN 55123-1735

Điện thoại : (651) 340.6833

MỘT HÀNH TRÌNH THƠ * 679

680 * CUNG TRÀM TƯỜNG